HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

Số 39, tháng 2 & 3 năm 1998



Tĩnh vật, sơn dầu ĐINH CƯỜNG

tân niên
MẬU DẦN
1998



TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA

Tel: (714)537-5229 • E-mail: tchl@aol.com

Phát hành hai tháng một kỳ • Số 39, tháng 1&2/1998

Đại diện tại Florida: Triều Hoa Đại / Tel: (904)282-2419 • *Đại diện tại Houston, TX*: Ngu Yên / Tel: (713) 524-6262 • *Đại diện tại San Jose*: Phạm Việt Cường / Tel: (408)294-2413 • *Đại diện tại Âu châu*: Mr Lê Tất Luyện / 15 Place Souham, 75013 Paris. France / Tel: 33 (0) 1 45.83.19.12 • *Đại diện tại Na Uy:* Hoài Mỹ / Olsvikaasen 138. N-5079 Olsvik, Norway • *Đại diện tại Canada*: Trân Sa / Tel: (416)762-4659 &Hồ Đình Nghiêm / Tel: (514)342-8018 • *Đại diện tại Australia*: Thường Quán / Tel: 61.3/ 8071.797 • *Đại diện tại Đông Âu*: Yên Phong / PSF-21. 37284 - Waldkappel. Germany

Thể lệ gửi bài

Kèm theo bài xin ghi địa chỉ, số điện thoại. Bài gửi cho *Hợp Lưu* đừng gửi báo khác. Trong trường hợp đã phổ biến, phải cho tòa soạn biết, dù chỉ trên báo địa phương. Viết một mặt giấy, rõ ràng, tránh bôi xóa quá nhiều. Nếu đánh máy xin chừa rộng khoảng cách giữa hai dòng. Viết bằng computer xin gửi bài kèm đĩa (ghi rõ dạng đang sử dụng: VNI, VNU, VPS..., và ký hiệu của bài). Bài không đăng không trả lại bản thảo. Nếu là thơ, sau ba số không thấy xuất hiện, tác giả tùy nghi sử dụng. Nếu là truyện, biên khảo... bài chọn đăng sẽ có thư riêng hoặc điện thoại. Có thể gửi bài qua E-mail.

Bài được chọn đăng không nhất thiết phản ảnh quan điểm của Hợp Lưu. Tác giả chịu trách nhiệm nội dung bản văn.

Số đăng ký tại Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN : 1065-9323



MAI THẢO
1927-1998



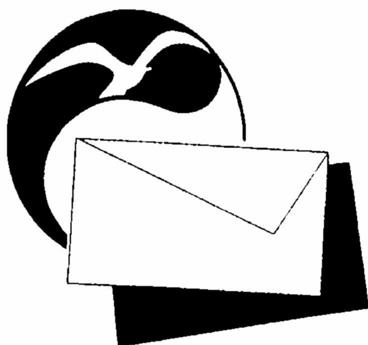
MỤC LỤC

Tranh bìa:

Tĩnh vật, *sơn dầu* **Đinh Cường**



THƯ TÒA SOẠN



Hợp Lưu số này đến tay độc giả khi năm cũ vừa đi qua.

Để chào mừng cái tinh khôi của những ngày đầu năm mới, lẽ ra, chúng tôi không có quyền nhắc đến bất cứ mối buồn phiền nào. Tuy nhiên, đã là độc giả của một tạp chí văn học nghệ thuật, thì cách nào, độc giả cũng không thể không quan tâm đến những biến động liên quan đến lĩnh vực vừa nói. Dù đó là biến động không vui. Những ngày gần đây, qua nhiều nguồn tin, hẳn độc giả đã biết văn học Việt Nam hải ngoại vừa mất một cánh chim đầu đàn.

Đó là sự ra đi của nhà văn Mai Thảo.

Người, trong vòng nửa thế kỷ nay, không ngừng hiện diện ngoài tiền trường của sân khấu văn học, từ 1954 đến 1975 ở quê nhà, và sau đó, suốt hai mươi ba năm qua trên quê người.

Có thể có nhiều người không thích văn chương Mai Thảo. Cũng có thể có nhiều khác không yêu mến cá nhân Mai Thảo. Nhưng chúng tôi tin, không ai phủ nhận được sự thật hiển nhiên này: Những đóng góp của nhà văn Mai Thảo cho văn học Việt Nam (nhất là văn học miền Nam Việt Nam) trong vòng nửa thế kỷ qua phải được xem là rất mực quan trọng. Sự ra đời của tạp chí *Sáng Tạo* do Mai Thảo chủ trương, lèo lái, đã đẩy văn học vào một cuộc lên đường mới, bứt phá ngoạn mục, tách lìa hẳn với những thành tựu của Tự Lực Văn Đoàn, vào thời điểm ấy, đã dường như đuối hơi, không theo kịp cái nhịp tiết vũ bão của thời thế. Ra hải ngoại, vẫn Mai Thảo đứng mũi chịu sào các diễn đàn văn chương Việt Ngữ đầu tiên trên quê người, như

các tạp chí *Đất Mới, Hồn Việt, Văn* (hai tờ sau vẫn sống đến ngày hôm nay, với các tân chủ bút: *Hồn Việt* do Ngọc Hoài Phương và *Văn* do Nguyễn Xuân Hoàng). Cả cuộc đời Mai Thảo gắn liền với văn học miền Nam, cùng những thăng trầm, nổi trôi của nó. Nói cách khác, khi đề cập đến Văn Học Miền Nam Việt Nam, người ta không thể không nhắc đến Mai Thảo. Ngược lại, khi đề cập đến Mai Thảo, cũng có nghĩa, đã gián tiếp nói đến văn học miền Nam Việt Nam.

Mặt khác, và đáng nói nhất về Mai Thảo, là con người "đời thường" của ông. Đó là hình tượng tiêu biểu của nhân cách một con người. Ông sống độc lập, tự tại, trọng nghĩa, khinh tài, và quan tâm thực sự đến những thành bại của mọi bằng hữu. Chưa từng bao giờ ông thù hằn, hay định tâm thù hằn ai. Vì thế, trong suốt cuộc đời gắn liền với chữ nghĩa của mình, Mai Thảo tuyệt đối không sử dụng ngòi bút như một thứ vũ khí, để đả kích ai. Dù, rất nhiều lần, ông là nạn nhân của họ.

Do nhiều cơ duyên, chúng tôi khá gần gũi với nhà văn Mai Thảo trong những năm cuối đời của ông. Nghĩa nào đó, giao tình giữa chúng tôi phải được xem là nặng. Vì thế, *Hợp Lưu* số này đã hoàn tất, định mang đến nhà in, nhưng sau khi nghe tin nhà văn Mai Thảo từ trần, chúng tôi quyết định dời bài vở đã xong cho số sau, đồng thời lập tức liên lạc với các văn hữu ở khắp nơi trên thế giới, xin bài vở, để thực hiện một số báo đặc biệt mang chủ đề *"Vĩnh Biệt Mai Thảo"*. Vì thời gian quá gấp rút, và vì phải phụ giúp thân nhân lo việc hậu sự cho người quá cố, số báo không hoàn chỉnh như ý muốn. Tuy nhiên, trong giới hạn khả hữu, số báo đặc biệt này cũng phần nào chứng tỏ được tấm lòng trân trọng của chúng tôi. Và trong nghĩa nào đó, cũng xin được xem như nén tâm hương, thắp bởi nhiều người, cho vong linh một bằng hữu, một người anh, đã vừa chia tay với chúng tôi, để "trở về" (sinh ký, tử qui).

Sau cùng, chúng tôi rất mong độc giả thứ lỗi, đầu năm, đã không thể đem đến những tin vui. Đồng thời cũng rất mong các tác giả lẽ ra có bài đi trong số này cảm thông, xin cho chúng tôi được dời các sáng tác của quí vị đến số sau.

Ngoài ra, trong thời gian vừa qua tòa soạn nhận được nhiều thiệp chúc Tết của văn hữu, bằng hữu, và độc giả ở khắp nơi gửi về, ban chủ trương *Hợp Lưu* chân thành cảm ơn, kính chúc quí vị mọi lời chúc tốt lành nhất, như quí vị đã chúc, cho chúng tôi.

HỢP LƯU



THỤY KHUÊ *ghi*

KỶ NIỆM VỚI NHÀ VĂN MAI THẢO



Nhà văn Mai Thảo đã từ trần hồi 3 giờ sáng ngày mồng 10 tháng giêng năm 1998 tại quận Cam, California, Hoa Kỳ. Là một trong những cây bút kỳ cựu của văn học Việt Nam, tên tuổi Mai Thảo gắn liền với nhóm Sáng Tạo, *có ảnh hưởng sâu xa vào tầng lớp thanh niên trí thức và mở đường cho một hệ suy tưởng mới trong sự thay đổi bút pháp và tìm đến những thao thức nội tại của con người. Mai Thảo thường nói* "Tôi không biết, chúng ta không biết gì hết". *Chính ở chỗ không biết ấy mà ở Mai Thảo phát xuất điểm khởi hành, và ông nói đến "hôm nay, bây giờ", như điểm khởi hành của* Sáng Tạo.

Hôm nay, để tiễn đưa Mai Thảo, 5 người bạn thân của ông, nghệ sĩ Kiều Chinh, nhà văn Doãn Quốc Sĩ, họa sĩ Duy Thanh, nhà thơ Nguyễn Sĩ Tế và nhà thơ Trần Thanh Hiệp, sẽ nhắc lại kỷ niệm một đời với Mai Thảo.

TK

*

Thụy Khuê: - *Thưa anh Doãn Quốc Sĩ, khi nghe tin anh Mai Thảo mất, những kỷ niệm, những cảm nghĩ đầu tiên đến với anh về anh Mai Thảo là những gì, thưa anh?*

Doãn Quốc Sĩ: - Tôi xin trả lời chị thật ngắn gọn. Ngày mồng 10 tháng Giêng tôi biết tin. Ngày 11 tháng Giêng tôi mua vé đi Cali ngay (*Nhà văn*

D.Q.Sỹ cư ngụ tại Texas). Đến chiều ngày 13 tháng Giêng thì tôi đã tới dự lễ nhập quan với sự hiện diện của một số văn hữu. Suốt thời gian từ khi hay tin anh Mai Thảo mất, tâm trí tôi thường xuyên chìm ngập trong những kỷ niệm xa xưa, như thuở chúng tôi cùng làm tờ *Sáng Tạo*, tòa báo ở đường Ký Con, Sài Gòn. Nay, nơi ấy đã là một cửa hàng tạp hóa.

Nhớ thuở đó, bao giờ cũng vào khoảng 9 giờ sáng chúng tôi mới tới tòa báo, bởi vào giờ đó Mai Thảo mới dậy và ra ngồi ở bàn giấy tòa soạn. Tôi nhớ những buổi chiều cùng nhau ngồi uống cà phê tại tiệm Pagode đường Tự Do. Tôi nhớ những buổi tối Mai Thảo lái xe tới đón anh em cùng đến một vũ trường nào đó, khiêu vũ cho đến lúc tiệm đóng cửa, rồi cùng lên xe, vẫn Mai Thảo lái, đến một tiệm ăn khuya. Khoảng 1, 2 giờ sáng thì mới ai về nhà nấy. Thưa chị, từ lúc hay tin Mai Thảo mất, tôi cứ chìm ngập trong những kỷ niệm đã qua như vậy đó.

TK: - *Xin cảm ơn anh Doãn Quốc Sĩ. Bây giờ đến anh Trần Thanh Hiệp. Thưa anh, có lẽ anh là người bạn đã quen với anh Mai Thảo từ lâu nhất.*

Trần Thanh Hiệp: - Năm 1946 vì phải tản cư khỏi Hà Nội, tôi đã về sống ở miền quê tỉnh Nam Định và quen biết Mai Thảo ở đó, tôi thường hay lui tới thăm anh và gia đình anh, rồi trên bước đường lưu lạc vì chiến tranh, tôi đã phải chia tay với anh. Năm 1954, tôi gặp lại anh ở Sài Gòn và sau năm 1975, đầu những năm 80 tôi lại gặp anh ở hải ngoại. Tôi sống ở Paris, Mai Thảo ở Mỹ, hằng năm vào độ đầu thu anh thường qua Pháp thăm tôi để chỉ nhìn thấy nhau, nói những chuyện bâng quơ, như kiểu người xưa nói, "Bác đến chơi đây ta với ta"... Mai Thảo là một người bạn quí, anh giao thiệp rộng, đối với ai cũng như bát nước đầy, những người bạn thân của anh đều có một chỗ đứng đặc biệt ở trong anh, chỗ đứng của những tri âm, tri kỷ.

Mai Thảo đã có nhiều đóng góp quí báu cho văn học Việt Nam trong vòng gần nửa thế kỷ nay, những nhà viết văn học sử sau này chắc phải ghi công anh, đã một thời đổi mới văn phong của Việt ngữ, đã dựng nên những nhân vật biểu hiện một lối sống tân tiến, nhưng vẫn giữ được sắc thái Việt Nam. Điều đặc biệt: đằng sau tất cả những thứ đó, là một ý thức về sự tự do mà Mai Thảo đã trực cảm thấy, đã yêu thích, và đã bảo vệ bằng mọi giá. Đó không phải là sự tự do của những khẩu hiệu thời thượng, mà là sự tự do của người biết được thế nào là tự do và dám yêu mến, bảo vệ tự do. Nếu ngày nay người ta còn nhắc tới nhóm *Sáng Tạo* mà Mai Thảo là người sáng lập, người chủ chốt, thì chính nhờ ý thức tự do tôi vừa nói đó.

TK: - *Xin cảm ơn anh Trần Thanh Hiệp. Bây giờ đến họa sĩ Duy Thanh.*

Thưa anh, anh là một trong những thành viên của Sáng Tạo, và anh cũng là người đã góp phần vào sự ra đời của tạp chí Sáng Tạo?

Duy Thanh: - Tôi quen anh Mai Thảo từ hồi 1955. Mai Thảo lúc bấy giờ làm tờ *Người Việt*. Đến năm 1956, tôi với anh Ngọc Dũng có triển lãm chung, thì có ông Giám đốc Phòng Thông Tin Mỹ ngỏ ý muốn gặp một ông Việt Nam thuộc lãnh vực văn nghệ để ra một tờ báo, tôi giới thiệu Mai Thảo. Sau đó *Sáng Tạo* ra đời. Từ Sáng Tạo, tôi thân với Mai Thảo nhiều hơn. Về con người Mai Thảo, thì anh ta là một người rất đỏm dáng, rất bảnh bao, lúc nào cũng chải chuốt, chúng tôi gọi anh ta là một anh "*Công tử Hà Nội*"... lúc nào chàng ta cũng đeo cà vạt, quần áo thẳng nếp, đầu láng bóng, đi ra một bước thì leo lên taxi, hay xích lô.

Mai Thảo hồi làm chủ biên của *Sáng Tạo*, làm tất cả những gì của tờ báo. Chúng tôi chỉ phụ thêm vào thôi. Lúc bấy giờ không đề ra một đường hướng nào cả, ai nấy cứ làm văn nghệ theo cái ý hướng của mình, theo sự tự do của mình, thế thôi.

TK: - *Xin cảm ơn anh Duy Thanh. Nhà văn Nguyễn Sĩ Tế là người đã đăng truyện ngắn đầu tiên* Đêm Giã Từ Hà Nội *của Mai Thảo. Thưa anh, trong điều kiện nào đã phát sinh nhóm Sáng Tạo và tên tuổi của Mai Thảo ạ?*

Nguyễn Sĩ Tế: - Năm 1954, lúc đó tôi là giáo sư trường trung học Chu Văn An, và luôn thể tôi đang theo ban Tiến sĩ Tư pháp của trường Luật Hà Nội. Tôi đã cùng anh em sinh viên di cư vào Nam ngay từ tháng 8 năm đó. Các bạn bè sinh viên của tôi, nhất là anh Trần Thanh Hiệp, giao cho tôi trách nhiệm trông coi những hoạt động văn hóa của đoàn sinh viên di cư Hà Nội. Tôi cùng với anh Trần Thanh Hiệp tập hợp được một số bạn, trong đó tôi xin kể những bạn đến sớm nhất với chúng tôi: anh Doãn Quốc Sĩ, anh Thanh Tâm Tuyền, anh Lữ Hồ Nguyễn Minh Hiền và cố thi sĩ Quách Thoại. Tôi đã hoạt động sinh viên như thế trong những năm 54 đến khoảng giữa năm 55, thì một hôm trong thư tín tôi có nhận được một truyện ngắn nhan đề là *Đêm Giã Từ Hà Nội*, người viết chính là anh Mai Thảo. Đó là một câu chuyện tình nho nhỏ, êm dịu thôi, nhưng riêng lối hành văn thì rất độc đáo, và tôi đã đăng báo để mời tác giả đến.

Vài hôm sau anh Mai Thảo đến gặp gỡ chúng tôi, và rồi anh bước vào làng văn từ đó. Sau này, trong những lúc tửu hậu trà dư anh Mai Thảo có nói rằng "Hồi ấy, nếu các anh không chấp nhận cái truyện ngắn đầu tay của tôi, có lẽ tôi sẽ không viết văn nữa, mà trở về làm cái nghề buôn hàng xách, từ tỉnh này sang tỉnh nọ. Bởi vì trước khi vào Sài Gòn, tôi đã làm cái nghề này. Đây là một câu chuyện riêng tư, có lẽ ít người biết .

Có thể đó là một câu chuyện vui đùa chăng, nhưng ít nhất trong câu chuyện vui đùa ấy, chúng ta cũng đã thấy hé lộ ra một khía cạnh nào đó của một con người... Thế rồi vài năm sau, tôi, anh Doãn Quốc Sĩ, anh Thanh Tâm Tuyền, anh Trần Thanh Hiệp, bốn người, đã cố gắng hoạt động để cho anh Mai Thảo có cái nhãn hiệu báo *Sáng Tạo*, và chúng tôi là những người viết đầu tiên cho tờ *Sáng Tạo* khá kiên trì trong nhiều năm.

TK: - *Thưa anh, về phương diện con người, anh Mai Thảo là một người như thế nào ạ?*

Nguyễn Sĩ Tế: Đây là lối nhìn của riêng tôi về anh Mai Thảo. Sinh thời anh Mai Thảo lúc nào cũng có rất nhiều người thương mến, nhưng mà cũng không thiếu gì những kẻ ghét ghen. Tôi nghĩ rằng nhiều người không nhìn thấy anh Mai Thảo ở điểm căn bản sau đây: anh có một nỗi sầu thế bẩm sinh mênh mông mang tính cách siêu hình. Và lúc nào cũng ở ngoài những cuộc tranh chấp, cùng tất cả những vấn đề gì của cuộc đời, kể cả vấn đề chính trị. Tất cả, với anh ấy, hình như đã được giải quyết từ lâu trong trong thâm tâm. Bởi vậy năm 1954 anh bình tĩnh xách ba lô đi vào miền Nam như là để thi hành một quyết định của tâm tư, và rồi đến năm 1977 anh đã phải lặn lội qua trùng dương để sang Mã Lai. Và với nỗi sầu thế bẩm sinh đó, anh đã sống một cách thanh thản, bình tĩnh, thênh thang, chấp nhận cuộc đời.

Ở cái chỗ bình tĩnh và thênh thang bước vào cuộc đời ấy trong mọi hoàn cảnh, anh mắc phải một cái bệnh, đáng yêu thôi, là bệnh thiết triều. Cái bệnh này tôi thấy nặng hơn ở những Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng và những người trên tôi dăm ba tuổi, nhưng nơi anh Mai Thảo, cái bệnh thiết triều ấy nó hiện đại hóa, nó cởi mở, nó thanh thoát hơn. Cái bệnh thiết triều ấy là để chúng ta quí chuộng văn chương, để chúng ta quí trọng bạn bè, để chúng ta tránh đi tất cả những cái xô bồ của sự bừa bãi, không kỷ luật trong cuộc sống. Đấy là lối sống của Mai Thảo và lối sống ấy y hệt bản chất con người anh. Đi sâu vào cái bản chất ấy chúng ta thấy Mai Thảo còn có một điều rất đáng quí nữa, đó là rất quí mến bạn bè, không bao giờ anh ta nói xấu ai. Đấy là điều rất hay, có thể là một cái luật giang hồ nữa.

Trong những cuộc thảo luận ở *Sáng Tạo* xưa kia, thường khi ba người nói nhiều nhất là tôi, anh Thanh Tâm Tuyền và anh Trần Thanh Hiệp. Anh Doãn Quốc Sĩ thì hiền lành, thường chẳng nói gì, và anh Mai Thảo thì thỉnh thoảng mới nói. Cũng có những khi có những va chạm ghê gớm giữa bạn bè với nhau nhưng rồi qua đi lại thôi, không bao giờ anh Mai Thảo để lọt ra ngoài, nhắc lại những chuyện ấy với mọi người.

Tôi nhớ có những lần ăn uống tại nhà tôi, anh Mai Thảo với anh Thanh

Tâm Tuyền cãi nhau đến ghê gớm, và lần đầu tiên tôi nhìn thấy cái xung kích tính của anh Mai Thảo, cái *personalité* ấy làm cho anh Thanh Tâm Tuyền phải khóc, và Mai Thảo đã đập vỡ tất cả mọi ly tách trên bàn tiệc. Nhưng rồi, câu chuyện cũng qua và bạn bè vẫn cứ là bạn bè. Một điều thứ ba tôi muốn nói trong con người Mai Thảo, là anh rất thiết tha với nơi anh cư ngụ. Cho nên khi xách va li từ miền Bắc di cư vào Nam chắc anh cũng nhớ miền Nam Định, rồi đến lúc khổ sở để vượt biên đến Hoa Kỳ này, trong những ngày hấp hối anh vẫn còn nói với Trần Dạ Từ rằng: "Bao giờ cho tôi về Ký Con". Ký Con là một đường phố của Sài Gòn trong anh đã ở trong nhiều năm sau di cư.

TK: -*Thưa anh, văn chương Mai Thảo, theo anh, có những điểm gì đặc biệt, những điểm gì độc đáo?*

Nguyễn Sĩ Tế: - Điểm thứ nhất tôi thấy, Mai Thảo bao giờ cũng đặt một cái khoảng cách từ mình đến đối tượng. Tôi chấp nhận lối này lắm, mặc dầu không theo. Tôi nghĩ rằng phải có một khoảng cách, từ chủ thể đến nhận thức, đến đối tượng để nhận thức, thì sự nhận thức mới đầy đủ và khách quan, công bằng. Bởi vì nếu chúng ta hòa nhập vào đối tượng là chúng ta bị giới hạn nhãn quan. Ngay chính mình giới hạn bởi chính mình. Không có khoảng cách để nhận thức, chúng ta nhìn sai. Con người thường nhìn sai về chính mình bởi thiếu cái khoảng cách đó. Tôi muốn nói, Mai Thảo tự đặt mình ở một điểm nào đó, để có khoảng cách hầu nhìn rõ đối tượng. Tôi không nói đến vần đề chính trị đâu. Không phải quan điểm chính trị, lập trường đạo đức hay cái này cái nọ. Đây là điểm đứng của một người nghệ sĩ. Điều đặc biệt nữa, là anh đã thay đổi luôn luôn điểm đứng đó, để có thể nhìn đối tượng của anh từ mọi phía. Từ trên trời xuống, từ dưới đất lên, từ bên tả, bên hữu sang, có khi từ sau tới, và anh đã khám phá được rất nhiều điều. Lối nhận thức của anh là lối nhận thức pha hòa một cách linh động, nhưng bao giờ cũng nhịp nhàng, khách quan và trí tuệ.

Anh cũng có một lối hành văn và bút pháp riêng. Đây là điều mà có lẽ tôi nghĩ rằng lớp hậu sinh sau này mê anh. Đó là một lối hành văn, bút pháp rất cao kỳ, có thể nói là độc đáo. Có nhiều người nói rằng, anh Mai Thảo đi vào vết xe của anh Nguyễn Tuân. Tôi bảo không. Nguyễn Tuân ở vào thời văn chương Việt Nam còn nghèo, ngôn ngữ Việt Nam hãy còn túng thiếu. Trải qua biết bao những thăng trầm từ bốn mươi tư trở về sau, ngôn ngữ Việt Nam ngày nay đã trở nên tinh tường, phong phú, để có thể diễn tả được tất cả mọi lĩnh vực của kiến thức, kể cả lãnh vực của triết học, kinh tế học, xã hội học và của mọi lĩnh vực khác. Lối văn của anh là một lối văn có chọn lựa,

có sáng tạo, chứ không phải chỉ đi vào những cái đã có. Cái kiêu kỳ của Mai Thảo là kiêu kỳ mới, kiêu kỳ rất gần gũi với con người, để muốn nghệ thuật hóa cuộc sống. Tại sao văn chương của anh, thứ văn chương kiêu kỳ và độc đáo ấy, vẫn có thể thu nhận được rất nhiều đệ tử? Bởi anh còn có một tâm hồn thi sĩ khi viết văn xuôi.

TK: - *Thưa anh, nếu muốn tóm tắt trong vài lời hay là vài chữ về Mai Thảo. Theo anh thì những chữ nào thích hợp nhất?*

Nguyễn Sĩ Tế: - Anh Mai Thảo là một người sống với bản chất thật nhất của mình, hay có thể nói anh là một nhà văn đích thực. Có nhiều người ở đây bảo tôi rằng tại sao văn chương của chúng ta lẹt đẹt. Bởi vì chúng ta thiếu văn chương đích thực. Anh Mai Thảo đã mất rồi. Hồi năm 1975, trước khi tôi đi tù, tôi còn gặp anh Mai Thảo và anh Hoài Bắc. Chúng tôi lang thang ở Phan Đình Phùng để uống rượu. Lúc đó tôi có làm được một bài thơ. Ngoài nỗi sầu thế bẩm sinh và tất cả mọi vấn đề khác đều đã được Mai Thảo giải quyết rồi..., tôi còn thấy Mai Thảo mắc phải một cái dây oan. Dây oan đó là dây oan văn chương. Và bài thơ tôi làm cho anh ở Sài Gòn năm 1975 có nhan đề là *Dây Oan*. Bài thơ đó như sau:

Rượu đào kề miệng tưởng cường toan
Gái mộng bên mình tưởng áo quan
Trẻ nhỏ tường đông giao hạ phóng
Thấy mình còn vướng một dây oan

Anh Mai Thảo mất đi, độc giả Việt Nam mất một nguồn văn học, bạn bè mất một người bạn. Ngày nay mối dây oan ấy đã được giải.

TK: - *Xin cảm ơn anh Nguyễn Sĩ Tế. Người bạn sau cùng nói về anh Mai Thảo là chị Kiều Chinh. Thưa chị, không những chị là một người bạn, mà chị còn là một người đọc của anh Mai Thảo?*

Kiều Chinh: - Nhà văn Mai Thảo qua đời là một mất mát lớn đối với văn học Việt Nam. Theo tôi, thì anh Mai Thảo là người đã sống trọn đời với văn chương, chữ nghĩa, và là người bạn lớn của nhiều thế hệ nhà văn và nghệ sĩ Việt Nam. Trong số những tên tuổi mở đường cho văn học nghệ thuật của miền Nam Việt Nam trước đây, ông là nhà văn hàng đầu. Tùy bút Mai Thảo, tiểu thuyết Mai Thảo, từ những cuốn *Đêm Giã Từ Hà Nội, Sống Chỉ Một Lần*, hay *Sau Giờ Giới Nghiêm* v.v..., đã được hàng triệu người đọc và mến mộ. Riêng tôi, thì tôi rất yêu thơ Mai Thảo. Tôi yêu thơ Mai Thảo ở những cái nhìn lớn lao của anh, ở chữ nghĩa mạnh mẽ của anh. Chả hạn như anh đã

đã viết:

Ta thấy tên những bảng đường
Đời ta sử chép cả ngàn chương
Sao không, hạt cát sông Hằng ấy
còn chứa trong lòng cả đại dương

Thụy Khuê thấy không, bao la, mạnh mẽ, lớn lao. Đó là Mai Thảo.

TK: - *Thưa chị, còn riêng Mai Thảo người bạn, thì anh là một người bạn như thế nào?*

Kiều Chinh: - Đối với tôi, nếu nói là bạn thì anh là một người bạn. nhưng là một đàn anh của tôi. Tôi rất quí mến anh Mai Thảo. Anh có một lối sống một mình, lững lững, và bằng tấm lòng ở với văn chương, ở với người, Mai Thảo đã tự tạo cho ông một phong cách riêng. Phong cách ấy, tới đâu, ở đó có văn chương, có tình người ấm áp. Phong cách Mai Thảo trong dòng chảy của văn chương Việt Nam đã đem lại sự hiện diện đặc biệt vô cùng.

Nhà văn Mai Thảo ra đi nhưng còn mãi cái hình ảnh một Mai Thảo lững lững giữa đời sống, giữa lòng những người mến mộ ông. Như trong thơ ông đã viết và ông đã nhìn thấy trước:

Những trang đời viết còn dang dở
Sẽ có bàn tay ấy viết giùm
Ngón cái sang trang và ngón út
Viết dòng vuốt mắt phút lâm chung

Riêng đối với tôi, dĩ nhiên anh Mai Thảo còn mãi trong đời sống, trong lòng tôi, và tôi không khỏi xúc động khi nghe tin anh chết. Tôi biết anh chết rồi từ nay không còn gặp anh nữa, nhưng mà trong lòng không hiểu sao vẫn nghĩ rằng là quanh quẩn đâu đây, còn đó, dù rằng anh biết là người ở lại khóc cho anh và chính anh cũng khóc cho người ở lại, qua những câu thơ mà anh đã nhìn thấy trước. Anh đã viết ra:

Ta thấy nhân gian bỗng khóc oà
Nhìn hình ta khuất bóng ta xa
Sao không, huyết lệ trong trời đất
Là phát sinh từ huyết lệ ta

Xin khóc Mai Thảo, xin nhớ Mai Thảo, xin trân trọng chào anh Mai Thảo.

THỤY KHUÊ *ghi*



NGUYỄN VY-KHANH

MAI-THẢO, HOÀI NIỆM CỦA NGƯỜI VIỄN XỨ



Nhà văn Mai Thảo vừa ra đi, bỏ trần gian để về với thế giới miên viễn. Một ra đi cuối, sau khi đã hai lần đi rời xa quê hương, mỗi lần một hoàn cảnh khác nhau, lần đầu năm 1954 và lần kế năm 1978. Ra đi, bỏ xứ, lưu vong trong những hoàn cảnh chẳng đặng đừng; một tình cảnh nhiều lần phản ánh trong văn chương của ông.

Mai Thảo rời Hà Nội năm 1954 vô Nam khi đường vĩ tuyến 17 đã qua phân đất nước. Trước đó ông đã đi kháng chiến chống thực dân giành độc lập từ những năm trẻ tuổi (1948) nhưng ông đã sớm thất vọng những mưu đồ chuyên chính gian xảo của một tập đoàn có tổ chức và đã có những mưu đồ khác hơn là độc lập tự do cho đất nước.

Đêm giã từ Hà Nội do nhà Người Việt xuất bản cuối năm 1955, một tập truyện ngắn, tác phẩm đầu tay của nhà văn, cũng là một lên đường sáng tạo cho giòng văn học hiện đại của miền Nam lúc bấy giờ. Một lên đường dứt khoát với quá khứ: quá khứ lịch sử với hỗn mang chủ nghĩa cộng sản phải hư vô hóa, phải nói lên cho mọi người hay, để tránh, để đừng sai lầm nữa, để không còn những ngộ nhận phải trả bằng máu và nước mắt, cũng là một quá khứ văn học phải vượt, phải đi xa, phải hiện đại hóa cho tâm tình người Việt

mới nay tụ tập bên này vĩ tuyến 17 và không còn lựa chọn chính trị nào khác.

Mai Thảo không những dứt khoát, ông đã lớn tiếng dứt khoát. Trong Thư gửi người bên kia vĩ tuyến mở đầu tập truyện, ông đã viết cho một người bạn mà ông tin hãy còn muốn *"vươn lên khỏi cơn Hồng Thủy như những vì sao sáng chói trên một đại dương gió bão"*, ông xác tín vai trò của nhà văn : *"... cuộc chiến đấu cho tự do thực ra không còn nằm trong bàn tay quyết định của những nhà lãnh tụ nữa. Nó nằm trong mỗi chúng ta. Những chiến trường, những công sự phòng ngự, những trái bom khinh khí không còn là những yếu tố quyết định. Tự do không đánh mất hoặc lấy lại, trên tấm bản đồ chiến lược hoặc ở đầu đằng kia hướng đi sáng chói của một băng đạn tiểu liên. Cuộc chiến đấu thoát bỏ những vùng nhỏ hẹp bàng bạc khắp nơi. Cả hai bên vĩ tuyến. Chỗ nào có con người, có tự do, cuộc chiến đấu bắt nguồn ngay từ đó. Dưới mọi hình thái, mọi mầu sắc. Trên từng tất đất, từng cuộc đời. Cuộc chiến đấu cho tư tưởng đã là một cuộc chiến đấu thường xuyên. Thường xuyên cho đến một ngày..."* (tr. 14-15). Ngày đó là ngày *"sông biển được gần nhau"*. *"Bên trên những mái nhà tù, đêm Hà Nội vẫn có những vì sao. Vẫn có những vì sao của chúng ta. ... Ngày anh sẽ vượt tuyến sang miền Tự do, để góp phần chiến đấu vào cuộc chiến đấu chung của những con người tự do"* (tr. 23). Trong khi chờ đợi là cuộc chiến đấu cho tự do, một cuộc chiến cam go. Cam go vì bên kia vĩ tuyến, con người ở lại vì hãy còn say mê *"những viễn tượng ảo ảnh"* nên *"chưa nhìn thấy con người sau trận lửa hủy diệt... chưa nhìn thấy cuộc sống sau trận Hồng Thủy"* (tr. 21). Tác giả phải bỏ Hà Nội, lưu xứ, nhưng lòng lúc nào cũng như đang còn nơi 36 phố phường, trong những con hẻm ồn ào, những cửa ô tối đen. Và những người bạn, những căn gác, những vỉa hè.

Tập *Đêm giã từ Hà Nội* chính là tâm tình nguyên chất của người ra đi. Một người lữ hành cô đơn trên phần đất mới của quê hương nhớ về phần kia của đất nước. Một ra đi bất khả kháng, có thể không cả trong dự tính ngao du của người lữ khách. Trong nhiều truyện và tùy bút, đặc biệt trong Mưa Núi, người đọc sẽ thấy nhiều lần cái mưa và lạnh của miền Bắc, như loan báo cái buồn ray rứt của tác giả. Tình viễn xứ rõ nét nhất trong truyện ngắn được dùng làm tựa tác phẩm. Đêm giã từ nghĩa là chưa đi, nhưng như đã xa vời lắm, đã mất, đã không còn, đã chết, trong lòng, trong tâm tưởng. *"Phượng nhìn lên những hàng mái cũ kỷ, đau yếu ấy, giữa một phút giây nhòe nhoẹt, anh cảm thấy chúng chứa đựng rất nhiều tâm sự, rất nhiều nỗi niềm. Những tâm sự câm lặng. Những nỗi niềm nghẹn uất. Của Hà Nội. Của anh nữa."* (tr. 27). *"... Giờ này anh còn là người của Hà Nội, thở nhịp thở của Hà Nội, đau niềm đau của Hà Nội, mà Hà Nội hình như đã ở bên kia (...) Nhìn xuống, Phượng có cảm giác chơi vơi như đứng trên một tầng cao. Anh nhìn xuống vực*

thẳm. Hà Nội ở dưới ấy" (tr. 28). *"Qua bóng tối, Phượng nhìn thấy những hình khối của Hà Nội bên kia: Một cửa ô đọa đầy. Một hàng mái cũ. Những lớp phố phường sa đọa. Những ánh đèn nhạt tái trên những bờ tường câm đen. Bóng tối chính thể đổ xuống làm nghiêng ngã những sự kiện này. Bên kia, Hà Nội vẫn đang lặng lẽ đổi màu. Người Hà Nội dựng cửa tắt đèn để mà đổi thay trong bóng tối. Phượng thấy thương Hà Nội. Thương những người Hà Nội. Những người còn ở lại dưới những hàng mái cũ kỹ kia vì những vướng bận đau khổ. (...) Hà Nội chỉ còn là một thứ thuộc về bên kia. Bên kia như Đêm. Như Bóng Tối. Như Xa Đọa. Như Tù Đầy."* (tr. 29). Phượng vô Nam trên chuyến tàu chót của ngày thứ một trăm sau hiệp định chia xẻ, một mình như cuộc đời có thể vô định nhưng ánh sáng hy vọng trước mắt, không Thu, người yêu ở lại vì "tự" vướng bận gia đình, như một lựa chọn, như Hà Nội, những vướng bận lịch sử. *"Những người như anh lên đường đã mang theo Hà Nội vào chuyến đi"* (tr . 33). Vì vào giây phút cuối của một vĩnh quyết, Thu đã quyết định theo anh, đi theo tin tưởng quyết liệt vì đã chiến đấu bản thân cam go: *"Họ đã đi vào Tương Lai"* (tr. 37).

Hà Nội của Mai Thảo đã mất, dù trong tâm tưởng người ra đi là những hy vọng, những tự nhủ chỉ là tạm bợ. Hà Nội đã thật sự mất, đã vĩnh viễn không còn hội ngộ, quy hồi! Đã mất năm qua phân 1954, đã mất hẳn ngày 30-4-1975. Và mất thật hơn nữa với Mai Thảo ngày lên con thuyền nhỏ ra đi trong lặng lẽ một ngày năm 1978 sau ba năm sống trốn tránh những người chủ mới mà ông đã quá biết hơn hai mươi năm trước đó. Mất vĩnh viễn ngày 10-1-1998, ngày ông ra đi chuyến cuối một cuộc đời. Một hạt cát trong cõi sa mù nhiều đọa đầy và lắm chia xa. Một hiện sinh phù phiếm trong cái vĩnh cữu của tạo hóa, trong cái tự nhiên của những tử sinh.

Tháng giêng cỏ non xuất bản cùng năm 1956 là một tập truyện ngắn nói chung đề cao nhân bản và tình người, nhất là những người dân quê. Hoài niệm bắt đầu bớt nồng nhiệt lớn tiếng của những truyện đầu tiên khi di cư vô Nam. Trong truyện được dùng làm tựa, tình thương vợ chồng hội ngộ sau 18 năm xa cách vì lẽ sống còn của gia đình, đẹp và cảm động như buổi nào Xuân về có cỏ non hoa lá tươi. Và những hoài niệm thời thơ ấu : những mùa bàng chín vàng...

Trong những tác phẩm khác xuất bản sau đó, Hà Nội và đời cũ vẫn là những nỗi nhớ không nguôi. Của một người đã bỏ đi. Đã mất nhưng vẫn hiện hữu trong tâm tưởng. Thế giới văn chương ban đầu của Mai Thảo là thế giới của Hồi tưởng. của Quá khứ. Ông sống bằng tâm hồn luôn quay về dĩ vãng. Quá quất thành mộng du hay mê ngủ. Lãng mạn chăng? Tượng trưng chăng? Tập truyện *Căn nhà vùng nước mặn* (1966) sẽ xác nhận khuynh

hướng đó. Cái "tôi" Mai Thảo trong mỗi truyện, trong khắp. "Tôi" sẽ về thẳng một mạch nơi có gốc hoàng lan trong góc vườn (*Căn nhà vùng nước mặn*), hay đã sống với các vì sao năm mười bảy tuổi (*Những vì sao thứ nhất*), hay dẫm lên một bãi cỏ non bên đường (*Một phố của trời*). Và "quê hương trong trí nhớ", sẽ "hôm nay đi chùa Hương" hay chen chúc trên một chuyến xe (*Giòng sông vết thương*). Những nhớ nhung ngược đường tâm tưởng về cả những ngày thơ ấu. *"Hình dung thấy con tàu đó trên con sông đó. Con sông Hồng Hà. Như một dòng máu đỏ tươi chảy băng băng khắp vùng trí nhớ bâng khuâng. Con sông như một đời sống vĩ đại. (...) Đứa nhỏ trôi theo con tàu trên giòng trường giang hùng vĩ chợt nhớ tới những con sông làng thon mềm giải lụa có trâu đằm từng đàn dưới bóng đa nghiêng, có những chiếc cầu đá dẫn tới một phiên chợ sớm đầu đình, (...) Hồi tưởng lại một buổi sáng nhợt nhạt. Con tàu ghé bến Hà Nội rồi. Phố phường lớn chập chùng. Đứa nhỏ bàng hoàng đi lên. Và con sông Hồng, và tiếng còi và chuyến tàu đã bỏ lại sau lưng cùng tuổi nhỏ."* (*Chuyến tàu trên sông Hồng*). Một cuộc viễn du về quá vãng.

Có một lúc ông sẽ muốn sống thật với cái hiện tại ông vẫn quay lưng. Và bi đát của kiếp người đã bủa xập: Mai Thảo sẽ đi tìm quên, quên như một người đã lỡ kiếp, đã lầm trốn trong những *Sống chỉ một lần, Cũng đủ lãng quên đời, Để tưởng nhớ mùi hương*, vv. Ngay cả khi đầy đủ tình yêu thì cái hạnh phúc của phút giây kỳ diệu đó như có giới hạn. *Mười đêm ngà ngọc* (1969), một tình yêu bất diệt đã dám, đã đứng dậy, một tình yêu như ước muốn vượt thoát quá khứ và thành kiến bủa vây. *Cũng đủ lãng quên đời* (1973) vì đã sống hết cho bản ngã ở những giây phút, cho thân xác, trên những con đường trải hoa đầy bóng mát, mười năm sau trở về nơi chốn cũ, vì "tình yêu lớn không bao giờ trở thành sự thật". Một ngày kia sẽ khám phá ra rằng *"con đường trải hoa kia dấu ngầm dưới cái thơm hương óng mượt của nó, một gai nhọn và gai nhọn kia đã thầm lén bay vào"* (tr. 450). Bản ngã nhị trùng hay băn khoăn thường trực biến thành một tình trạng phân hóa? Phần kia của bản ngã Mai Thảo khi viết về tình yêu, ông sống phần hiện sinh của ông. Tình yêu và thân phận làm người sống cho cùng sẽ chỉ là những đứt đoạn, những hạnh phúc rời, những đổ vở. Cái hiện sinh phù phiếm vì đang-qua, do đó cái đã-qua lúc nào cũng trở về hay cũng trồi lên phần ý thức. Và hoài niệm vẫn chiếm ngự văn chương Mai Thảo. Tâm tình nhớ quê, tiếc nuối của kẻ ra đi một lần nữa trải dài trên nhiều trang văn chương của Mai Thảo ở hải ngoại từ khi ông dùng căn cước "boat people" và định cư ở Syracuse, tiểu bang New York, Hoa Kỳ. Trong mục *Sổ Tay* trên tạp chí Văn tục bản tại hải ngoại từ 1982, Mai Thảo đã có nhiều dịp hoài niệm về người và những nơi chốn thân thương. Thân xác ở ngoài, ở đây, nhưng tâm thức vẫn ở trong,

ở bên kia!

Trong các tác phẩm Mai Thảo xuất bản tại hải ngoại, người đọc sẽ được thấy dàn trải nỗi hoài niệm. Một nỗi niềm ngày càng gần gũi đời thường, như của một sống sót. Không còn là những hoài niệm ngạo nghễ với tự tin như những ốc đảo hiện sinh. Địa ngục tha nhân nay như được định nghĩa rõ nét. Còn lại ta là những thân phận lưu đày thân xác lẫn tâm tư. Trong *Một đêm thứ bảy* (1988), người bạn cũ từ Hà Nội nghèo khó vào Nam thăm sẽ gợi lại cả một quá khứ đã muốn quên và tránh. Tập truyện *Chân bài thứ năm* (1990) kể những chuyện lữ hành khắp nơi trừ quê hương ra, nhưng tâm hồn vẫn luôn quay về Việt Nam nơi những kỷ niệm vùng nước mặn, nơi khởi đầu cho những trùng phùng ở xứ người. Người xa quê sẽ tìm đủ cách để đến gần mảnh đất quê hương. Một người đàn bà như Ngọc sẽ khóc mỗi khi nghe hoa tiêu nói phi cơ đang bay ngang không phận Việt Nam. *"Việt Nam ở dưới chân nhưng cũng là Việt Nam đã đứt rời, không bao giờ gặp lại" (Hong Kong ở dưới chân,* 1990, tr. 92). Người lữ hành viễn xứ sẽ tiếp tục đ i khắp chốn trong *Chuyến métro đi từ Belleville* (1990) như để tìm gặp lại những người thân hữu hay có thể nhắc nhở dĩ vãng. Đi, mãi đi, nhớ, mãi nhớ, như một định mệnh. Mai Thảo hoài niệm trong dứt khoát quên và đã tìm quên.

Tâm sự của kẻ phải trốn chạy tìm lãng quên ấy sẽ xúc tích và trọn vẹn trong tập thơ *Ta thấy hình ta những miếu đền* do Văn Khoa xuất bản năm 1989. Những hoài niệm của một mảnh hồn thanh thản tự tại. Miếu đền, những mảnh đời đã sống, những nơi chốn đã qua, những vĩ đại và thấp hèn của nhân sinh. Đời dĩ lỡ của một người viễn xứ đã nhiều lần ra đi, "của kẻ ra về giữa cuộc chơi" đã nhiều lần tự nhủ chỉ là tạm bợ. *"Tổ quốc bất khả phân đã phân / Từ dòng sông từ bản hiệp định kia / Đất nước mấy nghìn đời không thể mất / Chỉ một ngày đã mất / Lịch sử triệu trang vàng một trang đen đã lật / Trăm trận đánh không thua thua vì Ban Mê Thuột / Thì vượt tuyến có phải là phân thân / Bản ngã đã nhị trùng? / Tôi ném lại cái tôi xưa đã diệt / Tôi mang theo cái tôi mới lên đường / Như hạt hủy thể cho mầm sinh từ hạt / Hai ngọn sóng ngược chiều về mỗi ngả / Ngọn quá khứ mịt mùng không thấy nữa / Ngọn tương lai đang trắng xóa theo tàu / Hai tâm thể chia đôi miền cách biệt / Ngọn đã nghìn thu ngọn mới bắt đầu? - / Hay chỉ một? / Hai mươi năm trước dưới bóng liễu Hồ Gươm Hà Nội / Mười năm sau vẫn liễu xưa một hiên mưa / Góc phố Sài Gòn ... "* (Hỏi mình giữa biển, tr. 94-95). Hà Nội, Sài Gòn, những nơi chốn, những người bạn, những người thân và nhất là một cái Ta chập chờn giữa những miếu đền. "... *Ta thấy hình ta những miếu đền / Tượng thờ nghìn bệ những công viên / Sao không, khói với hương sùng kính / Đều ngát thơm từ huyệt lãng quên...* (TTHTNMĐ, tr 13). Miếu đền trong trí tưởng: *"Nhánh*

hương thắp nửa này trái đất / Bay đêm ngày về nửa bên kia / Nửa đường hương gãy trên nghìn biển / Rụng xuống mười xuân đã đứt lìa " (Năm thứ mười, tr. 17). *"Cúi đầu xuống cúi đầu xuống / Mà thương trở lại nhớ nhung về / Hàng hiên xưa, trang sách mở, bàn tay ngọc / (...) Cúi đầu xuống cúi đầu xuống / Mà dựng tình yêu thành thế giới / Cấy những chùm sao lên mình trời / Hát nghìn năm biến đầy vĩnh viễn / Lại thấy con đường im lặng / Những đỉnh cây xanh / Và những ngón tay trên phím dương cầm / Đôi guốc mộc căn p hòng trừu tượng..."* (Cúi đầu, tr. 77-78). Người viễn xứ lại nhớ nhà khi đọc thơ bạn: *"Nửa đêm thức giấc nằm trơ / Đọc câu thơ bạn nhớ lời trong thơ / Thơ bao năm vẫn bao giờ / Lại cho thấy lại bến bờ quê xa"* (Thơ xa, tr. 112). Mỗi người bạn, mỗi sự việc là một cái cớ để ông đắm mình trong hoài niệm và cái có không của cuộc đời.

Mai Thảo, "bản ngã nhị trùng" như ông có lần tự hỏi, bước chân vào thế giới văn nghệ với chủ trương "phóng cái lao ý thức về đằng trước" muốn làm mới văn học, muốn dứt khoát với văn chương tiền chiến, hăng hái và tự tin. Ông đã sống hết mình cuộc đời văn chương đó nhưng ông đã sống với những hoài niệm thường trực, về một thời đã qua và những nơi đã sống. Những dằn vặt buồn rầu nhưng đầy thi tính của một kẻ viễn xứ bất đắc dĩ với lựa chọn dứt khoát. Ở Mai Thảo, băn khoăn tìm kiếm trong hiện sinh đi song hành với những dằn vặt khôn nguôi khiến văn chương của ông gần gũi người đọc nhất là người trẻ ở những thập niên 1950-1960, từ tạp chí Sáng Tạo đến Nghệ Thuật. Một con người phản kháng khi đi kháng chiến, trở về với tâm tình nổi loạn. Con người rõ nét, con người không chỉ bằng lòng với hiện tại. Con người có tâm thức và muốn sống. Ông và bạn bè ông trong nhóm Sáng Tạo muốn đoạn tuyệt với quá khứ văn học nhưng riêng ông, ông đi tới với hành trang quá khứ: văn chương Mai Thảo khởi đi từ quá khứ và những trang văn của ông về thời quá vãng trong các tập *Đêm giã từ Hà Nội, Tháng giêng cỏ non, Căn nhà vùng nước mặn*, vv và tập thơ *Ta thấy hình ta những miếu đền* là những trang văn chương mới và đẹp của văn học Việt Nam sau 1954. Tác phẩm của ông, ngoại trừ một số tiểu thuyết thời thượng đăng trên các nhật báo sau in thành sách trước 1975, là một tiếng thở dài của nhân thế, của người Việt Nam sống giữa thế kỷ XX đa đoan, bạo động, theo cung cách sáng tạo của ông. Vì ông đã sống một cách trung thực cái kiếp người đa đoan đó cũng như đã sống trọn vẹn cho văn chương chữ nghĩa. Một cuộc đời phóng khoáng có thể hiểu là bất chấp dư luận nhưng Mai Thảo ung dung thư thái với những đam mê đời của ông.

Sự nghiệp văn chương của Mai Thảo gồm trên 40 truyện dài về đủ mọi đề tài : tình yêu, học đường, xã hội, chiến tranh và mười tập truyện ngắn, tùy

bút, nhưng thiển nghĩ phần sự nghiệp để đời của ông là những sáng tác chủ yếu cảm giác, hoài niệm về quá khứ và quê hương đất nước, những sáng tác vận dụng bút pháp tùy bút. Cảm xúc tâm hồn mạnh khiến văn xúc tích và ít đối thoại: cảm giác và tâm tình vây bọc cốt truyện nhiều khi chỉ là cái cớ để ông thả hồn hoặc rung cảm. Đó cũng là lý do ông thành công với các truyện ngắn và tùy bút hơn là truyện dài. Văn chương Mai Thảo thường bị phê bình là quá cầu kỳ đẽo gọt nhưng không ai có thể chối cãi văn ông đầy thi tính và trữ tình, chữ viết có cấu trúc sáng tạo đặc biệt - mà một số nhà văn sau ông không thể chối đã nhận chịu ảnh hưởng. Văn ông tinh tế theo tâm cảm hơn là theo lý trí chẻ sợi tóc làm tư - tuy nhiên khi viết nghị luận nhất là vào giai đoạn chủ trương Sáng Tạo, Mai Thảo tuổi trẻ tự tin quá hóa ra tối tăm thiếu thuyết phục lâu dài. Điều này không lạ nếu biết rằng Mai Thảo đã bắt đầu văn nghiệp bằng những bài thơ trên báo Hồ Gươm ở Hà Nội năm 1946. Hãy đọc một đoạn trong Mưa Núi (ĐGTHN): *"Tôi nhìn ra ngoài. Rừng núi ngợt mưa đang đi dần vào hoàng hôn. Tối xám lan đi từng ngọn đồi. Hết ngọn này đến ngọn khác. Từng gốc cây. Hết gốc này đến gốc khác. Cái tang núi trời xanh phía đầu núi của tôi ban nãy đã nhòa đi rồi. Sao chưa kịp lên. Đêm đã sâu, thăm thẳm. Rồi tất cả những ngọn đồi, những gốc cây đều không nhìn thấy nữa. Cửa mở thành một khung đen. Mắt tôi tối lại..."*.

Và hãy nghe thêm một lần tiếng buồn tự tại trong cấu trúc của từng chữ : *"Ta thấy nhân gian bỗng khóc oà / Nhìn hình ta khuất bóng ta xa / Sao không, huyết lệ trong trời đất / Là phát sinh từ huyết lệ ta..."* (TTHTNMĐ, tr. 14).

Vĩnh biệt người lữ hành viễn xứ !

NGUYỄN VY-KHANH
Montréal, 12-1-1998



THƯỜNG QUÁN

elegy

"Đứng lên gởi lại lời xin lỗi
Của kẻ ra về giữa cuộc chơi"
Mai Thảo

I
Đêm chỉ có bóng tối, đằm tĩnh bóng tối thôi
như trong căn phòng đóng tất cả cửa, ngọn gió im, mọi ý nghĩ
sự tĩnh lặng tuyệt đối ngoài xa
ga xép trung du, chuyến tàu đã đỗ, biển thực sự đã

Di chuyển vắng giữa những thềm gió, đá đã chọn
những vệt than vụt cháy, những đường ray đỏ, đứt quãng
bây giờ một thiên thạch, một trượt té
một chiếc cầu thang gỗ, một chia tay, một chú ý nhìn ngắm

Khuôn mặt ấy nói đằm tĩnh hơn tất cả những *feuilleton*
những sổ tay những tứ tuyệt
một chân dung đã lặng lẽ hơn những trang
giấy đã ố vàng đã mưa bứt gáy
đã trong phần thư đã ngoài lửa.

II
Đứng dậy, giữa những chồng sách, bạn hữu, một *snapshot* nữa,
anh có nét gì của Bowles
ở Tangier, kẻ trong gương nói với người ngoài bóng

Cảm ơn người. Được thoát, được đi, được ta sống trong nhau..
thế, được rồi.
Paul Sheltering Sky : một đời bao nhiêu lần một người thực sự
nhìn trăng mọc ?
Anh, có nét gì buồn vắng hơn một cổ thành Á Rập

lại cười hửng lên buổi chiều dạo nào
khi tôi kể thăm Venus Beach thực là thích
da đen bắp thịt tạ tập ngoài trời *White man can jump too*
Mỹ Phi nhập một anh nói đã sống ở đấy nhiều năm
tôi hình dung những chuyến buýt cuối chạy về Los

biển đen, biển đèn, tình yêu (*Immense !*) , những người đàn bà đã thôi, chỉ Biển
một nhà văn một bác tài xế một chuyến vừa vặn thiếp.
Cảm ơn. Sự xua đuổi thế là quá đáng.

Chẳng nghiêm khắc như Bosch anh cũng nhìn ra con người qủa là
thiên hình và (lắm khi) dị dạng
nhưng cứ tin, và thực sự nhìn thấy, cốt lõi người là hoa.
Là hoa - không phân biệt hướng dương,
thược dược, tử đinh hương gì cả,
Anh buộc người ta phải thơm thảo .

Như trang giấy, như mực in, như chữ thấm. Chữ và chữ
Viết như ngừng lại là ngưng thở là thôi sống là hoại thư
Viết như đang được *parole* / lời / hầu tra tại ngoại

tôi từng vốn nghĩ: về thơ, anh đã quá thương cảm
quá cô sắc (buồn và quá)
nào biết những án treo bên trong, ngoài cửa, sự cô tịch *versus* cái gì
người sống ở Venus Beach
và giữa chợ Bolsa chán hết *Blues* lẫn *Rap*
Nhưng ở trường thiên và *feuilleton* anh nếu có ai đó cho là viết vội tôi

lại xin cử tọa xét lại
thời văn ấy là 60 là *modo* là rất Sài Gòn
tôi nhất định nó là *chronicle*/ký sự sống tiểu tư sản phố
Dos Passos với Manhattan Transfer có lẽ đã viết kỹ hơn
nhưng mà Manhattan không là Sài Gòn

Còn ngoài chữ không tính được là sự đam mê
mê con người tới cạn đáy ly đời không xuy xuể
và trước những thế lực phi chữ, trói chữ
là sự ngạo ngược pha vị màu bình thản ở anh

Những *irony* đầy dẫy một khu chợ Cũ đâu thì cũng thế, cho tới hết
(như trong một giấc mộng tôi trước ngày di quan anh
vai Lãnh Tụ được ngồi án thư làm thơ nghiêm chỉnh
còn nhà thơ thì chạy đánh trần

toát mồ hôi cột sống *marathon man*
đằng sau những bức tường chạy cuối thế kỷ
những chiếc kềm bạc, những cuộc nhổ răng
không thuốc tê)

III
Đêm thì phải tối, nhưng chữ
chữ trả lại bóng tối xanh đằm nhất;
chữ cứu chuộc (nói theo lối của anh) hoa nhất và sương nhất.
Đêm giữa một vòng tròn bạn hữu trên gác xóm *Văn*
sự đằm tĩnh là ấn tượng

mãi cho tới khi chạm tới thơ
và sự ruồng rẫy thơ của hôm nay,
anh phẫn uất, gắt lên:
Không một cuốn thơ nào, không ai mua thơ nữa!
Buổi chia tay hôm ấy của hai ba lứa
(Mai Thảo - Khánh Trường - Nguyễn Hoàng Nam)

dưới chân cầu thang rất đêm Bolsa
vì thế đã nối bằng một dấu gì như là *hyphen*-tuyệt-vọng.

Sự viết trong vô vọng và ngoài tuyệt vọng, sự viết
bây giờ bọt biển nào tinh tú nào ?
Ở người thong thả bến tàu đêm một biển, sương chảy một đài ngực,
chữ viết vào vô hạn trắng, viết làm sao ?

Tiếng cười của nghệ thuật phải ở ngưỡng khốn cùng thứ mấy?
Bắt đầu là thơ? hay sau cùng là thơ ?
Những gì mà anh từng gọi là *trò điên* sao ta vẫn diễn?

Nhưng mà: Kịch là với người, thơ là với mình
Tôi đọc được ở anh ít nhất ở đấy
một phân minh

IV
Ở đấy, như qua một vuông cửa ngày quang đãng
những sợi dây đã rút đi, trên kè ngực

Giấy trên đá, chữ trên giấy
những chữ thong thả cảm tạ

Nắng đầu năm, chiếc xắc tay ở góc phòng, chiếc vali ở cạnh giường,
người ta sắp đưa đi

Trong những vật dụng mà đóng lại là bóng đêm tuyệt đối ấy
những bài tứ tuyệt của anh không dấu chấm

Và ánh sáng (hay một *sonate*) mái trần, giữa xanh tối và ửng rạng
một chân cầu thang, một chiếc cửa, như thế là khép lại

chúng tôi tạm biệt anh

THƯỜNG QUÁN



NGUYỄN HƯNG QUỐC

VÀI GHI NHẬN VỀ MAI THẢO



Có một bữa, tại California, Mai Thảo ngồi bên lề đường chờ xe bus. Mùa đông, trời lạnh. Chờ cả nửa tiếng đồng hồ. Ngồi không, mắt bâng quơ ngó quanh, tình cờ dừng lại ở những bảng tên đường trước mặt, tất cả đều mang những cái tên ngoại quốc lạ hoắc vừa khó đọc vừa khó nhớ, Mai Thảo bỗng nảy ra một ý nghĩ nghịch: tại sao những con đường ấy không mang tên mình nhỉ? Sẽ dễ đọc và dễ nhớ biết mấy. Cái tứ của bài thơ 'Ta thấy hình ta những miếu đền' bắt đầu bằng câu 'Ta thấy tên ta những bảng đường', hình thành từ lúc ấy. "Đùa thôi", Mai Thảo nói, "Văn chương là chuyện đùa nghịch mà!" Cười, nhấp một ngụm rượu, Mai Thảo nói tiếp, giọng sôi nổi hẳn: "Đặc điểm nổi bật nhất của văn học Việt Nam từ xưa đến nay là sự đùa nghịch. Tất cả những kiệt tác đều là những sự đùa nghịch. Hồ Xuân Hương, Tú Xương, Tản Đà là những người đùa nghịch. Nguyễn Du cũng đùa nghịch khi viết Truyện Kiều. Ngay cả Cung oán ngâm khúc cũng thấp thoáng rất nhiều sự đùa nghịch. Các nhà văn nhà thơ Việt Nam chỉ viết hay kh i đùa nghịch." Nghe Mai Thảo nói như thế tại tiệm ăn Tố Lan, quận 13 Paris, nhân chuyến ông qua Pháp chơi, tối ngày 9.10.1990, tôi chỉ ngồi cười. Ừ, thì đùa.

Nhưng tôi có cảm tưởng trong cuộc sống, Mai Thảo ít biết đùa. Trong

mấy lần gặp ông, chuyện trò khá thân mật với ông, hiếm khi nào tôi nghe Mai Thảo nói một câu khôi hài. Hơn nữa, ông còn dễ nổi cáu khi nghe người khác bông phèng. Ông chỉ biết có mỗi một trò đùa: đùa nghịch với chữ nghĩa, với văn chương. Đùa riết thành mê. Ông là một trong những người Việt Nam hiếm hoi không làm bất cứ nghề nào khác ngoài cái nghề cầm bút. Cho đến tận sau này, khi đã trải qua bao nhiêu bẽ bàng và cay đắng của cuộc đổi đời, nỗi đam mê của ông vẫn không hề phôi pha chút nào cả. Chỉ cách đây không lâu, hàng tháng, trên tạp chí Văn tục bản tại California, ở mục 'Sổ tay', bao giờ cũng có mấy trang viết mượt mà của ông. Những trang văn mang rất nhiều hơi hướm của thơ.

Dù sao, cũng phải gặp Mai Thảo, nghe Mai Thảo nói chuyện về thơ, người ta mới hiểu được lòng yêu thơ của ông sâu sắc đến độ nào.

Lần đầu tiên tôi gặp Mai Thảo là vào tối Chủ nhật, ngày 19 tháng 3 năm 1989, tại nhà riêng của ông - đúng hơn là phòng riêng trong một chung cư dành cho người già - ở California. Anh Nguyễn Mộng Giác chở tới. Mai Thảo mở cửa, gật chào, rồi nói chuyện tiếp với ai đó qua điện thoại. Giọng Mai Thảo trầm, ấm và ngọt ngào lạ lùng. Dần dần, tôi cũng đoán được người bên kia đầu dây là Kiều Chinh. Lúc ấy, tôi hơi ngạc nhiên, nhưng sau này, gặp Mai Thảo vài lần, dần dần tôi hiểu ra là hình như với người phụ nữ nào Mai Thảo cũng nói chuyện bằng cái giọng trầm, ấm và ngọt ngào như vậy hoặc gần gần như vậy.

Trong lúc ông nói chuyện, tôi đảo mắt nhìn quanh. Một kệ sách. Một cái bàn. Một cái giường chiếc phủ nệm trắng. Một cái Tivi nhỏ và năm bảy chai rượu nằm trong góc. Là hết. Lúc ấy, tôi nghĩ ngay đến một câu thơ của Nguyễn Bính: "Quán trọ nhà thơ như chiêm bao."

Khoảng năm, bảy phút sau, gác điện thoại xuống, Mai Thảo quay lại tôi, gật gật: "Quốc đấy hả? Trẻ ghê nhỉ?"

Rồi thôi. Đứng, tay cầm ly rượu, Mai Thảo nói: "Đọc thơ thích thật. Tôi vẫn ân hận mãi mình không phải là nhà thơ toàn phần như các bạn tôi. Như Vũ Hoàng Chương. Như Thanh Tâm Tuyền. Các anh ấy làm thơ hay quá. Thèm quá."

Cứ thế. Tiếp tục đứng, tiếp tục cầm ly rượu trên tay, Mai Thảo nói về thơ. Say sưa. Tôi đến, lần đầu tiên, không một chút khách sáo, ông nói, như là tiếp tục một câu chuyện dở dang từ trước. Với một người đã quen và thân lắm. Tôi cũng có cảm giác tương tự như vậy khi lần đầu tiên gặp Nguyễn Mộng Giác, tại Chicago, trong một cuộc hội nghị mấy ngày trước đó. Gặp nhau, bắt tay nhau, cười rồi nhập ngay vào chuyện văn, chuyện thơ, lâu lâu tạt sang chuyện đời. Một lát. Rồi lại vẫn văn vẫn thơ. Rất thoải mái. Rất tri

kỷ. Không phải cực lòng với những chuyện nắng chuyện mưa. Khỏi phải chịu đựng những phút bối rối nhìn trời, nhìn đất.

Khác với Nguyễn Mộng Giác, Mai Thảo ít nói chuyện đời và cũng hiếm khi nói chuyện văn. Ông chỉ nói về thơ. Dường như, trong chuyện trò, Mai Thảo chỉ tâm đắc với một đề tài: thơ. Không nói chuyện về thơ được, ông im lặng, lầm lì, hầu như chỉ chực gây sự. Tôi chưa thấy ai say thơ đến như vậy. Say đến đắm: tay cầm ly rượu, mắt lim dim, vừa đọc vừa bình, giọng lúc trầm lúc bổng, dường như cả tâm hồn ông cũng bập bềnh theo những sóng chữ dập dìu. Đắm đến mê: ông nói chuyện mà cứ như độc thoại. Tôi ngờ là ông không cần biết là người khác có nghe hay không. Ông nói thao thao. Những lúc ấy chỉ cần một tiếng cười, một câu nói đùa lỗi nhịp là ông nổi giận, đâm ra bẳn gắt, cáu kỉnh tức khắc. Tôi có cảm giác Mai Thảo coi đó là một sự xúc phạm đối với thơ, đối với cái Đẹp.

Đáng lẽ Mai Thảo phải là một thi sĩ, một 'thi sĩ toàn phần', như chữ ông thường dùng. Những tác phẩm đầu tay của ông là thơ. Ngay cái bút hiệu của ông hiện nay cũng nảy sinh từ một mối tình đối với thơ. Ông kể với tôi trong một bữa cơm tối tại nhà riêng của tôi ngày 10.10.1990 nhân chuyến ông sang Paris chơi:

"Sở dĩ tôi lấy bút hiệu Mai Thảo là vì hồi nhỏ, khi đi học, ở trong trường, tôi có một thằng bạn làm thơ với bút hiệu Mai Luân. Thơ cũng vừa thôi, nhưng hồi đó, chẳng hiểu tại sao, tôi mê thơ hắn lạ lùng. Coi hắn như thần tượng. Nên mới đặt cho mình bút hiệu Mai Thảo. Cùng là Mai cả. Mai Luân. Mai Thảo. Năm đó, tôi khoảng mười lăm tuổi."

Những năm đầu kháng chiến chống Pháp, Mai Thảo đã có hẳn một tập thơ, chép tay, nắn nót cẩn thận, trong một quyển vở, sau, bị rơi mất trên sông Mã, dòng sông nổi danh trong bài 'Tây tiến' của Quang Dũng: "Sông Mã gầm lên khúc độc hành." Tập thơ đầu tay ấy, tôi ngờ lắm, chưa chắc đã hay, song dù vậy, mỗi lần nhắc lại, giọng Mai Thảo cũng chùng xuống, bùi ngùi.

Vào Miền Nam, suốt mấy chục năm, Mai Thảo chủ yếu chỉ viết truyện và tuỳ bút. Thơ, nếu viết, chỉ viết thật hoạ hoằn. Lâu, lâu lắm mới được vài bài. Nhưng hình như không lúc nào Mai Thảo thực sự xa thơ. Những câu văn xuôi của ông, hơn bất cứ người nào khác, thấm đẫm chất thơ: chúng mất đi khá nhiều góc cạnh để cứ chơi vơi như là sương là khói. Những trang hay nhất của Mai Thảo là những trang tả cảnh và những cảnh Mai Thảo tả hay nhất là những cảnh tịch mịch, quạnh vắng, đìu hiu: một thành phố nhỏ, một căn nhà nhỏ, một con đường nhỏ, những chiều mưa và những buổi tối, những đêm khuya đã lặng tiếng người, chỉ còn ánh trăng lẻ loi trên cao và chỉ còn tiếng gió thầm thì trong lá; tức những cảnh rất gần với khí hậu của Thơ Mới.

Mai Thảo thành công trong truyện ngắn hơn là trong tiểu thuyết. Những truyện ngắn thành công của ông là những truyện ngắn pha nhiều, thật nhiều chất tuỳ bút: dường như, ở đó, Mai Thảo có điều kiện thuận lợi để ngoại tình với thơ hơn; ở đó, cái hay cái đẹp không còn lệ thuộc quá nhiều vào nhân vật, vào kết cấu câu chuyện nữa mà chủ yếu ở lời văn, ở giọng văn. Về phương diện này, Mai Thảo rất gần với Nguyễn Tuân. Khác một điều: trong lúc Nguyễn Tuân mài chữ cho thật sắc, như một cành gai; Mai Thảo trau chữ cho thật mềm, như một đài hoa. Chữ của Nguyễn Tuân quánh lại; chữ của Mai Thảo loãng ra. Đọc Nguyễn Tuân, có cảm giác như đi trên ghềnh trên thác, cứ hay giật mình, phấp phỏng; đọc Mai Thảo, có cảm giác như đi trên dòng sông, thấy phơi phới, thấy êm ả lạ lùng.

Đáng lẽ Mai Thảo là một thi sĩ, một 'thi sĩ toàn phần', như chữ ông thường dùng. Nói chuyện với ông, tôi để ý thấy một điều: những người Mai Thảo phục nhất, thích nhất, nhắc nhở đến nhiều nhất đều là các nhà thơ: đó là Xuân Diệu và Huy Cận thời 30-45; Chế Lan Viên và Nguyễn Đình Thi thời 45-54; Vũ Hoàng Chương, Thanh Tâm Tuyền và Tô Thuỳ Yên ở miền Nam, sau năm 1954. Ông chê Chế Lan Viên ở tập Điêu tàn nhưng lại rất phục Chế ở giai đoạn Vàng sao và mấy năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. Theo ông, trong phong trào Thơ Mới, nhiều người làm thơ hay, song nhìn chung, người có tầm vóc hơn cả là Xuân Diệu. Ông khoe với tôi, lúc trẻ, ông thuộc hầu hết các bài thơ trong tập Thơ thơ và Gửi hương cho gió. Những bài thơ ông thích nhất là: 'Nguyệt cầm', 'Nhị hồ', 'Lời kỹ nữ', ... Tính theo đơn vị câu, câu thơ Xuân Diệu ông thích nhất là:

Phất phơ hồn của bông hường Nghe trong phiêu bạt còn vương máu hồng.

Cũng tại nhà tôi, trong bữa cơm tối nhắc ở trên, sau khi đọc hai câu thơ vừa dẫn của Xuân Diệu, ông gật gù: "Hay và lạ vô cùng. Đọc, mình chẳng hiểu tại sao cả. Nhưng cái mầu nhiệm của thơ là ở đó. Thơ hay phải có chút mơ hồ, hàm hồ. Rõ ràng quá, nó sẽ là văn xuôi."

Liên quan đến luận điểm thơ phải có chút mơ hồ, chút tối tăm, một lần khác, Mai Thảo kể bài thơ 'Đợi bạn' của ông in trong tập Ta thấy hình ta những miếu đền thoạt đầu như sau:

Nửa khuya đợi bạn từ xa tới Cửa mở cầu thang để sáng đèn Bạn tới lúc nào không biết nữD Co quắp người trong giấc ngủ đen.

Sau, vẫn giữ nguyên ba câu đầu, ông sửa câu cuối lại thành:

Mưa thả đều trên giấc ngủ đen.

Ông tự nhận xét: "câu sửa lại mơ hồ hơn, nhưng hay hơn nhiều. Nó để lại nhiều dư vang hơn."

Với các nhà thơ cùng sinh hoạt chung với ông ở Miền Nam từ 1954 đến 1975, ông thương Vũ Hoàng Chương: "Con người anh ấy lạ lắm. Đúng là một thi sĩ. Mặt mũi lúc nào cũng ngơ ngơ ngác ngác như trẻ con. Mà nói chuyện về thơ thì hay vô cùng. Ai cũng là thằng hết. Lý Bạch là thằng. Nguyễn Du là thằng. Thế mà vẫn không nghe là xấc láo. Một người yêu thơ, thuộc thơ nhiều vô cùng tận." Ông phục Thanh Tâm Tuyền: "Trong bọn tôi, anh ấy là người xuất sắc nhất. Rất đa tài. Làm thơ hay. Viết văn hay. Lý luận hay. Phải nghe anh ấy đọc thơ Nguyễn Xuân Sanh mới thích." Và ông mến Tô Thuỳ Yên: "Trước đây, bọn tôi cứ tưởng nói đến thơ là phải nói đến dân miền Trung miền Bắc. Cái thằng Nam kỳ ấy xuất hiện mới lạ chứ. Nó kỳ vĩ phi thường quá. Càng lớn tuổi, thơ nó càng hay, càng tuyệt vời."

Tấm lòng của Mai Thảo đối với bạn bè thật đẹp. Tôi đã vài lần nghe Mai Thảo nhắc đến Thanh Tâm Tuyền, Tô Thuỳ Yên, Doãn Quốc Sỹ, Trần Dạ Từ, Nhã Ca, v.v... lúc những người này còn kẹt ở Việt Nam, lần nào cũng thế, giọng ông ấm áp và đầy thân tình. Có mấy lần ông từ California sang Paris chơi, ở nhà Trần Thanh Hiệp, ông than phiền là Trần Thanh Hiệp, ngoài những giờ đi làm ở sở, cứ đi họp hành mãi, thường về nhà rất trễ, mà về nhà thì chỉ khoái bàn chuyện chính trị, "nghe chán chết đi được," tôi - lúc ấy còn ở Paris - bèn rủ ông về nhà tôi ở, nhưng ông từ chối bằng giọng nhỏ nhẹ: "Không được. Chán thì chán nhưng dù gì tôi với anh Hiệp cũng là bạn với nhau từ lâu. Đã không đến Paris thì thôi, chứ đến Paris thì phải ở với anh ấy. Trừ phi anh ấy từ chối thì tôi mới đi ở nhà người khác, chứ còn tự nhiên mà xách khăn gói đến ở nhà người khác thì không phải với anh ấy." Ông rất coi trọng tình bạn. Ông nói với tôi: chất keo nối kết nhóm Sáng Tạo lại với nhau là tình bạn; điểm chung duy nhất
giữa các thành viên trong nhóm Sáng Tạo cũng là tình bạn, là sự chân tình và thuỷ chung đối với bạn bè. Mai Thảo nhấn mạnh: điều ông coi trọng nhất trong tình bạn là sự thuỷ chung. Tôi đùa, hỏi ông: "Còn trong tình yêu?" Không trả lời thẳng câu hỏi của tôi, ông nói, giọng ngậm ngùi: "Trong lãnh vực ái tình, tôi là người thất bại. Đến, ở với một số người nhưng không lâu bền với ai cả. Theo tôi, tình yêu đẹp nhất là thứ tình yêu lâu dài. Đi ngoài đường, gặp những ông bà già 70, 80 tuổi dìu nhau qua đường, tôi cảm động ghê lắm. Dù có hục hặc với nhau, đôi khi; dù có gấu ó nhau, đôi lúc, nhưng ở với nhau được một thời gian dài đến như thế phải nói là một sự thành công tuyệt đẹp."

Mai Thảo nhớ rất nhiều thơ. Tôi vẫn có chút tự hào là nhớ nhiều thơ, vậy mà, những lần đầu tiên nói chuyện với Mai Thảo, có khi tôi cảm thấy bối rối, đâm ra nghi hoặc cái vốn thơ tưởng là giàu có lắm của mình: nhiều bài

thơ chỉ đăng báo một thời gian ngắn trước hoặc sau năm 1945, sau không in lại ở đâu cả, ông vẫn thuộc lòng. Lần đầu tiên tôi nghe nhiều bài thơ của Chế Lan Viên trong những năm trước và sau Cách mạng tháng Tám là từ ông. Những bài thơ ấy không được in lại ở miền Nam trước năm 1975 và cả ở miền Bắc trước năm 1989, tức năm Chế Lan Viên qua đời: ở miền Nam, người ta coi chúng là 'cộng sản'; ở miền Bắc, người ta coi chúng chưa thấm nhuần lập trường cách mạng đủ, còn chao đảo giữa những phương pháp sáng tác suy đồi của tư sản, chủ yếu là chủ nghĩa lãng mạn và chủ nghĩa tượng trưng. Do không ở đâu in lại nên tôi không hề biết. Lần đầu tiên nghe những bài thơ ấy từ Mai Thảo, tôi lặng người nửa vì sung sướng nửa vì thẹn thùng. Mãi đến đầu thập niên 90, tôi mới được đọc trọn vẹn những bài thơ ấy của Chế Lan Viên trong các tập Di cảo của ông, do vợ ông, bà Vũ Thị Thường sưu tập.

Dần dần, nói chuyện với Mai Thảo nhiều, tôi phát hiện ra hai nhược điểm chính của ông. Một là, cái vốn triệu phú về thơ của ông chỉ giới hạn trong phạm vi từ 1932 đến 1945, hoặc muộn hơn một chút, khoảng 1949-50. Thơ cổ điển, trước thế kỷ 20, ông biết rất ít. Thỉnh thoảng ông có nhắc đến Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, Đoàn Thị Điểm, Hồ Xuân Hương, Bà huyện Thanh Quan, v.v... nhưng cái biết của ông rất giới hạn và cái hiểu của ông thì lại càng đáng ngờ. Thơ Miền Nam, mặc dù ông nói là ông rất yêu, ông cũng không nhớ nhiều. Có lẽ lúc ấy một phần vì bận bịu, một phần vì lớn tuổi, khả năng tiếp nhận của trí nhớ ông bắt đầu giảm đi chăng? Dù sao cũng có điều không thể phủ nhận được: về phương diện ý thức, Mai Thảo nhiều lần hô hào vượt bỏ Thơ Mới và Tự Lực văn đoàn, nhưng về phương diện cảm xúc, tâm hồn ông vẫn là tâm hồn của thuở 32-45, được ướp bằng hương hoa của chủ nghĩa lãng mạn và chủ nghĩa tượng trưng, từ Baudelaire cho đến Xuân Diệu, từ Rimbaud cho đến Hàn Mặc Tử. Thơ của ông hay nhưng về nhiều phương diện vẫn chưa thoát ra ngoài quỹ đạo của Thơ Mới. Rõ nhất là ở thể lục bát, nơi hơi hướm của Huy Cận còn rất đậm.

Khuyết điểm thứ hai của Mai Thảo là ông giỏi về cảm tính hơn lý tính; trực giác ông mạnh nhưng khả năng lý luận lại yếu. Nhược điểm này khiến cho Mai Thảo thường xuyên tự mâu thuẫn với ông. Có lúc ông cho trong văn chương, yếu tố quan trọng nhất là kỹ thuật. Trong nghệ thuật nói chung, vấn đề cũng là kỹ thuật. Cùng một bản nhạc, người này chơi hay, người khác chơi dở là do kỹ thuật. "Văn chương mà không có kỹ thuật là vất đi. Kỹ thuật trong chữ, trong câu, trong hình ảnh, trong nhạc điệu. Phải có kỹ thuật thì mới viết văn làm thơ được." Nhưng chỉ năm, mười phút sau, ông lại nói, giọng hùng hồn: "Thơ bây giờ không thể đóng cửa ngồi trong phòng mà ê a cho du

dương. Thơ phải cởi trần, phải ra đường, xuống phố, lội ra biển. Thơ phải nhập cuộc. Thơ phải là tiếng nói của quần chúng." Bởi vậy, một mặt, ông hết lời ca ngợi tài hoa dùng chữ, đặt câu của Xuân Diệu, Huy Cận thời tiền chiến, của Chế Lan Viên thời đầu kháng chiến; mặt khác, ông lại cũng hết sức trân trọng Thâm Tâm, Trần Huyền Trâ n, những người, theo ông, đã dám dùng thơ để chống lại một cái gì. Nhớ, có lần, nghe ông nói xong, tôi hỏi: "Vậy, giữa kỹ thuật và thái độ của nhà thơ đối với cuộc đời, cái gì là quan trọng hơn?"

Ông ấm ớ: "Tuỳ."

Tuỳ. Cái người từng được coi là thủ lãnh của nhóm Sáng Tạo dường như ít khi đi đến tận cùng một quan niệm, một lý thuyết. Mà hình như ông cũng chẳng biết một lý thuyết, một quan niệm văn học nào cho đến nơi đến chốn. Nói chuyện với ông, tôi thấy ông hay lẫn lộn các khái niệm, các trào lưu rất khác, rất xa nhau. Khác với Thanh Tâm Tuyền và Võ Phiến, ông không hề tò mò về các cuộc phiêu lưu của những người cầm bút khác. Ông nhiều lần nói thẳng: ông đọc, trước hết, là đọc những gì do bạn bè ông viết. Còn sách báo tiếng Pháp? Điều tôi ngạc nhiên nhất khi quen biết ông là ông, người nổi tiếng về chuyện chỉ chuyên chú vào cái đẹp hình thức trong câu văn, rất ít dấn thân, thường chủ trương những tờ tạp chí thuần tuý văn học nghệ thuật, tuyệt đối không đăng tải những bài viết về chính trị, lại chỉ thích đọc các sách bàn về chính trị. Có hồi, thỉnh thoảng từ Mỹ, ông viết thư nhờ Trần Vũ ở Paris mua giùm ông một số sách tiếng Pháp. Tôi để ý: tất cả đều là sách bàn về chuyện chính trị; không có
cuốn nào bàn về văn học cả. Tôi nghĩ đó là một nghịch lý mà nếu sự nghiệp của ông còn lại lâu bền, người ta cần phải tìm cách lý giải.

Tôi nghĩ là Mai Thảo hiểu rất rõ những hạn chế của ông và của bạn bè ông. Tại nhà Trần Thanh Hiệp, ở Paris, ngày 20.5.1989, Mai Thảo nhắc đến nhóm Sáng Tạo một cách sôi nổi:

"Cái công lớn nhất của Sáng Tạo là kêu gọi mọi người phải đổi mới, phải lên đường, phải chặt neo tất cả mọi con thuyền. Đi đâu, về đâu, chúng tôi không biết. Nhưng cần nhất là phải đi, phải xa rời cái bến đậu tiền chiến. Mỗi người phải ra đi để tìm chân trời và biển khơi cho mình."

Đang sôi nổi như thế, ông bỗng im lặng rồi chùng hẳn giọng xuống:

"Bây giờ, nhìn lại, thành thật mà nói, trong bọn chúng tôi, không ai tới đích cả. Nhưng quan trọng nhất là chúng tôi đã thúc giục mọi người ra đi."

Cũng buổi tối ấy, ở nhà Trần Thanh Hiệp, Mai Thảo nói mấy điều riêng tôi rất khoái. Thứ nhất, về quyển Thi nhân Việt Nam của Hoài Thanh và Hoài Chân: "Quyển sách tuyệt hay. Hay nhất là Hoài Thanh, vào đầu tập

sách, đã có mấy lời chiêu tuyết Tản Đà. Quyển sách ra đời làm cho mọi người yêu thơ hơn và làm cho các nhà thơ tự yêu mình hơn." Thứ hai, nói về thơ nói chung: "Thơ là Đất là Trời, là Ciel et Terre. Thơ hay phải có Đất có Trời, có sự rộng rãi, có chuyển động bát ngát."

Trong những lúc chuyện trò, ngà ngà say, Mai Thảo thỉnh thoảng có những câu nói xuất thần như vậy. Cho đến nay, tôi gặp ông tổng cộng chỉ có ba lần: lần đầu vào tháng 3.1989 khi tôi qua Mỹ, ghé California mấy ngày; hai lần sau vào tháng 5.1989 và tháng 10.1990 khi Mai Thảo sang Pháp chơi. Chỉ qua mấy lần gặp gỡ ngắn ngủi ấy, tôi đã nhặt được ở ông một số câu nói hay. Như, về nhà văn, nhà thơ: "Lạ lắm. Dù họ sống bao nhiêu tuổi mặc dù, mỗi lần đọc họ, chúng ta cứ có cảm tưởng là họ thọ ghê lắm, cái gì cũng biết, cái gì cũng trải. Họ sống đến tận cùng cuộc sống của họ nên dẫu họ có chết năm 20 tuổi hay 30 tuổi thì họ vẫn là những người thọ rất lâu." Như, về kinh nghiệm viết lách của chính ông: "Điều tôi ân hận nhất là không biết chữ Hán. Không biết chữ Hán, viết văn đôi lúc không an tâm, cảm thấy như mình ngồi trên một chiếc ghế không có chỗ dựa." Cũng liên quan đến vấn đề ngôn ngữ, ông chủ trương: "Khi làm thơ, tôi cố dùng những chữ thật dễ hiểu, thật bình dị. Cố tránh từ Hán Việt. Cái tài của nhà thơ được đo lường ở những chữ có vai trò thứ yếu, ở 'thì', 'mà', 'là', 'và', v.v... chứ không phải ở những chữ lớn lao, nặng nề."

Năm 1993, từ Úc, tôi điện thoại sang Mỹ trò chuyện với Mai Thảo, khoe với ông là tôi đang say mê nghiên cứu một số những quan điểm và phương pháp phê bình văn học mới của Tây phương. Nghe tôi ba hoa, ông chỉ trầm ngâm nói: "Kể cũng hơi muộn rồi đó. Thường, muốn tiếp nhận một cái gì mới phải bắt đầu từ sớm hơn nhiều, ngay từ lúc chưa viết lách gì cơ. Ngoài ba mươi tuổi, đọc thì đọc chơi vậy thôi." Tôi nghe ông nói, lòng đầy nghi hoặc, nhưng càng ngày càng ngẫm nghĩ, thấy nhận định của ông không phải là không có phần chính xác.

Dù sao, điều riêng tôi cảm động nhất ở Mai Thảo là thái độ của ông đối với cuộc đời và đối với văn chương. Tôi nhớ mãi cái buổi họp mặt tại nhà chị Vũ Thuỳ Hạnh ở California, tối 21.3.1989, lúc tôi sang Mỹ. Tối ấy, Mai Thảo có vẻ say. Ông nói thật nhiều, giọng gay gắt, có lẽ vì giận ai đó trong bữa tiệc. Trong lúc ông gây gổ, tôi bắt chộp được một câu nói hay:

"Văn chương là phải ngay thẳng. Luôn luôn ngay thẳng. Tuyệt đối ngay thẳng. Phải ngay thẳng cả những khi không thể ngay thẳng được."

Lần khác, tại nhà Sĩ Trung ở Paris, chiều ngày 8.5.1989, ông cũng nói tương tự, với giọng dịu dàng, như muốn tâm sự riêng với tôi:

"Đời tôi có một nguyên tắc là không bao giờ dùng văn chương để làm

bất cứ điều gì xấu xa. Đâu phải tôi không biết người nào tốt người nào xấu với mình, nhưng tốt hay xấu mặc họ. Người nào tốt, đến gần, uống rượu chơi. Người nào xấu, lánh ra thật xa, đừng thèm đụng tới. Nhưng đừng bao giờ mang những điều đó lên trang giấy để bôi bẩn nhau. Văn chương là cái đẹp, là thế giới của cái đẹp, ở thế giới ấy có thứ tiền tệ riêng của nó: anh phải dùng thứ tiền ấy, anh phải đàng hoàng, phải lương thiện. Thứ tiền tệ ấy chính là cái đẹp."

Nhà văn Cao Xuân Huy, tác giả Tháng ba gãy súng, nhân chuyến sang Úc hồi cuối tháng 3.1997, kể cho tôi nghe một nét khác trong tính cách của Mai Thảo. Theo lời Cao Xuân Huy, trong những lần vào tiệm ăn, Mai Thảo chỉ uống rượu tì tì chứ chả ăn gì cả. Không ăn, nhưng lâu lâu ông lại gọi thêm món mới. Có lần Cao Xuân Huy cản: "Thức ăn còn nhiều mà. Gọi thêm làm gì thừa, anh." Mai Thảo đáp lại: "Thừa thì bỏ. Nhưng tiệm ăn người ta sống là vì bán thức ăn. Mình chỉ uống rượu mình mang theo mà gọi thức ăn ít, người ta không bán được, người ta buồn, tội nghiệp!"

Khi tôi hỏi thăm về sức khoẻ của Mai Thảo, Cao Xuân Huy khẽ thở dài: "Bây giờ anh ấy không bước ra khỏi phòng được nữa rồi. Hai tuần nữa, khi tôi về lại California, chưa chắc tôi đã kịp gặp lại anh ấy." Tôi cũng thở dài, nhớ lại một buổi tối tháng Mười năm 1990 tại Paris, khi Mai Thảo sang Pháp chơi và tôi thì đang chuẩn bị giấy tờ để rời Pháp sang Úc sinh sống. Tôi đến thăm ông tại nhà Trần Thanh Hiệp. Khi về, ông tiễn tôi ra thang máy, nói: "Chúc em đi vui khoẻ. Anh thì lớn tuổi rồi chắc không có dịp sang Úc đâu; còn em thì chắc phải mất vài năm để ổn định cuộc sống, chưa chắc mình đã có dịp gặp nhau lại." Trước khi cánh cửa thang máy khép lại, tôi kịp thấy mắt ông long lanh chừng như là có nước mắt.

Sau khi Cao Xuân Huy ra về, tôi bần thần nhấc ống điện thoại lên định gọi cho Mai Thảo . Nhưng mới quay được vài số, tôi lại buông ống nghe xuống. Chả lẽ tôi lại hỏi ông "anh có khỏe không?" hay "anh có sáng tác được gì mới không?" như tôi vẫn thường hỏi ông trước đây? Nhưng nếu không hỏi thế thì nói chuyện với ông về cái gì bây giờ? Cứ thế, bao nhiêu lần cầm ống điện thoại lên lại gác xuống rồi cứ bâng khuâng, cứ bùi ngùi, cứ ngẩn ngơ cả mấy tiếng đồng hồ.

Sáng hôm nay, tôi nghe tin Mai Thảo từ trần. Tôi bỗng thèm nói chuyện với ông vô hạn. Nhưng tôi biết quay số nào bây giờ?

NGUYỄN HƯNG QUỐC

Melbourne, Chủ nhật, 11.1.1998



LÊ BI

giã từ Mai Thảo

Hình như sau nhiều ngày nhiều tuần nhiều tháng chết giả
nhưng 10 tháng 1 năm 1998
Mai Thảo chết thật.

Ông để lại cho chúng tôi những chữ
nở sao
ông để lại cho chúng tôi những chai rượu
màu hồng
ông để lại cho chúng tôi khói thuốc
nhẹ đời.

Bấy lâu nay cái bóng ông rất nghiêng ở phố Bolsa
căn phòng của ông hay khép hờ
chờ
bạn bè và rượu
không cần gõ cửa
ông mở
và khép kín lạ lùng trong những ly rượu
có ngồi chung bàn
ông vẫn ở xa chúng tôi
có xẻ cùng chai
ông vẫn chìm một thế giới khác.

Hình như ông Mai Thảo không còn thịt
mà chỉ là chữ
da ông bọc lên những chữ

Cuối cùng ông Mai Thảo có chết thật
những chuyến xe buýt vẫn chạy qua quận Cam
những đài radio vẫn không thể ồn ào hơn
và những người bạn của ông
đã viết sẵn những bài cáo phó những điếu văn những tùy bút
(như tôi đã tự hẹn)
(dù chỉ biết ông mấy năm sau này qua rượu).

Cuối cùng ông Mai Thảo không thể chối từ cái chết
của mình
như ông đã từng chối từ rất nhiều điều của cuộc sống
như ông thường từ chối ăn hết một phần ăn
như ông thường từ chối những tên bác sĩ
như ông đã từ chối cải tạo
như ông đã từ chối những chính phủ những chủ tịch
như ông đã từ chối những cờ quạt những biểu ngữ
như ông đã từ chối đọc văn chương trong nước
như ông đã từ chối vợ con
như ông từ chối không bao giờ nói về mình
ông chỉ là chữ
hư cấu như chữ
rượu như chữ
khói thuốc như chữ
bạn bè cùng thời là chữ
để lêu khêu giữa những đêm
chỉ có những vì sao
ông cô độc giữa một thế giới ồn ào
chữ lên trời
và ông là một con bướm rất gầy
không bay qua Nam Hoa
mà nằm gần ly tách.

Khi không còn điều gì có thể làm ngạc nhiên cuộc sống
ông Mai Thảo chết thật
đêm vẫn cao
chúng tôi không thể không nghĩ tới những vì sao
lấp lánh
sự im lặng rất gần
chúng tôi không thể không nghĩ tới một địa chỉ khác
mà những kẻ còn sống đang trốn chạy
khi ông vẫn chậm rãi
giữa hư cấu
tôi không hiểu ông chết thật
(hay chúng ta đang sống giả)
người y tá từ chối mọi sự giải thích
bao nhiêu năm mỗi ngày một chai
bao nhiêu ngày bao nhiêu điếu thuốc
đất, nho, gỗ, sương, nắng

ông ôm chữ
nằm trên chữ
ngủ với chữ
đi theo chữ
nắng
mưa
chữ
đan xé và rượt đuổi nhau.

Hình như ông Mai Thảo đã chết đang chết và sẽ chết như
mỗi người chúng ta
như sáng thứ bảy Nguyễn Kỳ Hùng nói ông chết thật
mà phải lập lại nhiều lần
như đêm trước tháng trước Lê Thị Thấm Vân,
Khánh Trường đều bảo ông vừa chết
những tiếng chuông điện thoại lanh lảnh
nối tự ngân hà
nửa đêm chúng tôi ra ngoài đợi sao
lóng lánh
chúng tôi tiếp tục uống
chúng tôi tiếp tục hút
ông đã để lại cho chúng tôi những ly tách của cuộc đời
và chữ
chẳng những Hà Nội, Saigòn, Seatle, Hồng Công, Quận Cam
mà có lẽ cả thế giới đều ở dưới chân
chẳng những 1927, 1954, 1975, 1998 mà cả thế kỷ này đều
phù phiếm.

Cũng chẳng còn điều gì để chối từ
kể cả cái chết
chỉ nên để những chữ
(chữ viết tay)
đến đón ông đi.

Hình như Mai Thảo phải chết một lần
là đủ
trong cocktail của một cuộc đời
Mai Thảo
đúng ra chỉ sinh ra là chữ.

LÊ BI



DU TỬ LÊ

MỘT CÀ PHÊ SỮA ĐÁ,



Thứ Năm 8 tháng 1, 98:

- 4:45PM: Mưa tiếp từ đêm trước, nhưng bầu trời vẫn óc ách, xộc xệch những đám mây ống nước. Tôi vừa bước vào nhà. Điện thoại reo. Đầu giây bên kia, giọng nói nhanh, trẻ, gẫy gọn, và rất mực lễ phép. *Thưa bác cháu là Tâm, Bác cháu, Bác Mai Thảo muốn gặp bác gấp, nếu có thể được...* Tôi nhận ra ngay, đó là người con gái lặng lẽ, trong nửa năm qua, từng có nhiều dịp đứng tựa dọc hành lang bệnh viện Fountain Valley, những ngày đầu tháng Tám. Tôi hình dung được ngay, đôi mắt mở lớn, dáng đi nghiêng, hắt về phía trước. Người con gái tôi từng gửi gấm để xin dành ưu tiên cho Hoàng Anh Tuấn và Đỗ Vẫn Trọn, từ San Jose về, được vào thăm ông Bác của cô, sau chuyến đi hộc tốc. Họ hốt hoảng chạy vào bệnh viện. Họ ngỡ ngàng bị chặn lại bên ngoài khung kính khu ICU. *Thưa bác, bác cháu không còn ở dưỡng đường Haster nữa. Bác cháu đang nằm ở bệnh viện Garden Grorve... Lầu 6 phòng 608... Bác biết đường Garden Grove... Bác biết đường Harbor... Biết. Biết. Cháu không có địa chỉ. Nhưng dường như nó là Garden Grove Art Hopistal. Lầu 6. Bác nhớ. Nhớ. Bác ghi được rồi. Nhân tiện, nếu bác gặp bác Đỗ Ngọc Yến, cũng xin bác nhắn hộ là bác cháu muốn được gặp bác Yến... Có chuyện gì Tâm biết không? Dạ cháu không biết. O.K. Bác sẽ nhắn. Bác sẽ đi ngay.*

- 5:00PM: Mưa tiếp từ đêm trước; nhưng bầu trời vẫn óc ách, xộc xệch

những đám mây ống nước. Chiếc xe trôi chậm rì trong gió và, bóng tối lép nhép. Khúc đường gần xịt bỗng trở nên dài đằng. Một chiếc quạt nước gẫy tiếp tục đào sâu đường rãnh có sẵn, hình cánh cung trên kính xe. Linh cảm tôi dự báo điều bất thường. Điều tôi chờ đợi từ nhiều tháng qua, phải chăng đã tới? Chúng tôi im lặng. Chúng tôi giữ rịt trong lòng những cảm nhận, những suy nghĩ riêng của mình. Tưởng, nếu giữ được như vậy, tai họa, bất hạnh sẽ không có cơ hội xập xuống. Tưởng, nếu hai đứa dối gạt được nhau, thì, cũng có nghĩa đã dối gạt được định mệnh! Mưa tiếp. Nặng hạt hơn. Một chiếc quạt nước gẫy, đào nhanh hơn, sâu hơn đường rãnh có sẵn, hình cánh cung trên kính xe. Tôi không thể nghĩ, đoán bất cứ một lời trối trăn nào của người đàn ông mà Tâm gọi bằng Bác; và, anh em chúng tôi gọi bằng Anh, với tất cả yêu mến, kính trọng gần như tuyệt đối. Tôi cố để không nhớ lại lời Anh kể với chúng tôi rằng: *Vũ Tài Lục bảo tôi, nhiều lắm thì cũng chỉ hai tới ba năm nữa là cùng.* Tôi nói lớn trong đầu, cũng có khi Vũ Tài Lục sai chứ. Sai quá đi chứ. Bằng chứng Anh đã bước qua biên giới sinh tử. Anh đã được đưa về Convalestion Home để tập ăn, nói, đi lại, một đời thường. Tôi nhắc nhở tôi, câu nói đùa của Bùi Bảo Trúc, chưa lâu: *biết đâu một ngày nào, người ta lại thấy ông Mai Thảo lại lững thững đi trên đường Bolsa. Ông lại băng ngang khu Phước Lộc Thọ...* Có thể lắm chứ. Who knows? Và trong túi người bạn già của chúng ta, lại có thêm vài cái ticket phạt người đi...bộ...

Mưa tiếp. Chúng tôi vượt qua ngã tư Harbor. Vượt qua ngã ba, nơi có nhà hàng Pháp mà, người Bác của Tâm thỉnh thoảng vẫn ghé lại. Nơi Anh đã đem Nguyễn Bá Khanh tới để chụp những tấm hình cho một ngày trong đời Anh. Nơi (đi tới vài phút) là đầu đường Fairview. Đường Fairview sẽ xắn ngang Ranchero Way., Ranchero Way, 1980, căn nhà, con đường nhiều lần xuất hiện trong văn chương, bền lâu, trong ký ức Anh. Ranchero Way, căn nhà, con đường Anh tìm đến, ở lại nhiều ngày, đêm những tháng ngày đầu đời lưu vong.

- 5:20: Mưa bị tòa building 8 tầng chặn lại. Tôi bị người phụ nữ Mễ Tây Cơ, mặc áo blouse mầu hồng, lớn tiếng, đuổi ra khỏi căn phòng 608. Bà ta đang vật lộn với trở ngại ngôn ngữ, với bộ xương dài ngoằng, bất động trên chiếc giường sắt. Hành lang lạnh, trắng hút, hút những câu hỏi không có câu trả lời nơi những cửa phòng đánh số và, những ngã rẽ. Đôi ba bóng người hiện ra, biến đi, tựa những hình nộm. Bình nước tiểu sóng sánh chút nước đỏ cạch, những tấm drap được mang ra cùng nụ cười của người đàn bà Mễ Tây Cơ. Chúng tôi bước vào. Đôi mắt Anh sáng lên. Có dễ cũng cả nửa năm qua, tôi mới bắt gặp lại ánh mắt tinh, ranh, thoáng chút riễu cợt, khinh mạn nơi

đuôi mắt. Linh tính tôi sai bét. Dự báo nhầm. Vũ Tài...gì thì lần này cũng té giếng thôi... Tôi nghĩ.

Không một chờ đợi trầm trọng trong phỏng đoán nào của chúng tôi, xẩy ra. Anh ra dấu cho anh một điếu thuốc. Những ngón tay dài ngoẵng, (đúng hơn những lóng xương nối nhau,) khó nhọc, vất vả đưa lên gần đôi môi mỏng, mím, nơi khuôn mặt đã biến dạng. Anh ra dấu. Ra dấu. Ra dấu. Vài giây im lặng qua đi. Tôi hỏi: *Anh cần gì? Thuốc lá phải không Anh?* Ánh rạng rỡ nơi đôi mắt Anh, tăng cấp số nhân. Vài giây im lặng qua đi. Ánh rạng rỡ ngúm tắt. Tôi đọc được ý nài nỉ nơi cái đầu Anh cố gắng đưa xuống gần ngực. Tôi đọc được ý nài nỉ nơi đuôi mắt Anh chuyển động. Nháy. Nháy. T. buột miệng bảo tôi: *Không được anh. Anh phải ra báo y tá thôi. Nguy hiểm lắm. Máy báo động sẽ kêu. Còn giường bên cạnh...* Đuôi mắt tiếp tục nháy. Cường độ nài nỉ tăng cấp số nhân, với toàn bộ khuôn mặt Anh. Những phần da, xương còn khả năng biểu lộ. Tôi ra khỏi phòng, tựa vách tường. Hành lang lạnh, trắng hút, hút những câu hỏi không có câu trả lời nơi những căn phòng đánh số và, những ngã rẽ. Đôi ba người hiện ra, biến đi, tựa những hình nộm. T. bước ra, trên tay miếng plastic mầu xanh, ghi hàng chữ: Patient: Nguyễn, Quý. Dr. Nguyễn Khiêm. Tôi hỏi, ở đâu ra cái này. T. đáp, *em gỡ. Anh ấy đòi. Em sợ Anh ấy muốn giựt bỏ mọi thứ giây nhợ chạy quanh người. Triệu chứng gì em không biết. Nhưng đây là lần đầu tiên...Phải báo y tá thôi!* Tôi gật đầu. Phải báo y tá thôi! Tôi báo sự việc bất thường này với bà y tá già và người đàn bà nurse aid, Mễ Tây Cơ rồi vào phòng lại. Những lóng xương xếp thành hình dạng những ngón tay dài ngoẵng, lại lẩy bẩy nhấc lên. Chúng lại khó khăn, vất vả đưa về gần đôi môi mỏng, mím. Lần này, cùng với thủ hiệu, là đuôi mắt trái của Anh nháy. Nháy. Tôi chỉ còn chọn lựa chót: dối gạt nài nỉ kia: *Vâng. Anh để tôi xuống xe lấy thuốc lá cho anh.* Tôi đi thẳng một mạch ra thang máy. Những mẩu thuốc nở, trương, sũng nước hớ hênh cười nhạo trên dưới ánh đèn, mưa tiếp.

Núp dưới hiên, tôi rút một điếu thuốc. Đốt cho chính mình, cho mưa, và, cho sự dối gạt còn ướt trên môi tôi.

5:30PM: T. xuống. Đưa tôi miếng giấy. Đúng hơn, đó là bao đựng mấy miếng sponges của nhà thương. Miếng giấy có hàng chữ sau cùng của một người có trên nửa thế kỷ ăn ở trân trọng, nghiêm chỉnh với chữ nghĩa. Giòng chữ: *1 Cà phê sữa đá.* Mưa xấn sổ ném lên những con chữ, như thể muốn nuốt chửng, muốn bôi xóa chúng; hay, tố cáo sự bất lực, nỗi hèn hạ đốn mạt của chúng tôi?

8:10PM: Mưa tiếp. Tôi điện thoại xin gặp Tâm. Tôi muốn báo cho Tâm biết tôi đã hoàn tất lời Tâm nhắn. Tâm không có nhà. Tôi nói chuyện với mẹ Tâm. Chị Yến kể cách đây 10 phút nhà thương đã đưa Anh ấy trở về lại đường Haster. Một lần nữa, linh tính tôi sai toét. Dự báo lầm. Vũ Tài... gì thì cũng có lần phải sai chứ... Tôi nói với chị, ngày mai, chị hãy lén cho anh ấy một điếu thuốc và, một cà phê sữa đá. Bệnh viện không thể, nhưng Convalestion Home thì được. Tôi kể chị nghe về khuynh hướng muốn dứt bỏ mọi thứ giây nhợ. Chúng tôi đồng ý với nhau, tình trạng Anh, lại trở về mức khởi điểm hy vọng: Bolsa, Phước Lộc Thọ và dăm tấm giấy phạt người đi...bộ.

8:20PM: Mưa tiếp. Nằm trên chiếc sofa, vẫn bằng vào lạc quan kia, trả lời điện thoại Đỗ Ngọc Yến, tôi nói,... *tuy nhiên, ngày mai bác cố gắng đến Haster, thăm Anh ấy. Haster, chứ không phải nhà thương Garden Gorve. Có thể ông ấy nghĩ bác ba đầu sáu tay sẽ đốt được cho ông ấy một điếu thuốc và 1 cà phê sữa đá... không chừng...* Yến ậm ừ. Tôi nghĩ chắc anh sẽ không đến Haster ngày mai... Cuộc nói chuyện chấm dứt khi tôi có đường giây khác tới.

9:00 PM: Mưa tiếp. Anh Nguyên Sa gọi, hỏi thăm. Tôi tóm tắt những diễn biến chính. Anh bảo, *vậy thì tốt. Tốt hả anh? Tốt chứ. Về lại nursing home mà. Đâu có ở nhà thương nữa.*

Thứ Bảy 10-1-98

- Houston, 9:30AM: Đường Tuam. Trời se lạnh. Tin thời tiết cho biết Texas sẽ có một ngày nắng ráo. Nhiệt độ thấp nhất 50. Cao nhất 65. Bão sẽ đi qua Houston và vùng phụ cận vào ngày hôm sau, từ 12 giờ trưa, tới 4 giờ chiều. Có chill wind và mức nước mưa có thể từ 2 tới 5", tùy khu vực. Quán mới mở cửa. Hào gọi cho tôi 1 cà phê sữa đá và tô phở. Cửa mở. Nắng rỡ ràng. Một phụ nữ tất tả bước vào. Chị tới thẳng bàn chúng tôi. Mừng rỡ, tôi chào. Hỏi, *chị ăn gì chị Phương Hoa?* Chị nói, *tôi ăn rồi. Cho tôi 1 cà phê sữa đá.* Hào tìm người hầu bàn. Tôi nhúng thìa, đũa vào tô phở của mình. Nhạc xuân. Một bài hát cũ. Rất cũ. Của Nguyễn Văn Đông? Nói về một người lính ôm súng trong vọng gác, đón giao thừa. Phương Hoa khuấy ly cà phê sữa đá. Tiếng muỗng, đá va vào thủy tinh, lanh canh. Tiếng lanh canh bứt rứt, ngập ngừng, đứt đoạn. Tôi ngước nhìn chị. Đôi mắt chị đỏ hoe. Chuyện gì? Tôi không đoán. Chị cúi xuống ly cà phê sữa đá. Tiếng lanh canh bứt rứt khua động thêm một vài hồi rời rạc. Rồi tắt.

Tôi không thể đợi tới lúc anh ăn xong tô phở, vẫn cúi xuống ly cà phê

sữa đá của mình, chị nói; *anh Mai Thảo mất rồi. T. mới báo cho chúng tôi biết. Anh Thăng kẹt bệnh nhân. Tôi nghĩ phải ra đây cho anh biết, trước khi anh đi Austin...* Tôi đặt đũa, muỗng xuống. Hào đặt muống, đũa xuống. Chiếc muỗng trong ly cà phê sữa đá của chị Hoa vẫn được những ngón tay chị giữ chặt. Có phần chặt hơn. Những ngón tay bầm, thâm vì máu không thể đi tới. *Khi nào? Ba giờ sáng nay.* Trước mặt chúng tôi, là ba ly cà phê sữa đá. Austin.

1 cà phê sữa đá

Thủ bút cuối cùng, của Nhà Văn Mai Thảo, viết tại nhà thương, một ngày trước khi từ trần.

2:50PM: Khi đã tìm được exit vào đường Jamestown, Hào hỏi: *anh có thèm một ly cà phê sữa đá?* Tôi gật đầu, *nên lắm chứ. Hạnh phúc biết bao nếu lúc này, chúng ta có được một ly cà phê sữa đá*. Thật ra, tôi muốn nói với Hào rằng, hạnh phúc biết bao, trong đời sống này, chúng ta có được một người tên Mai Thảo. Suốt cuộc hành trình trên xa lộ 290 W., trong tôi cứ lẩn quẩn hoài câu nói của ai đó, rằng: được làm người đã khó, nhưng sống cho ra một con người còn khó hơn nữa! Chưa bao giờ tôi thấm thía câu nói kia, bằng lúc này. Và, nếu được phép sửa một chút, tôi sẽ xin được sửa thành: *sống cho ra một con người đã khó, nhưng sống như Mai Thảo - Nguyễn Đăng Quý trong đời sống này, còn khó hơn một bậc nữa vậy!* Mặc dù, mỗi chúng ta, hằng ngày, bất cứ lúc nào, ở đâu, cũng có thể gọi được, tự làm lấy cho mình một ly cà phê sữa đá. Chỉ riêng Anh thì không. Chẳng bao giờ, chẳng bao giờ, nữa!

DU TỬ LÊ

11-1-98



THẾ UYÊN

MAI THẢO, NGƯỜI BẠN TỪ MỘT KHOẢNG CÁCH



Tôi đọc tạp chí *Sáng Tạo* từ những số đầu, nhưng quen biết những người của nhóm này khá trễ, ngoại trừ Nguyễn Sĩ Tế vì anh là thầy dạy Việt văn lớp đệ ngũ (lớp 8) cho tôi tại trường Chu Văn An, Hà Nội. Người thứ hai tôi gặp của nhóm *Sáng Tạo* là anh Trần Thanh Hiệp trong một buổi hội thảo tổ chức tại Câu Lạc Bộ Văn Hóa đường Tự Do, Sài Gòn: Hôm đó anh Hiệp thật trẻ trung và hăng hái lên tiếng chê miền Nam kỳ lục tỉnh không có một nền văn học đáng kể, và tôi lúc đó đã hăng hái không kém, lên micro bày tỏ sự bất đồng ý kiến.

Tôi chỉ gặp Mai Thảo nhiều năm về sau, sau một cuộc tranh luận gián tiếp giữa anh và tôi, nghĩa là mạnh ai người nấy bày tỏ quan điểm trong báo, tiểu luận của mình, chứ không trực tiếp tranh luận. Thời đó nhóm *Sáng Tạo* đã thôi công khai phủ nhận *Tự lực Văn đoàn*, có lẽ đồng ý với quan điểm của Duy Lam và tôi: cho dù *Tự lực Văn đoàn*, và cả Nhất Linh nữa, không còn hợp với thế hệ trẻ hiện đại, thì cũng vẫn là một số vốn, một chỗ dựa, một bàn đạp lấy trớn cho người lớp sau đi tiếp và đổi mới. Nhưng điểm va chạm nhất là về sau Mai Thảo đưa ra quan điểm văn học phải viễn mơ, tách rời khỏi thực tại, nhất là hoàn cảnh chính trị xã hội đương thời.

Vào thời gian đó tôi đang chủ trương *nhóm Văn Hóa Thái Độ* với chủ

trương văn học phải dấn thân, hiểu theo nghĩa nhà văn phải liên đới chặt chẽ với đồng loại, với thời của mình, không làm được người phát ngôn cho quần chúng bị đọa đầy, khốn khổ trong chiến tranh, nếu dùng văn ảnh của Albert Camus, thì cũng phải rời bỏ mặt đất an lành mà xuống tàu, và khi xuống rồi cũng dừng ở trên boong trên uống rượu đàn hát với vua chúa, mà phải xuống những khoang dưới của những người cùng khổ, làm nhân chứng, làm biện hộ cho họ. Trong một bài tiểu luận, tôi có lên tiếng phê phán trường phái văn học viễn mơ là chịu ảnh hưởng quá nặng của văn hóa Pháp và sống thu hẹp trong các thành phố nên chỉ sản xuất ra một nền văn học cho một thành phần thiểu số được sống an bình trong ốc đảo các thành phố mà thôi.

Những tranh luận gián tiếp này không hề làm một thành viên nào của *Sáng Tạo* giận dữ cả. Một buổi chiều tôi và Thi đi ăn tối với Trần Phong Giao tại một quán cơm Tây phương đường lê Lợi — món ăn vừa ý, rượu vang ngon vì cái gì chứ khoản ẩm thực thì Trần Phong Giao với Nguyễn Đình Vượng đều sành sỏi. Ra khỏi quán, đang vừa đi vừa nói chuyện vui vẻ trong gió mát lồng lộng từ sông vào, tiến về phía bùng binh thì Trần Phong Giao chặn bọn tôi dừng lại và chỉ một người dáng thanh cao quần áo chải chuốt một cách kín đáo đang nhìn bọn tôi chăm chú: *Anh Mai Thảo đó!* Sau khi TP Giao giới thiệu, Mai Thảo đã bắt tay tôi một cách nồng ấm và nhìn Thi với một nụ cười bao dung của một ông anh cả bắt gặp cô em út đang đi chơi với chàng.

Nhưng chỉ quen biết vậy thôi, không tiến đến một tình bạn thực sự nào như tôi đối với Doãn Quốc Sỹ sau này. Vợ chồng tôi có thói quen mỗi khi đi xi nê xuất tối về hoặc chia tay bạn bè từ quán café, hay ghé bùng binh nơi ngã sáu có tượng Phù Đổng đen xì ngựa thè lưỡi sắt đỏ lòm. Nơi này có đủ loại hàng quà ăn đêm, không ngon lắm, nhưng đêm khuya thành phố vắng dần, có khoảng trống trước mặt mà ngó với bầu trời trên cao với những thực khách nữ xuất hiện vào thời khắc này đa số đều hấp dẫn, không vì nhan sắc thì cũng vì cách ăn mặc độc đáo hay vì những nghề nghiệp về đêm. Thi khoái ăn bánh đúc chiên nóng bỏng của ông già tầu sát con hẻm, tôi ăn bánh cuốn kiểu miền Nam đẫm nước chấm và uống thêm một chai 33 thật lạnh. Và bọn tôi hay gặp Mai Thảo ở nơi này, thường là một mình một bàn với chai bia. Bọn tôi biết anh tiếp tục sống độc thân hoài trong một chung cư nào đó và có khả năng tình dục bình thường, nhưng chẳng lần nào gặp anh đi trong khuya như thế với một người nữ — dù văn chương anh càng về sau càng tràn đầy phụ nữ hấp dẫn, đến độ một bạn văn phải kêu lên là "sặc mùi son phấn"!

Sau một lần anh ra dấu mời hai đứa tôi sang ngồi chung bàn, tôi chỉ Thi đang suýt soa với bánh đúc nóng hổi cay xè, cười lắc đầu từ chối, anh không mời nữa. Khi ra về, thường là hai đứa tôi về trước vì có con nhỏ và vì

vợ chồng trẻ còn thiếu gì điều thích thú để làm, hơn là khề khà thêm một chai bia với Mai Thảo. Và ba đứa bọn tôi vẫn chào nhau giã từ từ khoảng cách đang có sẵn: ít khi tôi lại tận bàn anh để bắt tay, và Mai Thảo thì vẫn đáp lễ bằng nụ cười bao dung của một ông anh lớn đối với hai đứa tôi. Và tôi nhớ có một lần khi gọi tính tiền, nhà hàng cho biết "cái chú ngồi kia đã trả giùm rồi". Nhìn theo hướng nhà hàng chỉ, hai đứa tôi mới nhận ra anh ngồi khuất sau hai bàn đầy thực khách từ hồi nào — vẫn một mình với chai bia cô đơn. Không tiện len tới gần, tôi giơ bàn tay mở rộng lên cao, ra dấu chào và cám ơn, anh chỉ cười và đưa hai ngón tay lên phác một cử chỉ như nói: có gì đâu, hai cô cậu...

Tương giao hai bên chỉ vậy thôi, và cứ như thế kéo dài. Thật ra có một lý do nữa làm tôi khó thân với Mai Thảo: Mỗi nhà văn đều thường là một độc giả, và là một độc giả chăm đọc truyện và thơ của người khác, và với tư cách độc giả này, thích nhà văn nhà thơ hay nhạc sĩ nào thì thường tìm cách làm quen kết bạn với người đó. Và về phần tôi, nếu tôi thích nỗ lực sáng tạo, đổi mới văn chương của Mai Thảo thì tôi lại không thích đọc văn của anh. Tôi ngưng đọc anh sau cuốn "*Viên đạn đồng chữ nổi*": anh quá quan tâm đến việc "làm mới chữ nghĩa", câu văn cũng như chữ sử dụng thật cầu kỳ hoa mỹ, thiên về văn ảnh và nhịp điệu nuột nà, làm giảm bớt cái hay của truyện, làm nhạt tác động của truyện đối với người đọc. Tính tôi vốn ngay thẳng, lại còn cái sung của tuổi trẻ, nên ngại chơi với anh thân hơn, sẽ có lúc tôi say rượu, buông ra những lời phê bình làm buồn lòng anh. Tôi không nỡ, không muốn làm buồn một con người đam mê và trang trọng với chữ nghĩa (ở nơi tôi không có được nỗi đam mê và trang trọng này), có cư xử và phong dáng hiền lành dễ thương như thế.

Một hôm Thi đưa một nhật báo cho tôi: "Anh nên đọc vì anh Mai Thảo bây giờ viết đọc được lắm". Và dĩ nhiên tôi đọc. Vào thời kỳ ấy Mai Thảo viết feuilleton cho các nhật báo, và tôi đọc kiểu trích đoạn những truyện dài "*Khi mùa mưa tới*", "*Mười đêm ngà ngọc*". Thi nói đúng, bây giờ Mai Thảo làm chủ ngôn ngữ văn ảnh hơn xưa, nhưng vẫn lẩn khuất lãng đãng những bóng hình người nữ, như sương như khói. Phụ nữ trẻ mà thay quần áo hay tắm táp, không thủ cho kỹ là có đàn ông coi cọp liền — truyện muôn thủa âm dương thôi — vật mà khi tả một nhân vật nam coi lén một người nữ đêm khuya mùa hè nóng nực đứng tắm cạnh bể nước ngoài sân, văn anh vẫn cứ là lãng đãng, ít gợi dục tình. Đúng là loại văn *romance* hợp với phụ nữ bất cứ thời nào và ở đâu.

Dĩ nhiên viết như thế anh đông độc giả, nhất là phía nữ, trong khi tôi thời kỳ này thì cứ hết "*Tiền đồn*", "*Nối chết không rời*" lại "*Đoạn đường chiến*

binh" quá nam tính quá mạnh mẽ, tràn đầy những dữ dằn tàn bạo của chiến tranh, nghĩa là những thứ phụ nữ thường không ưa. Văn Thế Uyên, thường là đàn ông đọc, mà đàn ông mạnh, ra đàn ông, chứ đàn ông nhiều nữ tính, bột bẹt cũng không ưa tôi. Rút cục Mai Thảo và tôi cứ là như thế, mỗi người một hướng một lối một thành phần độc giả cho tới tháng 4, 1975. Cũng bởi thế rất nhiều năm sau đó có dịp lang thang ghé vài tiệm sách của Houston hay WA. D.C., thấy sách anh được tái bản đầy đủ và thường chiếm một ngăn riêng trang trọng trong tiệm sách, tôi không ngạc nhiên.

Khi tôi được tha khỏi trại cải tạo, đi uống café góc đường với nhà thơ Khoa Hữu, anh bạn này cho biết Mai Thảo đã trốn thoát trong vụ Đảng CSVN ruồng bắt hầu hết nhà văn nhà thơ và trí thức miền Nam năm 1976. Khoa Hữu kể có lần thấy Mai Thảo ngụy trang với râu ria đàng hoàng ngồi xích lô đi qua, mừng quá suýt gọi, may mà kìm được, không thì "bể mánh" hết. Tôi thật vui khi biết anh đã vượt biên thành công, vì nếu để Công An bắt được, anh chắc chắn phải đi cải tạo như Nguyễn Sĩ Tế, trên mười năm hay lâu hơn nữa. Tôi tin chắc như thế vì sau đó khi tôi bị cán bộ bảo thủ ngoài Bắc vào lôi ra tố khổ, bắt kiểm điểm cả tháng, người phụ trách, một chức sắc của Thành Ủy, đã hỏi tôi là: Vào thời kỳ... CIA cho Mai Thảo bao nhiêu để hắn viết những truyện tình son phấn đồi trụy?

Dĩ nhiên là tôi hăng hái đính chính: tại miền Nam suốt hai mươi mốt năm, 1954-1975, chính quyền cũng như các tổ chức văn hóa của Hoa Kỳ chỉ thỉnh thoảng cấp ra những tài khoản cho một số người để dịch những sách giới thiệu văn hóa văn học lịch sử Hoa Kỳ, hay xuất bản một số tạp chí văn học nghệ thuật (thường là ít độc giả), vậy thôi. Miễn sách báo ra đời được, đẹp và đàng hoàng, còn ông chủ biên mời ai viết và viết cái gì, thường mặc kệ không can thiệp tới. Không có mục ông CIA, CIB nào xía vô cõi văn chương chữ nghĩa của các nhà văn cả, vì đó "không phải là nghề của chàng"... Ngày đó tôi đã cười kết luận: Hồi ấy Mai Thảo chán chính trị chán chiến tranh nên xoay sang viết truyện tình, và vì truyện tình như thế hấp dẫn độc giả, chủ báo mời viết hoài trả nhuận bút cao thì anh viết tiếp. Vậy thôi, Mai Thảo là nhà văn chuyên nghiệp, sống bằng nhuận bút mà thôi, không có nguồn lợi tức nào khác.

Mười hai năm sau tháng 4, 1975, tôi và Thi cùng các con mới đi được một đường ODP rời khỏi Việt Nam, và khi đến Bangkok được chuyển sang diện tị nạn nên được đưa tới trại PRPC tại Bataan bên xứ Phi, cùng với các thuyền nhân học Anh Văn và Hướng nghiệp, làm những thủ tục tái định cư bên xứ Mỹ. Nếu chỗ ở thì chật chội thiếu tiện nghi, nhưng lương thực phát ra không tệ, nhiều cá tươi, có khẩu phần thịt hàng tuần với rau tươi. Nhưng

phiền một điểm dân tị nạn ở đây vẫn cần có tiền để mua củi mua than, dụng cụ làm bếp và đồ đựng nước, chưa kể đi học xa nơi ở 5 giờ một ngày, cần tiền giải khát. Chưa kể quán sá tràn đầy với những bản nhạc bị cấm nghe biết bao năm trong nước, những đóng góp để được đi dã ngoại tới Manila và các thắng cảnh trong vùng... Tôi viết thư cho người thân ở Mỹ xin chi viện và viết thư cho các bạn văn xin báo đọc.

Người trả lời thư nhanh nhất là Tạ Tỵ, kèm theo một tờ 20 dollar. Sau khi chúc mừng bọn tôi ra thoát khỏi Việt Nam bình yên, nguyên vẹn cả gia đình, anh tặng bọn tôi bài học hội nhập số 1 khá hay. Anh viết: "Xin chia buồn với T. U. một chút vì đến Mỹ ở tuổi trên 50, quá già để kiếm được job tốt, nhưng lại còn quá trẻ để xin được tiền già! Nước Mỹ không phải là thiên đường đâu, và nếu có chăng, thì đó là một thiên đường rất "nóng". Tưởng gì chứ "nóng" thì bọn tôi đâu có sợ, chiến đấu để tồn tại mười mấy năm quen rồi, có sợ chăng là sợ thứ "thiên đường mù, thiên đường treo" ở trong nước kia.

Các bạn làm báo như Mai Thảo, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Hữu Nghĩa, Hồ Anh, Đỗ Tiến Đức... đều gửi báo đều đặn cho tôi, và khi gửi nhiều như Làng Văn, tôi chia bớt cho các bạn khác trong trại. Kể từ khi bắt đầu đọc tờ Văn, tôi đã thích những bài tạp ghi hàng tháng ở đầu mỗi số của Mai Thảo.

Anh viết giản dị về chuyện đi lang thang thăm bạn bè trên nước Mỹ, Canada... ghi lại cảnh vật đáng chú ý như "rừng phong thu đã nhuốm mầu quan san" hay các thành phố toàn rừng thông với hồ và biển thường chìm lãng đãng trong mù hay mưa, một năm chỉ có hơn 80 ngày nắng đẹp là thành phố tôi đang ở (Seattle). Anh viết về những nhà văn khác ở hải ngoại, những đi về, thay đổi, những tác phẩm mới ra đời, những ai mới thoát ra khỏi Việt Nam. Đọc mục này tôi biết được hầu hết những tin tức, sinh hoạt chính của "làng văn Việt Nam hải ngoại". Anh viết với văn phong điềm tĩnh và không chê trách một ai, chỉ trừ một lần anh biện giải với một người bạn văn nữ lý do tại sao anh chỉ nhận lời đến nhà chị đúng một lần: lý do đưa ra làm tôi khoái chí: anh là dân hút thuốc lá mà gia đạo bên chị không cho ai hút thuốc trong nhà.

Đến Tết Nguyên Đán năm đó, gia đình bọn tôi vẫn còn ở Bataan, anh gửi cho tôi 100 để các cháu ăn cái Tết đầu tiên ngoài cõi Việt Nam. Và dĩ nhiên 100 dollar ở Phi thì to lắm và bọn tôi đã ăn uống vui chơi linh đình với tiền tặng bởi một ông bạn — cho đến giờ cũng vẫn cứ ở cách một khoảng. Sau khi đã ổn định nơi ăn chốn học ở miền tây bắc, tôi nhận được thư anh yêu cầu tôi viết một bài "viết về gì cũng được" cho số Văn Tân Xuân năm

đó. Anh bảo "viết về gì cũng được", còn phần tôi có lẽ vì không thời gian đã hiu hắt lạnh lẽo lắm về cuối năm nên đã lãng đãng viết về một khoảng quá khứ: *"Những người từ Tuyệt Tình Cốc"**, với những người bạn xứ Huế như Túy Hồng, Hoàng Phủ Ngọc Tường và Trịnh Công Sơn..., hơi nhiều về Trịnh Công Sơn vì qua bao đổi đời hai đứa tôi vẫn cứ chơi với nhau như bạn.

Trong nhiều năm viết văn, tôi chẳng bao giờ đoán biết được bài văn nào sẽ gây ồn ào vì khen vì chê vì gây "xốc" sau này cả. Thí dụ *"Căn nhà người mẹ"* trước 1975, *Phác thảo mùa hè cho tương lai Việt Nam"* hay truyện ngắn *"Nhà văn già và cô bé gù"* gần đây, tôi đã viết trong thoải mái, không định ý gò bó nào, nếu chúng gây dư luận, ồn ào, thì chính tôi là người ngạc nhiên đầu tiên. Vậy khi viết "Những người từ Tuyệt tình cốc" tôi không hề biết đã đụng vào điểm nóng, điểm nhậy cảm về cả tình cảm chính trị lẫn tôn giáo của cả hải ngoại lẫn nội địa. Một tạp chí "Việt kiều yêu nước" Canada trích đoạn đăng lại, chẳng có gì đáng nói vì tôi vui tính về văn chương mình lắm, đã viết đã đăng ra rồi thì *vẫn* cứ việc phiêu du trong không gian và thời gian. Ai có lễ độ văn học mà xin phép trước khi đăng lại thì càng tốt, không thì ta cười thôi.

Nhưng lần này cuộc phiêu bồng của "Những người từ Tuyệt tình cốc" đã đến một kết cục khó chịu, không thể cười được. Một tạp chí ở nội địa đăng lại đoạn văn trích của tạp chí bên Canada, nhưng "*biên tập lại*" cho đổi hẳn ý chính của tác giả đi. Phần chót tôi có viết: *Trịnh Công Sơn ở lại là phải. Nhưng còn tôi, tôi ra đi cũng là phải. Chọn lựa nào cũng có cái lý của nó, và cũng có một nỗi buồn riêng...*", đã được sửa lại là "Trịnh Công Sơn ở lại là phải, nhưng còn tôi, tôi ra đi KHÔNG là phải...". Thế là tự nội địa có những thư của các bạn đồng đội cũ phóng ra sỉ vả, có người còn cẩn thận cắt cả bài báo ấy gửi qua Bưu điện cho tôi nữa. Và khi đợt H.O. đầu tiên tới Mỹ, có bạn còn cẩn thận điện thoại viễn liên tới mắng mỏ nữa. Làm tôi sau cùng phải kê lại mấy ông bạn cũ này là "cải tạo quá tốt nên báo Đảng đăng cái gì cũng tin trăm phần trăm liền!"

Mai Thảo của trường phái viễn mơ, tạp chí VĂN của anh như con thuyền êm ấm xuôi trên giòng sông không sóng gió, dĩ nhiên đâu có thích gì một thứ văn chương gây ồn ào quá như thế. Bởi thế, kể từ đó, anh không tặng báo cho tôi nữa và cũng không yêu cầu đóng góp bài vở cho VĂN, "một lần rồi thôi đó nghe!".

---

* "Những người từ Tuyệt Tình Cốc" được in lại trong cuốn "Con đường qua mùa đông" do Xuân Thu xuất bản, Calif, USA, trg. 269-295

Dĩ nhiên tương quan giữa bọn tôi không chịu ảnh hưởng của những truyện ồn ào ngoài lề văn chương như vậy. Lần đầu tiên cùng các con lái chiếc xe cũ mua có 700 đi dọc I.5 xuống tận Mexico, bọn tôi có ghé thăm anh trong chung cư khiêm tốn sau quán ăn Song Long. Nhìn thấy đám tôi xuất hiện, anh tiến đến gần và thân ái ôm lấy Thi, đúng như một ông anh cả ôm cô gái út xa cách đã mười mấy năm. Còn tôi, anh chỉ bắt tay, và sau đó kèm một ly cognac với anh, vậy là đủ để hàn huyên giữa nam nhân với nhau. Có lần khề khà uống rượu với nhau (anh uống nhiều tôi uống ít vì tuy thích nhậu nhưng tửu lượng lại bết bát), anh kể bác sĩ bảo anh không ngưng rượu, chỉ năm năm là chết. Anh cười cạn ly với tôi nói thêm: "Bây giờ gần bẩy năm trôi qua tôi đâu có chết..."

Năm tháng cứ trôi, anh vẫn viễn mơ với tờ Văn và tôi vẫn cứ sóng gió trong văn chương và nhiều biến đổi trong cuộc đời..Nhưng mỗi lần xuôi nam xa tít mù tới Santa Ana thăm bạn bè, tóc tôi lại bạc thêm và Mai Thảo lại yếu thêm. Cách đây một mùa hè tôi và Thi được về Mỹ nghỉ ngơi sau một thời gian công tác giáo dục đầy chông gai ở Việt Nam, hai đứa bay xuống miền nam, cùng Khánh Trường đến thăm thì anh đã yếu lắm rồi. Khánh Trường bảo đã phải đổi studio của đương sự ở tầng dưới cho anh để anh khỏi vất vả lên xuống cầu thang. Vì đã có lời mời trước ăn trưa với nhau nên Khánh Trường bảo bọn tôi cứ đứng đợi gần xe, để đương sự vào nhà đón anh ra. Anh dĩ nhiên gầy đi, vẫn giản dị và sạch sẽ trong phong dáng xưa, với bộ mặt đầy nếp nhăn, mỏi mệt. Anh nói bây giờ chẳng quan tâm đến ăn, đi cho vui bạn bè thôi. Vậy thì bọn tôi vào ngay quán gần nhất, Song Long.

Ngồi phía bên kia bàn cùng Khánh Trường, anh đã già lắm rồi, mệt nhọc, trầm ngâm kệ mọi người nói chuyện ồn ào chung quanh. Chỉ khi thấy tôi gọi một chai Michelob, anh mới can thiệp, ra dấu là đừng. Tôi chưa kịp hỏi tại sao thì anh đã nghiêng người lấy một cái túi nhỏ lên, mở lấy ra một chai rượu mang theo từ lúc nào. Chất rượu óng vàng như mật lỏng dưới nắng hè nhiệt đới được gi ót vào ba ly, và chúng tôi cùng nâng ly chúc nhau sức khỏe — Thi cũng cầm ly tôi uống ké một chút cho ấm cúng tình bạn đã từ bao năm. Và đúng như anh nói, anh hầu như không ăn gì, đi với bạn bè đúng là "cho vui thôi".

Bọn tôi có cái hẹn kế tiếp, nhưng khi ra khỏi quán, đang đi giữa tôi và Thi, khi tôi hỏi anh dự tính gì không cho tương lai, anh nói: "Chờ cái chết đến thôi". Tôi và Thi nhìn nhau, hẹn gì cũng bỏ hết, hai đứa tôi theo anh vào nhà. Thi yêu cầu anh lên giường nghỉ, anh lắc đầu, chỉ ngồi trên giường thôi. Thi thoải mái ngồi trên mặt đất, nhìn ngắm chung quanh phòng và khen bức hình nhiếp ảnh viên trẻ nào chụp anh thật đạt. Màu xanh xám đen là chính

chụp anh ngồi trên một ghế nơi bến xe bus, với dáng điệu ngồi chờ nhưng không vội không mong, như chẳng quan tâm tới chuyến xe tới sẽ đưa mình về đâu.

Tháng cuối hè năm nay Thi và tôi phải tham dự một phái đoàn đi thăm viếng vài trường đại học ở vùng San Francisco. Căn thời biểu, bọn tôi "cúp cua" được ba ngày nên bay xuống Santa Ana thăm bạn bè và anh chị Duy Lam cũng đã hơi lâu không gặp lại. Hỏi Khánh Trường anh Mai Thảo ra sao rồi và được biết hôm qua có một nhà văn trẻ vào bệnh viện thăm, anh không còn nhúc nhích được thân thể nhưng vẫn tỉnh táo, yêu cầu người bạn ấy châm giùm một điếu thuốc lá, gắn lên môi hộ anh.

Khánh Trường hỏi bọn tôi có đi thăm không, hai đứa nhìn nhau rồi cùng lắc đầu. Cách đó chưa lâu gì mẹ tôi đau nặng phải giải phẫu rồi hôn mê, Thi phải phóng lên máy bay rời Sài Gòn để cùng tôi sang miền Đông thăm mẹ. Mẹ chưa rời bỏ bọn tôi mùa hè này, nhưng hình ảnh mẹ lúc hôn mê với hệ thống life support chằng chịt làm tôi mất tinh thần thấy rõ. Thôi, bọn tôi không vào thăm anh được đâu: ly rượu chót đã uống cùng anh từ lâu, điếu thuốc cuối cùng đã có người đốt lên giùm anh rồi.

THẾ UYÊN
tháng 9/97



PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN

THƯA BÁC, VÂNG Ạ.



Tháng ba, bước vào khu chung cư cũ, vẫn tiếng nhạc Việt Nam, tân cổ hè nhau át giọng, dăm ba câu trao đổi rời rạc/chát chúa giữa người đàn ông ốm tong teo ngồi trước cửa phòng mình ở tầng trệt với người đàn bà trên tầng một góc kia hành lang. Lần nào tôi cũng đi lạc và dường như lần nào cũng phải hỏi đường người đàn ông nọ. Và lần nào cũng phải bước nhanh để khỏi phải nghe thêm vài câu thòng *Cái ông đại văn sĩ ấy à, cô đi thẳng nhé, lên lầu một nhé, cửa thứ...bên trái...văn sĩ có khác, người cứ đến nườm nượp.* Cho nên đến thăm Mai Thảo, đi buổi tối là thích nhất, chẳng có ai ở ngoài hành lang, khi chưa khuya lắm, chỉ có tiếng nhạc phim Tàu và âm thanh huỳnh huỵch loảng xoảng effets spéciaux điện ảnh Hồng Kông, lời Việt giọng Tàu (Hải phòng/ Chợ Lớn?) nhanh gần bằng vận tốc ánh sáng.

Vì buổi tối trong tuần, dễ gặp ông ở nhà hơn. Và buổi tối, ai nấy ngồi xem phim bộ thiệt tình, và nhờ ánh đèn vàng mờ, mấy cây chuối cao lỏng khỏng ở mảnh sân trong, bớt dữ dằn, có vẻ " bụi chuối sau hè " hơn. Tháng ba, bước vào chung cư cũ, cảnh vật như cũ, tiếng nhạc, người đàn ông ốm tong teo, quần đùi, áo sơ mi khoác hờ lên cái áo thun ba lỗ. *Đấy, đấy cái phòng cửa đang mở đấy...Gớm, tôi sắp chết cũng chả ai buồn đến viếng. Đấy, phòng ông ấy đấy..người tốt số...*

Lẽ ra, chẳng cần phải hỏi ai, bởi chỉ duy nhất nhà ông luôn để cửa mở. Ánh đèn lúc nào cũng có. Chủ nhà luôn luôn đợi bạn. Kẻ đến từ xa như tôi luôn luôn được cái cảm tưởng rất êm ái là được ông chờ đợi.

Hai tiếng vào đi của mọi khi bớt phần dõng dạc. Mai Thảo nằm yên trên giường, không chỗi dậy như mọi khi. Nét mặt nghiêm nghị, hai con mắt nhỏ, buồn, vẫn như cũ. - *Mới sang đấy à ? Vẫn khoẻ chứ ?* Căn phòng nhỏ ở tầng trên hay dưới cũng không khác trước mấy, vẫn kệ sách nhỏ.

Sách nằm một dẫy trơ trên giá
Cạnh người thân thế cũng trơ trơ
Sách người hai cõi cùng hư hoại
Nơi một ngàn chương thiếu một tờ

Dưới đất, từ lần thăm trước, đã không còn những chồng báo Văn mới tinh khôi nằm chờ gửi. chiếc giường dọc tường như cũ, nhưng trời nóng mà ông mang vớ, đắp chăn. Trên chiếc bàn nhỏ cạnh đầu giường, một chén xúp còn hơn một nửa. Dưới đất, rượu vẫn đứng xếp hàng đến chóng mặt. Lần này, tôi hài lòng nhìn thấy những hộp sữa Ensure, nhưng sữa trông có vẻ hơi nhiều và hàng lối nghiêm chỉnh, bất động quá. Mọi khi, ông thòng tay xuống tìm chai rượu ngay dưới giường. Lần này, ông bảo tôi rót cho ông : - *Thì một tí thôi, được phép bác sĩ đấy mà !* Năm ngoái, có lần ông nghiêm giọng rầy tôi : - *Không nói lôi thôi nhé, tôi uống các thứ này từ năm mười lăm tuổi !* Ông bảo hồ sơ bệnh lý của ông tốt lắm, tôi (giả bộ) ngạc nhiên : - *Thế sao anh Quang bảo là bác sĩ xem nhầm hồ sơ của người khác ạ ?* Ông có vẻ không bằng lòng, Nhưng ông chỉ lẳng lặng co duỗi chân, nhoài người, châm thuốc lá, những ngón tay khẳng khiu, ống quyển, bàn chân như chỉ còn xương khô. Ông ốm hơn nữa so với năm ngoái. Tôi thấy dưới đất có cả một siêu thuốc bắc - *Vũ Tài Lục hốt thuốc cho đấy !* Như những lần ông bảo à, chai rượu ấy Khánh Ly mang cho đấy. Con bé vừa ở Paris về. Con bé ấy vừa ở Úc về ...Con bé ấy , nó nấu món a, món b...tuyệt hảo. Tuyến có biết không, Kiều Chinh lại vừa được mời đóng phim...Hôm nọ có Hoàng Bắc, Phạm Việt Cường, Lê Thị Thấm Vân đến chơi. Có Đỗ Khiêm ghé quà...Tuyến đã gặp Huệ chưa ? Lê Thị Huệ đấy mà. Bao giờ đi San Jose nhớ ghé chúng nó nhé. Thụy Khuê ra sao, vẫn khoẻ chứ ? Có gặp Thụy Khuê thường không ? Hôm trước có Trần Thanh Hiệp sang chơi...

Ông nhắc người này, người nọ, vừa mới làm gì, đang làm gì. Ai cũng được nói tới bằng giọng thân mật, quí mến. Nhất là Kiều Chinh.

Cũng có đôi khi ông ngồi im lìm. Thuốc, rượu đã ngấm ? Nhưng rượu vào suốt ngày thì lúc nào ngấm, lúc nào không ngấm ? Ai cũng bảo khi ông

say, ông tuôn thơ một cách tuyệt vời. Tôi chưa được may mắn nghe ông ngâm thơ lần nào. Dường như phải đúng lúc nào đó : nơi chốn, người xung quanh, sau chai rượu thứ nhất , nhì ,ba ? Quá đà, quá giấc là ông chỉ quát hay im lặng. Lần duy nhất ông mắng tôi giữa bàn tiệc, cách đây vài năm, đã khiến tôi rầu rĩ, loay hoay tìm lý do. Phải là có ti nặng mới bị mắng như thế. Nhưng những kẻ cùng tội như tôi có bị mắng như thế không ? Kẻ đầu têu là anh Khánh Trường, lãnh án nào ? Dường như ông nghĩ tôi "say men chiến thắng", sẽ lỡ đà ? Dường như ông sợ rằng tôi sinh ra kiêu căng trước những ưu ái, sẽ rơi vào bẫy rập nào đó ? Tôi muốn kêu oan ơi ông địa, những năm đó, quả thật tôi say men... hạnh phúc vì gặp lại mẹ cha, đàn em sau mười mấy năm chia cách. Gặp lại cả vài đứa bạn thật thân của ngày nhỏ. Và thêm bên cạnh là những ân cần của những người chưa quen biết tôi và từng được vô số người yêu mến và ngưỡng mộ . Chắc dư thừa để tôi (hay bất cứ ai cũng) đâm ra kiêu căng (vì cái hạnh phúc và may mắn đó). Nhưng tuyệt nhiên không vì đã viết dăm ba truyện ngắn được đăng báo...

Tháng ba, mọi thứ dường như không thay đổi. Năm trước đó, ông bảo tôi : - *Bây giờ tôi không thể đi đâu xa được nữa. Có dịp thì ghé tôi nhé...* Và cười cười : - *Chắc là không còn nhiều dịp lắm đâu...* Tháng ba đó , ông hỏi giữa hai ngụm rượu, giữa hai điếu thuốc : - Đã đi chơi đâu chưa ? Đã đến thằng Khánh Trường chưa ? Nó bệnh nhiều đấy ! Trước đó một giờ Khánh Trường cười khà khà trong điện thoại : - *Chị tới ông Mai Thảo chưa ? Ông già vẫn uống rượu kinh khiếp. Bác sĩ hả ? Ai mà cấm được ông ấy. Ông yếu lắm , hôm nọ ngã trong phòng tắm, không sao bò dậy được . Yếu lắm, coi b.... Ghé qua ổng đi nghe... Tôi hả ? Khoẻ như voi !* Nghe kể lại, ông cũng cười khà khà, mím môi che hàm răng thiếu : - *Hà, cái thằng...Đếch biết ai bệnh hơn ai. Có khi nó ... đi trước tôi đấy...Hà hà...* Tháng ba đó, ông nói về đêm, có đêm quá dài, có đêm quá tĩnh lặng. Thức dậy giữa giấc, không uống rượu biết làm gì cho qua đêm. Nghe ông nói, tôi có cảm tưởng như đêm còn lởn vởn trong căn phòng lờ mờ và tràn ngập cô đơn. Nhưng bên ngoài căn phòng lạnh lẽo sáo rủ này, nắng chói chang, trời nóng như Sài gòn, như Hà Nội của tháng bảy

Tôi từ giả. Những hộp sữa xếp hàng dưới đất và siêu thuốc bắc nhắn cho một chút hi vọng. Ông còn dặn với theo: - *Trước khi về bên ấy, lại đến tôi nhé ! Nhớ đến thăm Khánh Trường nghe...* Một tuần sau, tôi ghé chào từ giả ông. Hẹn tháng tám lại sang, nhưng trong lòng hồi hộp lắm.

Tháng tám, tôi và cô em gái đến chung cư cũ . Người đàn ông mọi khi, vẫn ngồi trước cửa, nhưng không nói gì, chỉ nhìn chúng tôi. Có lẽ vì Nhung

biết số nhà, nên ông ta không có dịp chua chát? Hay vì... Cửa phòng Mai Thảo mở rộng. Người đàn bà hàng xóm đang thay băng ở bụng ông thì phải, chỗ có đặt một ống nhựa đưa thẳng sữa, thuốc vào bao tử ông. Chắc là cổ họng ông không thể nuốt được nữa. Tôi nghĩ đến Thanh Nam. Người đàn bà làm xong việc, vui vẻ chào rồi đi ra. Mai Thảo nằm trên giường, mền đắp đến ngực, nhưng giữa mền với nệm dường như chỉ có một hơi thở mong manh và đôi mắt lim dim : - *Sang từ bao giờ ?* Và trời đất ơi, ông bảo tôi đưa ông ly rượu (whisky) đã vơi trên bàn cho ông. Sữa đi thẳng vào bụng để ông khỏi phải nghe thấy ? Hay người ta đợi lúc ông say, áp đặt một phương cách để kéo dài cái chờ đợi :

Ta đợi ngàn năm đến trước thềm
Đón về huyền ảo đã cùng tên
Song loan chưa tới trong chờ đợi
Đành với hoàng hôn sống nhá nhem

Ông nhấp từng ngụm nhỏ, trông ngon lành. Tôi nghe bao tử mình muốn- lủng. Căn phòng hơi lạ, không còn như thuở nào, kệ sách như nhỏ đi, những bức ảnh, những tranh như đã biến đâu mất. A, cả những chai rượu dưới đất cũng biến mất. Nhưng ly rượu trên bàn kia từ đâu ra ?

Ông hỏi Nhung dăm ba câu, giọng hơi yếu nhưng vẫn rõ ràng, dõng dạc. - *Nhung dạo này có viết thêm gì không ?* Năm trước, khi nghe chúng tôi đồng thanh thưa rằng tụi cháu bận đi cày, không thì giờ viết lách, ông cứ cười cười *viết, phải viết chứ, nghỉ việc mẹ nó đi... - Kỳ rồi hai chị em đi đánh bạc Las Vegas có trúng được gì không ? Sức mấy mà ăn tiền được chúng nó, đúng không ? Hà hà...*

Chúng tôi từ giả ông, viện cớ để ông ngủ trưa. Căn phòng có vẻ trống trơn, sáng bằng ánh sáng ban ngày, tranh ảnh trên tường, đúng rồi hình như không còn đầy đủ, trên bàn xếp hàng những bông băng, thuốc men. Nhưng cái nóng của Cali tháng tám đã ngừng ở ngoài đường lớn, ngừng luôn những náo động rầm rộ cờ xí biểu ngữ. Đả đảo Thuý Nga Paris. Hoan hô đồng bào Thái Bình. Trong xe, trên đường về, cửa kính quay lên vì máy lạnh, âm thanh và hơi nóng cũng dừng lại bên ngoài, trong một giây, bỗng nhiên tôi không biết mình đang ở đâu

Đôi lúc những hồn ma thức giấc
Làm gió mưa bão táp trong lòng
Ngậm ngùi bảo những hồn ma cũ
Huyệt đã chôn rồi lấp đã xong

Hơn mười năm trước, gửi tặng tôi mấy bài thơ, ông còn an ủi : *Thơ tôi buồn quá à ? Làm sao được. Nó thế.* Và ngay sau đó ông đính chính *Nỗi buồn trong thơ không phải là nỗi buồn ngoài đời. Tôi đã mặc hết từ lâu rồi. Không buồn gì lắm đâu và vẫn đi ăn nhậu đều với bạn hữu...*

Hôm sau, Khánh Trường báo tin ông hôn mê và đã được anh đưa vào bệnh viện đêm quà. Không. Không đúng. Rõ ràng trưa hôm qua...

Rất hiền giấc ngủ giữa rừng xanh
Sao không, sao chẳng không là vậy
Khi chẳng còn chi ở khúc quanh

Khánh Trường bực bội : - *Chiều hôm qua, không biết thằng "khốn nạn" nào cho ổng uống nguyên một chai rượu mạnh...Bây giờ vẫn chưa tỉnh.*

Buổi sáng đó đi ăn phở với Khánh Trường, tôi nghe anh cải chính về tin Mai Thảo mất tối hôm qua. Suốt ngày hôm đó, chắc anh phải cải chính nhiều lần. Anh than thở : - *Chưa thấy ai trong vòng hai mươi bốn giờ chết tới bốn lần!* Chiều đến, gặp anh Nguyễn Xuân Hoàng cho hay ông đã tỉnh lại, nhận ra được mọi người thân quen. Một đài phát thanh tiếng Việt cải chính, xin lỗi thính giả. Tất cả báo chí tiếng Việt đều loan tin ông đau nặng, phải vào bệnh viện .

Phạm Việt Cường rủ Khánh Trường với tôi đến bệnh viện thăm ông lần cuối trước khi ai về nhà nấy. Khánh Trường bảo không được nữa vì bác sĩ cấm.Nhưng Cường vẫn muốn đi .

Quả nhiên, thi sĩ họ Phạm có duyên như vậy mà loay hoay, năn nỉ mãi, cô y tá tóc vàng vẫn lễ phép cương quyết lắc đầu. Chúng tôi không có tên trên danh sách do gia đình ông và bác sĩ cho phép được vào gặp ông. Mấy hôm sau, trong đêm tưởng niệm Phạm Đình Chương, nữ ca sĩ Kim Tước loan báo tình trạng sức khoẻ Mai Thảo đã khả quan. Về bên này, tình cờ tôi được luật sư Trần Thanh Hiệp cho hay ông được chuyển về một bệnh viện ở L.A. Như vậy là ông khoẻ hơn thật ? Rồi ông thần MC Nguyễn Xuân Hoàng (cho) tin ông đang trên đường bình phục. Để rồi hai ngày sau khi đọc tờ Văn, nhận được điện thư KT báo lịch trình tang lễ Mai Thảo

Hoá ra lần vào thăm ông, cuối tháng tám, tôi đi với Khánh Trường, hai, ba hôm sau khi ông bị hôn mê, là lần cuối cùng . Bệnh viện(anh KT ơi, nó tên gì?) rất lớn, gồm nhiều dãy ngang dọc, ở không xa khu Bolsa mấy, hình như chúng tôi mất ít thì giờ lái xe đến hơn là sau đó loanh quanh tìm đến đúng nơi ông đang nằm . Dãy ung thư. Bệnh viện của bác sĩ người Việt, các bảng chỉ dẫn bên trong đều mang hai thứ tiếng Việt và Mỹ, và thật lạ, những

người nhân viên tôi thấy hôm ấy toàn người Mỹ. Phòng Mai Thảo nằm chỉ có mình ông. Chưa đến một tuần mà chút thịt (hơi) còn lại đã biến đâu mất, ông nằm co dưới tấm chăn mỏng, bảy mươi năm còn một chút xương da, quằn quại, phẩn uất. Trên bàn có mấy tờ báo Người Việt. Ông thở khò khè, mím môi, nhăn mặt, lời nói khó khăn. Khánh Trường bảo thôi anh đừng cố nói, chúng tôi đến thăm một tí thôi, về ngay để anh nghỉ ngơi. Vậy mà ông còn hỏi được tôi *đã đi chơi ở những đâu rồi*.

Tôi nắm bàn tay khô lạnh của ông, nhớ lại lần gặp ông đầu tiên. Năm 85, hè, thu không nhớ nữa, trời đất Cali cũng đang nắng rực rỡ. - *Tuyến đấy à ? Tên thật hay bút hiệu, nghe được đấy ? Ở Midway city thế có biết nhà Phạm Duy không ? Thị trấn giữa đàng. Hàng xóm với Phạm Duy đấy. - Đến với văn chương rồi, phải ở lại mãi với văn chương, nhé !* Lời khuyên ông ưu ái gửi đến tất cả bọn trẻ chúng tôi mà nghe như nhắn nhủ riêng. Cũng như đa số, tôi sung sướng nhận lãnh như lãnh phần thưởng cuối năm học thuở còn nhỏ. Bây giờ xin cả gan trả lời *Thưa bác, vâng ạ !* Mặc kệ không cần biết văn chương có muốn giữ mình ở lại không. Tôi nắm tay ông, nhớ lại *chuyến tàu trên sông Hồng*, ông đã đưa đứa bé là tôi mấy mươi năm về trước, cùng đi chuyến tàu tuyệt vời, điểm duy nhất khác với cậu bé mặc quần quá dài (vì may chờ tuổi), đội mũ trắng là không lên bờ (sông Cửu) không chịu bỏ gì lại sau lưng (!?). Mỗi lần gặp lại ông, ngồi im trong phòng hay nghe ông nói, tôi sống lại cảm giác lâng lâng sung sướng của thời tuổi nhỏ, lúc đi vào cõi văn chương của ông. Tôi mong muốn được như ông : nhìn thấy và nhắc nhở đến những nét đẹp ở đời sống và con người. Những cái xấu, cái đểu, cái bất toàn, ai lại không có, đời nào nơi chốn nào lại không có. Ai lại không thấy ? Không biết ? Chỉ cần ...kệ mẹ chúng nó, đếch dây dưa với chúng nó. Chỉ cần để cửa, cho bạn hữu và đời sống len vào. Tôi đã mặc hết từ lâu rồi .Nhưng đó là nói như ông đã nói.

Nói chuyện, nhậu nhẹt, đi chơi ... là đời sống. Còn văn chương là thành tựu của sức ép ngàn năm trên trên than đá đời sống, dân tộc, trên gia đình, là vẻ sáng vẻ đẹp, là lúc không còn bạn bè, không còn rượu, lúc chỉ có một mình ông với ông.

Nói tới đời sống, con người, dù xấu dù tốt, bằng những chữ nghĩa của mấy nghìn năm Việt Nam, đẹp đẽ tự nhiên, tự nhiên, tự tại như con người ông. Như văn chương Mai Thảo.

Một món quà để lại. Vô giá.

PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN



TRẦN MỘNG TÚ

mai thảo ở bệnh viện barlow, los angeles

xương da

Anh ngồi nhìn xuống đôi tay
Nghe trong máu chảy tháng ngày trôi qua
Xương còn ở lại với da
Ngậm ngùi thịt bỏ đi xa lắm rồi.

hình vóc

Anh nhận ra hết mọi người
Mọi người tìm thấy nụ cười của anh
Chao ôi! Đến thế sao đành
Hình xưa, vóc cũ lạnh tanh cõi ngoài

chiếc vòng

Ôm vai anh sát vào lòng
Trong thinh lặng thả chiếc vòng tử sinh
Chưa rơi đất đã rùng mình
Đỏ hoe bốn mắt thôi đành chia xa

TRẦN MỘNG TÚ
tháng 12/97



TRẦN LONG HỒ

MỘT CHÚT MUỘN MÀNG



Tôi yêu thích văn Mai Thảo lâu lắm rồi, từ độ còn ở quê nhà. Nhưng mãi về sau này, đến năm 1990, tôi mới gặp ông. Mai Thảo và tôi có một khoảng cách về tuổi tác cả một thế hệ đời người. Có lẽ đó là lý do, tôi không bao giờ nghĩ rằng, tôi tìm gặp Mai Thảo.

Bây giờ, Mai Thảo đã vĩnh viễn ra đi, mỗi lần nhớ lại ông, tôi cảm thấy xao xuyến, pha lẫn chút gì đó, buồn man mác và ngậm ngùi. Trong tâm tình yêu mến văn Mai Thảo, tôi vẫn nghĩ, đáng lẽ tôi phải gặp ông thường xuyên, hơn là mỗi năm chỉ một hay hai lần, khi ông có dịp sang miền Đông Hoa Kỳ.

Xao xuyến, man mác, và ngậm ngùi, có phải, là tâm trạng tiếc nuối cho một chuyện gì đó, đã muộn màng. Tôi vẫn gặp ông, hàng năm, cho đến khi sức khỏe ông quá suy kiệt. Tôi thường liên lạc, hỏi thăm bệnh tình của ông. Nhưng mỗi lần nhớ đến Mai Thảo, ông già ốm khẳng khiu, dáng lừng khừng, nói nhát gừng, hay cau có, thường mắng chửi hơn là nói dịu dàng, tôi lại mang cảm giác lao đao như đã đi trễ một chuyến tàu. Và mỗi khi nhớ đến Mai Thảo, ông già tay cầm ly rượu, khề khà đọc thơ, trong cơn thăng hoa với cõi-riêng-mai-thảo, tôi nghĩ, đáng lẽ tôi phải làm gì khác hơn cho ông.

Năm 1990, khoảng tháng mười, tháng mà Mai Thảo thích nhất tại tiểu bang Virginia, ông đến với tôi tại nhà riêng. Cùng đến với Mai Thảo có rất nhiều bạn bè. Lần đó, sau lần ra mắt sách tại trường luật George Masons, anh chị Lê Văn đưa ông đến nhà tôi. Tôi nhớ rõ, khách đến mà chủ nhà chưa về kịp. Khi tôi về đến nhà thì Mai Thảo và anh chị Lê Văn đã chờ trước ngõ.

Năm đó, tôi gặp Mai Thảo lần đầu tiên. Tôi đã đọc và thích văn ông từ mấy thập niên, xem ảnh ông nhiều lần, đến lúc gặp Mai Thảo tôi mới biết, Mai Thảo trông già hơn tôi tưởng, Mai Thảo lừng khừng như người ta đã nói, Mai Thảo ngất ngưởng và bất cần như đã là ông trong bao nhiêu năm qua.

Mai Thảo ốm khẳng khiu nên trông cao lỏng khỏng. Hai tay ông dài tưởng chừng như chạm gối. Ông di chuyển nhẹ nhàng vì cân nặng ông không thành vấn đề đối với trọng lực và gió mạnh. Khuôn mặt ông dài, một phần vì ốm do thiếu ăn mà dư rượu, và một phần khắc khổ do cuộc sống.

Cùng đến với Mai Thảo, trong ngày hôm đó, ngoài anh chị Lê Văn, còn có họa sĩ Ngọc Dũng, anh Dương Ngọc Hoán, anh chị Thiên Ân, và Thanh Hà, cây sáo độc đáo của miền đông. Sau đó có một số người đến, do tình cờ trong giao tình bè bạn, chứ không phải đi cùng với Mai Thảo. Đó là nhà thơ Nguyễn Ban Sơ, đôi ca sĩ Nga Mi và Trần Lãng Minh, và nhạc sĩ dương cầm Vĩnh Lạc.

Đó là lần đầu tiên tôi gặp Mai Thảo. Đối với một người mà tôi yêu thích văn chương trong bao nhiêu năm, lúc gặp người thật, quả tình tôi có ngỡ ngàng. Có lẽ do sự cách biệt giữa một nhà văn tao nhã với văn phong lã lướt năm nào và một ông già lựa nhựa, nóng nảy, dễ nổi giận và sẵn sàng chửi bới.

Mai Thảo là người không thích nói nhiều nhưng chỉ nói và có khi quá độ trong những lúc cao hứng và bực bội. Hôm đó, Mai Thảo say lắm. Hình như ông uống rất nhiều ở đâu đó. Dĩ nhiên Mai Thảo phải say vì ông đi chung với Lê Văn, người có một quày rượu lớn và thật đẹp tại nhà.

Khi vào bàn, Mai Thảo ngồi đầu một dãy, bên trái có Lê Văn, bên phải có Ngọc Dũng. Mai Thảo réo tôi lại gần, bắt ngồi bên cạnh, nhất định bắt tôi phải gọi ông bằng anh. Bởi vì, tôi có một thói quen, ai lớn hơn tôi một thế hệ hai mươi năm, tôi thường gọi là bác.

Mai Thảo chỉ ngồi nhấp rượu, nói ít và thầm thì với Ngọc Dũng và Lê Văn. Nhưng không được bao lâu, chắc men rượu đã thấm và khi nhóm Vĩnh Lạc và Trần Lãng Minh đến sau, họ ngồi ở cuối dãy bàn, thì ông bắt đầu nói lớn và đọc thơ. Mai Thảo, có lẽ thấm rượu và cao hứng, lè nhè đọc thơ Tô Thùy Yên:

Ta về như bóng ma hờn tủi
Lục lại thời gian kiếm chính mình...

Ngưng một lúc, Mai Thảo lại đọc:

Ta về như bóng ma hờn tủi...

Hình như Mai Thảo quên mất mấy câu sau, ông lầm bầm nho nhỏ rồi chuyển sang, đọc thơ Bùi Giáng:

Mùa Xuân phía trước, miên trường phía sau...

Đột nhiên, Mai Thảo im bặt, nhìn xuống cuối dãy bàn và bắt đầu chửi. Người được ông chọn làm bia là Vĩnh Lạc. Ông bực bội vì vài chuyện, Vĩnh Lạc rất trẻ, mặc toàn bộ vest, thắt cà vạt, thích nói và không để ý đến mấy câu thơ của ông vừa đọc. Mai Thảo không chửi một câu, mà chửi nhiều và càng lúc càng chửi nặng hơn. Trái lại, Vĩnh Lạc không tức giận, mà tươi cười và chọc lại ông. Thế là chiến trường bùng nổ tại bàn tiệc. Vĩnh Lạc cứ hỏi miên trường có phải là ruột già hay không. Mai Thảo đã say. Câu hỏi của Vĩnh Lạc làm ông uất ức đến độ không kềm chế được cơn giận.

Đến khi tiệc tàn, mọi người lục tục ra về. Lạ thay, chưa quá nửa giờ, Mai Thảo tỉnh hẳn. Mai Thảo gọi tôi và Thúy Minh lại gần. Ông nói:

— Hồ này, đùa thôi nhé...

Mai Thảo đưa ngón tay sờ mũi Thúy Minh, cười hóm hỉnh:

— Cám ơn hai bạn... chỉ đùa cho vui thôi nhé...

Giọng Mai Thảo hòa nhã pha lẫn chút áy náy. Vẻ mặt ông thật hiền lành. Tôi lấy cái áo khoác định giúp ông mặc vào nhưng ông từ chối. Ông khoác cái áo qua một bên vai, cùng mấy người bạn ra về.

Về lại Cali, tháng sau, Mai Thảo viết cho tôi một lá thư, đề ngày 11/15/90:

Westminster Nov 15-90

Trần Long Hồ thân,

Nhận được truyện. Sẽ đăng. Mấy tấm hình nữa. Cám ơn.

Định ra nhà xuất bản sách à! Tính toán cẩn thận đã nhé! Nói chung nhịp sách tiêu thụ được chậm lắm đấy. Và vấn đề gay go nhất vẫn là phát hành. Gửi sách đi cho các đại lý thì dễ lắm, nhưng người ta có bán được cho mình không và có gửi tiền mình không thì lại là chuyện khác.

Tôi gửi cho Hồ danh sách đại lý khắp nơi. Nó đầy đủ hơn danh sách của Văn vì tôi gửi Văn đi xa rất giới hạn, chỉ những đại lý nào tôi biết là tiền bạc đàng hoàng mới gửi.

Được, chừng nào sang Cali. Cứ đến tôi, không có vấn đề gì hết.

Chuyển cho tôi lời thăm đến các anh em.

Thân ái,

Mai Thảo

(Cái quảng cáo sẽ đăng vào số Xuân)

Thế rồi, công việc bận bịu quá, tôi không sang Cali được. Nhưng tôi đã

gởi mẫu quảng cáo cho Văn. Từ đó tôi đăng quảng cáo trên Văn đều đặn cho đến khi Mai Thảo bị yếu sức không cáng đáng nổi tờ Văn nữa.

Rồi tôi gặp Mai Thảo đều đặn, cứ khoảng một hay hai lần trong một năm, nhân dịp ông sang miền Đông thăm bạn bè và sẵn tiện ghé các tiệm sách đòi nợ tiền bán tờ Văn.

Sau đó, vào tháng ba năm 1991, tôi nhận được thư Mai Thảo:

Westminster, March 15-91

Quang thân,

Đã nhận được ngân phiếu $150.00. Cám ơn lắm. Anh Ngọc Dũng nói tháng 4 tôi sang Virginia à? Có định như thế thật nhưng không phải là tháng 4 mà là cuối tháng 5.

Nơi anh chị Lê văn (đài VOA) sẽ tổ chức một buổi ra mắt ở bên ấy cho một cuốn sách nhiều tác giả Việt, Mỹ viết về cuộc đời và sự nghiệp của bà Kiều Chinh ngày mùng 2 tháng 6 năm nay và mời một số thân hữu trong đó có tôi cùng đi với Kiều Chinh sang vào dịp ấy. Tôi đã nhận lời. Đi cùng với Nhã ca, Trần Dạ Từ, Đỗ Ngọc yến, vv... Và đã nói với anh chị Lê văn muốn đi ngày 27 tháng 5, ở chơi bên ấy 5,7 ngày gì đó để ban tổ chức lấy cho vé máy bay.

Như vậy là lùi chuyến đi lại một tháng và khi nào tới Virginia sẽ liên lạc với Quang và anh em bên ấy ngay.

Thân ái,
Mai Thảo

Cứ đọc thư Mai Thảo, tôi không cần theo dõi báo cũng biết được sinh hoạt của ông.

Westminster March 06,92

Quang Thân,

Đã nhận được mẫu quảng cáo mới. Sẽ thay vào mẫu cũ từ số báo tới.

Nhiều phần sẽ có mặt ở bên ấy vào đầu tháng tư. Hoặc sang một mình hoặc đi cùng Kiều Chinh về ra mắt cuốn Video của chị ấy ở Hyatt Hotel, Washington, D.C.

Nếu sang sẽ liên lạc với Quang ngay.

Thân ái,
Mai Thảo

Mai Thảo có thói quen khi viết thư hay lúc nói chuyện, thường không

xưng chủ từ.

Hàng năm tôi vẫn gặp Mai Thảo và được thư ông, nhất là vào khoảng từ tháng chín trở đi. Ông hay viết thư hỏi bài cho báo Văn vào dịp xuân.

Westminster, Sept 16,92.

Trần Long Hồ thân,

Thăm ô. Chủ Tịch Văn Bút Miền Đông. Mong được vui luôn. Và cho Hồ biết tôi đã bắt đầu chuẩn bị bài vở cho Văn số Xuân năm nay, làm sớm để phát hành sớm.

Có thể viết cho số báo Tết này một truyện ngắn không? Nếu có thì rất hay và nếu lại gửi cho sớm càng hay nữa.

Thân ái,
Mai Thảo

Mỗi năm trôi qua, tôi gặp Mai Thảo và nhận được thư ông đều đặn. Nhưng trông Mai Thảo có vẻ yếu hơn. Chỉ có một thứ ở với mai Thảo luôn bền vững và có phần gia tăng là rượu. Mai Thảo uống rượu thay cơm và nước.

Một buổi trưa cách đây khoảng năm năm, Mai Thảo sang miền Đông, cùng họa sĩ Đinh Cường và tôi đi ăn trưa. Chúng tôi đến Harvest Moon. Tôi làm tài xế, Đinh Cường ngồi phía sau. Lúc Mai Thảo lên xe tôi nhận thấy càng rõ sức khỏe suy kém của ông. Ông bám chặt tay vào khung cửa, lòn người vào thật chậm chạp và khó khăn. Người Mai Thảo cao, chân tay dài thượt, sức lực yếu nên ông càng gặp nhiều trở ngại để chui vào xe.

Trên đường, tôi chợt hỏi một câu và biết ngay tôi đã thất thố. Tôi đề nghị với Mai Thảo để làm một cuộc kiểm tra sức khỏe toàn diện cho ông. Tôi không ngờ Mai Thảo phản ứng mạnh như vậy. Ông biến sắc mặt, nhìn tôi vừa bực tức vừa sợ hãi. Tôi biết không xong rồi, liền bắt sang chuyện khác, hỏi anh Đinh Cường chuyện đi ăn và đề nghị cùng nhau đến tiệm Harvest Moon.

Trong bữa ăn trưa hôm đó, Mai Thảo có vẻ ít nói, ông chỉ nói bâng quơ vài điều về tờ Văn và hỏi tôi mấy câu chuyện trong sinh hoạt văn học tại miền Đông. Mai Thảo ăn rất ít, có thể nói, không ăn gì cả. Ông cầm đũa chỉ khều thức ăn cho vui, rồi bỏ đó, uống rượu liên tục.

Tôi nhớ lại những bài thơ trong tập "Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đền":

dỗ bệnh
Mỗi lần cơ thể gây thành chuyện
Ta lại cùng cơ thể chuyện trò
Dỗ nó chớ gây thành chuyện lớn
Nó nghĩ sao rồi nó lại cho
Bệnh ở trong người thành bệnh bạn
Bệnh ở lâu dài thành bạn thân
Gối tay lên bệnh nằm thanh thản
Thành một đôi ta rất đá vàng.

Chính thật, Mai Thảo là người rất chú trọng đến sức khỏe nhưng ông biết rõ một điều là ông chẳng làm gì được hơn là mặc kệ nó và dỗ dành nó thành bạn cho yên thân. Tâm sự của Mai Thảo càng rõ hơn nếu chúng ta đọc tiếp vài bài thơ khác của ông:

ngũ tạng
Mùa đông đã tới mưa tê thấp
Lại úng đầy thân bất toại tử
Giải nắng ung thư mùa hạ trước
Đã hủy xong phần lục phủ hư

mưa đêm
Đăm đăm cặp mắt mở mơ hồ
Ngó trắng vô hình cái ngó khô
Đâu đó mưa đêm từng tiếng thả
Từ đỉnh thời gian xuống đáy mồ

quá khứ
Đôi lúc những hồn ma thức giấc
Làm gió mưa bão táp trong lòng
Ngậm ngùi bảo những hồn ma cũ
Huyệt đã chôn rồi lấp đã xong

Qua ba bài thơ trên, chúng ta thấy rõ tâm trạng của Mai Thảo, hoài vọng và tiếc nuối về một thời quá khứ, lo lắng và sợ hãi về một điều sẽ đến, và điều đó đã đến với ông.

Trong những lần gặp gỡ sau, bỗng nhiên Mai Thảo vui vẻ và hăng hái hơn khi nói chuyện về sức khỏe. Ông hỏi thăm về cách ăn uống và điều trị bệnh. Lúc tôi nói chuyện về thầy Trần Ngọc Ninh, Mai Thảo cao hứng ông kể cho tôi nghe một chuyện.

Khoảng bảy năm trước, thời điểm lúc nói chuyện vào năm 1992, Mai Thảo bị bệnh nặng. Ông bị đau bụng, đi cầu có máu, và tìm đến, cầu cứu thầy Ninh. Ông được thầy Ninh gởi qua bác sĩ Nguyễn Mạnh (nếu tôi không nhớ lầm) để chụp quang tuyến, một phương pháp bôm chất cản quang vào ruột già để chụp hình. Kết quả, theo Mai Thảo cho biết, hình quang tuyến cho thấy một cái bướu lớn trong ruột. Thầy Ninh quyết định cho ông phải giải phẩu.

Mai Thảo đã cho tôi biết chuyện này trong một bức thư đề ngày 04/14/90:

Anh Trần Long Hồ,

Đã nhận được truyện ngắn "Ngày Quanh Quẩn". Sẽ đăng ở một số tới.

Rất cám ơn anh đã quan tâm đến tình trạng sức khỏe của tôi. Rất may là nó chưa đến nỗi nào tuy cách đây khoảng năm năm tôi có triệu chứng bị ung thư ruột, người bạn thân tôi là bác sỹ Trần Ngọc Ninh nói là loại ung thư "lành" nhưng cũng khuyên nên giải phẩu cho yên. Tôi đã không chịu nghe BS Ninh và 5,6 năm qua rồi thấy chẳng sao hết. Và tôi vẫn cứ uống rượu, hút thuốc lá, hai thứ đều khá nhiều.

Tôi sắp sang bên ấy chơi đấy. Không chừng cuối tháng này. Ở nhà bạn tôi là họa sĩ Ngọc Dũng ở Springfield. Nếu có thời giờ tôi sẽ liên lạc với anh. Gặp anh. Nhưng là để rủ đi uống rượu với tôi chứ không phải nhờ anh chẩn bệnh cho đâu.

Vắn tắt là tôi vẫn bình thường, mạnh khỏe, không có vấn đề gì cho sức khỏe hết. Dầu sao cũng rất cám ơn anh.

Thân ái,
Mai Thảo
Wesminster, april 14-90

"

Nhưng đến ngày hẹn giải phẩu, trong khi mọi người chuẩn bị phòng mổ bên trong, Mai Thảo ngồi chờ bên ngoài. Chờ được một lúc, Mai Thảo lẳng lặng bỏ đi. Ông chẳng biết đi đâu, cứ lang thang, thấy đường đi thì cất bước. Đến một góc phố, Mai Thảo thấy một số bạn hữu đang ngồi nhậu trong quán. Ông nghĩ rằng, đằng nào cũng chết, không chết vào ngày mai thì cũng ngày mốt hay bữa kia, vậy nhậu cho phỉ chí rồi chết cũng cam. Ông bèn vào quán nhậu, moi hết tiền, uống rượu đến say chí tử. Sau đó, Mai Thảo về nhà nằm chờ chết.

Ngày hôm sau, rồi hôm sau nữa, hôm sau nữa, mỗi buổi sáng thức dậy, Mai Thảo nhận thấy vẫn chưa chết. Thế rồi, năm năm trôi qua, tới bây giờ

(vào lúc nói chuyện) Mai Thảo vẫn sống. Chỉ có một chuyện, Mai Thảo thú thật, ông không dám trở lại gặp BS Ninh nữa.

Sau đó, trong những lần gặp nhau tại quán Việt Royal, có họa sĩ Ngọc Dũng và Đinh Cường, thỉnh thoảng Mai Thảo có hỏi thăm tôi về chuyện y học, cách ăn uống. Tôi trả lời ậm ờ cho qua. Tôi không đề cập chuyện rượu. Tôi biết, không ai có thể thay đổi được nếp sống của Mai Thảo. Không cho Mai Thảo uống rượu, ông sẽ chết sớm hơn.

Chỉ có một cách giúp Mai Thảo là tiếp tục đăng quảng cáo trên tờ Văn. Ai cũng biết, đăng quảng cáo trên tờ báo thuần túy văn học có nghĩa là ném tiền qua cửa sổ. Trong rất nhiều năm đăng quảng cáo trên Văn, cuối cùng tôi được một người duy nhất, nhờ tờ Văn mà biết số điện thoại của phòng mạch tôi. Người đó là họa sĩ Ngọc Dũng.

Tuy bận rộn về chuyện làm tờ Văn và thường xuyên đi thăm bạn bè, Mai Thảo vẫn trả lời đều đặn khi nhận được thư của tôi.

Westminster Dec. 18-92

Trần Long Hồ thân,

Nhận được hôm nay thiệp chúc mừng và ngân phiếu $100.00. Cám ơn.

Văn số Xuân đã làm xong và đã gửi đi hết hôm qua. Vậy cái text quảng cáo mới và đoạn văn trích đi ở số sau số xuân vậy nhé!

Chúc lại Hồ và gia đình một Giáng Sinh vui và một năm mới Quý Dậu bình yên và may mắn.

Thân ái,
Mai Thảo

Trong một lần nhà thơ Thanh Tâm Tuyền từ Minnesota sang chơi, tôi lại gặp Mai Thảo cùng với Ngọc Dũng, Đinh Cường, và vài người bạn khác tại quán phở Xe Lửa. Mai Thảo tuy yếu nhưng còn đầy đủ phong độ. Chủ quán phở Xe Lửa là một người say mê nghệ thuật và yêu mến văn nghệ sĩ, cho nên cô bé dọn bàn trong tiệm cũng là người hăng say bàn luận văn nghệ. Lúc mang thức ăn ra bàn, cô thuyết giảng về tình hình sinh hoạt văn học hải ngoại với Mai Thảo. Hết chuyện đó, cô giảng giải về chiều hướng phát triển thơ Việt Nam với Thanh Tâm Tuyền. Hôm đó, tôi thấy cả hai vị, Mai Thảo và Thanh Tâm Tuyền đều ngồi im, nín lặng. Rồi cô khuyên bảo văn nghệ sĩ nên làm gì trong tình hình mới tại hải ngoại. Tôi quay lại nhìn Ngọc Dũng và Đinh Cường, cả hai vị đều lo lắng thấp thỏm. Thời may, hôm đó, quán đông khách, cô dọn bàn không có thời giờ để bàn về hội họa.

Vào tháng chín năm 1993, Mai Thảo lại gửi thư như thường lệ để nhắn bài cho số Xuân.

Westminster, Sept 21,93

Trần Long Hồ thân,

Thăm Hồ, mong được vui mạnh luôn. Số Xuân của Văn năm nay đã bắt đầu phải thu thập bài vở từ bây giờ.

Hồ viết cho nó một truyện ngắn nhé, và gửi sớm được cho tôi thì hay lắm. Cám ơn lắm.

Nhớ miền Đông. Sẽ cố thu xếp sang chơi từ nay đến cuối năm.

Thân,

Mai Thảo

Năm nào cũng vậy, cứ vào khoảng tháng chín hay tháng mười, Mai Thảo lại viết thư cho tôi để nhắn bài cho Văn vào số Xuân. Có năm tôi gởi bài, có năm tôi bận rộn quá, phải lờ đi. Hoặc chỉ viết được một bài vào dịp cuối năm, thôi thì, tôi đã gởi cho Văn vào năm trước rồi, năm này gởi bài cho tờ báo khác vậy. Nghĩ lại, tôi còn áy náy với nhiệt tình của Mai Thảo.

Từ năm 1994, Mai Thảo có vẻ suy yếu. Ông bớt di chuyển và lười viết thư. Ông vẫn liên lạc với tôi, những khi có dịp qua miền Đông. Có lúc ông báo trước bằng thư từ Cali. Có khi đã đến Virginia rồi, ông gọi điện thoại cho tôi, từ nhà anh Ngọc Dũng hay anh chị Phó Ngọc Văn.

Đến tháng mười năm 1994, theo thông lệ, Mai Thảo lại gửi thư đến.

Westminster 10,23,94.

Trần Long Hồ thân,

Tôi đã bắt đầu thu thập bài vở cho Văn số Xuân. Viết cho số báo này một truyện ngắn nhé! Và gửi cho càng sớm càng tốt.

Tháng 11 này tôi ở bên ấy, một tuần. Khi tới nơi, sẽ bảo Đinh Cường liên lạc để gặp nhau ngay.

Thân,

Mai Thảo

Đó bức thư cuối cùng mà Mai Thảo gửi cho tôi. Từ năm 1995 trở về sau, sức khỏe ông suy kém. Ông chỉ gọi điện thoại cho tôi khi có việc gì cần. Qua năm 1996, Mai Thảo càng yếu hơn. Những khi tôi gọi điện thoại sang hỏi thăm ông. Tôi không dám hỏi nhiều về tình trạng sức khỏe của ông. Tôi

biết, Mai Thảo rất buồn khi có ai hỏi thăm về sức khỏe của ông, nên chỉ nói qua loa vài điều rồi hỏi thăm tờ Văn. Mai Thảo chỉ trả lời ậm ờ và than, mệt quá.

Thế rồi, chuyện gì phải đến, đã đến. Cách đây hơn bốn tháng, vào ngày 09/03/97, lúc 05:04 phút, tôi nhận được e-mail của anh Khánh Trường:

"Anh Mai Thảo hấp hối. Bây giờ là 02:00 chiều, bác sĩ bảo là không qua khỏi đêm nay. Hiện đang thở bằng oxy và đã á khẩu. Gia đình và bằng hữu đang lo hậu sự."

Sau đó, tôi liên lạc với anh Khánh Trường và anh Ngô Thế Vinh, được biết bệnh tình của Mai Thảo càng nặng. Bằng hữu các nơi đổ xô về, thăm viếng và chờ đợi để tiễn biệt Mai Thảo.. Chuyện Mai Thảo ra đi, ai đã biết ông đều không ngạc nhiên, nhưng tất cả vẫn cảm thấy xúc động quá mạnh về sự mất mát quá lớn lao ấy.

Rồi bệnh tình Mai Thảo thuyên giảm. Bằng hữu lần lượt trở về. Mọi người đều biết rõ, chuyện Mai Thảo ra đi chỉ là thời gian đếm tuần và tháng.

Cuối cùng, sáng ngày 10 tháng giêng năm 1998, tôi nhận được e-mail của anh Khánh Trường cho hay:

"Anh Mai Thảo đã từ trần, vào lúc 3 giờ sáng ngày 9 tháng 1 năm 1998, tại bệnh viện Garden Grove, thành phố Garden Grove, CA 92843."

Tôi tắt máy điện toán. Ngay lúc đó, tôi không cảm thấy buồn lắm. Nhưng cái buồn phát chậm và ngấm dần. Tôi cảm thấy ngậm ngùi và nuối tiếc.

Mai Thảo mất, một người anh lớn trong văn học đã ra đi.. Tôi có cảm giác đã muộn màng tựa như tôi vừa lỡ một chuyến tàu, vừa vuột mất một người thân. Tôi có cảm giác như còn thiếu Mai Thảo một món nợ văn học. Có lẽ tôi phải làm một chuyện gì đó cho Mai Thảo.

TRẦN LONG HỒ

01/98



PHẠM CHI LAN

GIẤC NGỦ MAI THẢO



Đầu tháng mười, chớm thu 1995. Tôi ghé Little Saigon năm đó vì cái hẹn với Trần Vũ, vì tôi và Vũ sinh cùng ngày, cùng tháng, nên chúng tôi hẹn mừng sinh nhật chung ở Tiểu Saigon một lần vào mùa thu. Hơn nữa, trong thư Vũ nói muốn tôi ngồi cùng bàn rượu làm trọng tài xem Vũ và Mai Thảo ai tửu lượng hơn ai! Trong văn giới Calif., chẳng ai lạ tài văn và uống rượu như nước của tay viết trẻ tuổi tài hoa Trần Vũ và tay hảo hán giang hồ Mai Thảo uống rượu như hũ chìm thay cơm. Trong giọng nói của Vũ, tôi biết Vũ rất thương MT. Tôi còn biết ngoài điểm tương đồng uống rượu như nước, Vũ và Mai Thảo còn là đôi bạn tri kỷ, mặc dù họ cách nhau gần 40 tuổi. Lan phải chứng kiến Vũ sẽ làm anh MT đổ cho mà xem, ảnh nói ảnh uống rượu không bao giờ say, ảnh nói uống rượu không được say... Tôi cười, Vũ vẫn hay háo thắng và sôi nổi như thế. Vũ còn trẻ và có tài, thì tôi vẫn biết như vậy.

Anh Khánh Trường chở Vũ đến đón tôi ở khách sạn trong khu Disneyland. Chúng tôi ghé thăm căn gác hẹp của Mai Thảo trước tiên. Vũ nói, anh MT đang ngồi uống rượu chờ Lan đó. Tôi hỏi, bác ấy có biết Lan là ai mà chờ với đợi. Vũ trấn an: Anh MT thích phụ nữ ghé thăm, nhất là phụ nữ viết văn. Nói xong, Vũ nhìn tôi cười hì hì. Tính Vũ vẫn thế, hồn nhiên đùa, láu lỉnh như trẻ con, mặc dù văn chương anh già dặn như một ông cụ. Còn KT, anh giải thích thêm: anh đã giới thiệu Lan với anh MT rồi, phải nhắc đi nhắc lại là PCL không phải LTTV, cô nàng từ tiểu bang xa tới, ảnh gật đầu

nói ừ. Tôi vẫn hồi hộp mặc những gì Vũ và KT vừa nói.

Căn gác trên lầu hai, trong khu chung cư nằm giữa khu phố sầm uất đường Bolsa. Chúng tôi đẩy cửa vào. Một người đàn ông dáng gầy và buồn, ngồi trên ghế cạnh bạn viết, trong căn phòng nhỏ nhìn sơ cũng biết là căn hộ của đàn ông độc thân. Sách xếp từ dưới đất chồng lên, bên cạnh những vỏ chai rượu đã hết hoặc dở dang. Vài bức họa của những họa sĩ quen tên vẽ phác nét mặt MT, một bức chân dung của chủ nhà, đôi mắt buồn nhìn mông lung vào khoảng trống, một tấm hình chụp MT đang ngồi trên băng ghế đợi xe bus ở một góc phố Los Angeles, một tấm poster cảnh Paris, hình một ông già đạp xe đạp đàng sau chở vài cái bánh mì bagette, một bài thơ ai dán trên tường...Căn phòng có tính chất nghệ sỹ, hơi bừa bộn, nhưng rất ... thơ!

Người đàn ông chủ căn hộ đứng lên, nhường chiếc ghế duy nhất trong phòng cho tôi. Ông, KT và Vũ ngồi chung ở mép chiếc giường single nhỏ ở góc phòng. Chúng tôi vào chuyện tự nhiên như đã quen biết tự bao giờ. Ông hỏi tôi đã ăn gì từ sáng chưa, chờ tí nữa "thằng Lê thằng Đức nó tới mình đi ăn luôn thể." Tôi vâng khẽ trong miệng, chẳng biết "mấy thằng kia" mà ông vừa nói là những ai. KT và TV chọc ghẹo ông, ông cười hiền lành, nụ cười móm mém vì thiếu vài chiếc răng cửa. Tôi thấy ở ông phả một thứ tình trong suốt, ấm áp. Ông nói chuyện đằm thắm, từ tốn, giọng trầm ấm và rất Bắc kỳ. Phong thái ôn hòa, điềm đạm, cởi mở của ông làm tôi bớt e dè ngại ngùng, tôi bắt theo chuyện một cách tự nhiên. Tất cả mọi ấn tượng tôi có về ông qua sách báo và tưởng tượng đều đúng. Ông là nhà văn nổi tiếng, nhưng ông sống bình dị đơn giản như một ông cụ già đơn độc. Điều này vừa chạm khẽ vào tim, tôi thấy nhoi nhói một cảm giác rất lạ về người đàn ông. - Cô có uống được rượu không? nếu không, Vũ vào lấy cho cô ấy chai nước lọc trong tủ lạnh. - Bác để mặc cháu. Cháu không khát đâu ạ! - Tên cô nghe quen quen đấy. - Cháu là độc giả của báo Văn. - À!

Tôi biết ông vẫn nắn nót viết tên và địa chỉ từng độc giả bằng nét chữ cẩn thận của ông hàng tháng trên những bì thư gửi báo. Tên tôi, ông viết đã năm năm nay, làm sao mà không ... quen quen.

Một lúc sau, "thằng Lê" gọi tới, bảo tối nay gặp nhau ở quán ăn bữa nọ, có Tô Thùy Yên cũng sẽ có mặt. Trông mặt ông tươi hẳn sau cú phôn. Ông bảo khẽ với tôi: cô đi ăn với chúng tôi đừng phiền nhé, chúng nó ồn ào lắm...

Chúng tôi đến quán sớm. 6 giờ chiều mùa thu trời tối sụp. Ông ngồi băng trước cạnh tay lái KT, tôi ngồi băng sau cạnh Trần Vũ. Anh KT cần nhẫn đảo mấy vòng mà chưa tìm được chỗ đậu xe. MT gắt khẽ, thì mày thả

tụi tao ở đây, rồi mà đi đậu xe! Anh KT như vừa sực nhớ ra. Ờ nhỉ, anh xuống đây với Lan và Vũ, em đi kiếm chỗ vất cái xe thổ tả này...

Chúng tôi vào quán, chiếm góc bàn dài trong góc. Tôi thấy ông vừa tạt ngang tiệm rượu bên cạnh, lững thững về bàn ngồi, trong tay có một bao giấy, rút từ bao chai Martell mầu nâu sóng sánh. Rượu. Bữa ăn chính của MT.

Bữa ăn tối bắt đầu, sau khi Tô Thùy Yên, Hồ Minh Dũng, Du tử Lê và vài người nữa trong giới văn nghệ ghé đến. Tôi ngồi cạnh MT, ông có vẻ thoải mái trong không khí bằng hữu. MT gọi những món ăn của miền bắc: đậu phụ rán, cà om với tía tô, canh dưa cải chua hầm sườn, thịt ram mặn, miến gà, rau muống xào tỏi ... toàn những món ăn miền quê của người Bắc, hoàn toàn không có món nhậu nào. Ông bảo, để đãi cô nhỏ này là người Bắc, bên Texas làm gì có những món quốc hồn quốc túy thế này. Tôi cảm động vì sự quan tâm ông dành cho tôi. Các bạn ông, không ai để ý gì đến món ăn "quốc hồn quốc túy" MT gọi, họ chỉ chú tâm vào những ly rượu và câu chuyện nổ. MT không hề nhúng đũa, ly rượu của ông hết vơi lại đầy, không pha chế, straight shot. Trần Vũ chạy lui chạy tới đứng ngồi không yên, bỏ mặc tôi bên cạnh một ông già đơn độc giữa đám đông, hồn ở ngoài câu chuyện. Tôi len lén bỏ vào bát ông vài đũa miến xào, ông có để ý, nhưng vẫn không buồn cầm đũa gắp.

Bàn tiệc bắt đầu lên men, các anh bắt đầu nhắc đến thời Sáng Tạo Mai Thảo lúc này cũng đã thấm men, ông bắt đầu góp tiếng vào câu chuyện. Còn Vũ thì mải đi tới lui "xã giao", không ngồi cạnh MT để so ly, nên không rõ giữa 2 người ai uống nhiều hơn ai. Nếu đếm ly, chắc Vũ cũng đã thua MT ở hiệp thứ mười ba. Tô Thùy Yên và Du Tử Lê ngồi im lặng nghe ông nói về "lũ chúng bay cái thời vang bóng ấy". Mọi người hướng về anh cả, vì có linh cảm sắp đến giờ linh thiêng, khi MT nói về thơ. Đó là thời điểm đẹp nhất của bàn tiệc, như Vũ vẫn thường giáo đầu tôi về những cuộc rượu của họ. Mắt ông lim dim, hồn ông bay bổng. Ông nói về thơ Tô Thùy Yên, trời ạ, ông không ngâm thơ, ông đọc thơ sang sảng, như thơ đang nhập vào ông, đang tỏa ra từ ông:

"Hề chi ta uống cho say đã
Nào có ra gì một cái tên...
Tới đây toàn những tay hào sĩ
Sống chết không làm thất ruột gan..." (*)

Tô Thùy Yên chìm đắm trong thơ của mình, trong giọng đọc như sấm vang của anh lớn. Anh đang xúc động. Dường như họ gặp lại nhau sau bao nhiêu năm xa cách. Đây là dịp đầu tiên MT đọc thơ TTY trước mặt TTY.

"Trường Sa, Trường Sa đảo chuếnh choáng!
Thăm thẳm sầu vây trắng bốn bề
Lính thú mươi người lạ sóng nước
Đêm nằm còn tưởng đảo trôi đi ...
Mùa đông bấc gió miên man thổi
Khiến cả lòng ta cũng rách tưa
Ta hỏi han, hề, hiu quạnh lớn
Mà hiu quạnh lớn vẫn làm ngơ " (**)

"Bốn trăm hải lý nhớ không tới ..." Ông dừng lại, mọi người im lặng chờ. Rồi ông quay qua phía TTY: "Mày nói tao nghe, tại sao có bốn trăm hải lý mà nhớ cũng không tới ? Mày là nhà thơ thứ dữ, nếu gặp tay khác sẽ bảo là không nhớ gì hết, không buồn nhớ, hay là nhớ quá. Cái nhớ bị cho vào giới hạn, khoảng cách như thế, có nghĩa là cái nhớ rất con người, cái nhớ của một sự yếm thế, yếu đuối và bất lực của người trước nghịch cảnh mà không làm gì được "nó". Cái Nhớ không vượt nổi đoạn đường không gian là giới hạn, có nghĩa là nhắc nhở cái nhớ lớn hơn mọi cái nhớ, biết không?

Chúng tôi thích thú với giảng giải về thơ của ông. TTY ngồi im, mỉm cười, đầu hơi cúi xuống. Chắc anh cũng đang xúc động vì vẻ xuất hồn thơ của anh lớn MT. Sau bài thơ, ông lại cầm ly, nốc cạn. Tay run run quờ dưới chân tìm chai, lại rót đầy, straight shot. Lúc này giọng ông bắt đầu gay gắt, ông nói nhiều hơn lúc đầu bữa ăn, chỉ mình ông nói thì đúng hơn.

Cuộc vui có lẽ sẽ còn dài, nếu MT và TTY không có chút chuyện bất đồng tối hôm ấy. Sau khi anh TTY bỏ về ngang, khi tiệc thơ đang đến hồi cao độ, thì không khí đã hoàn toàn ngưng đọng. Ông cũng đã bắt đầu say, cái say làm ông lảo đảo, ông cũng bỏ dở bàn rượu, kêu nhức đầu đòi về. Tiệc thơ giải tán vào 10:00pm, sớm hơn dự tính.

Tôi theo xe KT và Trần Vũ đưa ông ra về. Khánh Trường và Vũ dìu ông lên thang lầu, ông phải dừng lại nghỉ mấy lần, tranh đấu với mười mấy bậc thang, đầu gục xuống, vai gầy, tay khẳng khiu vẫn ôm chặt chai rượu còn sót vài hớp, im lặng không nói gì từ lúc anh TTY ra về. Chúng tôi đưa ông về phòng, căn hộ lạnh và tối. Anh KT và Vũ giúp ông lên giường, tháo giầy, ông nằm im nhỏ gọn trong giường như đứa trẻ. Ông chưa ngủ, ông đã tỉnh táo, khi đã ngay ngắn yên ổn trong giường. Mắt ông đăm đắm ướt và buồn vô tả. Nỗi buồn xa vời, rưng rưng, nỗi buồn làm người khác buồn vì cái tình và sự quan tâm quá độ của mình đã làm thương tổn tự ái một người bạn thân thiết. Mà có lẽ ông là người buồn hơn ai hết, vì ông ý thức được sự chìm đọng của buổi tối, sau những phút không được vui do ông là nguyên nhân. Ông nằm quay mặt vào tường, bảo chúng tôi ngủ lại ở đây với ông, cứ tìm chỗ nào đó

mà ngủ trong phòng. Chúng tôi, KT và TV cũng im lặng ít nói, tìm một chỗ nào đó trong phòng ngồi xuống. Vũ tìm đ ược chai rượu còn dở trong góc, tìm ly cho anh KT và tìm được cho tôi một ly vang nhẹ. Tôi ngồi xà dưới sàn, ngay sát chân giường ông. Anh KT nói: Tụi em thì okay, nhưng có lẽ phải đưa Lan về anh à. Mà từ nay anh phải bớt nóng đi, bệnh anh nóng giận nhiều không tốt. Ông ngồi dậy, tụt xuống giường ngồi cạnh tôi dưới sàn, bảo Vũ đưa ông chai rượu uống dở. Chúng tôi không nhắc gì đến buổi tiệc rượu vừa rồi, bâng quơ thêm vài ba chuyện. Bỗng, tôi nghe một bên vai hơi nặng. Ông ngủ quên, đầu rớt vào vai tôi, hơi thở nặng và mệt nhọc, vẻ mặt bình thản hơn khi say ngủ.

KT và TV nhè nhẹ bế ông vào lại giường, tôi kéo chăn sát lên ngực ông. Chúng tôi đứng cạnh dỗ ông ngủ, nhìn khuôn mặt già nua, đếm những nếp nhăn nơi khóe mắt chân chim, đếm những suy tư trăn trở...buổi tối sao nằng nặng, trống trải lạ lùng.

Cảm xúc ngày gặp MT đầu tiên ấy vẫn theo đuổi tôi mãi. Tôi còn gặp lại ông thêm vài lần nữa, vẫn vẻ bình dị, trầm ấm thân mật. Và không như tôi tưởng, ông vẫn nhớ "cô nhỏ Bắc kỳ từ Texas" sau cái đêm uống rượu ngủ say đó. Có lần ông hỏi thăm tôi về cái mảng văn học trên siêu không gian mà ông không nắm vững. Tôi không nhớ có đọc thêm sáng tác nào của ông sau lần ấy, nhưng những bài "sổ tay" trên báo Văn của ông tôi không bỏ sót một chữ nào. Trong ấy, tôi tìm được rất nhiều tình, những tình cảm ông dành cho bạn bè, sự quan tâm ông dành cho những người cộng tác, những người viết mới. Ông dành trọn lòng ông cho cái đẹp của chữ nghĩa, cho những chuyện thời sự mưa nắng, cho nắng Bolsa, mưa tây bắc, tuyết miền đông, cho những tin tức xa từ quê nhà, nơi ông bỏ đi không bao giờ trở về thăm lại, dù chỉ một lần.

Tối hôm đó, và hơn bao giờ hết — ngay giây phút này sau khi hay tin ông đã nằm xuống thật, tôi bỗng vô cùng ao ước được bạo dạn gửi lên trán ông một nụ hôn, nụ hôn chân thành chúc ông giấc ngủ thật bình an, trong lành, và thật đầy. Đầy hơn 70 năm cuộc đời!

PHẠM CHI LAN

Jan. 13, 1998

---

* Anh Hùng Tận, Tô Thùy Yên

** Trường Sa hành, TTY



ĐỖ VẤN TRỌN

NHÂN CÁCH MAI THẢO



Bảy giờ sáng thứ bảy, chị Hạnh Tuyền, rồi đến chị Kiều Chinh để lại trong máy ghi âm của tôi lời nhắn..... *Anh Mai Thảo đã mất*.. Trong giọng nói thảng thốt. Tôi nghe. Có tiếng khóc. Có tiếng tỉ tê. Có lời ru vọng một điệu kinh cầu. Người anh cả của chúng tôi đã ra đi, đã yên nghỉ ngàn thu. Mộ chung là nỗi buồn bất tận. Những người thân, những người cận kề bên anh đã đồng khấp báo. Ai cũng xót xa, ai cũng ngậm ngùi, ai cũng muốn níu kéo hoài hình ảnh của anh.

Tháng giêng mang anh đi cùng những cơn mưa lê thê. Bầu trời xám xịt, lạnh và u uẩn buồn. Tháng này, mỗi sáng tôi hay chở anh đến sở làm. Và từ nay, như thế những buổi sáng tôi vẫn chở anh. Tôi mang theo cái bóng thiêng liêng của anh suốt cuộc đời. Trong lặng lẽ và tận cùng của suy nghĩ, tâm tư tôi khép kín khi nhớ về anh, Mai Thảo với một phong cách sống tròn đầy.

Tôi biết anh từ năm 1972, khi Pleiku tổ chức Tuần Lễ Văn Hóa. Lúc đó, tôi chỉ là một cậu thiếu niên đang cố gắng hiểu những lời văn anh dẫn giải. Trên bục giảng anh đã cuốn hút tôi. Một hồn trai hăm hở vào đời.

Chín năm sau, buổi đầu tiên tôi được tiếp xúc với anh tại quán Hoài Hương ở Westminster. Cũng từ đó, trong lòng tôi đã có một thứ tình cảm bất biến. Thứ tình cảmvượt ra hẳn tình gia đình. Tôi cảm nhận lòng tôi thương

anh, và ngược, anh cũng thương tôi , vô chừng. Ai cũng bảo tôi may mắn. Bước vào thế giới chữ nghĩa tôi đã có ngay hai người anh, hai người thầy. Du Tử Lê dẫn dắt tôi mạnh dạn cầm bút - làm báo. Mai Thảo dạy tôi nhân cách sống. Cái tư cách cần thiết của một người viết chữ. Nhiều lúc anh đã mắng yêu tôi *"Mày đừng có ngông và bạt mạng quá"*. Có lần tôi và anh Mai Thảo đi Úc. Cả hai anh em chưa có quốc tịch Hoa Kỳ, nên thủ tục xin nhập cảnh rất khó khăn. Sứ quán Úc thì cứ trì trệ việc cấp chiếu khán. Đã hơn một lần ban tổ chức bên Úc phải dời lại buổi hội diễn. Không thể dời thêm một lần nữa. Tôi đánh liều đi sang Tân Tây Lan trước, rồi tìm cách sang Úc sau. Lúc máy bay sắp hạ cánh, tôi mới cho anh Mai Thảo biết quyết định này. Anh thản nhiên trả lời *"Thì đi đâu cũng được"*. Xuống phi trường, chẳng có một người nào của ban tổ chức bên Úc sang đón như đã hứa.. Trong chúng tôi, lại không một ai có mang theo tiền cả, mà thủ tục từ Tân Tây Lan sang Úc không phải đơn giản, chưa thể đi ngay được. Luống cuống, tôi lật vội cuốn "Phone Book" tìm tên của một người Việt Nam nào đó gọi cầu may. Thật hên, sáng chói một tấm lòng, một gia đình Việt Nam đã đón tiếp chúng tôi và cho tá túc vài ngày chờ làm thủ tục đi tiếp sang Úc. Cũng từ đó, mà tôi đã nảy ra ý định thực hiện cuốn Niên Giám Việt Nam.

Rồi, thì mỗi năm, tôi và anh đều đi chung với nhau sang các nước. Có năm là Pháp, có năm là Hồng Kông. Riêng Hồng Kông đã để lại cho chúng tôi nhiều kỷ niệm nhất. Những đêm ngồi uống rượu trên mạn thuyền, anh trầm mình trong vùng biển đen mênh mông. Có thể lúc đó, anh đang nhớ về quê nhà. Anh đã đọc những câu thơ trong nỗi buồn sâu kín . Tôi hiểu được anh. Chẳng bao giờ anh về Việt Nam. Như "Đêm Giã Từ Hà Nội". Chẳng bao giờ, anh nhìn thấy lại được mảnh đất, cảnh thổ đã thai nghén giòng văn chương tuyệt tác của anh . Hồng Kông trong tưởng tượng, trong cảm xúc của anh là "Hồng Kông dưới chân" ta, nhưng mà một Hồng Kông đã chuyển giao. Và một Việt Nam im ỉm thở dài mãi mãi cách biệt.

Hoàng Anh Tuấn hay nói : *"Trọn và Mai Thảo hợp tuổi nên thương nhau ghê lắm"*. Điều này , tôi nghĩ không đúng lắm. Có thể tôi mang lại hình ảnh trẻ trung của anh ngày nào. Cũng thích chưng diện. Cũng chìm đắm trong tình cảm. Cũng hệ lụy một đời. Cũng đơn độc một mình. Nhưng điều đúng nhất là tấm lòng tôi đối với anh. Tôi kính yêu anh. Tôi không cầm giữ được những giòng lệ thương tiếc cứ chảy hoài mấy ngày nay. Tôi không muốn khóc. Tôi muốn anh thoát khỏi tai ương của bệnh tật. Tôi không muốn nhìn thấy Mai Thảo đau khổ từng giờ với tử thần. Tôi muốn anh trút bỏ

muộn phiền. Anh không thể chịu đựng nhiều hơn thế nữa. Nhưng mà, niềm mất mát đó lớn lao quá. Trong lòng tôi. Trong lòng người thân anh không thể có sự đền bù. Chúng tôi chỉ có sự thiếu vắng.

Vẫn biết, đời người là bóng ngựa qua khe cửa, sống chết là lẽ thường tình của trời đất. Nhưng tìm đâu đây. Chúng tôi có một người như anh. Một Mai Thảo độ lượng, nhân cách và tài hoa.

Cuối cùng, anh cũng trở về với cát bụi. Nhưng sống và chết như anh dễ có mấy người. Sống được mọi người thương mến, nể trọng. Chết có những giọt nước mắt cao quý nhỏ trên di hài. Cái giá trị anh để lại, không những chỉ mấy mươi tác phẩm. Là hiến chương văn học mai sau, mà anh còn để lại cho mọi người về một gương sáng, một đức tính Mai Thảo. Phần đời còn lại, tôi sẽ nhớ mãi. Tôi mong sống được một phần nào, như anh Mai Thảo.

Từ đây, mỗi lần xuống Orange County, tôi sẽ ghé đến căn phòng của anh. Tôi sẽ yên lặng để hình dung Mai Thảo vẫn còn đó, vẫn còn ung dung bên chai rượu đã vơi. Vẫn còn chưa khép kín cửa để chờ những lần tôi về muộn. Vẫn trong tâm thức của tôi là những lời khuyên bảo của anh.

Kính anh!

Tự nhiên cả nửa tháng qua, em thèm uống rượu, em thèm được cầm mãi cái bình đựng rượu. Cái bình trông giống như món quà của chị Kiều Chinh tặng anh mà lúc nào anh cũng nâng niu.

Như anh biết, và rất ghét sao em không uống rượu cùng anh. Tửu lượng em rất kém. Nhưng không hiểu sao, giờ thì em uống được. Uống liên tục, cả ngày, cả đêm như anh. Mà không say, không vui, chỉ có buồn. Em uống những giọt rượu, những ly rượu thấy nóng ran một nỗi nhớ.

Trước khi anh đi, anh Du Tử Lê và chị Hạnh Tuyền có nói là anh rất thèm một điếu thuốc lá và một ly cà phê sữa đá. Anh Lê đã không dám từ chối. Anh Lê sợ cầm lòng không được. Anh Lê không muốn nhìn thấy anh khổ sở nên lẻn ra khỏi giường bệnh của anh. Giờ anh còn thèm không. Hôm qua, chị Kiều Chinh đã hút hộ anh một điếu thuốc. Chị ngồi bất động để nhìn di ảnh của anh. Chị có hỏi em, tấm hình anh và chị chụp chung thường treo trên tường ở phòng anh đâu rồi! Chị muốn giữ lấy. Sáng nay, em sẽ nói với anh Lê pha một ly cà phê sữa đá thật ngon cho anh nha! Còn anh, sao anh không thèm rượu. Hay là anh đã chia phần cho em rồi.



LÊ GIANG TRẦN

đưa mai thảo

Mai vàng rụng trước thềm xuân
Cỏ ngàn năm vẫn xanh ngần ấy xanh
Chuyến xe đến khúc đường quành*
Chào nhau, chào biệt những tình luyến lưu
Đưa người về chốn thiên thu
Tiếng còi nào huýt âm u trong lòng
Lạnh lùng trời đất lưu vong
Tình quê hương cũng tình trong lạnh lùng
Giá tàn đông! Gió tàn đông!
Mưa dầm, bão dạt, biển lồng, đất rung...

Kính tiễn anh linh Mai Thảo
mất Sat., 10.1.1998
LÊ GIANG TRẦN

Đêm nay em thức trắng, em ngồi ngay cái bàn, cái ghế trên nhà anh vẫn hay ngồi. Nơi, những lúc anh dỗ dành giấc ngủ bằng một vài ly rượu mạnh. Dưới chân đồi, những chùm hoa vàng lấp lánh. Nhìn qua khung cửa sổ em như thấy đôi mắt lạc thần của anh. Má giục em xuống Orange County ngay. Và em cũng muốn thọ tang cho anh nữa.. Nhưng anh Lê bảo không cần thiết. Vì, chắc anh không muốn mọi người sẽ gào thét, sẽ vật vã trên ngôi mộ của anh. Lúc này, là lúc em cũng như anh Lê sẽ thật thầm lặng. Thầm lặng để nghe những mất mát, những tiếng lòng, những niềm đau dấu kín.

Một vài giờ nữa em sẽ đến nơi nghĩa trang của anh. Khấn vái hương hồn anh. Ở cõi âm, anh hãy vui như cõi dương.

Vĩnh biệt anh. Vĩnh biệt nhà văn Mai Thảo

ĐỖ VẪN TRỌN



NGUYỄN THỊ NGỌC NHUNG

ĐUỔI BÓNG



Đêm Rồi Cũng Đi Qua *là truyện ngắn đầu tiên của nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Nhung, được Mai Thảo chọn đăng trên tạp chí* Văn, *số 22, phát hành tháng 4 năm 1984.*

Mười bốn năm trôi qua, Mai Thảo vừa ra đi, Nguyễn Thị Ngọc Nhung gửi đến tạp chị Hợp Lưu *một truyện ngắn mới nhất của chị, với "chú thích": Hãy xem* Đuổi Bóng *"như một lời từ giả riêng tư gửi Mai Thảo".*

HỢP LƯU

It ever has been since time begun
And ever will be, till time lose breath,
That love is a mood - no more - to man,
And love to a woman is life or death.
Ella Wheeler Wilcox (1850-1919}

Tôi mở mắt. Phòng tối mờ. Màn cửa sổ mỏng im lặng. Bên ngoài có ánh sáng dịu nhẹ của một ngày chưa thành hình. Không biết mấy giờ. Tôi lười biếng với tay tìm đồng hồ nơi bàn ngủ. Tay tôi chạm phải khoảng trống nhưng mất mấy giây tôi mới sực nhận ra điều đó. Rướn người tới, tay tôi chạm mặt bàn ngủ, sờ soạng phải cuốn sách nhỏ. Lăn người qua bàn ngủ bên này, tôi chụp lấy đồng hồ đưa lên nhìn. Không thấy gì cả. Đồng hồ không lân

tinh. Đồng hồ kiểu làm dáng. Tôi nằm ngửa tay nắm chặt đồng hồ nhìn trần nhà, quen dần với bóng tối, thấy dấu nước loang nơi góc. Tường phòng dán giấy màu xanh phấn tiên rất nhạt.

Tôi ôm đồng hồ, kéo chăn ngay ngắn nơi ngực dù không nghe lạnh, xoay người nhìn ra cửa sổ. Qua màn cửa, bên ngoài lờ mờ dạng cây cối dốc đồi sau nhà. Vụt ngồi dậy, tôi bật đèn nơi bàn ngủ chỗ chụp lấy đồng hồ lúc nãy, xòe tay nhìn. Năm giờ hai mươi. Để đồng hồ nơi bàn, tôi lấy gối dựa lưng rồi khom nhặt túi tạp chí vất trên sàn.

Không biết tôi đọc bao lâu nhưng sực nhận ra mình không tập trung tư tưởng vào những gì đang đọc. Tôi lật lại trang cũ, cố đọc, nhưng chỉ được vài dòng rồi dừng lại. Hàng chữ in màu đen nhỏ, có chỗ lem nơi dấu tay làm nhầu trang giấy. Hai phần ba trang đối diện là quảng cáo của Mont Blanc với hàng chữ in đậm dưới cùng, Nghệ Thuật Viết. Tôi hất cuốn tạp chí bay nằm úp xấp cạnh hai chiếc giày nghiêng ngã. Giày của tôi.

Ngồi thừ một lát nhìn hình vẽ trên giấy dán tường nhưng không thấy rõ nét, tôi nhìn quanh. Tủ quần áo bên trái, cửa không khép chặt. Chiều qua tôi thoáng thấy vài ba móc áo bằng kẽm còn bọc giấy của tiệm giặt. Bàn ngủ cạnh giường phía cửa sổ có cuốn sách nhỏ bìa nâu vàng cũ. Tôi cầm lên mở ra. Một cuốn tự điển. Tôi đoán. Chữ ngoằn ngoèo. Giở thêm vài trang, tôi đóng sách lại, nhích người gần bàn, nhẹ nhàng để lại chỗ cũ. Cạnh cuốn tự điển có đồng tiền nhỏ. Tôi cúi nhìn. Đồng tiền ngộ nghĩnh cạnh bát giác.

Trong góc gần cửa sổ, ba đôi giầy đàn ông xếp ngay ngắn, cạnh va ly mở nắp. Va ly của tôi. Bống tôi đưa tay bật tắt đèn như vừa nhận ra ánh sáng quá ầm ĩ so với im lặng tối mờ bên ngoài của buổi sớm. Chuồi người xuống trong chăn, tôi ôm gối nằm co, nhìn màn cửa sổ trắng mỏng không lay động. Một tay quàng ngang chân, tôi mân mê dấu chai nơi ngón út, lần sang vết sẹo dài bên hông ngón cái.

Tối qua, có người gọi khẽ. Rất khẽ. Phải chú ý mới nghe. Dương. Dương. Tôi vụt mở mắt, nhìn trần nhà, trở người, trong khoảnh khắc bỗng không biết mình đang ở đâu, nửa quen thuộc nửa xa lạ. Giấc mơ chập chờn. Tôi đang đi, bương bả đi, chung quanh mờ mịt không rõ nét, bỗng có tiếng gọi sau lưng, rất dịu dàng.

-Dương. Dương.

Tôi chớp mắt. Trần nhà cao, vệt nước ố vàng nơi góc. Trần nhà dần rõ nét, tôi không còn trong mơ. Giọng gọi quá dịu dàng khiến tôi bối rối. Tôi ừ hử trả lời giữa hoang mang. Giọng người hỏi lại, rất khẽ, như thì thầm.

-Dương dậy chưa?

Tôi lại ậm ừ, trong đầu mù mịt, chợt lên tiếng hỏi, giọng đục trầm.

-Mấy giờ rồi anh?

Cảm tưởng quen thuộc gần gũi qua câu hỏi, như đã từng hỏi, từng được thức dậy bởi tiếng gọi dịu dàng ấy bỗng khiến tôi lạ lẫm lẫn lộn.

-Mười giờ. Dương đói chưa? Có muốn đi ăn?

Tôi hất chăn ngồi dậy, thử ra mấy giây nhìn bàn chân ngón nhỏ của mình, phân vân trước một câu hỏi bình thường. Tôi có đói không? Tôi tự hỏi mình. Không, tôi không thấy đói, không cảm thấy gì khác ngoại trừ nỗi ngầy ngật của giấc ngủ không êm, đứt đoạn. Đứng lên, tôi mở nhẹ cửa phòng. Dựa khuất nửa người nơi cửa, tôi vén tóc lòa xòa trên trán, đầu óc trống rỗng mệt mỏi. Nhìn người đứng bên ngoài qua khoảng hẹp cửa mở, thấy được nửa mặt, tôi lưỡng lự rồi lựa chọn.

-Thôi... anh. Tôi ngủ tiếp đến sáng...

Người đứng trước cửa ngần ngừ.

-Lát nữa nếu Dương đói, có bánh cuốn trong tủ lạnh.

Tôi gật gật đầu khép cửa quay trở lại giường nằm vùi trong chăn dù phòng hơi ấm. Tôi nằm nghiêng, nhìn ra cửa sổ, bên ngoài bên trong tối om, lắng nghe bước chân, tiếng động nơi nhà bếp, thiếp ngủ lúc nào không hay. Tôi thỉnh thoảng ngủ trái giờ khi vừa đi làm về, sáu bảy giờ tối, như đã ngủ hôm nay, chỉ khác nơi chốn, nhà Lĩnh thay vì nhà tôi, và sẽ ngầy ngật dậy khoảng chín, mười giờ đêm. Có lẽ vì vậy nên tôi mang cảm giác quen lạ lẫn lộn khi giật mình mở mắt. Tôi hay ngủ như thế, nhiều nhất khi có một ngày không vừa ý và cảm tưởng cô đơn bất lực phủ chụp lấy mình. Có khi không buồn thay quần áo, tôi nằm lăn ngang giường, kéo chéo mền phủ ngực. Những điều tôi muốn làm, bỏ dở đâu đó. Những điều tôi không muốn làm, vẫn tiếp tục máy móc. Tôi chỉ có nỗi buồn nhẹ nhàng sót lại sau giấc ngủ ngắn nhưng tâm thần bình thản thong dong.

Giữa khuya tôi bật dậy cởi áo vất đâu đó vì oi bức. Tôi đã quen trời nóng ngủ với khăn giường quấn rối nơi chân không quần áo. Hình như tôi ngủ tiếp nhưng không được lâu lại giật mình mở mắt, biết đã nằm mơ nhưng không nhớ gì cả.

Tôi tắt đèn nằm chuồi xuống ôm chân, vết sẹo dài bên ngón cái, chân mặt. Tôi muốn ra bếp pha ly cà phê nóng như những cuối tuần có khi dậy sớm, nhưng ngại điều gì nên thôi. Lăn qua bên tủ áo, tôi nhìn nhưng không cố tình nên không chắc đã thấy, nhận ra đúng chuôi kiếm ở ngăn trên. Ngăn tủ chất lộn xộn nhiều món đồ, hộp vuông hộp dài, gói, cuộn giấy. Chuôi kiếm giống chuôi kiếm Nhật hơi cong, nghiêng hẳn ra ngoài. Tôi nằm nhìn chuôi kiếm trong chập choạng tối khá lâu không hề nghĩ đến đứng lên với tay sẽ

chạm đến nó. Tôi không biết phòng đang ngủ là phòng của ai nơi nhà Lĩnh và không thích sờ mó dời đổi đồ đạc của người khác. Sau đó tôi đã quên không hỏi Lĩnh về chuôi kiếm trong tủ cho đến khi về. Nó có thể là vật gì khác tôi đã nhìn lầm trong bóng tối chệnh choạng. Nhiều điều, nhiều việc, tôi muốn hỏi, nhưng trước mặt Lĩnh, tôi bỗng bối rối, quên nhớ lẫn lộn, biến thành bé nhỏ vụng về, không phải tôi. Điều này chưa bao giờ xảy ra với bất cứ người đàn ông nào nên tôi không hiểu mình, đâm ra sợ Lĩnh, sợ gì tôi không biết, và cũng có thể sẽ không bao giờ biết.

Tôi lại với lấy đồng hồ. Trong phòng sáng hơn lúc nãy nên không phải mở đèn, sáu giờ mười. Tôi để đồng hồ xuống, đạp chăn quấn nơi chân, lăn nhìn cửa sổ. Có tiếng chim ríu rít rất nhỏ. Tôi hất chăn ra đứng bên cửa sổ nhìn ra ngoài, biết nỗi buồn sau giấc ngủ đang hình thành trong tôi. Cửa sổ nhìn ra sân sau dốc lên cao trồng nhiều bụi cây cụm hoa. Có con gì be bé bay vút thật nhanh từ nơi nào bên phải cửa sổ lên cao. Vun vút. Thật nhanh. Nhanh đến nỗi tôi không làm sao nhận ra con gì đang bay. Không thấy bay ngược xuống, chỉ thấy bay lên, tua tủa, liên tiếp. Có tiếng rầm rập rầm rập, văng vẳng không lớn lắm. Không biết từ đâu vọng lại. Xe lửa. Tôi lắng nghe. Có tiếng còi vang vang. Rồi rầm rập nhỏ dần, im đi. Buổi sớm rất yên lặng và sáng dần.

Không biết tôi đứng đó bao lâu cho đến khi cảm thấy se lạnh, quay vào tìm cái áo cởi giữa khuya mặc vào, lại nhìn đồng hồ. Hơn bảy giờ. Có tia nắng vàng yếu ớt rọi nơi mái nhà, bờ tường căn nhà trên dốc nơi sân sau. Tôi nhìn vạt nắng lớn dần đổi từ vàng dịu ra sáng. Được một lát, tôi lục va ly tìm quần áo, vào phòng tắm.

Gần tám giờ khi tôi rón rén đẩy cửa nhà bếp rồi nhẹ nhàng kéo đóng lại. Có hơi ẩm lạnh trong sạch của không khí sáng sớm. Nơi bồn rửa chén, tấm nhựa che nằm bên trên, tôi giở nhìn, chén dĩa dơ nằm ngổn ngang bên dưới. Tôi đậy lại, nhìn quanh ngập ngừng nghĩ đến mở tủ tìm ly tách. Tôi e dè ngại ngần, có cảm tưởng hỗn hào giẫm lên đời sống riêng tư của người khác. Mở máy rửa, tôi khom nhìn dĩa to dĩa nhỏ, ly uống nước, ly rượu, nhưng không có tách trà tách cà phê muốn tìm. Đứng thẳng lên, tôi mở ngăn tủ trước mặt. Lọ, hũ, muối tiêu, xì dầu, thảo mộc nấu ăn, mấy ngăn lớn nhỏ. Tôi khép lại, mở tủ bên phải. Tách trà úp trên dĩa từng cặp ngăn nắp. Tôi nhón lấy hai tách để nơi quầy bếp rồi mở tủ bên dưới tìm ấm nước. Giữa nồi niêu nắp đậy, tôi lựa bừa một nồi nhỏ, không dám xốc tìm lâu hơn sợ gây tiếng động. Buổi sáng quá im lặng, điều gì tôi làm, món nào đụng vào âm thanh cũng nghe vỡ vụn, to hơn bình thường. Tôi mở nước xong để nồi lên bếp nhìn hàng nút. Bấm. Mấy con số hiện ra. Rồi tắt. Hiện ra những thứ gì tôi không

hiểu. Tôi bấm lại. Con số hiện ra. Không thấy ánh đèn hay dấu hiệu gì chứng tỏ bếp bắt đầu nóng, tôi nhấc nồi lên, đưa tay sát mặt lò. Lạnh tanh. Tôi để nồi xuống, bấm nút, con số hiện ra rồi tắt đi.

Tôi loay hoay bấm, nhấc nồi, bấm, sửa soạn bỏ cuộc thì có tiếng cửa nhà bếp bị đẩy sang một bên vội vã gấp rút. Giật mình, tôi ngước nhìn lo lắng. Lĩnh bước vào, mặt còn ngái ngủ, hai mắt đỏ, áo polo xanh dương đậm bỏ ngoài quần jeans. Tôi cười bối rối, tim vụt đập nhanh, tay bất giác úp ngực như sợ Lĩnh biết.

Lĩnh nhìn nồi nước.

-Dương muốn pha cà phê?

Tôi lúng túng gật đầu, trong lòng thầm giận chẳng vì đâu lại mất bình tĩnh trước mặt Lĩnh, ấp úng.

-... không biết mở bếp nhà anh...

Lĩnh với lấy bình sứ trắng trong góc quầy bếp mở nước rồi cắm điện. Cái bình không nắp trước đó tôi đã thấy nhưng không biết dùng để làm gì. Lĩnh vừa làm vừa nói.

-Mỗi lần Dương nhấc nồi lên bếp sẽ tự động tắt.

-À...thì ra, không biết mở đúng hay sai nên tôi cứ nhấc lên xem thử nóng lạnh.

Tôi kéo ghế ngồi. Lĩnh dựa lưng bếp khoanh tay nhìn tôi, hai mắt còn đỏ.

-Dương ngủ được không? Từ tám giờ cho đến sáng. Những mười hai giờ. Tôi xấu hổ.

-Chắc tại mệt. Mấy hôm nay bận nhiều việc khẩn. Alex dọa làm không xong thì đừng nghĩ đến chuyện đi đâu cuối tuần...

Tôi bỏ lửng câu nói làm như Lĩnh hiểu dù biết rằng Lĩnh không biết Alex là ai và việc gì tôi làm ở sở đến phải thức đêm. Tối thứ năm tôi đã trở vào sở khoảng mười một giờ đêm và ở lại đến sáng thứ sáu. Không phải vì tôi sợ lời dọa của xếp. Alex biết tôi có dự định đi San Franciso chiều thứ sáu và việc xong hay không tôi vẫn đi, nên dọa đùa. Nhưng tôi biết tính ương ngạnh của mình, sẽ làm xong việc vì không thích bỏ dở những gì đã bắt đầu, không thích giao việc dở dang cho người khác, và vì tính cách khẩn khá quan trọng của dự án bất ngờ. Việc sở thì thế nhưng việc nhà thì không. Nhiều điều nhiều việc, tôi đã lười biếng bỏ dở. Lâu ngày, ngụy biện với tôi, có lẽ chúng không thật sự cần thiết.

Lĩnh mở tủ lấy tách. Tôi chỉ.

-Tách đây anh.

Lĩnh nhìn theo tay chỉ rồi quay đi lấy hai dĩa lót tôi đã không mang ra

lúc nãy. Mắt tôi dõi theo Lĩnh, nghe mình thì thầm trong im lặng. Lĩnh? Em cố tình không lấy dĩa ra đấy. Lĩnh, Lĩnh, có nghe em không? Em sợ cái kỳ quặc trang trọng khi chỉ riêng hai đứa mình. Lĩnh? Tất nhiên Lĩnh không nghe không biết lời gọi trong im lặng của tôi, tiếp tục lục lọi tìm gì ở mấy ngăn tủ. Chập ngắn, Lĩnh quay lại, tay mở hộp giấy.

-Mình uống trà Dương nhé.

-Gì cũng được, anh đừng lo.

-Nhà hết cà phê.

-Không sao cả.

-Hay để Lĩnh đi mua?

-Thôi anh. Tôi thích uống trà, vẫn thường uống trà khi không có cà phê.

Lĩnh có vẻ áy náy.

-Tí nữa mình ra phố uống cà phê. Bây giờ uống trà tạm đi.

Tôi bỗng muốn giải thích dù biết rằng không cần thiết.

-Anh đừng lo. Tôi uống gì cũng được. Có lẽ tôi thích uống cái nóng hơn là cà phê hay trà ở buổi sáng. Tôi có vài thói quen kỳ cục như uống cái gì nóng ở buổi sáng và chỉ ở buổi sáng mà thôi. Mùa đông trời lạnh thì còn hiểu được chứ trời nóng mùa hè thì tôi không làm sao hiểu nổi thói quen của mình.

Giọng Lĩnh dịu dàng.

-Ai cũng có một vài thói quen không giải thích được, không riêng gì Dương.

Tôi đùa.

-Vậy mà tôi tưởng tôi khác người lắm.

Lĩnh cười nhẹ, mắt chớp nhanh nhiều lần. Tôi nhìn tròng kính cận từ từ trệch khỏi tròng đen mắt Lĩnh. Con mắt bên phải. Lĩnh chớp chớp mắt có vẻ khó chịu. Tôi muốn nói với Lĩnh. Kính lệch. Hai chữ giản dị nhưng tôi, như đã nhiều lần trước mặt Lĩnh, đôi co với mình, nên hay không nên nhắc Lĩnh. Căn bếp vắng lặng chỉ có tôi và Lĩnh nhưng tôi vẫn cảm thấy sự hiện diện của người khác, đâu đó nơi khăn lau vắt cửa tủ lạnh, chén dĩa chưa rửa, ghế chiếc kéo ra chiếc đẩy sát bàn, thư từ giấy tờ vung vãi trên bàn, quầy bếp, dây điện thoại quấn rối, chai nước Evian còn nửa, và nghe ngần ngại một nỗi không rõ ràng. Sau cùng, tôi lựa chọn im lặng nhìn tròng kính trôi dần sang phía tròng trắng khi Lĩnh chớp mắt mỗi lúc mỗi nhiều hơn, bức rức. Tất nhiên rồi Lĩnh cũng nhận ra điều đó. Quay lưng lại nhìn vào gương lót nơi tường trên bếp, Lĩnh đưa tay kéo mí mắt, tay kia đẩy kính trở lại nơi tròng đen. Quay lại, mắt vẫn đỏ, Lĩnh hỏi.

-Hôm nay Dương muốn đi đâu?

Không đợi tôi trả lời, Lĩnh lại quay đi nhấc bình rót nước nóng vào hai tách. Để một trước mặt tôi, Lĩnh nhúng túi trà nơi tách mình vài lần rồi lấy ra để một bên. Có lẽ Lĩnh không thích uống trà đậm. Tôi đùa với sợi chỉ túi trà nơi tách mình, nhìn hơi nước bay mong manh, trả lời.

-Anh cho đi đâu cũng được. Không cần thiết phải là đi đâu...

Tôi ngước nhìn Lĩnh. Tôi rất thật trong câu nói của mình nhưng tôi chưa nói hết điều tôi muốn nói. Tôi đi San Francisco không phải để làm du khách, một điều tôi có thể làm bất cứ lúc nào khác nhưng không phải lúc này, với Lĩnh. Ngay cả quyết định thực hiện chuyến đi, cũng từ Lĩnh ra, duy có điều Lĩnh không biết đấy thôi. Tôi đi San Francisco vì tôi muốn giải thích với tôi về Lĩnh, về nỗi bối rối cuống quýt trong tôi khi lại gần Lĩnh, về nỗi sợ vô lý của chính mình. Tôi đi tìm tôi, qua Lĩnh.

Tôi quen Lĩnh đã lâu. Trong khoảng thời gian biết nhau, lúc nào tôi cũng mang một cảm tưởng mâu thuẫn, biết và không biết gì hết về Lĩnh. Có lúc cả năm tôi không gặp Lĩnh lần nào. Có khi Lĩnh viết cho tôi dăm dòng thăm hỏi ngắn ngủi. Tôi ít trả lời, nhưng thường là im lặng, nghĩ rằng có lẽ Lĩnh không cần nên đã không ghi địa chỉ hồi báo trên bì thư. Đôi khi Lĩnh xuống chơi, điện thoại cho tôi, hoặc tôi gọi Lĩnh, rủ ăn trưa hoặc hẹn gặp đâu đó, với những người bạn cả tôi lẫn Lĩnh đều quen. Trước khi gặp Lĩnh, tôi thường mất thì giờ giằng co với tôi giữa sự háo hức nhộn nhịp và nỗi sợ vô cớ tiềm tàng, biết rằng những cảm giác đối nghịch biến mình thành một người khác. Tất nhiên tôi vẫn yêu nỗi sợ và cơn bối rối trong tôi hơn tất cả mọi thứ khác.

Lĩnh cầm tách trà, kéo ghế ngồi đối diện tôi, tiện tay sắp xếp giấy tờ trên bàn. Tôi bất chợt nhìn thấy dòng chữ trên tập giấy vàng kẽ hàng xanh. Chữ viết rất tháu của Lĩnh 'Tôi đi ăn. Nếu Dương...'Chỉ kịp đọc đến đấy, Lĩnh đã úp xấp tập giấy trên mấy lá thư chưa mở. Cử chỉ vô tình nhưng tôi bỗng nghe nhói nhẹ trong tim một nỗi đau không rõ ràng, như vừa bị từ chối một điều gì, từ Lĩnh. Mắt Lĩnh thỉnh thoảng nhìn tôi, giữa những hớp trà, thật nhanh rồi nhìn đi nơi khác. Lĩnh nói.

-Dương là khách, được quyền đi những nơi mình muốn.

Tôi đùa nhẹ nhàng, muốn làm giảm đi nhịp đập cuống quít đáng ghét của tim mình.

-Được đi đã là may. Nếu anh bận phải đi nơi nào làm việc gì, cứ cho tôi theo, ngồi đợi cũng được.

Câu chót, tôi rất thành thật không chút tò mò việc riêng của Lĩnh vì Lĩnh đã nói trước có lẽ hơi bận ở sáng thứ bảy, phải đi đâu gặp ai đó cho

việc nhà. Lĩnh từ chối.

-Không sao, có thể tôi ghé nơi đó một tí. Dương cứ ở nhà chơi, Có thể tôi bỏ Dương ở chỗ nào Dương muốn, độ một giờ sau quay lại đón. Có được không ạ?

Tôi không trả lời, im lặng uống trà. Có lẽ Lĩnh không tin tôi, và điều đó chạm tự ái, nhưng nghĩ cho cùng, việc gì Lĩnh phải tin tôi? Giữa tôi và Lĩnh, tuy có thời gian quen biết lâu dài nhưng hình như không ai biết rõ về ai ngoài những việc thông thường. Những gì tôi biết về Lĩnh, đúng ra, những gì Lĩnh nói với tôi về Lĩnh, vẫn chưa phải là những gì đặc biệt ít người biết. Dù vậy, tôi vẫn không kể lại, góp chuyện lúc bạn bè trà dư tửu hậu nhắc đến Lĩnh. Điều này chỉ có nghĩa, tôi quý những rung động riêng tư trong tôi qua lời kể câu chuyện tầm thường biết rằng Lĩnh có thể đã có lúc, nhiều lúc, nói với người khác.

Lĩnh hỏi, giọng nửa đùa nửa thật.

-Dương có muốn mua sắm gì không? Trên này không có Nordstrom nhưng cũng có vài tiệm đáng vào.

Tôi cười nhẹ thoáng nhìn Lĩnh rồi cúi xuống tách trà cho rằng Lĩnh đã nghĩ sai về mình.

-Hôm nay tôi chỉ đi chơi.

Lĩnh không biết rằng tôi không thích lang thang dạo phố mua sắm quần áo như nhiều người đàn bà khác. Tôi chỉ vào thương xá khi có chủ ý mua món đồ nào, ở một nơi chốn nhất định và không thích đi với bất cứ ai. Đôi lúc ngộp thở với sự cô độc lặng lẽ riêng mình, tôi thử vào thương xá tìm chỗ đông người để được quên. Nhưng đi chưa quá nửa giờ tôi đã nghe chán, có cảm tưởng nỗi đơn độc bội phần tăng nhiều hơn trước, và bỏ vào quán cà phê. Tôi sẽ tìm bàn dựa sát hành lang đông người trong South Coast, uống ngụm nhỏ Cappuccino, nhìn người qua lại, gặm nhấm nhiều điều không rõ rệt, trong đó có Lĩnh.

Lĩnh đứng dậy vén màn cửa sổ nhà bếp, đứng dựa nơi góc, tay đút túi quần nhìn ra sân sau. Tôi nhìn theo, không thấy căn nhà trên dốc từ nơi mình ngồi. Vụt có tiếng rầm rập rầm rập vọng lại. Tôi lắng nghe, hỏi Lĩnh.

-Xe lửa?

-Ừ. Gần đây có đường xe lửa. Chẳng biết nó đi đâu.

-Tôi thích tiếng xe lửa chạy trên đường rầy, vẳng từ xa.

-Lĩnh không để ý. Thỉnh thoảng sáng sớm hay khuya vắng mới nghe ra.

Lĩnh đưa tay nhìn đồng hồ.

-Thôi mình đi.

Rất đột ngột. Không chuyển tiếp. Không mạch nối. Rất Lĩnh.

*

Dự định đi San Francisco gặp Lĩnh là một dự định mơ hồ tôi vẫn có từ lâu. Thỉnh thoảng gặp, Lĩnh vẫn đùa hỏi khi nào tôi sẽ đi San Francisco thăm lại cầu Golden Gate. Tôi ậm à ậm ừ, sẽ, ừ sẽ, nhưng chưa biết sẽ, là khi nào. Cho đến lúc Lĩnh đang ngồi, tay cầm viết, tập giấy quảng cáo in hình chuyên viên địa ốc, ngước nhìn.

-Lần này đi thật không đấy?

-Thật. Tôi trả lời và biết mình đã có quyết định ngay lúc đó, lúc nhìn xuống mắt Lĩnh ngước lên.

-Tuần đó Lĩnh không đi đâu cả. Có đi thật thì cho Lĩnh biết để ra đón.

-Chưa hỏi vé. Có gì tôi gọi anh sau.

-Dương nói mãi, không thấy đi đâu cả.

-Nhiều lý do... nhưng có lẽ tại tôi, hơn là tại mọi thứ chung quanh. Chúng chỉ là cớ, một cách nói trớ đi để tôi không phải nhìn thấy mình.

Lĩnh im lặng nhìn tôi chập lâu. Hơi ngượng, tôi nhìn ra sân sau nhà người bạn. Mọi người đang ăn, nói, đùa, cười, ra vào tới lui, không ai để ý đến Lĩnh đang ngồi bàn ăn nhà bếp, tôi đứng cạnh với ly nước đã tan đá, nước đọng ngoài ly ướt mấy ngón tay, nhìn xuống, nhìn chữ viết cong queo của Lĩnh.

-Lâu rồi Dương chưa trở lại San Francisco, phải không?

-Cũng không lâu gì lắm đâu, trên dưới hai mươi năm.

-Hai mươi năm mà không lâu à?

-Thì cũng có lúc thấy lâu. Bây giờ thì không. Chẳng hiểu tại sao. Có lẽ đã đến lúc biết chấp nhận mọi thứ, mọi người. Thế đã là thế, và sẽ là thế, chăng? Hai mươi năm, mới có phần ba đời người.

-Đời người theo Dương có sáu mươi năm thôi à? Ngắn vậy?

Tôi cười, hát đùa "Em ơi, có bao nhiêu, sáu mươi năm cuộc đời. Hai mươi năm đầu..." rồi nhẹ giọng.

-Tôi không muốn sống quá sáu mươi.

-Sao vậy?

-Không biết. Tôi đi tìm, một người bạn, cũng là một người tình, mới thấy đó là một điều khó khăn vô cùng, biết rằng mình thiếu thật tế. Cần gì? Thiếu thật tế hay không, đấy vẫn là tôi, vẫn là điều tôi muốn tìm, đi tìm. Có khi, tìm ra hay không, không còn là vấn đề quan trọng, mà quan trọng hơn hết là tôi vẫn đi tìm, có được cái hài lòng của tiếp tục đi tìm, chưa nản lòng,

chưa ngã chí. Tất cả, chỉ có nghĩa, tôi vẫn còn sống, đấy thôi. Tôi biết tôi là một người bi quan.

-Lúc nào cũng thấy Dương cười được, đùa được.

-Đó không phải là tôi.

-Tôi thật của Dương, thì như thế nào?

Tôi nhún vai thật nhẹ không trả lời câu hỏi của Lĩnh, lảng chuyện.

-Bao lâu anh lại đi việc hãng?

-Khoảng ba bốn tháng gì đó. Chưa biết. Công việc bận rộn nhiều lúc bất ngờ, không làm sao biết trước.

-Người đi nhiều đàng gánh lắm sàng khôn. Lấy mất phần của người khác còn gì.

Lĩnh không cười ở câu đùa, cúi xuống viết tiếp những số điện thoại tôi có thể gọi tìm Lĩnh khi cần. Tôi nhìn nét mũi nghiêng, hàng mày dấu ô, mi rậm nơi mí mắt sâu, môi hơi dày màu sậm, bất giác thở dài. Lĩnh xé rời tờ giấy đưa tôi.

-Chắc không đấy, Lĩnh đợi.

Tôi gật đầu không nhìn Lĩnh. Không dám nhìn Lĩnh. Tờ giấy được tôi gập ba gập bốn nhét túi. Chị bạn từ ngoài sân bước vào.

-Hai người này, sao lại ngồi đây?

Lĩnh đứng dậy. Tôi quay đi. Cùng lên tiếng.

-Tôi ra ngay.

-Em về chị ạ.

Chị bạn tiếp tục hỏi gì đó nhưng tôi không nghe ra, ngoái nhìn vừa kịp thấy mắt Lĩnh nhìn tôi thật nhanh trước khi quay lưng ra sân.

*

Lĩnh tìm chỗ ăn trưa, hơn một giờ chiều, sau khi loanh quanh mấy thắng cảnh nổi tiếng lắm du khách, nhưng chỉ đi ngang, nhìn thấy thấp thoáng. Không rõ Lĩnh hiểu được ý tôi, không muốn làm du khách lúc này với Lĩnh, hay vì không tìm được chỗ đậu, ít thì giờ. Tôi đã không nói với Lĩnh, thật ra, tôi thích đi loanh quanh nói chuyện với Lĩnh hơn là bước vào và chụp hình kỷ niệm với thắng cảnh.

Tôi ngước nhìn Lĩnh, nhìn cặp chân mày dấu ô của Lĩnh tự hỏi tại sao lúc nào ánh mắt Lĩnh nhìn tôi cũng dịu dàng hay chỉ là tưởng tượng của riêng mình. Lĩnh đưa tay đỡ lưng tôi, tay kia giữ cửa kính lớn, bước vào cao ốc. Tôi theo Lĩnh lấy thang máy lên tầng ba. Nhà hàng nằm trong cao ốc có nhiều cửa hàng bán quà kỷ niệm, quần áo, quán cà phê, tiệm kem. Lĩnh muốn tìm

bàn nhìn ra biển. Cô tiếp viên bảo đợi rồi quay vào trong. Lĩnh chỉ ghế.

-Đợi tí.

Tôi ngồi, chân vắt chéo. Lĩnh đút tay túi quần đứng dựa tường. Áo polo đã được nhét vào quần cẩn thận với áo jean ngắn khoác ngoài. Tôi sực nhận ra Lĩnh hay đút tay túi quần, khi đi lúc đứng. Lĩnh hơi khom lưng khi đi, cánh tay khuỳnh ra. Lúc tránh kẻ ngược chiều hoặc nghiêng người nhìn lui đợi tôi, cánh tay và bờ vai của Lĩnh day ngang cứng ngắc như dính liền với thân trên một khối. Lĩnh có dáng nghêng ngang giữa phố đông người, nhìn ngang ngó dọc kiêu kỳ, đôi lúc mang vẻ nhớn nhác. Tôi không nhìn ngó ai. Tôi bận đi theo Lĩnh nên đường phố người ngợm chung quanh biến thành tấm phông, sau lưng, bên hông, bên trái bên phải, nhưng không bao giờ chắn giữa tôi và Lĩnh. Tôi đi theo, nhìn cổ áo jean khoác ngoài bẻ vội, một nửa lộn vào trong, phân vân có nên sửa cổ áo cho Lĩnh. Tôi đi theo, nhìn gáy tóc có chỗ cắt không đều, vành tai mỏng. Tôi đi theo, nhìn nhãn quần jeans có chữ C nằm cạnh chữ K. Mông Lĩnh nhỏ, người gầy, quần hơi rộng. Tôi đi, mắt nhìn nếp xếp đường nhăn nơi đũng quần theo bước chân của Lĩnh, giày màu nâu đất. Tôi đi theo Lĩnh, có khi bắt kịp, nhìn nghiêng, cục cổ Adam lên xuống, mắt lúc nào cũng như ướt nước, môi có chỗ sẫm. Từ chiều qua đến giờ chưa thấy Lĩnh châm điếu thuốc nào, tôi nghĩ có lẽ Lĩnh bỏ hút, và không hỏi như đã từng không hỏi những gì nhìn thấy. Không rõ tôi đã có lúc, nhiều lúc không hỏi vì sợ mất ảo tưởng nào đó về Lĩnh hay vì nỗi bối rối khiến mình im lặng.

Lĩnh hỏi.

-Dương thích ăn đồ biển?

Tôi gật, thấy mắt Lĩnh nhìn xuống chân mình thật nhanh rồi nhìn đi khác. Tôi vẫn thường khó chịu khi bắt gặp mắt đàn ông nhìn nơi nào khác trên người mình khi nói chuyện, nhưng với Lĩnh thì không. Dường như tôi muốn Lĩnh nhìn nhiều hơn thế, và có khi đùa với chính mình, không rõ Lĩnh có thích những gì Lĩnh nhìn thấy ở tôi. Lĩnh nói.

-Tiệm này khá nổi tiếng ở San Francisco. Có tên trong chỉ dạo du lịch. Có dẫn ai đi cũng nên đọc qua. Mình tưởng mình biết nhiều chỗ nơi thành phố mình ở nhưng vẫn không thể nào bằng tụi du lịch chuyên môn.

-Dẫn người đi chơi tôi nghĩ rằng khó. Tôi nói phần tôi. Những chỗ thời danh thì nói làm gì, những chỗ đặc thù của địa phương mới là khó. Có khi mình ở mười, hai mươi năm, vẫn không biết gì hết về nơi chốn chung quanh. Anh nói đúng, mở cuốn chỉ dẫn ra có khi giật mình, nhưng cũng có khi tôi thấy chỗ họ nói đến trang trọng một cách sai lầm. Không biết có phải vì tôi là dân địa phương nên mang tâm trạng coi thường hay vì họ bốc nổi quá

đáng.

-Có lẽ Dương mang tâm trạng địa phương. Buồn cười, lúc trước tôi đưa vài người đi chơi, không biết kháo nhau thế nào, từ đó về sau, bạn bè nơi nào đến cũng tìm cho bằng được bắt dẫn đi chơi.

Tôi cười.

-Biến thành hướng đạo du khách bất đắc dĩ.

Lĩnh cười theo.

-Cũng được đi. Nhờ vậy biết nhiều hơn.

-Tôi nghĩ tôi sẽ là một hướng đạo du khách dở nhất quận Cam. Hàng quán, tiệm rượu, thắng cảnh, viện bảo tàng, bãi biển, hộp đêm... thứ gì cũng có. Nhưng, như một người đàn bà quần áo đầy tủ than phiền không có gì để mặc, tôi thấy tôi trống rỗng, không có ý kiến nên đi nơi nào dù đã đến, từng đi qua, từng biết. Có lẽ tôi chỉ biết nhớ cảm giác ấn tượng nhưng lại quên đường đi nơi chốn. Có khi quên cả tên, nhớ lẫn nơi này sang chỗ kia.

Lĩnh định nói gì nhưng cô tiếp viên đã trở ra tươi cười mời đi theo. Lĩnh nhường tôi đi trước. Tôi đi vài bước lại day nhìn như sợ bỏ rơi Lĩnh đâu đó. Đợi tôi ngồi xong, cô tiếp viên đưa thực đơn, miệng liến thoắng về món đặc biệt trong ngày. Tôi gật gật đầu không mấy để ý, mắt liếc nhanh tên thức ăn, tay lật miếng bìa cứng danh sách rượu vang kẹp giữa thực đơn. Cô vừa bỏ đi sau khi chúc chúng tôi được một bữa ăn ngon thì anh bồi mặc đồng phục tay cầm sổ đến chào hỏi. Lĩnh nhìn tôi.

-Dương muốn uống gì? Rượu pha hay bia?

Tôi lật đi lật lại tấm bìa.

-Không biết uống gì bây giờ. Tôi có thói quen, uống rượu thì phải là buổi tối. Anh có ý kiến gì không?

Lĩnh nghiêng đầu nhìn qua tấm bìa nơi tay tôi.

-Như uống cái gì nóng ở buổi sáng, phải không? Dương chưa già nhưng đã có vài thói quen thành nếp... chẳng biết khi già thật, còn kinh khiếp đến chừng nào? Muốn uống gì? Vang trắng?

Tôi cười, mắt không rời ngón trỏ đang gõ nhẹ nơi tên thức uống. Bàn tay Lĩnh có ngón nhỏ, nhỏ cho một người đàn ông tương đối cao. Lĩnh không biết mắt tôi đang nhìn nơi nào, tiếp tục đùa, ngón tay rà theo danh sách rượu pha.

-Pink lady, có lẽ từ Hồng Lâu Mộng ra...

Mắt tôi lướt theo ngón trỏ của Lĩnh, ngang qua một món quen thuộc, buột miệng rồi hối hận.

-Anh cho một ly Manhattan. Thôi đừng. Đã lâu...

Lĩnh gọi Manhattan cho tôi và vang trắng, đợi anh bồi đi, nói.

-Dương là người thứ hai Lĩnh quen, thích Manhattan.

Tôi bỗng muốn dài dòng nhưng lại giằng kịp và trở đi ở cuối câu.

-Ừ, ngày xưa... nhưng Manhattan đâu có gì đặc biệt.

Biết nói như thế nào với Lĩnh? Tôi đã uống Manhattan với một người. Và chỉ uống Manhattan với người đó. Manhattan, biểu tượng mối tình cũ. Tình một đời? Ly Manhattan và San Francisco. Hơn hai mươi năm tôi chưa hề gọi Manhattan ở bất cứ nơi nào với bất cứ ai. Nhưng với Lĩnh... tôi muốn uống Manhattan với Lĩnh. Vì sao? Tôi không biết. Lĩnh hỏi.

-Ngày xưa đi học chắc Dương cũng từng...

Lĩnh bỏ lửng câu nói. Tôi nhướng chân mày ra dấu hỏi. Lĩnh sửa giọng đùa cợt.

-San Francisco, thành phố của Hippies, của cần sa ma túy.

-Ừ thì...

-Nghĩa là có?

-Không hẳn.

-Dương hút kiểu Clinton?

Tôi cười.

-Con nít mười bảy mười tám, nơi nào cũng thế, thời nào cũng thế, bạ gì cũng thử cho biết. Chẳng có gì lạ.

Ừ thì hút kiểu Clinton, đã làm sao? Tôi đã thử và không thích, không thấy đó là mình. Tưởng như rời xa người đó, rời xa quá khứ, rời xa tất cả. Lĩnh không biết rằng Lĩnh nhắc tôi nhớ một người. Nỗi nhớ nặng nề. Nhưng Lĩnh không phải là người đó, và tôi cho rằng tôi không hề yêu Lĩnh qua hình ảnh người cũ. Không gian, thời gian của bây giờ, có Lĩnh, và tôi chỉ muốn sống trong hiện tại. Nỗi nhớ chỉ là nỗi nhớ, và Lĩnh trên nỗi nhớ như giấc mơ tôi không muốn được lay tỉnh. Tôi nào biết Lĩnh nghĩ gì về tôi. Bạn? Bạn thân hay chỉ là người quen? Thân hay sơ, giữa tôi và Lĩnh, tôi không biết, không định nghĩa được. Tôi thường nhớ và nghĩ đến Lĩnh, qua nhiều năm quen biết, nhưng không muốn Lĩnh biết điều đó vì thật tế đời sống vẫn là tấm gương nhiều góc cạnh phản chiếu. Đứng ở nơi nào tôi cũng thấy được khoảng cách giữa đôi bên. Khoảng cách ấy là khoảng cách không bao giờ đổi, tôi nghĩ vậy, cho rằng vậy. Mỗi khi gặp Lĩnh, tôi thường mơ màng nhiều ngày sau đó. Có khi tôi tưởng tượng nếu Lĩnh yêu tôi, tôi sẵn sàng nhắm mắt quên tất cả mọi thứ quanh mình để được an lành dụi mặt vai Lĩnh trong một khoảnh khắc ngắn. Nhưng, đấy chỉ là ảo tưởng, là giấc mơ ngày khi lái xe trên xa lộ đường dài. Tôi nghĩ rằng tôi không biết Lĩnh. Không biết Lĩnh nghĩ gì về tôi. Không biết gì hết về Lĩnh.

Anh bồi trở lại với thức uống và hỏi chúng tôi đã sẵn sàng gọi thức ăn.

Tôi gật đầu mắt nhìn Lĩnh rồi mở thực đơn gọi món tôi cho rằng mình muốn ăn. Lĩnh gọi thêm món khai vị. Tôi nhìn Lĩnh.

-Tôi ăn ít...

-Không sao. Dương không ăn thì... tôi ăn. Không sao cả.

-Còn như 'tôi' không ăn thì sao nhỉ?

Lĩnh cười. Cặp mày dấu ô trên đôi mắt mí to nặng nhướng lên khi cười. Tôi gập thực đơn đưa anh bồi, tay mân mê ly Manhattan nhìn màu rượu vàng óng ánh, trái xơ ri ngâm màu đỏ cuống dài, nói không nhìn Lĩnh.

-Tôi ăn ít và thường không biết muốn ăn gì. Không có ý thích về ăn.

-Món gì Lĩnh cũng ăn được. Đàn ông gì cũng ăn trừ vài người cầu kỳ khó tính. Đàn ông lúc giận vẫn ăn như lúc không giận. Không như đàn bà, dỗi thì bỏ ăn cho dù là món vẫn thích.

Tôi cười.

-Tôi không biết tôi thích ăn gì. Nói thật. Tôi cho mình thuộc loại dễ tính, gọi gì cũng có thể ăn được, nhưng đừng bắt tôi lựa chọn. Có lẽ tôi thích ăn cháo, ăn xúp, những thứ có nước. Lúc nhỏ hay đau ốm, thường phải ăn cháo, biến thành món khoái khẩu chăng?

-Cháo trắng ăn với đường, có khi cũng ngon.

Tôi cười mỉm.

-Tôi thích ăn cháo với muối.

Lĩnh đùa.

-Người lạ lùng, làm gì cũng khác người. Nhưng ăn mặn thế có lẽ mang hơi hướm người Tàu, ăn cháo với hột vịt cam thảo, hột vịt muối. Người Việt nào chẳng mang gốc Tàu. Trông Dương cũng có nét giống Tàu.

Tôi cười giận dỗi. Thời Trung học, lũ bạn ác mồm chọc ghẹo sau lưng tôi, tàu vị iểu, vì đôi mắt một mí. Tôi vẫn khó chịu, từ đó, mỗi khi có người bảo mình giống Tàu. Cụng nhẹ ly tôi, tiếng thuỷ tinh chạm khẽ, Lĩnh nói.

-Cho tất cả những gì mình không có, không được có.

Tôi nhướng nhẹ mày cười mỉm.

-Và, cho những gì đã có và đã quên.

Lĩnh nhấp một ngụm, cười.

-Vớ vẩn.

Tôi đưa ly về phía Lĩnh.

-Thử Manhattan không?

Lĩnh lắc đầu.

-Lĩnh biết.

-Ở đây họ pha hơi nhiều Vermouth.

Tôi sực nhận ra khi Lĩnh nói với mình, lúc xưng tên lúc xưng tôi, không

quyết định. Trong khi đó, lúc nào tôi cũng muốn, gọi Lĩnh bằng tên để được xưng em. Có lúc trong tôi, rất âm thầm, câu nói khẩn khoản lập đi lập lại, Lĩnh ơi, Lĩnh ơi, có nghe em gọi không? Không.

Tôi đùa với Lĩnh.

-Tưởng anh ít uống rượu. Ngày xưa lần nào gặp cũng thấy uống cà phê. Rượu chè từ lúc nào đấy?

-Không, không, Lĩnh vẫn uống được rượu, tại Dương không biết đấy. chỉ không uống được bia.

-Vậy là giống tôi.

Trong tôi câu nói im lặng nhốn nháo một cách đáng ghét. Em cũng không thích bia. Lĩnh ơi, biết em thích uống gì nhất không? Lĩnh? Lĩnh?

-Dương thích uống gì?

Tôi giật mình tưởng Lĩnh đọc được ý mình, bất giác nâng ly uống một ngụm lớn để trốn tránh, rồi nhón lấy trái xơ ri bỏ vào ly Lĩnh, nói khác đi, không trả lời câu hỏi.

-Tôi không thích những trái xơ ri đỏ này.

-Dương cứ để đấy.

Tôi và Lĩnh có lúc im lặng ăn không nói gì ngoài vài câu thông thường thăm hỏi về món ăn đã gọi. Lĩnh nói chuyện vụn vặt, nhắc đến tuổi thơ, nhà gần sông thích trốn đi bắt cua bắt còng vớt cá. Tôi kể ngày xưa lúc về quê ăn Tết, ngoại tát mương bắt tôm cá, anh chị tôi lớn nên được xuống mương lội bùn chơi, nước cạn dưới gối. Tôi còn bé, bốn năm tuổi gì đó, không ai cho xuống, đứng trên bờ khóc lè nhè dai dẳng cho đến lúc mọi người sắp xong, nước rất cạn, ngoại bằng lòng cho tôi xuống. Mừng quá quên mất đang mặc áo đầm, tôi nhảy ào xuống mương. Nhưng lội sình chẳng có gì vui, bước nào cũng lún ngập đến bắp chân, lê đi vất vả nặng nề. Tép búng loi choi chỉ biết đứng ngó, không dám đụng đến nói gì đến tôm càng xanh dài. Một chập đã chán, nheo nhéo đòi lên cho bằng được. Chỉ tội bà ngoại, phải giặt áo đầm cho cháu ngay sau đó. Lĩnh cười.

-Giờ Dương mặc đầm nhảy xuống mương chắc nhiều người đến xem lắm, trước tiên là Lĩnh.

Tôi cười.

-Hồi nhỏ không biết sợ là gì. Gì cũng thử, gì cũng nhảy vào làm. Bây giờ biết sợ biết đau nên đâm ra nhát. Vớ vẩn gì cũng sợ lấy đâu ra can đảm nhảy xuống mương!

-Dương sợ gì?

-Rắn. Tôi sợ rắn. Đúng hơn, không phải sợ, mà là không thích. Đi đâu cây cối rậm rạp hễ không nghĩ đến rắn thì không sao, nhưng một khi đã nghĩ

đến rồi thì bị ám ảnh, nhìn đâu cũng ra con rắn. Buồn cười, có người tôi mới gặp lần đầu đã cho tôi ấn tượng con rắn. Nghĩa là mọi cử chỉ lời nói cho đến nét mặt miệng nói nếp nhăn, thảy đều gây cho tôi một cảm tưởng rờn rợn như đang đối diện một con rắn độc sẵn sàng cắn bất cứ lúc nào khi mình sơ ý.

Lĩnh hơi trầm ngâm.

-Tôi tin ở ấn tượng đầu. Dương có thế không?

-Ừ, ấn tượng đầu. Chỉ tiếc...

-Tiếc gì?

-Tiếc, có thể tôi dùng không đúng chữ. Có một lần tôi đã không tin theo ấn tượng đầu. Điều đó, lấy mất năm tháng đời người.

Tôi ngập ngừng rồi nói tiếp.

-Dù vậy, trong tôi vẫn không có chữ ghét.

-Nghĩa là?

-Tôi muốn trong tôi không có chữ ghét vì cho rằng chữ ghét hàm chứa những gì nhỏ nhen hèn mọn. Đấy là một cảm tưởng xấu xa, nặng nề. Khi tôi ghét ai, tôi sẽ bảo là tôi không thích. Tôi có cảm tưởng khổ sở khi phải lịch sự đãi bôi với người mình không thích, có cảm tưởng giả dối không thật với mình, biến ra bực bội khó chịu. Cách hay nhất để tránh cho mình những cảm giác nặng nề là làm cách nào để chúng đừng hiện hữu, không hiện hữu được.

-Và yêu thì ngược lại?

Tôi hỏi.

-Ngược lại là sao?

Lĩnh không trả lời, chỉ cười mỉm. Tôi chữa thẹn.

-Nôm na quá nhỉ.

Lĩnh tiếp tục cười không nói. Tôi không rõ Lĩnh muốn nói gì. Có lẽ Lĩnh nghĩ tôi không biết ghét thì sẽ không biết yêu. Không phải vậy, ở điều tôi vừa nói với Lĩnh. Chính vì biết ghét nên tôi gờm nhớm cái cảm tưởng nặng nề ấy nên muốn tìm cách quên. Quên để có được cảm giác nhẹ nhàng thanh thoát. Tôi cho rằng phần đời còn lại của tôi rất ngắn để nỗi ghét lòng thù chiếm ngự. Khi tôi quên, khi tôi không gặp những người tôi không thích, tôi không còn cảm giác bị níu kéo, lôi giữ trong những cơn giận một cách ti tiện tối tăm, một thứ ngục tù vô hình bưng bít. Tôi muốn thay chúng, ghét bỏ, bằng một dửng dưng lạnh nhạt, vì tôi cho rằng, ghét, vẫn là một tình cảm, và những người đó không xứng đáng cho bất cứ tình cảm nào trong tôi.

Lĩnh nói, giọng trầm nhỏ, như bắt kịp những gì tôi đang nghĩ.

-Vậy, Lĩnh có xứng đáng với bất cứ tình cảm nào trong Dương hay không?

Tôi hốt hoảng, mơ hồ hiểu được điều Lĩnh nói nhưng vẫn nghĩ rằng Lĩnh đùa.

-Là sao?

-Là... Thích, thì có được không ạ?

Tôi ậm ừ, trong chớp mắt, không thấy gì hết quanh mình, trả lời bừa.

-Thích thì cứ thích, ai cấm.

Tôi chợt nghe rối bung không phương hướng. Lĩnh vừa tỏ tình hay chỉ là một câu đùa? Tôi không biết, không làm sao biết. Tôi nhìn Lĩnh thật nhanh rồi nhìn ra cửa sổ. Bên ngoài, biển xanh màu đậm lấp lánh dưới nắng trong. Mọi thứ bỗng như chậm lại khi tim tôi run rẩy theo câu nói, từ Lĩnh. Và cơn xúc động bất thần khiến tôi ứa nước mắt. Giọt nước âm thầm chậm rãi đong đầy khóe. Tôi đưa tay chống má nhìn ra cửa sổ, nhẹ nhàng lau giọt nước không muốn Lĩnh nhìn thấy. Tiếng gọi yếu ớt trong tôi. Lĩnh ơi, Lĩnh ơi. Yêu em đi. Tôi nhìn Lĩnh. Ánh sáng bên ngoài dọi nơi sóng mũi cao, ánh mắt Lĩnh nhìn tôi dịu dàng, âu yếm. Lĩnh ơi, Lĩnh, Lĩnh có nghe em? Không? Không.

Tôi với Lĩnh ngồi cho đến lúc nhà hàng bắt đầu thay khăn bàn, sửa soạn cho giờ ăn tối. Chỉ còn bàn tôi với Lĩnh. Lĩnh nói.

-Thôi mình đi, trước khi họ năn nỉ mời ra.

Tôi cười.

-Muốn ngồi thử xem họ dám làm thế không?

Lĩnh đưa tay khoác mơ hồ.

-Không thấy họ đang đổi khăn bàn à?

Rồi đẩy ghế đứng dậy đùa tiếp.

-Biết đâu nhà bếp đang cá nhau chừng nào hai đứa ấy mới chịu ra về.

Tôi cười vơ lấy ví vắt nơi lưng dựa, đứng dậy. Lĩnh đưa tay giữ ghế. Ra đến bên ngoài, đi được vài bước Lĩnh dừng lại đưa tay mò túi áo trên dưới tìm gì. Tôi đợi Lĩnh. Chung quanh yên lặng thỉnh thoảng có tiếng xe vụt ngang, tiếng người nói, bước chân qua lại rời rạc.

-Dương cứ đi trước, chắc Lĩnh quên khóa.

Tôi sực nhớ đến tiếng máy nổ thoảng nghe trước khi theo Lĩnh vào cao ốc ăn trưa. Đi nhanh lại nơi xe Lĩnh đậu, tôi lắng nghe. Tiếng máy nổ rất êm, dịu nhẹ. Tôi để tay lên xe như để kiểm chứng lần nữa rồi nghiêng đầu nhìn chùm khóa lơ lửng bên trong, phá lên cười, một mình, giữa phố, nhìn quanh quất. Vài người đi gần nhìn tôi lạ lùng. Tôi tiếp tục cười, tay kéo nắm cửa khóa lắc lắc, khom người nhìn chùm khóa rồi vỗ xe, cười một mình sảng khoái. Một lát, vẫn không thấy Lĩnh, tôi trở lại cao ốc tìm.

Khi thấy Lĩnh với nét mặt im lặng hiện ra nơi cửa, tôi vụt nghe lo lắng,

vội cắt nụ cười trên môi.

-Anh quên khóa trong xe.

Mắt Lĩnh vụt sáng.

-Khóa trong xe?

-Ừ, nhưng máy còn nổ.

-Máy nổ?

-Ừ, máy nổ. Anh quên tắt máy.

Lĩnh đi nhanh về phía xe, không thấy cười. Tôi muốn đùa một câu cho Lĩnh cười nhưng thấy mặt Lĩnh nghiêm trọng một cách lạ lùng nên thôi. Lĩnh đi quanh nhìn cửa kính tìm chỗ hở nhưng cửa nào cũng được quay lên kín mít. Lĩnh loay hoay tới lui rồi đút tay túi quần đề nghị.

-Dương tìm quán nào vào ngồi đợi Lĩnh một lát được không? Lĩnh lấy tắc xi về nhà lấy khóa.

Rồi khom người nhìn vào trong xe, Lĩnh tiếp.

-Chỉ sợ hết xăng thì phiền. Còn độ phần tư. Dương?

Không rõ tôi nhìn Lĩnh như thế nào để Lĩnh đổi ý.

-Thôi, hai đứa mình đi tìm tắc xi vậy. Dương đi nổi không?

Mắt Lĩnh nhìn xuống chân tôi rồi nhìn lên đường phố. Tôi nửa muốn đợi Lĩnh, nửa muốn theo Lĩnh. Tôi không sợ phố lạ, người lạ. Tôi không muốn Lĩnh một mình lo việc. Tôi hiểu Lĩnh ngại giày tôi đang mang sẽ không cho phép tôi đi nhiều, nhưng giày tôi đang mang là giày thấp, không phải loại cao gót tôi mang lúc vào sở, trông đẹp nhưng chẳng lợi gì khi cần đi bộ xa. Tôi nói.

-Nổi chứ. Từ đây về nhà xa không?

-Không xa mấy. Khoảng nửa giờ. Nếu tìm được tắc xi đỡ hơn. Chỉ sợ hết xăng thì phiền lắm...

Lĩnh bắt đầu đi, hơi nhanh, mắt nhìn ngang dọc nhớn nhác tìm tắc xi nhưng tất nhiên không có chiếc nào lảng vảng bất ngờ trừ khi điện thoại trước. Thấy chiếc buýt vừa rời đi bên kia đường, Lĩnh chợt có ý.

-Hay mình lấy buýt? Ờ, nhưng lâu quá Lĩnh không đi, không còn nhớ chuyến nào với chuyến nào. Thôi.

Tôi giữ im lặng không ý kiến, đi theo Lĩnh, bước dài xoải chân. Có lúc Lĩnh đi nhanh, khá nhanh, có lẽ vì sợ mất thời gian. Tôi theo Lĩnh, mất khái niệm về đường hướng, quanh co, quẹo trái quẹo phải, hẻm nhỏ, sau dãy nhà, tiệm phố, lên dốc xuống đồi, băng ngang đường tắt, có lúc muốn giữ tay Lĩnh để theo kịp đà bước. Tôi bỗng có ý nghĩ, nếu cứ theo Lĩnh như thế này, suốt đời, chắc tôi cũng bằng lòng nhưng tất nhiên, Lĩnh sẽ không hỏi vì không cần. Lĩnh đùa lúc đợi đèn xanh qua đường ở một ngã tư gần đến nhà Lĩnh.

-Ở dưới kia chắc Dương chỉ đi bộ trong thương xá là nhiều.

Tôi cười, im lặng một lúc, rồi nói lúc băng ngang đường.

-Ngày xưa có lần đi bộ mấy dặm đường vì trễ chuyến buýt và vì giận...

Tôi im bặt, vụt có cảm tưởng quá gần gũi với Lĩnh nào biết Lĩnh có cho tôi đến gần thế không?

-Giận gì?

Lĩnh hỏi, day nhìn tôi rồi nhìn trước mặt tiếp tục đi nhanh. Tôi trả lời, không rõ ràng.

-Giận người lái xe. Giận mất khôn. Đi rã chân mấy dặm đường.

Tôi đổi giọng đùa cợt.

-Bây giờ không dại thế nữa.

Lĩnh sực nhìn tôi như muốn hỏi người ấy là ai nhưng tôi tránh mắt của Lĩnh, lầm lũi đi tiếp trong im lặng. Lĩnh chợt nói bâng quơ.

-Người lúc nào cũng ở thế thủ. Không nói hết. Không làm điều gì rõ ràng phản ảnh thật sự tình cảm của mình. Sợ gì? Nhát gì? Có khi bạo dạn lại là một điều cần thiết.

Tôi nhìn xuống, hơi đau đớn ở lời nói. Tôi biết tôi rất rõ, biết tại sao tôi lặng lẽ gần như rụt rè với Lĩnh, chỉ với riêng Lĩnh. Tôi là người có nhiều nỗi đau im lặng. Và Lĩnh tạo cho tôi lắm cảm tưởng mâu thuẫn, rối mù. Tôi muốn tin Lĩnh, rất muốn tin Lĩnh. Nhưng Lĩnh có muốn tôi tin Lĩnh hay không, tôi không biết. Vì sự không biết ấy, và vì khoảng cách tôi nhận thức được trên đời sống thật tế của nhau, tôi phải có một thái độ dù thái độ ấy rất lầm lẫn có khi. Tôi đã không biết gì hết, và sẽ tiếp tục không biết gì hết, về Lĩnh. Đó là một lựa chọn, ở tôi. Cho đến khi Lĩnh muốn tôi biết về Lĩnh. Đó cũng là một lựa chọn, ở Lĩnh.

Lĩnh đi quanh tìm cửa sổ mở trèo vào nhà vì không có khóa. Tôi đợi Lĩnh mở cửa, mang chút ít cảm tưởng phiêu lưu mạo hiểm con trẻ. Lĩnh nạy tấm lưới che cửa sổ nhà bếp, may cửa kính bên trong không khóa, đẩy nhẹ đã mở. Lĩnh mở cửa cho tôi rồi vào phòng lấy khóa, trở ra bảo.

-Dương ở nhà nghỉ đi. Lĩnh chạy trở lại lấy xe trước khi nó hết xăng. Trong tủ lạnh có bia có nước ngọt. Lên nhà xem truyền hình hay đọc sách gì đó, cứ tự nhiên nghe. Lĩnh về ngay.

Tôi gật đầu cho Lĩnh yên tâm, muốn đi theo Lĩnh nhưng không nói ra. Lĩnh đi rồi tôi chợt nghe im lặng vây quanh. Vẫn mang cảm tưởng khuấy rầy trật tự nhà người khác một cách nặng nề khác thường, tôi ngồi yên nơi nhà bếp rất lâu, trên cùng chiếc ghế lúc Lĩnh khép cửa ngoài, đọc tập truyện ngắn tìm được giữa đống giấy tờ bừa bãi. Có lúc tôi đứng lên duỗi tay chân, mở tủ lạnh không biết muốn tìm gì. Tủ lạnh không chứa gì nhiều có lẽ vì nhà

vắng người đã hơn vài tuần. Chai Vodka Absolut còn nửa cạnh chai Whiskey còn đầy, chai Vodka Skyy màu xanh dương. Rượu cất tủ lạnh chắc để khi pha không cần lắc nước đá. Tôi nhìn mấy lon bia, hộp bánh Trung Thu nắp đậy vội vàng, hộp giấy trắng không biết chứa gì. Tôi đứng tần ngần nhìn một lát rồi mở hộp bánh Trung thu, còn một cái bánh dẻo bọc giấy trong. Không thích ăn ngọt, tôi đậy hộp lại, cẩn thận đè bốn góc xuống. Mở hé hộp giấy trắng, bánh cuốn Thanh Trì, vài lát chả. Tôi lấy chai bia Heineken khui uống dù trong lòng không hề có ý định. Vẫn có lúc, đã có lúc, nhiều lần, tôi làm ngược điều tôi muốn làm.

Tôi đọc gần hết tập truyện ngắn, có chỗ chỉ đọc lướt vì là truyện cũ, gát hai chân lên chiếc ghế trước mặt, gần như không động đậy cho đến khi nghe tiếng chìa tra vào ổ nơi cửa trước, vụt mừng.

Lĩnh trở lại và đưa tôi đi, không nói đi đâu. Viện bảo tàng nghệ thuật sắp đóng cửa khi Lĩnh đưa tôi vào. Vẫn còn đông người qua lại ngắm tranh. Lĩnh bảo có sưu tầm một số bản in có đánh số của vài họa sĩ nổi tiếng đương thời. Tôi muốn nói với Lĩnh, tôi chỉ xem tranh và nhìn qua sách vở, chưa từng có và không dám nghĩ đến có trong tay một thứ gì đáng gọi là sưu tầm. Lĩnh không biết tôi thích tranh vẽ mực Tàu, trắng đen, viết chì, chì than, thích hình chụp trắng đen hơn hình màu và những con đường sắt song song ngang dọc vắng lặng thường cho tôi một cảm tưởng phiền muộn ngã lòng.

Tôi đi theo Lĩnh, nhìn tranh trên tường, đọc chú thích, và từ từ nhận ra Lĩnh có vẻ mệt mỏi chán nản dù thỉnh thoảng vẫn thì thầm tai tôi dăm câu đùa. Có lúc tôi lạc mất Lĩnh, mãi nhìn tranh, không biết Lĩnh đi đâu, đàng trước hay lạc phía sau. Tôi nhìn tìm, bên phải bên trái, tranh trên tường, bồn cầu treo, họa phái tân thời, Lĩnh đâu, đâu? Tôi đi theo dòng người, mắt tìm Lĩnh, mắt nhìn tranh, dừng lại nơi cổ áo jean khoác ngoài, ghế giữa phòng. Tôi đến gần, Lĩnh vỗ tay ghế ra hiệu ngồi. Tôi dễ mềm lòng trước những cử chỉ tự nhiên nhỏ nhặt của Lĩnh. Tôi ngồi cạnh Lĩnh, nhìn thẳng phòng tranh trước mặt, lối sắp đặt đầy chủ ý. Lĩnh nói, giọng đùa cợt.

-Hắn cũng là một phần của tranh.

Tôi nhìn người đứng xem tranh mặc sơ mi đỏ, khá xa. Khung cửa thành khung tranh, người xem đứng im lặng nhìn chăm chú lên mấy bức tranh lớn trên tường, tạo nên một bức tranh sống khác thường. Hắn im lặng, từ từ dời bước sang nhìn bức tranh khác, dáng thay đổi rồi đứng im trong khoảnh khắc, gắn liền với mọi thứ trong phòng. Tôi hỏi.

-Anh mệt?

Tôi biết mình đã có một câu hỏi thừa sau những việc xảy ra trong ngày. Lĩnh nhìn tôi rồi nhìn người đàn ông áo đỏ trước mặt.

-Không. Không có gì.

Tôi nghĩ Lĩnh mệt, hay chán, không rõ. Tôi ngồi im. Lĩnh nói.

-Hắn không nghĩ ra hắn đóng một vai khá quan trọng.

Tôi lại nhìn người đàn ông áo đỏ đang đứng xem tranh nơi phòng đối diện chỗ đang ngồi. Một tay hắn vịn giây ngăn, cách khoảng ngắn trước tranh, người hơi nghiêng về phía trước, tóc nâu đen chạm cổ áo, người ngây ra vài giây. Người đàn bà áo khoác đen đi ngang, từ phải sang trái, chân giày gõ trên nền gỗ bóng, biến mất. Hai người lớn tuổi cặp tay nhau đến gần người đàn ông áo đỏ. Hắn day nhìn rồi rời đi nơi khác, đưa lưng lại phía tôi và Lĩnh, hai tay chắp nơi mông. Tôi chớp mắt, day nhìn. Lĩnh nhìn thẳng phía trước nhưng tôi nghĩ Lĩnh biết tôi đang nhìn Lĩnh. Tôi nhìn sóng mũi, nhìn môi, nhìn tai Lĩnh, không hiểu được nỗi đau sực có trong tôi. Lĩnh vụt đứng dậy như không chịu được mắt nhìn, hai tay đút túi quần, nghênh ngang. Tôi nhìn Lĩnh bỏ đi, nỗi đau trong tim rộng lớn, quay lại tiếp tục nhìn người đàn ông áo đỏ đi khuất bên trái, thay bằng hai người già, tóc trắng phơ, bàn bạc với nhau, tay mở giấy. Chập sau, tôi đứng dậy đi tìm Lĩnh.

Tôi không biết Lĩnh quẹo nơi nào, không thấy dáng Lĩnh đâu cả, phòng tranh kế bên, kế bên nữa. Tôi chúi mắt nhìn những bức phác họa nhỏ, trưng bày trong ngăn kính, chăm chú đọc mấy hàng chữ tiếng Anh, đuôi mắt liếc tìm Lĩnh. Phòng tranh lớn nhỏ khác nhau. Tôi đứng ngơ ngác nơi phòng kế tiếp, Lĩnh từ đâu bước đến, vòng tay nơi lưng, kéo đến giữa phòng. Tôi ngập ngừng theo đà kéo, không hiểu sự gượng chống nhẹ nhàng trong tôi, nhìn theo tay chỉ.

-Hình phác kế bên tranh thật, trông hay lắm.

Bức phác họa kế bên tấm tranh thật treo nơi góc phòng đã được sắp đặt khéo đến độ đứng giữa phòng này nhìn lại góc phòng kia mới thấy hai bức tranh giống nhau nhưng nét vẽ tương phản. Tôi buột miệng.

-Tôi thích bức phác họa hơn.

Tay Lĩnh vẫn giữ nơi lưng tôi, mấy ngón tay ngập ngừng. Tôi chớp mắt, thừa biết Lĩnh không hay những gì đang xảy ra trong tôi bắt nguồn từ một cử chỉ nhỏ nhặt. Tôi im lặng lắng nghe khoái cảm ngây ngất, nhẹ lướt khắp người, dừng lại nơi mấy ngón tay đang giữ lưng mình. Tôi chớp mắt như muốn kéo dài cảm giác đê mê, biến chúng thành trường cửu hơn thật tiễn thời gian.

Lĩnh nói.

-Ừ, Lĩnh cũng thích bức vẽ hơn.

Tay Lĩnh vụt rời khỏi lưng tôi ở cuối câu. Tôi bỗng nghe hụt hẫng, sực nhận ra đang đứng giữa phòng với Lĩnh, tách rời khỏi đám đông đang xem

tranh dọc theo mấy vách phòng. Âm thanh xì xào nho nhỏ, xa lạ. Tôi quay nhìn. Lĩnh bỏ đi không nhìn lại, tay đút túi quần. Như người đàn ông xuất tinh sớm, và tôi thất vọng.

Lĩnh mua hai ly nước ở cafeteria của viện bảo tàng, bảo tôi tìm chỗ ngồi, Lĩnh cần gọi cho người nhà. Tôi muốn ngồi ngoài sân dưới nhiều cây dù nhưng cửa sắp đóng, trời đã quá chiều, có người đang dọn dẹp chất ghế lên bàn. Tìm một chỗ bên trong, tôi ngồi gát chân lên ghế trước mặt, có lúc dựa ngửa, đẩy đưa chân ghế, nhìn ánh chiều bên ngoài cửa kính ngã tím rồi tối hẳn. Không biết bao lâu tôi đợi Lĩnh, nửa giờ, bốn mươi lăm phút không chừng. Ba người đàn ông ngồi bàn kế bên thỉnh thoảng nhìn tôi dò hỏi. Tôi khoanh tay nhìn mãi màu tối bên ngoài, trống vắng im lặng. Đôi lúc tôi lắng nghe họ trò chuyện như để lừa mình, sự chờ đợi này hoàn toàn không có. Lĩnh có thể bỏ tôi nơi này, và tôi biết mình sẵn sàng ngồi đợi, suốt đêm, một cách ngông cuồng ngốc nghếch.

Lĩnh trở lại, nhìn tôi cười như xin lỗi, nói nhỏ.

-Dương đợi lâu không?

Tôi lắc đầu. Tất nhiên. Đợi Lĩnh? Bao lâu lại chẳng được. Lĩnh nhấc ly nước ngọt phần mình đã tan đá, uống hơn nửa ly, bất thần nói, rất Lĩnh, không chuyển tiếp, mào đầu, như tiếp tục câu chuyện bỏ dở.

-Bọn đàn ông chúng tôi lúc nào cũng là một đứa con nít không lớn được, không biết lớn. Gì cũng đòi chơi. Gì cũng muốn có và không biết lường hậu quả. Cuộc đời là một chuỗi dài lập đi lập lại từng ấy lỗi lầm.

Tôi nhìn suốt mắt Lĩnh. Ánh mắt dịu dàng nhìn trả êm ái. Tôi rùng mình. Như thấy được sự dịu dàng phản chiếu từ tưởng tượng của mình, không phải từ Lĩnh.

*

Tôi mở mắt. Phòng tối mờ. Phòng tôi. Tôi đưa tay lần mò tìm công tắc đèn nơi bàn ngủ. Với mãi không tới, tôi ngẩng nhìn rồi nhoài người tới, bật đèn. Ánh sáng ngập tràn. Màu vàng, rơi rớt trên tấm chăn nhầu nát quấn rối nơi chân, một nửa rớt phủ thảm. Tháng chín, trời vẫn còn nóng ở quận Cam, miền Nam California. Tôi ngủ trái giờ. Áo lụa vạt còn trong váy, vạt rớt bên ngoài. Mồ hôi rươm rướm đâu đó trên lưng, nơi bụng. Váy đen vén cao nơi đùi. Tôi chợt nhìn thấy mình trong gương nơi tủ bên hông giường. Tóc rối nơi mặt, che ngang mắt. Tủ quần áo mở cửa, mấy đôi giày nghiêng ngửa. Tôi nhớ gì mỗi lần giật mình thức dậy ở giấc ngủ trái giờ? Tôi nhớ gì ở tháng chín những năm sau đó, về một tháng chín đã đi San Francisco gặp Lĩnh? Chiếc

bánh dẽo gói giấy trong, hộp bánh Trung thu đỏ vàng loè loẹt. Tiếng cười dòn một mình, chùm khóa lơ lửng, phố xá vừa gần vừa xa. Thành phố về khuya. Nửa đêm đứng nơi lề đường ánh đèn vàng mướt, sương mù bay lả tả ngoài vịnh biển. Ly rượu đâu đó. Đường rách dài nơi vớ trên đùi. Dựa lưng tiệm Chilis nhìn qua bên kia đại lộ đầy người. Nhìn nhau. China House. Cầu thang xoáy trôn ốc nhỏ hẹp cuối phòng. Giọng gọi khẽ. Bàn tay đỡ lưng.

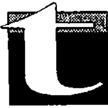
Tháng chín, tôi biết San Francisco bắt đầu lạnh. Không. Tháng chín tôi đến với Lĩnh, dăm ngày đi quanh phố, trời ấm như vẫn còn hè. Hôm tôi về mưa cả ngày, đủ ướt tóc lúc đi lang thang mấy con đường gần nhà Lĩnh. Có lúc mưa trở lớn, đứng tránh trong tiệm tạp hóa nhỏ, mắt nhìn những giọt nước lăn ngoằn ngoèo trên kính, tôi nghe buồn. Nỗi buồn nhói tim đau đớn. Trẻ nhỏ qua đường, túi xanh đỏ đeo lưng, áo mưa có nón, dù xinh xắn nhiều màu, líu tíu chuyện trò, giày bốt nhỏ giẫm đùa vũng nước đọng, ngây thơ vô tư. Lề đường ướt. Lòng tôi nặng nề. Giá để tạp chí rẻ tiền gần cửa có hình công chúa Stephanie của Monaco. Xì căng đan mới nhất. Gần như đứng nơi quầy trả tiền siêu thị, tạp hóa nào tôi cũng thấy hình công chúa nơi góc nhỏ của một hình khác lớn hơn, chiếm nửa trang, người đàn ông ôm một người đàn bà khác. Người đàn ông, chồng công chúa Stephanie.

Tôi đi tìm tôi, qua Lĩnh, nhưng đã không gặp, không được gặp. Như đã không gặp, hai mươi mấy năm về trước, ở một người rất giống Lĩnh. Đứng ở phi trường, Lĩnh nói, dang tay ôm thân mật, giọng thì thầm dịu dàng nhuốm đôi chút bỡn cợt.

-Chưa có gì xảy ra. Dương. Không có gì xảy ra. Mình vẫn là bạn với nhau.

Tôi ôm Lĩnh, dựa sát ngực, tay giữ vai, tay phải. Không có gì xảy ra? Ừ, không có gì xảy ra, chưa có gì xảy ra nhưng cần phải có điều gì cụ thể xảy ra mới gọi được là có điều gì xảy ra. Tôi không biết Lĩnh nhưng tôi biết tất cả những gì đã xảy ra trong tôi. Tôi đã đi qua vài trạng thái, từ không có gì hết, đến sắp có, rồi trở lại không có gì hết. Như tỉnh giấc Nam Kha, xoè tay nhìn, đồng hồ không số không lân tinh, đồng hồ làm dáng, lòng tay trống không và thời gian với đôi kim ngắn dài vẫn tiếp tục gõ nhịp tích tắc. Tôi đã đi từ rối rắm lẫn lộn đến giật mình tỉnh táo, từ nửa tin nửa ngờ đến tin tưởng mù quáng rồi trở lại lầm lẫn đột ngột, từ buồn đến vui, từ nhắm mắt buông tay cho đến bất thần dừng lại, quanh đi quẩn lại bấy nhiêu mâu thuẫn lạ lùng. Tôi biết, tất cả vẫn chỉ nằm ở trong tôi, riêng tôi, chứ không ở giữa tôi và Lĩnh.

Trong một khoảnh khắc ngắn, rất ngắn, lúc ôm vai Lĩnh, tôi đã khựng lại, rất gần, chờ môi Lĩnh đâu đó. Nỗi chờ khẩn khoản nghiêm trọng khiến



HOÀNG XUÂN SƠN

ván sau cùng

(Nhớ Mai Thảo)

Cạn tới đáy cùng, ly bỗng khất
cành khô, mệnh tửu rớt hiên ngoài
quày quả một vế nơi sẩm tối
bung sáng ngực tỳ trăm vết dao

Như pha, cuộc mời chơi láng cuối
lật ngửa nằm sấp mấy quân bài
xấc, bạt có khi liều cũng thoát
tục lụy phiền hà cơn dẳng dai...

HOÀNG XUÂN SƠN
(tháng chín chín bảy)

tim hụt mất nhịp đều. Tôi không biết tôi chờ bao lâu, không rõ vì thiếu kiên nhẫn hay vì bất giác cảm thấy ngốc ngếch ngây ngô trong sự chờ đợi vô lý, trong cái nghiêng đầu ngửa mặt rất tội nghiệp của mình, và đã có quyết định hấp tấp, úp mặt vai Lĩnh, giữ tiếng kêu âm thầm nghẹn đắng. Lĩnh ơi, Lĩnh ơi, có biết em yêu Lĩnh không? Không.

Hình như tôi úp mặt vai Lĩnh khá lâu. Bàn tay Lĩnh giữ nơi gáy, tay kia ôm lưng. Không gian bồn chồn chờ đợi. Môi tôi có lúc chạm nhẹ vành tai mềm của Lĩnh. Tôi muốn hôn trái tai Lĩnh, muốn yêu Lĩnh. Tôi muốn Lĩnh giữ mặt tôi trong tay và hôn nhẹ nhàng. Tôi muốn Lĩnh làm trước một cử chỉ khơi dậy để tôi lợi dụng hành động chôn vùi thật tế quanh mình nhưng Lĩnh vẫn đứng yên đưa vai cho tôi dựa. Kín đáo tôi hít nhẹ, mùi hơi người Lĩnh, vài lần. Mắt nhắm, tôi lắng nghe nhịp tim rối loạn dần trở lại bình thường. Rồi thở dài, tôi rời vai Lĩnh. Thở dài. Tôi rời San Francisco. Một lần nữa.

N.T.N. NHUNG *(10/97)*



X

PHÒNG X KHU NỘI TRÚ



LTS: *Truyện ngắn* "Phòng X Khu Nội Trú" *được gửi ra từ trong nước. Bút hiệu X do tòa soạn tạm đặt, để thay thế bút hiệu thật, vì nhiều lý do, tác giả chưa muốn công bố.*

Hợp Lưu

*

The world is full of fools
(English folk saying)

MỘT

Ở phòng X khu nội trú có gã, cho đến hôm ấy, vẫn là đối tượng không thường của Bệnh Viện. Gã mang kiếng cận. (Điều này chỉ khiến các vị áo trắng thêm điên tiết). Người ta lập hẳn những biểu đồ, theo dõi hành vi, cử chỉ gã. Mà gã không làm gì. Gã không phải một trong những ca nghiêm trọng nhất. Cũng không hề lén lút một mưu đồ đề kháng âm hiểm nào đối với cái régime điều trị dành cho toàn Khu.

Mỗi sáng phòng X ít nhất một phen mất hẳn nghiêm túc, vào lúc cánh cửa lớn có chấn song mở ra, đón bệnh nhân mới. Bao giờ cũng vậy, một nhóm lão làng sẽ vây lấy bọn mới này.

Vào đi !

Nhanh !

Ngài kia nữa !

Vào cả đi !

Nào. Nhanh lên cho. Thế !

Xong. Yêu cầu các ngài ngồi cả xuống !

Ngồi xuống đất kia. Thế !

Thế. Vòng tay ra sau lưng. Thế !

Giờ thì xin các ngài trả lời, tại sao các ngài lại phải vào đây ? Xin hỏi ngài này.

Thưa, tôi không biết.

Phát âm cho lớn, không tôi xin mạn phép vả vào mồm ngài.

Thưa, tôi không biết.

Đừng vờ, thưa ngài. Các ngài nên biết mình đang ở đâu trên cái hành tinh xanh thơ mộng này.

Vâng, các ngài nên biết, chốn này không phải để dạo chơi. Ngài có bệnh mới vào đây, nếu không, hẳn ngài là đứa bất lương, có ý đồ gì ?

Thưa không.

Không thể tin ngài. Nào, xin há miệng. Có răng vàng không ?

Thưa không.

Đứng lên.

Cởi quần áo ra.

Nữa.

Nữa.

Bỏ tay xuống, Ngài không phải e lệ.

Nữa. Cởi hết. Thế !

Ngài có dấu diếm tiền bạc hay qúy kim đâu không ?

Thưa không.

Chổng mông lên. Mở hậu môn ra xem, thưa ngài.................

Tiết mục nhập môn ấy dễ khiến cả phòng ồn hẳn. Song nếu có một vị áo trắng nào đi qua, ai nấy sẽ giạt ra, hiền lành, vô sự. Vị áo trắng sẽ hỏi :

Các người làm gì thế ?

Họ sẽ đáp :

Chúng tôi sinh hoạt.

Hoặc :

Chúng tôi làm vệ sinh phòng trại.

Vị áo trắng sẽ dừng lại, đưa mắt nhìn khắp lượt, lạnh lùng :

Trật tự. Tất cả các người phải có trật tự.

Xong, sẽ lạnh lùng bỏ đi. Mọi việc lại tiếp tục.

Phải mất một lúc, cơn ồn mới lắng xuống.

Bao giờ cũng vậy, gã kia, dù đã lão làng, vẫn không hề tham gia tiết

mục. Trừ những giờ sinh hoạt chung, chẳng hạn uống thuốc, chẳng hạn đọc sách, vân vân, thì không kể; còn lại, gã cứ nằm hoặc ngồi ở góc phòng, bất động, quay mặt ra cửa sổ, cũng chấn song, nhìn sững, làm như thể chỉ có gã và cái cửa là tồn tại.

Buổi chiều, cánh cửa lớn cũng sẽ mở, lần này để gọi bệnh nhân lên phòng khám hay tái khám, và trả về những kẻ vừa được khám xong.

Sẽ lại ít nhất một phen mất hẳn nghiêm túc.

Nào, chuẩn bị, X03 !

Tôi đây.

Nữa, X11, X23, X31, ...

Chúng tôi đây.

Đứng cả vào hàng. Nhanh !

Nào, cùng đi. Bước !

Thế !

Xong. Đến lượt các ngài kia. Xin mời vào.

Vào đi, thưa ngài.

Nhanh ! Ngài kia nữa.

Vào cả đi. Thế !

Giờ thì cũng xin các ngài trả lời. Thế nào ? Xin hỏi ngài này.

Thưa, bác sĩ bảo, tôi quên nhiều quá. Trí nhớ tệ hẳn.

Thế ngài kia ?

Tôi thì lại nhớ quá nhiều, quá mức cần thiết.

Hmụm ! Ngài đây thì sao ?

Thưa, tôi tối dạ quá, chẳng tiếp thu gì được, chẳng biết lấy một điều gì trên đời.

Còn ngài đây ?

Tôi lại biết quá nhiều, không ai chịu nổi.

Hmụm ! Còn ngài ?

Thưa, bác sĩ bảo, tôi mất khả năng kiểm soát cơ vòng hậu môn.

Hmụm ! Nghĩa là sao ? ....

Cũng vậy, gã ở góc phòng cứ vẫn yên lặng, vẫn như chỉ tồn tại một mình gã với cái cửa sổ nhìn ra mảnh sân giáp tường rào sau Bệnh Viện.

Buổi tối, không khí tuyệt đối nghiêm túc và riêng tư, nếu không kể thủ tục điểm danh. Cố nhiên người ta không thể không giả định, trong hai mươi tư tiếng đồng hồ qua sẽ có một, hai bệnh nhân nào đấy, thình lình thất lạc ngoài ý muốn, chẳng hạn rơi tuột vào hố xí cuối phòng, hoặc bốc hơi qua song cửa và kẽ nứt trần nhà, hoặc thẩm thấu xuống nền xi măng, hoặc bởi một tỉ phép mầu phiền toái khác nữa; chẳng có gì được xem là bất khả ở Khu

này.

Vào lúc cuối ngày, sẽ xuất hiện một viên trực nhật (cũng áo trắng) tốt giọng, ở ngay ngoài cửa, bắt đầu ê a lớn tiếng một bản danh số dài dằng dặc và không hề du dương. Xong tiết mục này, nếu không có phát hiện nào bất thường (vẫn luôn phải giả định là có thể có !), cả phòng sẽ được yêu cầu đi nằm.

Dĩ nhiên, gã ở góc phòng cũng sẽ không ngủ. Hoặc gã sẽ nằm quay mặt vào cánh cửa lớn, nhìn ánh sáng hắt qua song từ hai ngọn đèn pha luân phiên bật tắt ở hai đầu hành lang, hoặc gã sẽ ngồi quay mặt ra cửa sổ, nhìn cái màu trắng nhạt của trăng (nếu có) được giải xuống mảnh sân giáp tường rào sau Bệnh Viện. Gã sẽ ngồi một chốc, hay hàng giờ, hay suốt đêm, cái đó còn tùy.

Dù sao, thế cũng không phải điềm lành. Một đêm rằm, mối quan tâm của những người vô bệnh đạt đến mức rất lớn, đồng thời, biện pháp xử lý kinh điển nhất cũng đã được xét duyệt và phê chuẩn: Vào khoảng nửa đêm, cánh cửa lớn có chấn song bỗng mở, xuất hiện hai vị áo trắng, vẻ lạnh lùng, bước thẳng đến cửa sổ góc phòng. Và thế, gã bị tóm giữa một tri giác thuần túy khách quan về cái giải sáng trắng nhạt trên mảnh sân giáp tường rào sau Bệnh Viện. Phòng X cùng các phòng kế cận thì vẫn ngủ.

Gã được giải qua những hành lang sâu hút, soi sáng đều đặn bởi những ngọn đèn pha xen kẽ bật tắt, cuối cùng dẫn đến một cánh cửa đen nom nghiêm trọng. Cửa dịch mở, gã bước vào, một mình. Hoàn toàn vắng lặng.

Gã bỗng thấy mình đang ở trong phòng làm việc của Bác Sĩ Trưởng Khu, một nơi thênh thang, vật bầy biện duy nhất là bộ bàn ghế khổng lồ, và món trang trí duy nhất là bức tranh tường, cũng khổng lồ, minh họa một ca chẩn bệnh của một vị nào đấy, vẫn được mệnh danh Thủy Tổ Ngành Y.

Gã thu mình, ngơ ngác đi đến tận cuối phòng, chỗ cái bàn, rồi ngơ ngác ngồi vào. Trước mặt gã, trên bàn, chỉ vỏn vẹn một tập giấy trắng, một cái bút, lọ mực, và một cái chặn giấy bằng vàng khối, trên có đúc nổi hàng ẩn ngữ lấp lánh :

NHÂN DANH TÌNH YÊU NHÂN LOẠI

Gã mất một lúc để nhìn sững, trước khi hiểu ra, và lẳng lặng cầm lấy bút.

HAI

Tôi hiểu qúy ngài muốn gì. Giấy. Bút. căn phòng rỗng lặng, và thời

khắc này của ngày.

Vâng, tôi hiểu. Song tôi e sẽ không làm vừa lòng qúy Ngài. Đã thưa từ đầu, tôi không biết khai bệnh. Một bản khai bệnh, bất kể loại nào, trích ngang hay trích dọc, mặc dù những giá trị nhất định, không thể phủ nhận của nó, cũng chẳng có ích gì nữa, đối với tôi. Tất cả những hình thức ấy không thể diễn đạt những điều tôi muốn nói, những điều quá thật, đồng thời lại quá phức tạp để có thể giản lược thành những khái niệm thống kê, thu vén được thành cột dọc hàng ngang, kèm ghi chú ngày tháng năm, chuẩn bị cho khả năng tiêu hóa thường là nghèo và đơn điệu của những kẻ may mắn có được một sức khỏe tốt, một hệ thần kinh vô bệnh. Tôi cũng không cả hy vọng được chữa khỏi, rồi trở về với thế giới bên ngoài kia. Từ lâu, tôi đã thôi không còn khao khát đi đâu, về đâu.

Dù sao, điều qúy Ngài dành cho, hôm nay, vẫn là một cám dỗ, tôi khó lòng bỏ qua được. Vâng. Giấy. Bút. Không gian, cũng như thời gian hoàn hảo này,... Và tôi, có nên chăng, hãy lạm dụng nó, để đi xa hơn một bản khai? Mà, biết đâu đấy, ấy lại không phải không hoàn toàn là vô ích đối với qúy Ngài ?

BA

Một khắc sau khi gã kia được đem đi, phòng X mới kịp phát giác. Công đầu ở một gã lão làng, do tật đái đêm, đã hốt nhiên thức giấc, bắt gặp một chỗ nằm bỏ trống cạnh cửa sổ.

Kìa ! Biến đâu một đứa ? X49 ? Thôi chết. Ê, thưa qúy ngài, dậy xem nào ! Dậy ! Dậy hết !

Á ! Sao đá tao ? Để yên tao ngủ.

Này ngủ này ! Ngủ này ! Ngủ !

Cái gì ? Chuyện gì ?

Ngủ mãi, đồ con lợn ! Dậy hết tất cả xem nào !

Mà chuyện gì ! Cái gì ?

Đêm hôm, không cho ai ngủ, là sao ?

Thưa qúy ngài, biến mất một đứa rồi. Chết cả đám đến nơi, còn ngủ ! Dậy cả đi !

Ai biến ?

Đứa nào biến ?

Thằng X49, chứ đứa nào !

X49 ?

Suỵt ! Yêu cầu khẽ mồm, kẻo Trực Nhật nó mất ngủ, là ăn mày cả lũ.

Bây giờ, các ngài ngồi ngay ngắn xem nào. Tựa lưng cả vào tường. Thế!

Mà để làm gì mới được ?

Còn để làm gì ! Yêu cầu các ngài vui lòng động não lên một chút. Cần xác định xem, thằng bất nhân ấy nó đã đi đâu, bao giờ, cách nào.

Mày đùa ! Có biết giờ này là giờ ngủ không ?

Ngài bảo ai đùa ? Chuyện nghiêm túc đấy. Sáng ra còn phải báo cáo với Trực Nhật, hiểu chưa ? Muốn chết cả đám hẳn?

Nhưng có ai biết ? Đứa nào chả ngủ ?

Thế nào chẳng có ngài thức khuya ?

Ai là người cuối cùng trông thấy nó tối nay ?

Sao không hỏi X50 ?

Ờ phải, cái thằng Ngủ Mở Mắt ấy. Nó có thể biết khối chuyện đấy. Thế nào, X50, ngài đang thức hay ngủ thế kia ?

Ngủ đấy !

Nhưng mắt nó mở ?!

Đã bảo, cái thói nó thế.

X50 ! Này ngủ này ! Tha hồ cho mày ngủ này !

Ááá ! Xin các ngài ! Để tôi yên !

Cái gì ? Nhắc lại xem ?

Để cho tôi yên.

Rất tiếc, tôi không thể cho ngài cái mà tôi không có. Này yên này ! Yên này ! Yên !

Ááá ! Cho tôi xin. Các ngài muốn gì chứ ?

Nghe hỏi đây. Từ tối đến giờ mày có để ý thấy thằng X49 giở quẻ thế nào không ?

X49 ? Không biết.

Hmụm ! Nhớ kỹ lại xem, không thì đừng hòng yên.

Ơ, thế thì... hình như ... có thấy. Nó ... đi rồi.

Khá lắm. Thế nó đi đâu ? Bao giờ ? Cách nào ?

Hình như... ban nãy... Ơ, có hai thiên thần sáng láng... cùng hiện xuống, rước lấy nó... cả hồn lẫn xác... qua ngả hành lang kia...

Hmụm ! Có thế ! Mày mơ khá đấy, X50 ạ.

Xong nợ chưa ?

Rồi. Xong. Cảm ơn các ngài.

Thế thì ngủ ! Nằm cả xuống.

Sư nó ! Nửa đêm nửa hôm.

Thôi đừng càu nhàu ! Ngủ ! ....

Chưa bao giờ phòng X lại mất hẳn nghiêm túc vào giờ giấc thế này.

Phải một lúc, cơn ồn mới lắng xuống. Song, cùng lúc ấy, những ai khó ngủ sẽ để ý nghe ra một thứ tiếng động khác, nãy giờ âm ỷ. Từ bên phòng Y, một gã khốn khổ nào đó đang gõ morse lên vách tường. Tiếng gõ không nhanh, không chậm, nhưng đều đặn, gửi đi những giòng thông điệp rạc rời, bức điện báo, bài chính tả buồn giữa khuya :

... CHA TIEEN SW NHAF CHUNGS MAYF ... CON CAWCJ ... DDUJ MEJ MAYF ... CHA TIEEN NHAAN NHAF CHUNGS MAYF CHWS ......

BỐN

Tôi phải bắt đầu từ đâu ?

Cuộc sống không khởi đầu từ trong nôi, cũng không kết thúc ở nấm mồ. Một người nào đó đã nói vậy. (Tôi không nhớ tên). Nhưng có lẽ chúng ta không cần phải lui lại quá; hãy chọn lấy một thời điểm tương đối, trí tưởng tượng qúy Ngài chấp nhận được, thế này :

Tôi xuất thân từ một con tinh trùng.

Việc xảy ra thế nào ?

Tôi đã khai sinh từ một cõi thâm sơn nào của Bố, sau đó chuyển sang tạm trú một cõi cùng cốc khác của Mẹ, được đâu hơn chín tháng thì xuất ngoại, thường trú hẳn giữa cõi người ta, mà lần này mới thật bất trắc.

Bấy giờ là mùa gì, phòng hộ sinh lúc nào cũng nhoay nhoáy hài đồng. Phần lớn những đứa có mặt ở đây, trong phòng X này, thì ngày ấy cũng đã hội ngộ ở đấy. Một vài đứa gây ấn tượng nhất, còn nhớ được :

Thoạt, là X61, Độc Đạo Nghiêm Túc (Những hỗn danh kèm theo như thế này chúng tôi tự đặt cho nhau, có khi trước, có khi sau thời gian nhập viện).. Gã này cứ trơ hai mắt, song không thèm nhìn cái gì, cũng không biết cả khóc. (Dĩ nhiên, gã thì nhạt nhẽo ngay từ đầu). Trong lúc, anh em song sinh của gã, X38, vừa lọt lòng đã nheo mắt : Merci ! (Ấy người ta bảo).

Cũng có thể kể X59, Ông Cứu Thế, kẻ đã ra đời với tư thế hai tay chắp, hai mắt lim dim, nom rất đáng sợ (hay đúng hơn là đáng ngờ).

Và nữa, X13, Ông Cơ Vòng Hậu Môn, hết sức láo xược. Qúy Ngài thử tưởng tượng : Bà mụ vừa nắm gót, dốc ngược, chưa kịp vỗ vào đâu, gã đã sang sảng đánh rắm hăm mốt phát liền, một khẩu thần công ra thần công, chào mừng tồn tại địa cầu.

Còn lại, thôi đủ trò : Đứa khóc toe. Đứa cười toét. Đứa mếu. Đứa ngủ. Đứa hắt xì. Đứa ngáp.

Tôi cũng ngáp. (Bình thường ?).

Sau đó, tất cả chúng tôi đã trải qua một thời kỳ đầu vô sự nhất, những khác biệt kia chẳng là gì, chẳng thành cao trào hay bi kịch. Ngược lại, mọi người cũng chẳng can thiệp được bao nhiêu vào thế giới của chúng tôi; họ chỉ là những láng giềng ở cửa ngõ phía Đông (Chỉ vài năm sau, chúng tôi cũng sẽ bị tống khứ ra khỏi cái cửa ngõ ấy, tất nhiên). Mặc dù những răn đe, có khi kèm nạt nộ, có khi kèm đét đít, song nói chung chúng tôi vẫn được hưởng an nhiên (không kể những của ngọt cùng là đồ chơi khi thế này khi thế nọ).

Người ta vẫn gọi cái thế giới ấy là gì nhỉ ? Ờ, thì Vô Cực ! Ờ, thì Nhất Nguyên ! Ờ, thì Eden ! Nhưng nó có cần quái gì tên gọi ? Cũng có vị đã ca ngợi nó như một Trò Chơi Hồn Nhiên, một Bánh Xe Quay Trên Chính Mình, một Tiếng Ừ Linh Thánh, (và gì nữa ?) Nghe có vẻ nên thơ, đúng không ? Song ở đây tôi không thể làm thơ, cũng không cần định danh định vị gì thêm cho cái thế giới ấy (Danh khả danh phi thường danh !) Chỉ biết, tất cả chúng ta hôm nay đã ra khỏi nó, ra khỏi cái Eden đó bằng cửa ngõ phía Đông, và không bao giờ trở lại nữa. Vâng, đừng hòng. Ở đấy, đã được canh gác cẩn mật bởi hai seraphim dũng mãnh, gươm giáo chói lòa (Thánh Kinh, chương ấy, đoạn ấy, câu ấy).

Thời gian đầu, với tôi, thế là năm năm.

Bước vào giai đoạn hai (mười năm tiếp theo) chúng tôi khởi sự chia xẻ cùng một thế giới với quý Ngài, một thế giới đã phân cực rồi. (Ngày xưa, một con vượn khờ khạo nào trong vườn Eden đã ăn phải trái cấm của nhận thức Nhị Nguyên và lập tức lãnh nhận một hậu quả y hệt). Tôi muốn nói, từ đây, chúng tôi được dạy cho phân biệt thế nào là Chân / Ngụy, Chính / Tà, Thiện / Ác, Mỹ / Xú, vân vân. Thế giới bỗng hiển hiện như một đường thẳng nghiêm túc, hai đầu là hai cực đối kháng, trên đó dường như mọi thứ đều có thể được suy diễn từ một phép tính đơn giản nhất : Hai-Với-Hai-Là-Bốn. Nhưng mà dù sao, phải thừa nhận, mọi việc đều hứa hẹn. Chỉ dăm năm đầu chúng tôi đã hoàn tất cái bài học vỡ lòng tự phân cực nọ. Mười tuổi, hầu như cả bọn đã thủ đắc một quan niệm hết sức chuẩn mực về các cặp phạm trù đối kháng, cũng như sở hữu được một lòng tín thác không gì lay chuyển nổi vào một nhân loại tất thắng. Mà thắng gì ? Thì đấy : Chân thắng Ngụy, Chính thắng Tà, Thiện thắng Ác, Mỹ thắng Xú, vân vân. Như cổ tích vậy, đúng không ? Trong cổ tích, có vô thiên lủng các Ông Thiện, vô thiên lủng các Thạch Sanh,... toàn năng, toàn ái, toàn mỹ,... Tất nhiên không dám thiếu những đứa Ngoáo Ộp, những thằng Lý Thông,... song bọn này thì nghĩa lý gì; chúng chỉ có một chức năng: Chiến Bại, và tiện thể, vun xới cho thêm chắc khỏe cái niềm tin vốn đã chắc khỏe của chúng tôi vào một tiền đồ nhân loại. Cứ đà

này, dễ thường không có gì hòng ngăn cản nổi chúng tôi đi đến gặp gỡ đẹp với một thế giới đại đồng, gồm rặt những Ông Thiện.

A, nghe có buồn cười ? Nhưng khoan hẳng. Nói gì thì nói, chúng tôi thật đã sống cái niềm tin ấy đấy. Mà sao lại không ? Cận ảnh một Eden của thế kỷ XX còn có thể được khải thị ở đâu, nếu không phải là hai nơi này : Đức tin của một đứa trẻ, hoặc tiềm thức của một thằng điên ? Điểm phân biệt duy nhất : Một bên mặc nhiên không cần tuyên ngôn, còn bên kia, cần vô số tuyên ngôn (99% là hùng hồn đến chóng mặt !) để thay thế mặc nhiên, có vậy thôi.

Thế, đích điểm đã vạch; để đạt đến, chúng tôi đua theo nhau, cũng nhọc nhằn, không đùa. Nhân vật chính diện của nửa đầu giai đoạn này lại là X61. Bí quyết của gã ? Trong cái không gian một chiều, không độ cong như thế, nghĩa là, thật sự đồng bộ với cái não trạng vốn cũng không có hơn từng ấy chiều kích cũng như từng ấy độ cong của một đứa trẻ như thế, gã X61 nọ hoàn toàn an lạc. Tôi tưởng gã phải là một phần tử tinh tuyền của nó, một điểm, hay một đoạn thẳng, đúng không? Là ngôi sao tỏa sáng, gã luôn được lấy làm gương cho cả bọn soi chung : Bảo học, học, bảo hát, hát, bảo kể chuyện, kể chuyện, bảo câm, câm, bảo qùy, qùy, bảo ngủ, ngủ, bảo đi đái, đi đái.... Một Ông Thiện thiếu thời ắt phải vậy. Tôi chỉ biết trố mắt, há hốc mồm. Còn lâu mới theo kịp gã.

Một điểm nút khác, một đoạn thẳng khác, tuy nhạt hơn, một ngôi sao khác, tuy không sáng giá bằng, song cũng được kể như làm nên danh phận : X60, Nhà Hùng Biện. Có thể nhớ gì về gã này? Luôn được khen thưởng, nhất là vào các giờ đạo đức, các giờ kể chuyện gương tốt. Luôn thuộc bài, tốt giọng, chỉ phải cái ngọng và ê a. Một trích đoạn của gã cũng đủ khiến khối kẻ sởn cả lòng : Chúng-a ta-a phải-a học-a và-a tập ! Bằng-a cách-a nào ? Không-a chỉ-a khám-a phá-a và-a noi-a theo-a các-a đức-a hạnh-a ưu-a điểm-a người, mà-a còn-a là-a cố-a công-a tự-a kiểm-a và-a khắc-a phục-a những-a khuyết-a điểm-a thói-a hư-a tật-a xấu-a mình ! Dẫu sao, được như thế cũng chẳng dễ. Cả bọn đã vị nể nhân vật này, không phải là không công bằng.

Còn bao nhiêu phần tử chính diện khác của chặng đường vỡ lòng kia ? Bao nhiêu điểm nút ? Bao nhiêu đoạn thẳng hình gậy, hình que ? Thôi, không nói. Chỉ rất tiếc, tôi không tìm được mình trong số đó. Cũng như không tìm thấy cả trong đám phản diện nhất sắp kể ra đây. Rất may, đám này không nhiều.

Đứng đầu danh sách có lẽ là X13 Cơ Vòng Hậu Môn.Hầu như không buổi nào không bị phạt. Lỗi hiển nhiên ở gã. Luôn luôn đánh những phát

rắm tai ngược vào đúng những thời điểm nghiêm túc nhất, chẳng hạn xếp hàng, chẳng hạn điểm danh, chẳng hạn trả bài, tự kiểm, hay kể chuyện gương tốt... Gã bị X60 ghét như đào đất đổ đi : Những trường đoạn hùng hồn nhất, đẹp nhất của gã kia vẫn bị gã này gia công điểm xuyết vào không biết cơ man nào là âm thanh và cuồng nộ, nghe chả còn ra làm sao. Hình phạt dành cho X13 thường là nặng nề, có phen phải qùy suốt hai buổi liền, song gã vẫn chứng nào tật nấy.

Đồng số phận với gã còn có X38. Hay phải phạt, hay bị nêu làm thí dụ gương xấu. Chưa từng một lần thuộc bài, chưa từng viết chữ đẹp, lại không biết kỷ luật, giờ giấc là gì : Đọc trong giờ chơi, vẽ bậy trong giờ học, ngủ trong giờ kể chuyện, câm khi người ta hỏi đến, vân vân. Thế mà, gã đâu phải đứa ngu? Chẳng qua gã không thể ghép mình vào cái không gian một chiều kích kia (thậm chí sau đó, vào nửa cuối giai đoạn, khi nó đã được nâng cấp thành một mặt phẳng hẳn hoi, gã cũng không cảm thấy khá hơn) : Sự chín mùi của trí tuệ gã, ngay từ thời điểm đó, đã cho phép gã khẳng định: Thực tại phải phong phú hơn những tổ hợp một hay hai chiều kích không độ cong ấy, đồng thời giả thiết có những phép cộng khác hơn Hai-Với-Hai-Là-Bốn, thì mới bõ công người ta tồn tại.

X43 Nỗi Buồn Thế Kỷ thì không bị ai phạt hết. Gã tự phạt. Mỗi ngày gã ngồi đó, thẳng người, khoanh tay, vẻ nghiêm trọng thần sầu. Không thể đoán gã đang nghĩ ngợi gì. Dù sao, đừng có gọi đến tên : Gã sẽ uể oải đứng dậy, vẻ càng thần sầu, buông thõng một tiếng gọn lỏn : Chán !, rồi uể oải đi vào nhà cầu, vẫn với vẻ thần sầu không bút nào tả xiết.

Tôi, đã thưa rồi, không dự phần vào đám tai tiếng này. Dạo đó, tôi được xếp ngồi một xó, bên cạnh chỉ có X59, Ông Cứu Thế. Gã này cũng thực sự là một kỷ lục chẳng vừa; nếu muốn, mọi người vẫn có thể tha hồ học hỏi : Gã thường xuyên toát vẻ đạo hạnh, chừng mực đến độ, lại thường xuyên nhắc nhở cả bọn: Chúng ta là anh em cả mà ! hoặc : Hãy nhường nhịn nhau nào! (Nếu không có Cơ Vòng Hậu Môn chăm chỉ làm việc, không khéo tôi đến tin gã mất. Nom gã thành khẩn thế kia: Hai tay chắp, hai mắt lim dim, không đùa!). Rốt cuộc, dù phải, dù trái, bên nào gã cũng kiếm chác được tất; túi trên túi dưới của gã lúc nào cũng ních đầy những bánh cùng kẹo, những bi cùng thun giả đạn, lại cả phiếu bon point (ấy chưa kể, về sau có kẻ thề sống thề chết rằng, đã biết gã từng ăn vụng giỏi thế nào, cóp chép nhanh ra sao, chơi thì gian). Nhưng mà, hãy khoan khen chê gì gã. Tôi không định làm điều đó ở đây đâu. Bẩy mươi chưa khoe rằng lành, đúng không ?

.... Vâng, và cứ thế, cả bọn đã đi hết năm năm đầu, rồi là năm năm sau, nửa cuối của giai đoạn. Cái đường thẳng nghiêm túc thuở nào đã triển

khai thành một mặt phẳng hẳn hoi, trên đó có thể chơi những trò mới, hai chiều. Một tiến bộ ra tiến bộ ? Không ai phàn nàn hết, ngoại trừ X61 tội nghiệp. Tài năng này, thình lình hóa ra hụt hẫng : Gã vẫn cương quyết dừng lại ở cấp độ nhận thức thấp nhất. Như một đoạn thẳng trượt dài trên chính mình, gã đã vĩnh viễn tự đồng hóa với một không gian đơn chiều, không cong, mà trên đó phép cộng Hai-Với-Hai-Là-Bốn được gã lạm dụng một cách vô tội vạ. Thế thì lại rất phô, đúng không ? Người anh em song sinh của gã bảo : X61 đã trả giá, gã đã giản lược thực tại, hòng biến nó thành một khái niệm thô thiển hơn nó vốn là. (Và mãi mãi là!) Song, nói cho cùng, có ngôi sao nào không lặn tắt? Cũng như có ai sẽ thường trụ mãi nơi nào, một khi thời gian, bấy lâu, cứ vận hành nghiêm nhặt theo một chiều vẫn được qui ước thuần dương ?

NĂM

Này, mày không ngủ ?

Không.

Mày nghe gì không ?

Nghe gì ?

Nó lại đánh morse đấy.

Ừ.

Còn thằng X49, mày có tin nó biến đi thật không ?

Sao không ? Anh biết, Khu Nội Trú này được gọi là gì chứ ?

Tiềm Thức Của Thằng Điên, chứ gì !

Phải rồi. Và tai họa không phải vì nó tệ, mà ở chỗ nó quá đơn giản, đồng thời lại quá lý tưởng. Ở đấy, người ta chỉ dung nạp một chiều kích, cùng lắm là hai. Con số ba đã được xem là phải cảnh giác. Còn như nhiều hơn ba? Hãy cẩn thận. Nếu anh lại đi tơ tưởng đến một thế giới nào đấy nhiều hơn ba chiều kích, thì anh cũng sẽ không thiếu dịp để biến đi như thằng kia.

Biết rồi. Nhưng mày nói sao, chứ ở thằng X49 ấy, tao biết, cũng có đào đâu ra được hơn ba chiều kích ? Ai chứ nó tao còn lạ?!

Sao lại bảo vậy ?

Cách đây hơn mười năm tao tình cờ bắt gặp nó đang hí hửng giữa một la liệt trận đồ toàn những chân dung là chân dung, nghe đâu của các thiên tài với lại vĩ nhân không thôi. Báo hại tao đã phải một phen... Ờ, mà mày biết đấy, não trạng của bọn thờ ngẫu tượng thì có bao giờ phát triển được đến hơn ba chiều kích ?

Tất nhiên cũng có lúc thằng ấy làm những trò ấy, nhưng sau đấy, thế nào lại chả khác đi rồi ? Nếu cứ được như cách nay hơn mười năm, ắt nó chưa phải vào đến đây.

Mày biện hộ giùm nó phỏng ? Mà thôi, vào đây hay chưa vào đây, một chiều kích hay mười ba chiều kích, tao chẳng hơi đâu phân biệt nữa; chỉ thấy như nhau tất.

SÁU

Mười lăm tuổi, kết thúc thời kỳ thứ hai của chúng tôi (Qúy Ngài vẫn gọi thời kỳ cơ sở, phải thế không ?) Nhưng không ai dừng lại để nghỉ ngơi. Nếu cứ khư khư lấy một đường thẳng (như X61) là không hợp lý thế nào, thì khăng khăng với một mặt phẳng cũng vậy thôi. Ấy là trường hợp X60. Khi làm quen với định đề Euclide bẹt, gã còn theo được, còn sang sảng được : Từ-a một-a điểm-a ở-a ngoài-a một-a đường-a thẳng-a..., song, khi chuyển sang định đề Euclide nổi, gã đã chuội đi, thôi không còn tỏa sáng. Từ-a một-a điểm-a ở-a ngoài-a một-a mặt-a phẳng-a, gã không trông thấy được gì hết. Gã chỉ quen thuộc với những thực tại hai chiều : bẹt, dẹp, phẳng lì, nhẵn thín, và từ chối bước ra khỏi đấy.

Mặc gã, cùng những kẻ như gã. Còn lại những ai, hãy liệu bước ra khỏi đấy, và khởi sự chặng đường thứ ba.

Mười lăm tuổi, chúng tôi bước vào chặng đường thứ ba. Chặng đường phổ cập, bất kỳ ai cũng phải qua. Chặng đường phổ cập, chuẩn bị cho mọi người đặt những vấn đề lớn, những trò chơi lớn. Ở đấy, não trạng con người ta được trang bị thêm một chiều kích nữa, mở ngỏ cho nó cái cơ hội triển khai thành một không gian ba chiều (vẫn không cong, mặc dù). Nhưng mà, qúy Ngài cứ tin đi, ấy vẫn sẽ mãi là cấu trúc cao cấp nhất mà tuyệt đại đa số trong thiên hạ có đủ khả năng để hình dung. Nom nó rất an toàn, lại không phải là không hoàn thiện. Vâng, hãy xem : Trong đó, cả một công trình được xây dựng nguy nga (trên những trụ móng dường như bất khả xâm phạm: phép cộng Hai-Với-Hai-Là-Bốn, định đề Euclide bẹt, rồi nổi, luật cơ học Newton, nguyên tắc logic nhị nguyên Aristote, vân vân) nhằm lý giải thực tại, để nắm lấy, rồi là vận dụng, cải tạo nó. Từ nay, thôi đừng có điều bí ẩn nào của vũ trụ hòng được chung cục bảo toàn, cho dù ấy có là phương trình chuyển động rơi tự do của một con qủy ra k hỏi Thiên Đường, hay tổng số nhiệt năng mà Thượng Đế phải phóng thích, một khi (cũng chỉ nay mai thôi) bùng nổ. (Cứ làm như chỉ cần một hệ qui chiếu lí tưởng ba thứ nguyên không cong, là đủ khiến toàn bộ chân lý lớn, chân lý bé phải lũ lượt ra đầu thú, dưới kỹ thuật thao tác hùng hồn của trí tuệ con người !).

Thế là sao ?

Chẳng cần lạc quan cũng thấy, giấc mơ đại đồng (cận ảnh một Eden mới) của chúng ta chưa bao giờ đáng ganh tị đến vậy : Mọi thứ đều nhất quán, tuyệt đẹp và ngon trớn. Rõ ràng chẳng bao lâu nữa, tất cả chúng ta sẽ tề tựu giữa lòng một nhân loại, không chỉ đức độ kinh thiên, mà còn tài năng động địa.

Chúng tôi, khác nào một lũ adolescent sắp đứt đuôi, rùng mình biến hóa.

Manh nha những ước mơ, những hoài bão không vừa. Từ một điểm ở ngoài một mặt phẳng, đứa nào đứa nấy vùi đầu vào sách vở, nhăm nhăm nuốt chửng tri thức ba chiều của loài người (Cũng có cả đứa biết thân, ngốn theo hàng ký Glutaminol B6, hòng cải thiện chỉ số IQ, bằng không, rất có khả năng phải bỏ dở cuộc chơi như X60, X61,...).

Cũng manh nha cả thói sùng bái thần tượng. Mỗi đứa, tùy vấn đề quan tâm, sẽ chọn lấy để thần phục một tên tuổi, cũng chẳng vừa. Nghề nào thì cũng một vị nào tiên sư, kể làm sao xiết ? Phần tôi, thuở ấy, tôi tham, tôi sùng bái tất.

Phải, tôi vơ tất. Song, sự việc không trơn tru thế. Nói công bằng, tôi chỉ chọn có hai phần ba.

Nhớ lại, vào đầu giai đoạn, tôi đã thất vọng kinh khủng. Qúy vị không biết, chứ suốt mười mấy năm ròng, giương mắt dỏng tai trước cái đám nhân loại (thôi cứ tạm cho là vô hại) quanh tôi, nghe nhìn những sự nghiệp rành rành và thường trực (hàng ngày hàng giờ) của họ, tôi đã chợt hiểu ra, những Ông Thiện, những chàng Thạch Sanh thập toàn của chúng ta có vẻ sẽ mãi mãi nằm lì trong những trang sách đồng ấu (khối lúc được minh họa xanh đỏ) nọ, không đời nào đủ sức bước ra khỏi đấy, khỏi những không gian hai chiều ấy, để theo chúng tôi bước vào cái thực tại cao cấp ba chiều kích hôm nay.(Có khác trường hợp những X60, X61 không ?)

Ngược lại, những đứa Ngoáo Ộp, những thằng Lý Thông thì lại hoàn toàn có thật, thậm chí nhan nhản; bọn này rõ ràng có khả năng thích ứng được với mọi cấp độ thực tại, cho dù là một, hai, hay là ba chiều đi chăng nữa. (Biết đến bao giờ chúng mới làm tròn nổi cái chức năng Chiến Bại cao quý ?) Thế, kiểu này, nếu không đặt lại vấn đề, e cái cận ảnh một Eden mới của tôi, một thế giới đại đồng, rất có thể sẽ phải dẹp đi thôi.

Vụ này khiến tôi chưng hửng mất một dạo, trước khi quay sang định hướng trở lại, gần như từ đầu. Vâng, học, học, và học. Và đọc ngốn.

Cố nhiên, tôi không có lý do gì để tiếc rẻ mớ sách vở thuở lên mười. Bây giờ tôi có thể vói đến những tầng bên trên nữa của mọi kệ sách, không cần bàn ghế. Bất kỳ cuốn sách nào đã từng tồn tại trên cái mặt cầu song song ở

từng ấy độ cao so với mặt đất đều không thoát khỏi tay tôi. Tôi sẽ không liệt kê cụ thể đã học và đọc những gì đâu. Chỉ biết tôi đã nẩy ra được một sức ngốn sách khiếp kinh, bất kể hiểu hay không hiểu. Tôi có thể đọc ngang, đọc dọc, đọc ngược, đọc xuôi, đọc giữa dòng, đọc ngồi, đọc đứng, đọc nằm, đọc đi, đọc... (Ấy cũng chính là lý do khiến tôi bắt đầu phải mang cặp kiếng đáng nguyền này !)

Ai nấy bảo : Xem ! Thằng ấy nó lột xác. Cũng không sai. Tôi đã đổi khác nhiều. Phen này tôi không còn ngoan ngoãn, dễ dậy vô điều kiện nữa, mà trở nên thật khắt khe. Để trả đũa những năm tháng hụt hơi đuổi-a theo-a ưu-a điểm-a người, tẩy-a xóa-a khuyết-a điểm-a mình, nay tôi ra sức khẳng định, hài lòng về những ưu điểm mình (Why not ?) đồng thời hăm hở vạch trần, phê phán khuyết điểm người. (Trò này cũng vui, đúng không ?) Vấn đề ở đây, một lần nữa, lại là chuẩn mực.

Vâng. Không ít thứ, trong đó, thế này hay thế khác, có liên quan đến những cặp phạm trù đối kháng Chân/ Ngụy, Chính/ Tà, Thiện/ Ác, Mỹ / Xú, vân vân, đến nay hóa ra không còn phù hợp nữa với cái cấu trúc mới này của thực tại tôi, đã phải rạn vỡ. (Trường hợp những Ông Thiện trên kia là một thí dụ). Và tôi đã phải cân đo, sàng lọc lại tất cả một cách tỉnh táo, thận trọng. Hầu hết các Ông Thiện ngày xưa của tôi (trong số, không khéo có cả qúy Ngài, vâng!) đã phải chịu loại bỏ một cách mới thật oan uổng. Nhưng mà, qúy Ngài thông cảm, à l'âge de raison, ai lại không đâm ra thờ ơ với những chuẩn mực Đạo Đức, để ngưỡng vọng những thứ khác? Tôi cũng thế thôi : Quả từ đây sẽ nghiễm nhiên ưu tiên đi vào danh sách Eden mới của tôi tất cả những thiên tài, những bác học lừng lẫy của suốt hơn hai mươi thế kỷ qua. Để hòng thấy họ là có thật và gần (tôi cũng cần được tự kỷ ám thị chứ?), tôi đã bỏ công sưu tập không biết bao nhiêu là chân dung, mầu và đen trắng, vuông và tròn, khổ lớn và khổ bé, thẩy đều đóng khung trang trọng, treo lên, phân bố đều khắp, chen vai thích cánh, mỉm cười hay đăm chiêu, nhìn ra từ những mặt phẳng thẳng đứng của cái không gian lý tưởng ba chiều không cong, tôi cứ việc chiêm ngưỡng và thán phục.

Thế là, thật nhanh, niềm tin của tôi vào một thế giới đại đồng lại may mắn hoàn sinh, phải không ? Lần này cũng lại không gì ngăn cản nổi tôi trên lộ trình hướng về cái đích điểm ấy nữa hết, tuy là với một thái độ khác.

Dù sao, tôi vẫn không phải đứa có lý tưởng nhất. Trên hết, hóa ra lại là X59, Ông Cứu Thế. Ồ, qúy Ngài tin hay không, tùy, chứ gã này thật sự muốn đứng trên hẳn mọi khoa học để phê phán và định hướng cho tồn tại cũng như lịch sử nhân loại (chứ không phải là bánh với kẹo,bi với thun giả đạn,hay phiếu bon point vớ vẩn, nhá!) Chọn lấy một vị khổng lồ nào đó của

thế kỷ XIX làm tiên sư, gã vùi đầu vào nghiền ngẫm (cố nhiên vẫn hai tay chắp, hai mắt lim dim, không đùa !) và hốt nhiên đốn ngộ được mối quan hệ giữa Vật Chất và Ý Thức, cũng như Lai Lịch Sinh Học của thủy tổ loài người, thế rồi lại hốt nhiên đốn ngộ thêm được biện chứng giữa Lực Lượng Sản Xuất và Quan Hệ Sản Xuất, cũng như năm Hình Thái Kinh Tế Xã Hội người ta phải tất yếu kinh qua, nhất là Hình Thái thứ năm, một Eden ra Eden (mà độ nét cũng như sức thuyết phục còn hơn cả cái Eden mới của tôi rất nhiều).

Nói của đáng tội, không thể không tin gã : Gã nhanh chóng thu nạp được hai đệ tử, hai tín đồ trung kiên : X60 và X61. Một gã giúp minh họa bằng những khẩu hiệu sang sảng, hùng hồn đến chóng mặt, chẳng hạn : Chúng-a ta-a phải-a biết-a rằng-a vật-a chất-a có-a trước-a và-a quyết-a định-a ý-a thức, hoặc : từ-a đó-a suy-a ra-a chúng-a ta-a sẽ-a tiến-a tới-a xóa-a bỏ-a người-a bóc-a lột-a người, và : rồi-a thì-a tiến-a tới-a làm-a theo-a năng-a lực-a hưởng-a theo-a nhu-a cầu, vân vân, còn gã kia giúp cho những điều ấy trở nên thuyết phục hơn bằng cách sốt sắng vác gậy ra đường, sẵn sàng phang chết bất cứ đứa nào dám phản bác.

Một bộ ba Tướng Sĩ Tượng đẹp kinh khủng, đúng không ? Không hiểu cái Học Thuyết kia của vị tiên sư thế kỷ XIX có được đến ba chiều kích ? Chỉ biết, đến tay Ông Cứu Thế vận dụng sáng tạo, nó hóa ra bẹt, dẹp, phẳng lì và nhẵn thín, nghĩa là rất vừa tầm thưởng thức cho Nhà Hùng Biện; rồi đến lượt Nhà này phụ đạo lại cho Nhà Hộ Giáo Độc Đạo Nghiêm Túc, nó lại một lần nữa biến hóa, để chỉ còn là những điểm nút, những đoạn thẳng hình gậy, hình que, không hơn. (Còn một khi đã ở trong tay Nhà Hộ Giáo, Chân Lý trở nên hoàn toàn vững vàng không gì lay chuyển nổi, bởi lẽ Nhà này suốt đời không bao giờ đủ sức đặt một dấu hỏi; lý do đơn giản : Một dấu hỏi, dù bé nhất, cứ trông cái độ cong tạo hình của nó cũng thấy ngay được, phải thuộc về một không gian ít nhất hai chiều, nghĩa là đã vượt quá tầm với của Nhà !).

Ngay cả X38 cũng sợ người anh em song sinh của gã phang chết. Tốt hơn hết, gã cứ câm khi người ta hỏi đến, cứ ngủ trong giờ... (Vả, gã cũng chưa bao giờ có ý định chọn lấy một ai để sùng bái hay phản bác. Đối với bộ sưu tập các bác học và thiên tài của tôi, cũng như đối với vị tiên sư khổng lồ của Ông Cứu Thế, gã xem như không tồn tại).

Không buồn tham gia trò chơi còn có cả X43 và X13. Gã Nỗi Buồn Thế Kỷ kia vẫn thần sầu, vẫn buông thõng một tiếng Chán ! cộc lốc vào suốt những không gian một, hai, hay ba chiều của thiên hạ, và cố nhiên, vẫn uể oải lánh vào chỗ phải lánh, mỗi bận có ai gọi đến. Còn gã Cơ Vòng Hậu Môn qúy hóa nọ, vào giai đoạn này, tôi không thể lờ đi được; thiếu ít nữa tôi đã cho gã một trận nên thân.

Hôm ấy, chẳng hiểu quỷ tha ma bắt làm sao, gã tọt vào tham quan khu Eden thể nghiệm bằng giấy của tôi. Để làm gì ? Vừa đủng đỉnh rảo qua từng chân dung một, gã vừa sang sảng bình luận bằng hậu môn. Chao, một gã vô lại, còn hiểu được thế nào là biểu tượng một thế giới đại đồng, thế nào là chỉnh thể một không gian ba chiều không cong, với những trận đồ chân dung thần tượng ? Không nhiều lời, tôi vớ lấy cái chổi, quét ngay gã khỏi cửa, gã, quân ngoại đạo. (À, chẳng cần mướn đến X61, tôi cũng thừa biết cách tuyên xưng đức tin bằng bạo lực !). Trò này cũng phải thôi. Giai đoạn tuổi thơ với đức tin mặc nhiên không cần tuyên ngôn đã qua rồi, từ nay chúng ta phải gánh lấy trách nhiệm chăm lo bảo vệ đối với một niềm tin, đối với một nhân loại, đối với một...

Nhưng mà, khoan hẳng, cho tôi thở lát hẳng. Tạm thời, cứ biết giai đoạn ba của chúng tôi cũng không kéo dài mãi; tôi luôn phải trở về với bổn phận chính : Tiếp tục học, học, và học. Vâng, và đọc ngốn. Tôi đã tự ra hạn, phải kịp đi vào danh sách nhân loại mới của chính mình trước khi thế kỷ XX này khép lại.

BẨY

Anh thuốc men ra sao ? hy vọng khỏi bệnh không?

Không biết nữa. Chả thấy gì khá hơn cả.

Régime dành cho anh thế nào ?

Dễ. Thời gian đầu là Valium 10, Halopéridole, ...

Không, cái đó thì ai cũng như nhau. Tôi muốn hỏi hôm nay kia.

Lại càng dễ. Mỹ Học Nhập Môn ngày ba lần, lần hai trang, đọc chậm rãi. Nhưng tao vẫn không hiểu để làm gì. Tao tưởng cái đó chỉ để cho bọn X28, X29, X30,... ?

Thế anh nghĩ, người ta có thể chỉnh đốn lại cơ vòng hậu môn, mà không cần đến những khái niệm Mỹ Học à ?

Thế còn mày ?

Hơi mệt đấy. Dialektichesky i Istoricheski Materializm thế kỷ XIX ngày ba buổi, buổi một trang, đọc từ tốn. Lại Bàn Về Nọc Độc Của Rắn ngày một lần, lần một chương, buổi chiều. Tây Dương Gia Tô Giáo Bí Lục tuần một lần, trọn bộ.

Có thuyên giảm gì không ?

Không.

Thế sao mày không bị làm cho biến đi như thằng X49 vừa rồi?

Tôi không biết. Có lẽ tại họ chưa điên tiết, thế thôi.

Nghe nói mày cũng đã trải qua ba lần đại phẫu cơ mà ?

Vâng.

Kể xem, được không ?

Ờ, thì hết ba lần tôi được đem đi. Có cỗ xe song mã mầu trắng chở tôi đến địa điểm tiến hành giải phẫu. Thoạt, bẩy góa phụ đen tiêm thẳng vào thất khiếu để gây tê, rồi một dũng sĩ bọ ngựa ra sức chém vào đỉnh đầu. Hộp não liền mở : Không có máu. Chỉ thấy một giòng mủ, bắt đầu chẩy xuống. Bác sĩ, cả thẩy ba vị, lạnh lùng ghi nhận: Từ Plat, Aris, đến Desc, từ Desc đến Kan, từ Kan đến Heg, từ Heg đến... Ồ, không biết cơ man nào là mủ xám. Đấy là lần thứ nhất.

Bệnh nhân nhẹ hẳn người chứ ?

Chẳng nhiều đâu. Có một thời những tên tuổi chói ngời ấy của Phương Mặt Trời Lặn đã khiến tôi sửng sốt. Song tôi đã sớm thất vọng, thấy họ chỉ là những tiên tri giả, hoài công chẻ sợi tóc làm tư, chứng minh sự chính xác của những mệnh đề lưỡng giá trong một thế giới đa giá thế này, hoài công phá đổ đi, xây dựng lại không biết bao nhiêu mê cung nguy nga, lộng lẫy, song chẳng dẫn đến đâu, chẳng dùng được để làm gì ngoài những câu chuyện salon, trong khi đó, điều mà tôi tin là ý nghĩa thật sự của đời người thì lại bị bỏ quên, gạt sang một bên lề. Không, không phải họ, hay những phát hiện của ho, mà tôi có thể chọn lựa. Đã lâu rồi tôi không còn xem họ là nặng ký nữa.

Thế lần thứ hai ?

Lần thứ hai, chẳng còn mủ, nhưng lại không biết bao nhiêu là máu, đỏ đen lẫn lộn, tuôn xối; tất cả được hứng vào một cái máng lợn, đem đổ xuống cống rãnh : Kim Dz, Shakes, Dost, Hess, Kazant, Saroy, Faulk, Hem, Stein, Saling, Mill, Exup, Whit, vân vân.

Lần này hẳn mày nhẹ người ?

Vâng, hao hụt nhiều. Những tên gọi ấy, những kẻ đã sống, đã khát vọng thể nghiệm cái ý nghĩa bất tuyệt của giòng đời tuôn chẩy, mà dầu cho thế này hay thế khác, hoan lạc hay thống khổ, cuồng nộ vỡ lở hay chỉ còn lại câm lặng như lá cỏ trên mồ, thì tôi, hay bất cứ một độc giả kinh nghiệm nào, cũng có thể nhận biết, không bao giờ lầm lẫn.

Ha !

Nhưng dù sao tôi cũng chẳng tiếc nhiều đâu. Lúc này tôi đòi hỏi một điều gì khác hơn, một giải pháp, một câu trả lời.

Rồi sao ? Lần đại phẫu thứ ba ?

Lần này chỉ còn lại những thông điệp : Câu trả lời cho cái khát vọng muôn đời kia, nhưng là theo truyền thống của Phương Mặt Trời Mọc, Nhất

Nguyên, bất khả tư nghị; hầu hết đã có mặt từ ít nhất hai mươi thế kỷ : Phật, Lão, Khổng, Kitô,... hoàn toàn vi tế giữa các thớ não, các bác sĩ phải tạm để đấy, chờ hóa giải bằng một công thức hiện đại của Phương Mặt Trời Lặn thế kỷ XIX.

Ha ! Ha ha ha ha ha !!!

Suỵt ! Khẽ mồm chứ !

TÁM

A, nhất định là tôi đã trở thành một cái gì đó, chẳng hạn một học giả vĩ đại; nếu không, thì một nhà tuyên xưng đức tin vĩ đại; nếu không nữa, một nhà cách mệnh vĩ đại; còn không nữa, một nhà tư tưởng vĩ đại, hay một nhà hoang tưởng vĩ đại (có gì khác nhau ?)... Nhưng mà, đã kịp xảy đến một biến cố lớn, có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ quá trình của nhận thức tôi.

Tôi muốn nhắc đến cơn đói năm 20 tuổi.

Không, bấy giờ kỳ hạn của tôi vẫn chưa hết : Thế kỷ XX này còn đang mở ngỏ, nhẩn nha chờ ngày tôi bước vào danh sách của một nhân loại mới. Tôi nhớ, mọi sự lại đang nhất quán, tuyệt đẹp, và ngon trớn, dù là với một viễn ảnh khác, một nội dung khác, một gia tốc khác, còn tôi thì mới tròn hai mươi, vừa kịp học và đọc ngốn lý thuyết về một cơ cấu thực tại bốn chiều, có độ cong, lòng đầy nghi vấn. Ở đâu ra con số bốn nọ, thôi cứ tạm cho. Nhưng còn độ cong kia ? Tôi chưa đặt xong câu hỏi thì nó đã lừng lững đến, cơn đói, trang trọng như một nhân vật chính, kích thước lớn lao, đi vào thời điểm đó của cuộc sống, choán lấp hết cái tháp ngà ba chiều không độ cong của tôi, đồng thời tát cạn cả cái ý nghĩa thâm trầm của những trận đồ chân dung ngẫu tượng, cùng với bao thư viện, bao kệ sách.

Trước hết, và tức thời, tôi nhận ra mối đe dọa khổng lồ đối với tồn tại mỗi người, và tự động đình chỉ mọi nỗ lực đã và đang đầu tư cho một giấc mơ đại đồng. Từng ấy chân dung kèm danh sách những tài, những thiên những bác học lừng lẫy của suốt hơn hai mươi thế kỷ, vụt một cái, lùi ra sau hậu trường của ý thức, chẳng kịp cầu viện nơi tôi hành vi thể hiện trách nhiệm đối với một...

..... Tôi quên cả xấu hổ. Lần đầu tiên vấn đề bỗng hiển hiện nguyên vẹn cho tôi như một điều vô nghĩa nhất, vô nghĩa đến sững sờ.

Mà không, chẳng thiếu những thứ đối với tôi lúc ấy cũng đã trở nên vô nghĩa, hoặc hồ đồ quá. Chẳng hạn, tôi nhớ, suốt giai đoạn đó tôi đã không thể phân biệt nổi thời gian với nó, cơn đói : Cả hai đã tranh giành nhau làm biểu tượng cho cái chiều kích thứ tư vừa được khám phá của tôi. Cả hai đều lê thê bất định. Cả hai đều kiên trì thấm nhập và xói mòn tồn tại,... Chỉ về sau, tôi mới nhìn rõ tầm vóc vô địch của cơn đói. Thì ra nó, chẳng buồn chia

sẻ quyền lực với ai, đã một mình tiến hành lịch sử : Một mình nó đã qui định đến từng chi tiết cho sinh hoạt ngày, ám ảnh cả những giấc mơ đêm, câu lưu mọi hoài bão, bạc đãi hết thẩy những giá trị không thể thẩm định bằng dạ dầy, đầy biệt xứ bất kỳ nhu cầu nào xa xỉ hơn là cơm cháo,... Chỉ còn lại nó, một mình, không đối thủ.

Dù sao, tôi cũng đâu có thì giờ để sững sờ ? Trực giác thầm bảo tôi, ấy không phải là lúc để bận bịu với một câu hỏi, một vấn đề. Nơi chấm dứt của một cơn mơ ba chiều, qúy Ngài cũng biết đấy, làm gì còn chỗ cho điều gì khác hơn là cái mệnh lệnh tê buốt : Tồn tại!

Vâng, cộc lốc và tê buốt : Tồn tại !

Sẽ chẳng ai nghĩ ra, sẽ chẳng trí tuệ ba chiều nào trả lời được cái câu hỏi : Làm sao chúng ta đã có thể chu toàn mệnh lệnh ?

Phần tôi, đã làm gì ?

Nếu từ trước giờ, điều tôi chủ yếu làm là học, và đọc ngốn, thì bây giờ, là vật vã tìm kiếm cái gì để cho vào mồm, nhai.

Không phải chỉ có mỗi tôi, mà đối với tất cả, điều đó mặc nhiên đã trở nên con đường duy nhất đúng để tự duy trì và khẳng định.

Tôi ăn, vậy tôi là.

Ngài ăn, vậy Ngài hiện hữu.

Họ ăn, vậy họ tồn tại.

Cứ ngỡ như chỉ còn điều ấy là nhân bản, điều ấy là cao cả, xứng đáng với tên gọi con người, còn lại, hết thẩy đều ngang hàng gốc cây ngọn cỏ, hết thẩy chỉ vừa tầm ước mơ cho loài bò sát. Thực tại đã hóa đơn giản biết mấy: Mọi chiều kích đều được giản lược, chỉ còn lại một, trương nở độc quyền trong cái dạ dầy trung tâm, nối liền hai cửa khẩu bơ phờ : Miệng / Hậu Môn, luôn bị đe dọa thất nghiệp. Mà lại không thất nghiệp thật sao chứ, ít ra là đối với X13, Cơ Vòng Hậu Môn; lúc này gã mới chịu im ắng hẳn đi.

Áp lực của cơn đói thật tồi tệ. Ngay từ đầu, khối kẻ đã lăn ra bệnh với những hỗn danh hời ơi. Thô thiển nhất là X03 Đứt Dây Thần Kinh Thẹn, X05 Mất Khả Năng Phân Biệt Chủ Thể Sở Hữu Các Sự Vật, hay X08 Tham, vân vân. Mà, những gã này trước đây đâu phải là không đạo đức ? Trái lại, thậm chí quá đạo đức.

Nếu tôi không ngã bệnh, cũng chỉ là may mắn thôi. Đã có lúc tôi phải cho vào mồm những thứ chẳng đáng gọi là thực phẩm; lại có lúc không còn gì để nhai, đành ôm bụng rỗng. Song về sau, tôi vẫn buộc lòng thừa nhận : Cái đói không hề là bạo chúa, trái lại, nó như một vị Đại Tiên Sư, mà những bài học khó có gì sánh nổi. Nó không chỉ nhắc nhở cho thiên hạ biết họ có một cái dạ dầy, cũng không chỉ giúp người ta không bao giờ mất ngon miệng,

mà nó còn đem lại bao khải thị, bất ngờ và bi tráng vô song !

Thứ nhất, nó đã cho thấy thế nào là một cõi người ta bốn chiều với độ cong khác không : Ở đó, toàn bộ cái cơ ngơi nguy nga, xây dựng trên những nền tảng nhẵn nhụi và chắc nịch : phép cộng Hai-Với-Hai-Là-Bốn, tiên đề Euclide, luật Newton, logic Aristote, vân vân, đã trở nên dị dạng, vô nghĩa, trước tra vấn của tồn tại, hơn nữa, tồn tại với một cái dạ dầy. Hết thẩy những chân lý lớn, chân lý bé, mà cái công trình kia hứa hẹn, bỗng hóa ra xa xỉ đến vô dụng, chẳng đáng đánh đổi lấy một thìa cháo. Trong khi ấy, chưa bao giờ thực tại lại tự biểu hiện hầu như chỉ thuần với những nghịch lý ngổn ngộn như thế : những phép cộng Hai-Với-Hai-Hiếm-Khi-Là-Bốn, những tiên đề phi Euclide, những luật phản Newton, những logic đa giá, phản đồng nhất, bất khả triệt tam, vân vân, đầy thách thức, đầy ngạo nghễ... Thế thì thôi nhé, mặc các thiên tài cứ việc phác thảo mô hình cho những Eden lý tưởng ba chiều không cong, ngày càng lộng lẫy và diệu kỳ, mặc các bác học cứ việc phát hiện lịch sử từng mm3 vũ trụ, ra sức lập phương trình cho chuyển động rơi tự do của mọi con quỷ ra khỏi Thiên Đường, hay ước tính tổng số nhiệt năng mà Thượng Đế sẽ phóng thích một khi, cuối cùng, phải bùng nổ... Những điều ấy từ nay tôi xin phép thôi không bận tâm.

Như thế có đáng tiếc không ? Cũng từ nay tôi chả còn thiết khẳng định hay hài lòng về mình (Ưu điểm đâu nữa ? Tất cả đã ký thác vào cái cơ ngơi ba chiều vừa bị phá sản ấy !), cũng thôi không buồn phát hiện, phê phán khuyết điểm người (Trong cơn đói, ai nấy đều nhanh chóng chường mặt trái của mình một cách trâng tráo và tuyệt vọng, thách thức mọi phê phán !)

Chỉ tội nghiệp làm sao cho niềm tin (nếu còn gọi được như thế) của tôi. Vốn đã khiêm tốn lánh vào một xó xỉnh nào (chắc là cùng một lúc với đợt co thắt thứ bẩy của dạ dầy ?), thì đến lúc này nó hẳn không thể không tự biết mình lạc loài. Những gì tôi đã từng chiêm ngưỡng và thán phục giờ đây chỉ còn được tìm thấy là xa lạ. Ít nhất ấy cũng là cảm tưởng của tôi trong một khoảnh khắc nọ, bất giác ngoảnh lại, bắt gặp cái chỉnh thể Eden bằng giấy, ngổn ngang những chân dung cùng sách vở. Kìa, tất cả vẫn còn đấy, vẫn thừa Trí Tuệ và Thẩm Mỹ, vẫn mỉm cười hay đăm chiêu, nhìn ra từ những mặt phẳng thẳng đứng của cái không gian lý tưởng, song than ơi, có biết gì về cái thế giới nghịch lý của tôi lúc này ? biết gì về một chiều kích thứ tư mà biểu tượng vẫn chưa thể ngã ngũ ra được là thời gian hay là cơn đói ? và hơn nữa, biết gì về cái mệnh lệnh cộc lốc và tê buốt của tồn tại hôm nay ? Chẳng hiểu sao bấy lâu tôi đã có thể nằm mơ chia sẻ một thế giới đại đồng với những thần tượng như thế, hoàn hảo và bất khả xâm phạm đến tàn nhẫn, chẳng hơn gì những tồn tại thuần sự vật !

Dù sao ấy vẫn không phải bài học duy nhất tôi đã lãnh hội từ cơn đói. Điều sau đây nó khải thị còn bất ngờ và bi tráng hơn : Lòng căm thù. Ồ vâng, về chuyện này, tôi có cần nhắc lại mạch lạc hơn không ? E quý Ngài lại không nhớ rõ hơn ai hết á ? Phải, ngày ấy, ngay giữa vũng xoáy của cơn đói, đã xuất hiện X59 Ông Cứu Thế, cùng hai môn đồ trung kiên, X60 và X61, uy nghi như một con mắt bão.

Đúng lúc tôi cùng với niềm tin sắp sửa bị nhận chìm thì X59 bỗng mở mắt và giang tay (vẫn không đùa, cố nhiên !), đề xuất cho tất cả mọi người một cận ảnh Eden mới, Eden collectif : một mô hình tổng hợp mới, mà trình độ và công cụ, lực lượng và quan hệ xây dựng không đòi hỏi gì hơn là những búa, những kìm, những đinh, những ốc, những cưa, những đục, những đẽo, những bào, những cày, những bừa, những xẻng, những cuốc, những mai, những thuổng, những hái, những liềm,... còn mỗi thành viên thì chỉ cần hội đủ hai (và chỉ hai) tiêu chuẩn định tính này : Đói / Căm thù. (Có đúng lai lịch sinh học của thủy tổ của X59 đã đóng ấn lên toàn bộ tư duy lí luận của gã không ? Ai đó đã buột mồm hỏi, tôi nhớ).

Đói thì tốt làm sao, ai cũng biết rồi. Ngày nào, từ một cái loa công cộng đâu đấy, lại chả sa sả cái giọng cực tốt của X60 đạo văn Phúc Âm của Luca, chương ấy, đoạn ấy, câu ấy : Phúc-a cho-a ai-a đói-a khát-a vì-a thế-a giới-a mới-a đại-a đồng-a là-a của-a họ, còn-a khốn-a cho-a các-a ngươi-a là-a những-a kẻ-a đang-a no-a đầy-a sung-a túc-a vì-a ấy-a là-a tha-a hóa-a là-a phản-a ...

Nhưng còn căm thù ? A, lần đầu tiên tôi mới vỡ lẽ, Eden sao mà nhiều kẻ thù. Cũng lại vẫn X60 mỗi ngày nheo nhéo nhắc nhở mọi người hãy cảnh giác với kẻ thù đủ loại (loại nào cũng thâm độc) : Chung-a riêng-a gần-a xa-a trong-a ngoài-a tả-a hữu-a ngày-a đêm-a sau-a lưng-a trước-a mặt-a trước-a mắt-a lâu-a dài-a tinh-a vi-a thô-a thiển-a lẩn-a quất-a công-a khai-a khoan-a nhượng-a được-a không-a thể-a khoan-a nhượng-a trên-a trời-a dưới-a đất-a ngoài-a biển-a quá-a khứ-a hiện-a tại-a tương-a lai-a đã-a đang-a và-a sắp-a dãy-a chết-a vân-a vân.

Thôi hãy khoan hỏi gã này đã đào đâu ra đủ năng lượng cho một sự nghiệp hùng hồn đến chóng mặt thế, cũng như hãy khoan hỏi, tại sao căm thù lại nghiễm nhiên trở thành một yêu cầu triệt để và sâu sắc của một Eden mới như vậy, khi mà đã trở nên xa xỉ ngay cả một lượng calorie tối thiểu, khả dĩ giúp con người duy trì thể trọng trên hai chân, gia hạn cho nó cái thế đứng độc đáo, đủ để tiếp tục bám víu lấy cái tên gọi cao sang nhất trên bảng phân loại các động vật có vú ?! Qúy vị không chịu hiểu ? Chậm hiểu ? Chả sao hết : Đã có cây gậy của X61 Nhà Hộ Giáo Độc Đạo Nghiêm Túc, giúp cho mọi

chân lý hóa ra dễ hiểu.

Không bao giờ tôi quên được, chính vào thời điểm này, X13 Cơ Vòng Hậu Môn đã phải nhập viện. Gã cũng là một trong những đứa đầu tiên được đem vào đây giao cho qúy Ngài điều trị ở Khu Nội Trú này. Ngày ấy, âm ỉ tích cóp được năng lượng từ đâu chả hiểu, gã đã lanh lảnh đánh liền ba phát rắm thượng hảo hạng vào đúng lúc bài diễn văn của X60 đến hồi hùng hồn, cảm động nhất. Cố nhiên rồi, đấy là dịp quá tốt để X60 đào đất đổ gã đi : Nhà Hộ Giáo X61 đã trỏ phắt cây gậy vào Cơ Vòng Hậu Môn : Đấy, người bệnh ! Một toán áo trắng lập tức vây ào đến. Và thế, gã được đem đi.

Cũng may mắn thay cho tôi, vẫn không ngã bệnh.

Như vớ được cọng rơm, tôi đã đâm ra tận tụy với cái việc căm thù kia biết mấy. Cũng hệt trước đây đã từng tận tụy với cái chỉnh thể Eden bằng giấy vậy. Để bù lại phần nào cái khoản trống rỗng của một niềm tin vừa phá sản ? Quả cũng có lúc cái áp suất tạo nên nhờ một mối thù công cộng nào đó rất có thể khiến cho bầu khí hậu, ít hay nhiều, dễ chịu hẳn, chẳng kém cái bầu khí của một giấc mơ đại đồng. Dù thế nào, tôi cũng không chối là đã đáp ứng hết lòng cái yêu cầu triệt để và sâu sắc ấy của một Eden mới. (Tôi cũng có quyền là một thằng hèn chứ ?) Vâng, có thể tưởng tượng không, tôi đã vận dụng đến nơi đến chốn lòng căm thù, phân phát nó cho từng đối tượng một cách chính xác và đúng mực đến thế nào. Dù có hay không có miếng nào vào bụng, tôi cũng vẫn kiên cố như vậy. Kẻ thù thì nhiều, lại đa dạng (thì đấy, vẫn được X60 nheo nhéo, có lúc tru tréo, cảnh giác mỗi ngày : Có ít nhất không dưới ba mươi sáu phạm trù bất cộng đái thiên cả thẩy), thừa sức thay thế cho cái danh sách một nhân loại mới của tôi hôm qua.

Mãi tôi vẫn chưa quỵ ngã, đối diện với từng ấy kẻ thù. Chỉ sút nhiều kílô, héo quắt lại. X59 cùng các môn đồ yêu dấu thì cứ người thủ thỉ kẻ sa sả : Nào-a cố-a lên : Chúng-a ta-a sắp-a về-a đến-a đích. Thế-a giới-a mới-a đại-a đồng-a chỉ-a còn-a cách-a có-a một-a bước. Còn tôi thì đã bủn rủn cả người, hoa cả mắt.

Còn những một bước ? Thôi, không kịp rồi. Tôi tự nhủ. Cho đến một hôm tôi bỗng dưng không còn phân biệt được đâu là đói với đâu là căm thù nữa. Chiều kích thứ tư của tôi bây giờ nặng trĩu, cong oằn dưới trọng lượng của một biểu tượng tam trùng : Thời gian / Cái đói / Căm thù. (Tôi những tưởng thực tại có được một độ cong khác không là bởi chính lý do này đấy, trời đất !). Vâng, còn tôi thì đã bủn rủn cả người, hoa cả mắt,...

... Hôm nay nhớ lại mới hiểu, chưa bao giờ tôi đã ở vào một tình trạng hiểm nghèo đến thế : Từ ấy đến chỗ loạn trí chỉ còn có nửa bước. Cơ mà, tôi đã thoát hiểm. Nhờ đâu ?

Ồ, thưa qúy Ngài,

Nếu tôi có phải cảm tạ cái đói kia vì một lý do nào khác nữa thì ấy cũng chính bởi nó, đúng vào cái khoảnh khắc hiểm nghèo này đây, đã bằng một đợt công hãm quá đà, khiến tôi đột ngột mất trí nhớ.

Phải, tôi đã tạm quên phắt từng ấy sự việc trên đời, quên phắt đã có một niềm tin thình lình phá sản, quên cả bầu áp suất dễ chịu của một mối thù đại đồng, kèm theo cái danh sách lê thê của ít nhất ba mươi sáu phạm trù bất cộng đái thiên, đeo cong oằn cả cái chiều kích đệ tứ của một ...Vâng. Quên . Quên. Và ...Quên.

....

Cuối cùng, còn lại gì ? Có lẽ chỉ một dúm năng lượng (bao giờ cũng hiếm hoi) để dành cho đôi ba dạng hoạt động tối yếu, trực tiếp trả lời cho cái mệnh lệnh tối thượng, không đòi hỏi nhiều trí nhớ : Tồn Tại !

Tôi sẽ không bảo ấy là kỳ công, song nói cho công bằng, chẳng phải bất cứ ai cũng có thể quên đúng mực thế. Vẫn thường được nghiệm rằng : Ai không quên, người ấy trả giá, nhưng mà, cũng rất đúng cả điều này nữa : Ai quên quá mức cho phép, xin trả giá gấp đôi. Tôi biết, có ít nhất hai ca đã phải đưa vào đây điều trị : X19 và X20. Vào thời điểm đang kể đây, gã X19 nọ, thay vì phải quên, đã khư khư giữ chặt lấy mọi thứ trong đầu, trong khi X20 kia, lẽ ra chỉ quên vừa đủ, lại đi rũ sạch bong ký ức. Thế thì cũng rất phô, đúng không? Dạo đó, cả hai đã phải một phen chữa chạy. (Nếu tôi không lầm, họ đã khỏi rồi chứ, nhưng chẳng hiểu sao vừa qua đã thấy trở vào đây với bệnh trạng hoàn toàn trái ngược : X19 Quên Nhiều Quá, còn X20 Nhớ Quá Nhiều. Họ đã lạm thuốc à?).

Dù sao thì dù, cả phen này nữa, tôi cũng thừa may mắn, không phải điều trị. Cây gậy thần của X61 vẫn chưa trỏ đến tôi.

Vào cuối giai đoạn này, khi trí nhớ tôi dần hồi phục, trận đói vẫn còn đó, vẫn kiên trì làm một với thời gian, làm một với lịch sử, song đã hết gay gắt, và có cơ chuyển sang mãn tính. Mọi sự thì hầu như vẫn thế, ngổn ngang, bề bộn giữa những nghịch lý đầy thách thức, đầy ngạo nghễ, mà nguồn gốc cối rễ vẫn còn nguyên vẹn là một bí ẩn sáng thế đối với tất cả, chẳng khác gì cái câu hỏi về độ cong của thực tại. Riêng mối thù đại đồng là biến dạng, hạ áp đi rất nhiều; thôi thì, năng lượng vẫn còn khan hiếm tồi tệ, cũng nên tạm miễn cho nhau cái tiêu chuẩn định tính rất đổi tốn sức kia, khi phân loại các động vật cao cấp và tiên tiến hạng nhất, phải không ?

Phần tôi, thế kỷ XX vẫn chưa kịp khép lại; nhưng bây giờ còn gấp rút nữa làm quái gì ?

CHÍN

Phen này e nó cũng phải phẫu thuật như mày ?

Ai ?

X49, chứ ai.

Chưa chắc. Nó đã ngốn nhiều, nhưng phần lớn vẫn chỉ là kiến thức giáo khoa. Chưa kịp động đến tầng hai của thư viện thì đã bị trận đói cuốn đi, nó thề không đọc nữa.

Mày nói, nó chê sách hử ? Tao cho chỉ tại đói. Lúc ấy chỉ còn có ăn. Je mange, donc je suis. I eat, therefore I be. Ai cũng thế. Ai cũng bước vào phòng ăn, kính tín như một tín đồ bước vào thánh đường, nhưng xong rồi, thì đâu lại vào đấy.

Nhưng thằng ấy đã không thể đâu lại vào đấy.

Thế tao hỏi, cái công thức của nó ở đây lâu nay là gì ? Giấy vệ sinh chắc?

Thì đã đành cũng lại là sách, như anh như tôi thôi. Nhưng tôi biết, nó chỉ để mắt cho qua. Nhất định, nó chỉ đọc vờ thôi. Vả, anh không hiểu, vấn đề của nó không phải là đọc hay không đọc, mà ở chỗ khác.

Chỗ nào ?

Nó bị nhiễm độc nhị nguyên của Phương Mặt Trời Lặn.

Nói cho sang thôi, chứ đứa đếch nào chả nhị nguyên. Không nhị nguyên thì làm gì có thế giới văn minh ?

Cứ cho là như thế. Nhưng mà, ấy chỉ là nẻo đi. Người ta phải biết cả lối về.

Biết đâu là lối về ?

Nhất Nguyên ấy.

Chỉ toàn chữ với nghĩa. Ai mà nhất nguyên được, trừ ra là những Buddha, những Christ của mày ?

Ở đời còn bao nhiêu người hiền, bao nhiêu thánh, bao nhiêu bồ tát vô danh, ai biết đến ? Những con người ấy có thể không hiểu, nhưng vẫn sống và thể hiện nhất nguyên vậy ? Trước những kỳ quan này, mà cũng chỉ trước họ thôi, tôi sẽ kính cẩn ngả nón, nghiêng mình.

Mày muốn nói những Ông Thiện, những Thạch Sanh ấy phỏng?

Đâu ! Những vị ấy thì chỉ tồn tại trong sách giáo khoa thuở ấu thời, còn những con người của tôi, chẳng sách giáo khoa nào mô tả hay minh họa cả; anh chỉ có thể tìm thấy họ ngay trong cuộc sống lầy lội này.

Nhưng bọn họ có gì hơn người, mà mày phải ngả nón nghiêng mình ?

Không gì hết, chỉ có Đức lớn, là tôi sợ.

Thế, những thần tượng Trí Tuệ và Thẩm Mĩ của X49, mày không cúi chào à ?

Không, Tài Năng, Mĩ Mạo tôi chả coi ra gì. Tôi nói rồi, tôi chỉ sợ Đức lớn.

Nhưng X49 ? Nó thì có liên quan gì vào đấy, cái vụ những kỳ quan Đức Lớn của mày ấy ?

À, có chứ. Tôi muốn nói, ấy là tất cả những gì nó cần để giải độc, mà chưa tìm thấy.

Còn mày, đã tìm thấy, mà cũng phải vào đến đây thôi ?

Đúng. Nhưng ai mà chả phải một lần vào đây ? Chính bởi vậy, con đường truyền thống đó của Phương Mặt Trời Mọc đối với tôi lại càng trở nên thiết yếu. Giả dụ không kịp tìm thấy nó, ắt chỉ một phen đại phẫu cũng đủ làm tôi tiêu vong. Chắc anh cũng thừa biết, cái thuận lý nghiêm nhặt của một thằng điên còn khủng khiếp gấp bội, so với bao nghịch lý khác trên đời.

Ha ! Rốt cục, chẳng hóa ra, an toàn nhất ở đây, lại là mày ?

Làm gì được vậy ? Cố nhiên có một đứa, tạm gọi được là an toàn nhất, song theo mọi cách hiểu, vẫn không phải tôi.

Thế thì ai ?

Anh đoán xem. Cũng chỉ trong phòng X này.

MƯỜI

Thế, tôi còn nhớ mình thuộc số những kẻ cuối cùng rời khỏi cái bàn ăn vĩ đại. Tuổi đã hăm lăm.

Cũng đã khởi sự cho tôi chặng đường sau hết. Nhưng mà, tôi chẳng buồn chuẩn bị. (Đúng thế không, có gì để gấp rút nữa đâu?). Tôi còn tự cho phép ngồi nán lại, tò mò nhìn mọi người xô ghế đứng lên với bao thái độ lạ lùng.

Họ vẫn đủ số, nhân loại của tôi. Chẳng ai đã chết trong suốt thời kỳ thịnh trị của cơn đói. Bây giờ tất cả lại hoàn hồn, gượng nhẹ gom góp mớ năng lượng tả tơi, đầu tư cho những công việc, những sự nghiệp riêng. Dù sao mỗi người ít nhiều đã thấm thía bài học của nó, cơn đói; từ nay sẽ luôn in đậm cái dấu ấn của bậc Đại Tiên Sư trong mọi hoạt động con người, đa dạng đến đâu cũng thế thôi.

Đầu tiên rời khỏi bàn ăn là một nhóm với vẻ quả quyết. Song, lại chỉ để sà ngay vào một bàn uống.

Qúy Ngài sẽ bảo thế là lố bịch ư ? Chẳng qua họ chỉ chứng minh thêm lần nữa : Ý nghĩa của tồn tại chỉ có thể được tìm thấy ở đâu đó trong ẩm thực.

Chưa chắc vừa rồi họ đã bị thử thách khắc nghiệt hơn tôi, đã phải cho vào mồm nhiều hơn những thứ chẳng đáng gọi là thực phẩm, hay phải trải qua lắm hơn những phen ôm bụng rỗng. Chủ yếu chỉ vì ở những kẻ này, qua giai đoạn vừa rồi, thực tại đã vĩnh viễn giản lược thành một chiều kích, nối liền hai cửa khẩu : Miệng / Hậu Môn, bơ phờ hay không bơ phờ.

Nhóm thứ nhì, những nhân vật còn quả quyết hơn, lao vào trò chơi lớn: Săn tiền.

Qúy Ngài sẽ khó tìm được nỗi đam mê nào hơn thế (So sánh về mức độ triệt để và sâu sắc, mối thù đại đồng trước đây chẳng là gì hết !). Đáng nói nữa, nhóm này dường như được ngưỡng mộ hơn cả (ngấm ngầm hay công khai). Không thiếu kẻ xem họ là minh triết nhất. Thì đấy, phải thủ đắc một bản lãnh nhận thức phi phàm thế nào về Thực Tại Chiều Kích Luận thì họ mới có thể hóa giải thành công bao nghịch lý, bao phép cộng Hai-Với-Hai-Hiếm-Khi-Là-Bốn, bao tiên đề phi Euclide, vân vân, đầy thách thức, đầy ngạo nghễ, và buộc tất cả phải phục vụ cho sự nghiệp làm bão hòa các túi lớn túi bé của mình, đúng không ? Tuy nhiên, vẫn có kẻ đánh cuộc, thực chất nhóm này cũng chỉ là một biến thể của nhóm trước, nghĩa là cũng sẽ thay nhau kế thừa cái điểm hẹn của những X03, X05, X08... hôm qua.

Thứ ba, nhóm của những kẻ đã kịp triệu hồi một nhu cầu rất trọng đại, vừa rồi phải tạm lưu đầy biệt xứ : Truyền giống.

Xin phép gọi thế, cho chính xác và bình đẳng với muôn loài, cho dù con người ta vẫn không đồng tình với cái lẽ giản dị ấy; hầu hết cứ phải vẽ vời cho nó một bộ cánh nên thơ mệnh danh này khác. À không, xin các trạng sư của thần Cupidon hãy khoan lên tiếng. Ở đây tôi không có ý bảo ai phải đọc qua Métaphysique de l'amour, không buộc ai phải thừa nhận mình bị đánh lừa bởi mệnh lệnh của chủng loại, hay bị gène xỏ mũi gì gì cả; chỉ yêu cầu chúng ta hãy tỉnh táo lên một chút, và đừng có thẹn chữ. Vâng, chúng ta hãy tỉnh táo lên một chút, nếu không sẽ đừng mong kiểm soát, đâu là lòng nhiệt thành chu toàn nghĩa vụ đối với giòng chủng, làm sao để nối dài được mãi những thế hệ sánh vai nhau trên bảng phân loại các động vật cao cấp hạng nhất hay góp mặt vào một giấc mơ đại đồng giữa cõi người ta, với đâu là thói hào phóng phân bố nòi giống cách vô tội vạ, rốt cuộc chỉ làm tăng gia tốc, hướng về cái đích nhân mãn của đầu thế kỷ XXI.

Ngày ấy, không ít kẻ đã gia nhập nhóm này, đúng không? Cố nhiên rồi. Sau mỗi biến cố nghiêm trọng như binh lửa hay cơ hàn, mệnh lệnh của chủng loại bao giờ lại chẳng phải một phen độc đoán và hàm hồ hẳn lên ?!

Đứng dậy khỏi bàn gần như cùng lúc với nhóm vừa kể là một nhóm khác, mặt mũi xanh xao. Nhóm này tôi biết rõ, rõ đến nỗi đoán ngay được

điều họ sắp làm : Đi và vùi đầu vào nơi mà tôi đã rời bỏ, những thư viện, cùng với bao kệ sách. Thật đấy, họ lại học, học và học. Vâng, và đọc ngốn. Vừa qua, họ đã trở nên xanh xao quá, không chỉ tại đói , mà còn bởi vẫn âm ỉ cái hoài bão vốn đã ngỡ phải câu lưu vô thời hạn này đấy.

Tôi đã nhìn theo cho đến khi họ, đầy vẻ kính tín, mất hút hẳn vào những không gian ba chiều không cong ấy, mà không khỏi thở ra. Ngày trước tôi cũng đã từng thế, phải không ? Giờ đến lượt họ. Thôi thì ai nấy cứ việc tiếp tục cái quá trình tiến hóa dở dang của mình. Cầu mong cho họ, đã có cái âm hưởng mãn tính của trận đói theo phù hộ độ trì, sẽ chẳng có lí gì để phải mò mẫm trong mớ trận đồ lí tưởng bằng giấy kia lâu hơn tôi.

Thuộc nhóm thứ năm là những kẻ quay sang trò chơi sáng tạo. Phen này, chuẩn mực ưu tiên là Thẩm Mỹ, một trong những giá trị từng chịu bạc đãi nhất trong suốt giai đoạn vừa rồi.

Thật đáng kinh ngạc ! Mỹ cảm là cái gì, mà lại có thể trung thành với một số người đến thế : Chỉ cần một tích tắc lơi lỏng của cơn đói, là nó vội tìm đến ngay được !

Tôi nhớ trước hết, khi một gã nọ ngồi vào bàn phím và, chẳng thương xót gì cái dạ dầy phi thẩm âm của đám thực khách, bắt đầu dạo đi dạo lại những quãng ba chỉ thuần majeur hoặc chỉ thuần mineur, chồng chất mãi lên nhau, những hợp âm chỉ thuần augmenté hoặc chỉ thuần diminué, nghe nhộn nhạo khiếp kinh, thì lập tức, như nhận được tín hiệu, có ngay một đám đồng thanh đồng khí cùng đổ xô đi, nào đàn địch, nào vẽ vời, nào viết lách... bất chấp thái độ lạnh lùng cảnh cáo của không ít những X28, X29, X30, nghĩa là những ca mà, sau đỉnh cao của cơn đói, đã Mất Hẳn Khả Năng Xúc Động Trước Cái Đẹp, hay Có Khả Năng Không Xúc Động Trước Cái Đẹp, hay Chỉ Có Khả Năng Xúc Động Trước Cái Không Đẹp, những kẻ mà hôm nay con số thừa sức đe dọa biến bầu khí của các phòng tranh, phòng hòa nhạc, ra tẻ nhạt hơn cả cháo thiu, hay tống tiễn các tuyệt phẩm của thi văn xuống lề đường và vỉa hè, ở đấy vốn cũng đã đủ mặt mũi cùng là tên tuổi bao văn hào, bao thi bá thế giới, đang chịu số phận nạn nhân của nh ững nạn nhân của cơn đói, khiêm tốn nằm ườn dưới nắng và bụi nhiệt đới, tự liệt mình vào hàng những phạm trù đại hạ giá đầy khinh miệt...

Nói của đáng tội, không phải chỉ có những X28, X29, X30, là bất công với nhóm thứ năm này, mà ngay cả những kẻ nhạy cảm nhiều với cái Đẹp cũng không gia nhập họ. X38 nói thẳng (không ai hỏi đến, thì gã có thể không câm !) : Phần lớn bọn này chẳng có bản lãnh gì hết, ngoài việc tự chứng minh là những X33 Vĩ Cuồng, những con công không lông, nhưng lúc nào cũng ồn ào và vênh váo kinh khủng. (Có lẽ gã cũng sẽ không đủ can đảm để

ngồi lại giữa từng ấy thiên tài đột ngột đội mồ, chẳng may đã kịp giải thể mọi vết tích của tiền kiếp, ngoại trừ cái trí nhớ ngoan cường về chuyện mình là những thiên tài ?).

Gã quá lời á ? Qúy Ngài biết đấy, đối với những chuẩn mực Trí Tuệ và Thẩm Mỹ, gã này vốn khó tính chẳng kém X13 Cơ Vòng Hậu Môn (mà lúc này đã nhập viện từ khuya rồi). Gã cũng không quan tâm đến một tác phẩm nào tự nó, chỉ tò mò muốn xem diện mạo, bản lãnh, cũng như thái độ văn hóa của tác giả, ấy nhưng hầu hết tuyệt phẩm nào hôm nay cầm đến, gã cũng sượng cả người : Qúy vị này ăn cái gì mà ngôn ngữ với lại tư duy rỗng tuếch, nhẹ tênh thế nhỉ ? Cấu trúc thì rặt tuyến tính, giống hệt nhau như mặc đồng phục, mà đem so với thế kỷ mười bẩy, mười tám, e vẫn còn kém hiện đại.

Thôi mặc gã. Mặc cả bọn kia nữa. Phần tôi, xin làm đứa ngoại đạo. Đối với tôi, những từ ngữ như là Thẩm Mỹ, Mỹ Cảm, Mỹ Học, vân vân, tuy chưa đến nỗi hóa ra vô nghĩa hẳn như đối với những X28, X29, X30 nọ, nhưng cũng chả còn lý gì để phải bận bịu về cái Đẹp, xem nó như một tiêu chuẩn hàng đầu biện minh cho tồn tại nữa hết. Có lẽ, cái thời kỳ tôi có thể bị thôi miên vì nó đã qua hẳn rồi, cùng với các chuẩn mực đo lường Chân/ Ngụy, Chính/ Tà, Thiện / Ác, Mỹ / Xú, này nọ, gắn liền với cái Khu Eden thể nghiệm bằng giấy ngày xưa...

Đám thực khách, thì không kể. Nhìn chung, họ chưa thể định hướng được. Có chăng, họ đang còn bị làm cho sửng sốt bởi một nhóm khác, nhóm những kẻ lập kỉ lục về độ dời tọa độ, kinh hay vĩ.

Nãy giờ đã được điểm qua bao cách thức tự khẳng định (thì đấy : ăn uống, săn tiền, truyền giống, học, đọc ngốn, đàn địch, vẽ vời, viết lách,...) song đến lượt nhóm thứ sáu này, quả là kì dị và khiêu khích.

Phần lớn thiên hạ vẫn đồng hóa chuyện dời tọa độ (kinh hay vĩ) ở mức độ nào đấy với việc cố ý lánh mặt cơn đói, cũng như đòi hỏi những điều kiện dinh dưỡng tốt hơn. Tuy vậy không phải ai cũng thế. Một gã nọ, trước khi buông đũa, đã phân trần : Với gã, đơn giản chỉ vì không thể nào nhẫn nại hơn nữa với những nghiệp quả, tích lũy từ bao thế hệ các chủ thể lèo lái cộng đồng xấu thói, kiêu căng, và chỉ có mỗi một tài năng duy nhất là lập đi lập lại không mỏi mệt những sai lầm. (Cố nhiên, nói như vậy, gã không có nhã ý loại trừ Ông Cứu Thế cùng hai môn đồ trung kiên). Phen này, thế nào gã cũng phải tham gia lập kỷ lục mới kia thôi, cho dù cái tọa độ kinh vĩ nào đấy có hóa ra cũng lại chỉ là một địa chỉ thường trú khác nữa của trận đói chả có gì là sang trọng này.

Chỉ uổng công gã, cuối cùng, không đạt được kỷ lục nào hết. Đúng lúc người ta đang chờ gã gửi về những tín hiệu chứng minh tọa độ kinh vĩ mới,

thì gã lại lù lù xuất hiện, thiểu não ngồi vào cái Khu Nội Trú này, để điều trị, dưới danh số X40 Hoang Tưởng.

Bây giờ, ngược hẳn với tất cả những nhóm vừa kể, là nhóm thứ bẩy. Tôi nói ngược hẳn là bởi lẽ nhóm này đã hoàn toàn thấm thía cái ý nghĩa sử học của thời kỳ vừa qua đến nỗi không còn cho bất cứ trào lưu tự khẳng định nào trong số nói trên là đáng giá nữa : Chỉ cần một sát-na rửng mỡ khác của cơn đói, hết thẩy tất yếu sẽ lại ngoan ngoãn tham gia kịch bản cũ ngay thôi. Theo họ, đằng nào cơn đói cũng còn đấy, cớ sao không thiết lập sẵn một régime kiêng khem nghiêm nhặt, tiếp tục hạn chế trọn bộ các nhu cầu hồn/xác, nhất là nhu cầu dinh dưỡng, gọi là để phòng xa ? Ấy được mệnh danh con đường của chay tịnh và tiết dục, con đường Tự Phủ Định; chỉ có nó mới hòng dẫn đến an ổn thật sự và vĩnh hằng, bất chấp mọi hoàn cảnh. Đúng không, chẳng ai, cũng chẳng cái gì, có thể bị phủ định đến hai lần ?

Nhưng mà, dù thế, con đường thứ bẩy này cũng không hấp dẫn là mấy. Ai lại không muốn ổn định thật sự và vĩnh hằng, song, qúy Ngài có đồng ý, cái môi trường sống của chúng ta bấy nay thực ra cũng có khác gì một trường khổ tu bao la, luôn bảo đảm thừa mứa những cơ hội để chay tịnh và tiết dục, hà cớ người ta lại còn phải nhọc công đi chuyên sâu thêm vào một chi phái nào nữa ?

Đến đây, những kẻ còn lại như bị đặt thình lình trước một ngã bẩy giao lộ, chẳng còn biết nên chọn lựa thế nào. Con số này lại đông (không gọi là một nhóm được), rốt cuộc, thôi thì lục tục trở về những nơi mà từ đó họ đã đến đây, tiếp tục cái phận sự vẫn được gọi là tồn tại, nghiêm túc như chưa bao giờ.

Tôi không trông thấy X38. Ban nãy gã có quay sang Nhà Hộ Giáo X61, lẩu bẩu lầu bầu cái gì đấy. Hóa ra gã bảo người anh em song sinh kia làm giúp cái đơn xin tự ý nhập viện.

Một trong những kẻ cuối cùng bỏ đứng lên khác : X43 Nỗi Buồn Thế Kỷ. Tôi nhớ, sau khi quan sát với vẻ thần sầu tất cả mọi người, và sau khi buông thõng bẩy tiếng Chán ! gọn lỏn vào bẩy nhóm nọ, gã cũng đã uể oải xô ghế, uể oải đi vào nhà cầu, cố nhiên là vẫn với vẻ thần sầu không bút nào tả xiết. (Tôi không còn gặp lại gã cho đến mãi về sau, khi bước vào phòng X này).

Tôi chẳng xô ghế đứng lên, chẳng buồn đi đâu, Tôi vẫn ngồi lại, ngơ ngẩn. Vâng. Ngồi lại. Một mình. Ngơ ngẩn.

Tôi bỗng cảm thấy hụt hẫng làm sao.

Sao tôi không theo một trong bẩy nhóm kia ? Chao, sự thể đã không giản dị thế được, một phần cũng bởi trận đói ấy đấy, thưa qúy Ngài. Phải rồi,

một khi đã thừa khả năng vật chết của tôi một lượt năm nhà : một nhà học giả, một nhà tuyên xưng đức tin, một nhà cách mệnh, một nhà tư tưởng, hay một nhà hoang tưởng, thì có lí gì nó lại phải nhân nhượng để cho sống sót một nhà khác, cho dù ấy có là một nhà ăn uống, một nhà săn tiền, một nhà truyền giống, một nhà sáng tạo cái Đẹp, một nhà lập kỷ lục về độ dời kinh vĩ, hay một nhà tiết dục (nhà nào cũng vĩ đại)?

Phần khác, cũng chán chết được : Đến giai đoạn này tôi chẳng còn thiết gì chuyện tự khẳng định hay tự phủ định nữa rồi, hiểu theo một nghĩa nào đấy. Phải rồi, tự khẳng định thế nào, một khi ưu điểm mình chả còn làm tôi thích thú, khuyết điểm người cũng chả còn làm tôi kinh ngạc ? Cũng thế, tự phủ định làm sao, một khi ưu điểm người đã thôi khiến tôi háo hức, khuyết điểm mình cũng hết khiến tôi bất an ? Và, cả điều đáng buồn này : Tất cả các chuẩn mực đo lường của tôi, lúc này, xin thú thật, cũng không còn sử dụng được nữa; tôi hầu như lẫn lộn hết : Không riêng gì cặp phân cực Khẳng Định / Phủ Định kia, mà bất kỳ, chẳng hạn Chân / Ngụy, Chính / Tà, Thiện / Ác, Mỹ / Xú, vân vân, lắm khi được tìm thấy chỉ cách nhau không đầy một phần nghìn sợi tóc, lắm khi đồng dạng đến kinh hồn, chẳng khác gì những cặp song sinh... Thế, thôi đừng khẳng định / phủ định.

Còn cái đám đông kia, bảo tôi đi theo họ ? Không bao giờ. Tôi không thể nào chọn lựa tồn tại nghiêm túc như họ, hay tìm thấy một chốn nào để lui về trú ẩn như họ. Sao vậy ? Thứ nhất, sau ba chu kỳ lột xác, ba phen phá sản tinh thần, ba lần choàng tỉnh từ những giấc mơ đại đồng (hai thật, một bằng vật thay thế) bây giờ tôi không còn giả định có một điều gì đó ở trên đời có thể gọi được là tồn tại nghiêm túc. Thứ hai, tôi chưa bao giờ loại bỏ được cái ấn tượng tiêu cực, gợi nên từ cái tên gọi Đám Đông. Vâng, hoàn toàn khác xa với khái niệm Nhân Loại (mà thế này thế khác còn mang hơi hướng kịch tính sâu sắc và tích cực hơn nhiều), Đám Đông đối với tôi, bất kể lúc nào và ở đâu, cũng rất đáng ngờ; họ vô ý thức, vô trách nhiệm, đồng thời lại tạp ngã, tạp phạm trù, tạp cả chiều kích, ai dám trông cậy vào để giải quyết định hướng cho tồn tại ?

Cuối cùng, đi lui, tôi lại càng không : Ngay từ buổi đầu, tôi đã quen nết tự buông theo hướng đằng trước mặt.

Vậy đó. Lúc này tôi mới cảm thấy trống trải đến làm sao. Không còn giấc mơ đại đồng. Không điều Thiện Thập Toàn, cũng không Trí Tuệ, không Thẩm Mỹ, không cả một mối thù chung.

Tôi cứ ngồi vậy, và chợt hiểu. Một cơn đói ở đỉnh điểm gay gắt nhất cũng còn dễ chịu hơn thế, miễn người ta còn cảm thấy thuộc về đâu, phải làm gì, ở đâu, với ai... Lúc này đây, tôi chỉ còn một con số không. Cực lớn. Và

vô nghĩa. Có thể nào ấy lại là lời giải đáp cuối cùng của một Chiều Kích Luận? Và của tồn tại tôi ?

Đột nhiên tôi thấy tối sầm. Hiện ra trước mắt tôi những con số không. Cực lớn. Rồi là những mặt tròn đồng hồ. Cực lớn. Đánh số ngược. Cũng với hai kim dài ngắn chạy theo chiều qui ước, song ấy là thời gian chẩy ngược. Thị kiến thật lạ kỳ ! (Vâng, cho đến giờ tôi vẫn tin ấy là một thị kiến). Tôi đứng tròng mắt, há hốc mồm, chực hét, nhưng không thể. Tôi thấy tôi đang bị nuốt chửng vào một không gian, một thế giới kinh dị : Tiềm Thức Của Một Thằng Điên. Thế rồi, đột nhiên tôi vùng tỉnh, mồ hôi lạnh ngắt,...

Đến lượt rồi ư ? Tôi thừ người. Lần này, thì đừng ! Và tôi bắt đầu chờ. Chờ X61.

Không, tôi không giống X38. Gã kia đã tự đề xuất giải pháp nhập viện, trong khi tôi thấy rõ ràng gã không có vẻ gì là phá sản, hay bị tát cạn cả. (Nhờ một phép mầu âm hiểm nào của Phương Mặt Trời Mọc, như gã từng gọi thế, mệnh danh Nhất Nguyên ? Ấy là gì ? Hẳn nó phải ở những tầng bên trên nữa của thư viện, mà ngày ấy tôi chưa kịp chạm tay đến ? Chớ gì tôi có thể, lúc này, liếc vào đấy một giây ? Song, muộn rồi. Câu hỏi của tôi đành bỏ ngỏ.)

Không, tôi không như X38. Tôi chờ cây gậy của X61 chỉ vì một lẽ: Tôi không thể làm gì khác. Ừ, thôi thì X61 !

Song, gã chưa đến. Nhà Hộ Giáo Độc Đạo Nghiêm Túc đang còn rất bận.

Vừa rồi, sốt sắng dắt người anh em song sinh vào Khu Nội Trú này, chu đáo gửi gắm xong xuôi đâu đấy, gã trở ra, vẻ hân hoan sáng rỡ như mới hoàn tất được một việc thiện nhất đời. Xong, gã lại quay về tất bật với công tác lùng sục, trỏ phắt gậy vào mặt người, rồi sốt sắng lôi đi...

Nhưng mà, gã chưa để mắt đến tôi.

Có lúc, gã đứng cạnh X60 Nhà Hùng Biện, tay gậy tay nạnh, nghiêm túc như chưa bao giờ, trong khi đồng đạo của gã đang thừa mệnh sư phụ, đăng đàn thuyết pháp. (Hôm nay Nhà Hùng Biện đang xoen xoét rất hay về những hạn chế tư tưởng của các ông Thích-Ca và Giê-Xu trong sự nghiệp xóa-a bỏ-a người-a bóc-a lột-a người, cũng như vai trò tòng phạm của các ông này trong các vụ việc nghiêm trọng, gây cản trở không cho tiến tới làm-a theo-a năng-a lực-a hưởng-a theo-a nhu-a cầu, và gã phân trần, ấy chính là lý do tại sao cái Hình Thái Kinh Tế Xã Hội Thứ Năm kia, một Eden ra Eden, với hai vế, một bên là búa-a kìm-a đinh-a ốc, còn bên kia : mai-a thuổng-a hái-a liềm này nọ, xem ra đã quá sức đề huề, môn đăng hộ đối chan chát đến như thế, lại cộng thêm cái tiêu chuẩn kép lý tưởng Đói / Căm Thù từ bấy, mà cứ phải trì hoãn mãi đến giờ vẫn chưa thể đem ra trình làng cho đúng hẹn

được).

Còn gã, thì chưa thèm để mắt đến tôi.

Sư phụ gã đâu ? Ở, đâu rồi ? Đang chủ tọa một khóa hội thảo chuyên đề nào ? Hay đang lặn sâu, vận dụng một phép biện chứng li kỳ nào ? Nhất định, Con Mắt Bão phải đang làm gì đó, ở đâu đó. Tồn tại cũng như lịch sử nhân loại đâu đã được định hướng và phê phán xong ? Mô hình tổng hợp mới của Eden đâu đã nên hình nên thù ? Kẻ thù đủ loại (loại nào cũng thâm độc) đâu đã được dẹp tan? Thế, sứ mệnh lớn, sự nghiệp không đùa của Ông Cứu Thế đâu đã thể nào hoàn tất ? (Mãi về sau, người ta mới vỡ lẽ, nhân vật chính diện này, vào thời điểm ấy, đang bận bịu cái gì).

Cơ mà, X61 của tôi vẫn chưa... À, mà không, xin lỗi, gã kia rồi.

Sao thế kia ? Nhác trông thần sắc tôi, gã không dấu được phấn khích. Tôi không buồn quay lại, tuy vẫn lễ độ :

Thưa, tôi buồn ói. (Tôi còn nhớ rõ, thật sự tôi chẳng buồn gì hết, nhưng sau đó có cảm thấy buồn ói bởi chính câu trả lời của mình, song cũng không nhiều).

Gã kia bật lui ba bước, trợn mắt nhìn, xong, tất tả chạy đi...

Chờ gã quay lại, lạ thay, tôi không nghe bồn chồn, hay lo lắng, cũng không cả sợ hãi. Tôi chỉ thấy một cái gì chói chang quá đỗi, đến nỗi phải tháo kiếng, khép bớt mắt lại, mệt mỏi...

Tồn tại có những lúc như thế này ư ? Có những lúc bị đặt trước một song luận nghiệt ngã : Hoặc tìm thấy một giải pháp, hoặc suy sụp, tiêu vong? Giải pháp gì ? Những câu hỏi, trong một khoảnh khắc, bỗng tái hiện hỗn độn trong tôi, mặc dù vẫn biết chẳng còn để làm gì nữa hết. Cùng lúc, cũng tái hiện cả câu trả lời của X38. Ở, giải pháp cũng cộc lốc và tê buốt, câu trả lời cũng bất ngờ và bi tráng đến làm sao ! Ở, thì thôi ? Để cho thảnh thơi, hãy đặt hẳn một dấu đẳng thức vào giữa hai vế của các cặp phân cực mà vốn gần đây tôi đã bắt gặp lắm khi chỉ cách nhau không đầy một phần nghìn sợi tóc, lắm khi đồng dạng đến kinh hồn ? Và cái thế giới này, tự nảo nào vẫn thế, và sẽ còn mãi thế, chẳng có gì là thuận lý, cũng chẳng có gì là nghịch lý, hãy thôi quan tâm ? Và tồn tại, cứ việc là một, là n, hay là phi chiều kích, hãy thôi luận bàn ? Và một mai, cho dù có tìm thấy.....

Mà thôi, chẳng để làm gì. Gã kia đã trở lại. Đi cùng với gã là một toán áo trắng, vẻ lạnh lùng. Họ đứng choán hết các lối ra. Gã, trỏ thẳng cái gậy về tôi, nhanh nhẩu :

Đấy !

Và thế, tôi được đem đi, chưa kịp đặt xong câu hỏi, và cũng không cần nữa.

MƯỜI MỘT

Mày bảo sao ? chính thằng anh qúy hóa của mày? mày đùa ?

Tôi đâu đùa ?!

Ha ! X61 Độc Đạo Một Chiều Nghiêm Túc ! Kẻ an toàn nhất! Tao không tin.

Thế anh có biết, suốt đời, y chưa thể hình dung được một không gian nào nhiều hơn một chiều kích không ?

Cái gì ? Một chiều kích á ?

Vâng. Thế giới của y chỉ là một đường thẳng nghiêm nhặt, không cần hoa văn, tô điểm gì hết, đến nỗi ngay cả cái Khu Nội Trú này vẫn còn bị y phàn nàn là quá xa xỉ, thừa thãi. Dù sao, y đã đâm ra tự chủ hẳn lên, so với lúc chưa vào đây. Anh có thể tưởng tượng, điều đó đã khiến toàn thể Bác Sĩ lẫn nhân viên ở đây phải một phen sửng sốt, thán phục đến thế nào ? Nay y được xem gần như bình đẳng với họ, nếu không muốn nói là trội hơn. Anh bảo, không tin y là kẻ an toàn nhất ở đây, phải không ? Tôi thì trái lại. Thậm chí, ngày mai, nếu y được mời khỏi phòng X, không phải để đi về, mà để ở lại, phục vụ như một nhân viên mẫn cán nhất trong Khu Nội Trú này, tôi cũng sẽ không ngạc nhiên. Không. Không một chút nào !

MƯỜI HAI

Vâng, thế, tôi được đem đi, chưa kịp đặt xong câu hỏi, mà cũng không cần nữa.

Thời kỳ cuối cùng đã khép lại sau lưng, khi tôi bước qua cánh cổng lớn nặng nề có vòm cuốn bên trên với hàng chữ đúc nổi sơn son thếp vàng chói lọi :

NHÂN DANH TÌNH YÊU NHÂN LOẠI

Người ta đưa tôi vào ở hẳn Phòng này, danh số X49. Ngày ấy tôi vừa ba mươi.

Kể từ đây, xin thôi không nhắc đến những giai đoạn đã qua. Xem như chưa từng tồn tại bao niềm tin nhân loại, bao giấc mơ đại đồng, với bao lần phá sản. Xem như chưa từng bước ra khỏi cái độc đạo nghiêm túc ban đầu, hay tham dự một trò chơi hai chiều, bẹt, dẹp, phẳng lì, và nhẵn thín, chưa từng vùi đầu vào một tháp ngà ba chiều lý tưởng không cong, với những trận

đồ chân dung ngẫu tượng, chưa từng bị cuốn phăng bởi một cơn đói bốn chiều cong oằn âm hiểm, và cũng chưa từng bị nuốt chửng bởi những con số không, cực lớn, và vô nghĩa (bao nhiêu chiều ? cong ? không cong ?) Phải, và xem như đã được khai sinh trở lại trong một thế giới khác, không liên quan gì đến thế giới bên ngoài kia. (Ai đó cứ việc bảo ấy là đáp số cho một Chiều Kích Luận, hay cho cả tồn tại tôi, cũng được.) Hôm nay, tôi chỉ còn thấy, biết có mỗi nó, thế giới mới ấy của tôi, với cái tên gọi ba âm tiết cụt ngủn : Khu Nội Trú.

Có thể nói gì về nó ?

Nếu trước kia chưa bao giờ tôi hòng hình dung, thế nào là một Khu Nội Trú, thì giờ đã rõ rồi, vâng, ấy đơn giản chỉ là một mô hình Eden thể nghiệm, thô thiển đến mức táo bạo, một không gian chủ yếu một chiều kích (cũng có khi là hai, không độ cong, cố nhiên, còn ba thì họa hiếm) toàn bộ được xây bằng bê tông cốt thép, cửa chấn song cũng bằng thép, một công trình mà X59 Ông Cứu Thế là một trong những kẻ đã dầy công sáng lập, với nhã ý thúc đẩy nhanh quá trình tiến hóa của nhân loại tiến tới đích điểm là cái Hình Thái Thứ Năm (chứ đợi cho thiên hạ tự giác thì biết đến bao giờ !).

Bước vào đây, tôi (hay bất cứ ai) cũng chỉ còn mỗi một nhiệm vụ : Ngoan ngoãn đặt mình dưới một régime được gia giảm khi thế này khi thế khác. Ban đầu, cố nhiên rồi, luôn luôn là Valium 10 (hay Librium 10), Insidon, Binoctal, Holopéridole, Lucidril, Actane, vân vân. Rồi sau đó : Đọc. Đọc. Và Đọc ! (Thật không thể tưởng tượng điều này, làm sao tôi đọc nổi nữa ?!) Mà đọc gì ? Đây : Tất cả những gì nghiêm túc nhất trong cái thư viện ở chỗ này : Từ Mối Quan Hệ Biện Chứng Giữa Vật Chất Và Ý Thức, hay Tính Ưu Việt Của Hình Thái Thứ Năm, cho đến toàn bộ Tuyển Tập (cả thẩy đâu những băm bốn băm nhăm tome gì đó) của Ông Cứu Thế, trong đó có những tome dầy cộm, chứng minh một cách hết sức thuyết phục rằng : Một tác phẩm văn học chân chính phải có khả năng nhân đạo hóa con người, hoặc Tẩu pháp của Bach rất giầu tính chiến đấu và tính yêu nước, hoặc Rau muống bổ hơn thịt bò, vân vân. Xin không hỏi tại sao lãnh vực nào Ông Cứu Thế cũng uyên bác và lắm uy tín đến vậy, chỉ cần nhớ vai trò của Ông đối với Khu Nội Trú này (và cả Thư Viện của nó nữa, dĩ nhiên !). Tuy vậy, vẫn lạ ở chỗ những vấn đề tôi được chỉ định đọc hôm nay đâu có liên quan gì đến tình trạng tôi? (Có chăng nó chỉ có thể khiến cho căn bệnh buồn ói kia, nếu có, càng hóa ra tồi tệ hơn thôi, đúng không ?)

Chưa hết : Bên cạnh việc Đọc, Đọc, Và Đọc, còn là những giờ xếp hàng, những giờ điểm danh, những giờ trả bài, thảo luận, tự kiểm, hay kể chuyện gương tốt, thi uống thuốc chăm, đua đọc sách ngoan, vân vân. (Có khác giai

đoạn đồng ấu thuở nào? Giờ ai nấy mới hiểu, giá được như một Ông Thiện lúc thiếu thời : một điểm, một đoạn thẳng hình gậy, hình que, bảo đọc, đọc, bảo kể, kể, bảo câm, câm, bảo qùy, qùy,... thật qúy hóa xiết bao !).

Tương tự régime của tôi, ở phòng X này, còn nhiều đứa nữa, chẳng hạn X10 Cõi Thối Tha, lúc nào cũng một tay bịt mũi, mặt lộ vẻ khinh bỉ vô bờ bến, hay X15 Nhà Tham Thiền, ngày ba buổi ngồi kiết già kiên cố ở một góc phòng, mỗi lúc xả thiền đều gào lên : Tao đã đến Phi Tưởng Xứ, hoặc X25 Nhà Thơ Nhởn, cứ mỗi bách bộ lại có thể cho ra đời một câu rất trữ tình, thí dụ :Bựa ni em buồng, lộ đít âm u..., hoặc X30 Nhà Thủ Dâm, hễ đọc đến những trang kinh điển nhất trong Thư Viện, toàn thân lại rung lên vì cùng lúc, tay trái đang thủ dâm đến hồi rất quyết liệt,...

Còn những nhân vật tôi đã từng quen biết thì, tất nhiên, chạy đâu cho khỏi. Cả lũ, rốt cuộc, hóa ra lại hội ngộ ở đây. Lần lượt. Gần đủ mặt.

X43, ai cũng biết rồi, rõ tội nghiệp : Hôm đầu nhập viện, phải nuốt trọn một chương trong cái Tuyển Tập đồ sộ của Ông Cứu Thế, gã đã không kịp thốt nên một tiếng Chán ! nào, trái lại, mất ngủ hẳn ba đêm liền và, cuối cùng, xổ ra một bầy sán kinh thiên (cố nhiên là ở trong nhà cầu, điểm lánh nạn muôn đời của Nỗi Buồn Thế Kỷ).

Còn X13, dễ thương không có gì tiến bộ cả, nghĩa là Cơ Vòng Hậu Môn của gã vẫn sẵn sàng nã đạn vào bất cứ những gì gã dị ứng, bất kể ấy là giờ xếp hàng, giờ điểm danh, giờ đọc sách, giờ trả bài, giờ thảo luận, tự kiểm, hay kể chuyện gương tốt; chỉ có điều, bây giờ, sau mỗi phen như vậy, gã đều bị lập biên bản, đều phải làm bản tự kiểm, đồng thời cam kết không tái phạm.

X38 cũng là một ca làm thất vọng khác. Người ta đã tiến hành ba đợt đại phẫu, nhằm vô hiệu hóa Niềm Tin Nhất Nguyên của Phương Mặt Trời Mọc ở gã; nhưng vẫn không hiểu liệu còn phải lập lại bao nhiêu lần như vậy nữa. Dù sao, gã lại câm khi người ta hỏi đến, lại vẽ bậy trong giờ đọc, ngủ trong giờ kể chuyện, vân vân, như bao giờ.

Thế, còn nhiều nữa : X03, X05, X08, X19, X20, X28, X29, X30, X33, ... và cuối cùng, như để điền nốt vào cái danh sách vốn đã rất lê thê ở phòng X này, một hôm đẹp trời kia, bỗng nhiên đùng đùng nhập viện một lượt cả ba thầy trò X59, X60 và X61. Thật kinh khủng.

Lần xuất hiện này của Ông Cứu Thế cùng hai môn đồ yêu dấu (Tướng Sĩ Tượng toàn tập !) chẳng có gì là uy nghi hết. Chả là về sau này Ông bỗng phất lên một cách lộ liễu, và người ta kịp thời phát hiện : Ông đã thôi đoái hoài đến sứ mệnh lớn, sự nghiệp lớn tự bao giờ, bù lại, Ông bí mật lặn sâu, vận dụng những phép biện chứng li kỳ nhất, hóa giải tất cả các Thuận / Nghịch Lý, để chiếm lạm, cả công lẫn tư, lên đến hàng trăm tỉ tiền, đồng thời

còn dính líu vào một đường dây xuyên hành tinh buôn bán cửa mình cùng là các chất gây nghiện. Khi Đội Áo Trắng ập đến, Ông còn đang bận sinh hoạt chuyên đề (cũng lại không đùa !) với hai chủ nhân của hai bộ ngực long trọng, hai cặp đùi thịnh soạn, cùng hai cửa mình thật hiếu khách; những thứ này chẳng liên quan gì đến hướng đi của lịch sử cũng như vận mệnh của nhân loại hết (hoặc giả có liên quan, nhưng trên một bình diện khác, không phải bình diện mà Vị Tiên Sư khổng lồ thế kỷ XIX nào đó của Ông quan tâm). Thế thì cũng lại rất phô, đúng khôn g ?

Kẻ ngã ngửa : Ông Cứu Thế mà cũng biết kinh doanh bodydoor á? Kẻ nhảy nhổm : Phải gọi là Ông Một Trăm Cơn Lũ hay Ông Một Trăm Năm Mươi Cơn Lũ, vì một cơn lũ bình thường chỉ ngốn vài tỉ tiền, còn Ông thì đến hàng trăm tỉ, còn Nhà Thơ Nhớn X25 đã có sẵn một câu rất trữ tình khác : Thử nhấc buông bảng chủa bà, thử nhì ma tủy, thử ba cựa mình. Không buồn trả lời, Ông chỉ buông mình xuống một góc, hai tay thõng, hai mắt lừ lừ (lại càng không đùa !).

Dù sao thì dù, Con Mắt Bão Của Một Thời đã khép lại.

Mà thôi, hãy khoan khen chê gì Ông. Tôi vẫn nhất định không làm điều đó ở đây đâu. Bẩy mươi chưa khoe..., đúng không ? Chỉ thương cho lịch sử, không ai lèo lái, chăm sóc, sẽ ra lêu lổng, còn tồn tại nhân loại, không người nhắc nhở, sẽ chệch hướng, sa bẫy kẻ thù thâm độc đủ loại mất thôi.

Nói đùa thế, chứ vẫn khối kẻ tiếp tục sứ mệnh cao cả của Ông. Chí ít thì trên đời cũng còn tồn tại một nơi gọi là Khu Nội Trú,như nơi này ......

....

Tôi tưởng , có thể dừng ở đây. Song, đêm vẫn còn kia (dù không là bao, nó vẫn còn), Qúy Ngài sẽ phật lòng mất, nếu tôi không tận dụng cho đến phút cuối cơn cám dỗ hiếm hoi hôm nay (Và biết đâu, sẽ chẳng bao giờ nữa?)

Sự thật, tôi cũng không biết phải nói gì. Bấy nhiêu cũng chưa đủ, mà bao nhiêu lại chẳng thừa ? Chỉ vô duyên cho giấy mực. Cho cả cái chặn giấy này (nó mới đẹp làm sao chứ, có phải được làm bằng vàng ròng không?) cùng với dòng chữ đúc nổi trên đó, mê hồn: Nhân Danh... (Qúy Ngài thông cảm, tôi vẫn bị nó ám ảnh ngay từ phút đầu ngồi vào cái bàn này, chẳng khác ngày đầu, khi bước qua cánh cổng lớn nặng nề, có sơn son thếp vàng chói lọi .) Phải.

À, mà đây rồi, tại sao ban nãy tôi lại quên không chú thích gì về cái slogan Nhân Danh.... này trong phần giới thiệu Khu Nội Trú của chúng ta nhỉ ? Tôi xin lỗi. E là sẽ thiếu sót nếu không nói thêm (nhân tiện, cho hết đêm, không phí phạm cơn cám dỗ.)

Vâng, Nhân Danh Tình Yêu Nhân Loại! Great! (Why not?) Ở đây, ở

cái Mô Hình Eden Thể Nghiệm mini lý tưởng này, giai đoạn xây dựng cơ bản xem như đã hoàn tất (không cần phải nhắc lại về trình độ cũng như công cụ xây dựng, với hai vế đề huề, môn đăng hộ đối chan chát hôm nào) để chuyển hẳn sang giai đoạn phát triển đầy thắng lợi; mặc nhiên vẫn xem như không thể thiếu cái tiêu chuẩn kép định tính cũ, nhưng bây giờ là lúc cần phải làm sáng tỏ minh nhiên thêm một điều nữa: Cứu Cánh của nó, của mô hình, một cứu cánh ra cứu cánh, nghĩa là hoàn toàn tương xứng với một Eden ra Eden, vâng : Tình Yêu Nhân Loại ! Và, rõ ràng, báu vật này phải được bảo vệ bằng bốn phương tám hướng bêtông cốt thép, cửa chấn song cũng bằng thép, đúng không? Không thể nào khác được, đúng không? Ai lại không biết, Nhân Loại của chúng ta thật fragile; nó vẫn bị đe dọa bằng mọi nhẽ : Từ con vi khuẩn mắt thường không thấy cho đến cái đuôi sao chổi khổng lồ, từ hạt sạn trong ruột thừa cho đến lỗ thủng ngoài tầ ng ozone khí quyển, từ sự mất tích của cơn ngon miệng hàng ngày cho đến sự xuất hiện những vật thể bay không xác định? Đã vậy, Tình Yêu của cái Nhân Loại ấy thì lại còn fragile bội phần hơn thế nữa, nay quyết bảo trọng nó kiên cố như cách qúy Ngài đang làm đây, là phải rồi ?! (Chứ đến như Eden thật mà cũng còn phải những hai seraphim dũng mãnh, gươm giáo chói lòa, canh gác cẩn mật nữa là ?)

Song, hỡi ơi, có một nghịch lý lúc nào cũng đúng một cách đáng buồn: Hễ thiên hạ đem cái gì ra để nhân danh một cách hùng hồn nhất, hùng hồn đến chóng mặt, thì chính cái ấy, thực chất, chả còn lại được là bao. Và nữa : Nhân loại hầu như chưa từng gặp một tai nạn nào đáng kể từ một kẻ công khai tuyên bố thù ghét họ, trái lại, hầu hết các thảm kịch hoành tráng nhất đời lại thường chỉ đến từ những vị lúc nào cũng khăng khăng đòi tỏ tình yêu đương thắm thiết con người.

Tôi có thể nghe trước qúy Ngài chất vấn : Đâu ? Có gì là không ổn? là thảm kịch ? Có thấy đứa nào ở đây nêu vấn đề gì, hay đặt câu hỏi nào đâu ? Điều này thì hẳn rồi. Cái cơ cấu không độ cong ở đây đã chặt phăng, cán dẹp, ủi phẳng, chuốt bằng mọi dấu hỏi cả rồi, và khiến cho hết thẩy phải biến ra hàng loạt các dấu chấm than, các dấu chấm hết ngoạn mục đối với ý thức lẫn lương tri con người. (Chả thế mà vừa vào đến nơi, X61- Nghiêm Túc Một Chiều Độc Đạo đã không dấu được vẻ mừng !)

(Đây, nếu qúy Ngài có được một hôm nào rảnh rỗi, xin mời ghé phòng X của tôi, lắng nghe, vào khoảng giữa khuya, một bản thông điệp được gửi đến bằng tín hiệu morse, gõ lên vách tường từ phòng bên cạnh, phòng Y, một bản thông điệp mà thực chất, theo tôi, chẳng là gì khác hơn những dấu chấm than, những dấu chấm hết. Vô vọng như le Zéro. Lê thê như l'Infini. Vâng.

..... DDEOS MEJ MAYF ... CON CAWCJ ... CHA TIEEN SW NHAF

CHUNGS MAYF CHWS ......

Phần qúy Ngài thì, cũng hẳn rồi, lại càng không bao giờ tự nêu một vấn đề, hay tự đặt một câu hỏi làm gì, phải không? Và, đã từ lâu, được xem như mặc nhiên đúng cái nội dung của những mệnh đề sau:

Tôi bị bệnh. Tôi là bệnh nhân. Qúy Ngài điều trị cho tôi hoàn toàn không vụ lợi, một chỉ nhân danh Tình Yêu Con Người. Phần tôi, con bệnh, chỉ cần một điều khiêm tốn nhất : Tuyệt Đối Tin Tưởng.

Đúng thế. Hoàn toàn đúng. Còn đặt vấn đề gì ? Còn đánh thức thiên hạ dậy làm gì; ai nấy đã được thôi miên bằng những mệnh đề như đinh đóng cột, những mệnh đề hoàn toàn chuẩn xác cả về từ pháp, cú pháp lẫn ngữ nghĩa, còn nội dung thì trong sáng, không đa tầng, không tạp kênh, không lập lờ, lường ước ? (Cứ làm như ý nghĩa của thực tại mặc nhiên có thể đồng hóa với ý nghĩa ngôn ngữ học của những mệnh đề, một lần là vĩnh viễn, không phải bàn cãi!).

Song (lại song!), vấn đề vẫn còn đấy, và ngày càng gây bối rối, bởi lẽ thứ nhất, thực tại đâu có chịu ngủ quên theo cái được phản ánh về nó trong những mớ câu chữ, bất chấp khả năng thôi miên của chúng? Và, bởi lẽ thứ hai, con số bệnh nhân được gửi vào đây ngày một nhiều. Đã hơn một lần, khách tham quan Khu Nội Trú này phải sửng sốt : Con số bệnh nhân sao mà đông! Những bản danh số sao mà dài ! (Ấy chưa kể Khu Bán Trú và Khu Ngoại Trú !) Việc này tự nó lại không nói lên một điều gì ?

.... NHAAN DANH TINHF YEEU NHAAN LOAIJ ..... CAIS LOONF ....

Lần ấy, một qBúykhách đã buột mồm gọi nơi đây là Khu Tiềm Thức Của Một Thằng Điên. (Qúy Ngài đã phản ứng lại trước câu nói, và xử sự với vị khách đó như thế nào, thôi không phải kể ra đây làm gì). Dù sao, tôi không khỏi nhớ lại cái thị kiến lạ lùng hôm nào về những cái đồng hồ đánh số ngược và thời gian chẩy ngược. (Nếu nó không chẩy ngược, làm sao tôi lại lùi trở về một cấp độ thực tại một chiều kích không cong ?)

Vâng, thị kiến ngày nào đã thành sự thật. Không cần phải lo chỉ còn cách có một bước hay là nửa bước, cũng chẳng còn kịp đứng tròng mắt với lại há hốc mồm làm gì nữa; muộn cả rồi : Tôi đã lọt hẳn vào Tiềm Thức Của Một Thằng Điên.

Trong tiềm thức của một thằng điên, qúy Ngài có hiểu, chỉ còn lại những không gian đơn, đôi (hay họa hoằn lắm mới đến con số ba) chiều kích, không độ cong. Ở đấy, mọi khái niệm phức tạp hơn thế đều vô nghĩa, thậm chí có thể đưa đến hiểm nghèo. Cũng ở đấy, nhân loại được mặc nhiên đồng hóa thô giản thành những bản danh số dằng dặc và không hề du dương,

những đối tượng đặc tuyển cho một ơn cứu độ dị thường. Và cũng ở đấy, mới xuất hiện vô số Đấng Cứu Thế, những Ông Thiện, lúc nào cũng khăng khăng đòi tỏ tình yêu đương thắm thiết con người, khăng khăng hy sinh tận tụy cho sứ mệnh khải thị về cận ảnh một Eden của thế kỷ XX, cố nhiên là phải kèm vô số tuyên ngôn, vô số mệnh đề, hùng hồn đến chóng mặt...

Hẳn người ta vẫn có khả năng tiếp tục tồn tại, cho đến tận thế, trong những điều kiện tương tự. Có chăng, chỉ phải chấp nhận một ngàn lẻ một điều khuất nhục. Nhưng mà, có mấy ai đã từng chết vì khuất nhục? Họa hoằn mới có kẻ ngất đi vì thất vọng.

Phần tôi, từ khi ở Phòng X này, chưa một lần nào quay trở lại với câu hỏi ngày xưa còn bỏ dở (Đã bảo, nó được kể như không cần nữa, phải không?) Đôi khi, tôi chỉ muốn nhếch cười; nhưng ngay cả điều ấy, tôi cũng không làm nổi. Người ta biết làm gì, một khi được tìm thấy chỉ còn lại là một con số vô nghĩa, không hơn,(thậm chí kém xa cả Con Số Không Cực Lớn thuở nào !), giữa những bản danh số, tất yếu sẽ bị lãng quên trong tiềm thức của một thằng điên ?

Thưa quý Ngài,

Đêm đã tàn (Sao nó ngắn ngủi vậy ?) mà hầu như tôi chưa nói được gì có thể khiến quý Ngài hài lòng. Thôi đành gửi lại dưới đáy lọ mực kia. Còn những trang đầu Ngô mình Sở này, ở chỗ nào không còn câu, chữ nữa, có thể tạm cho là the end, cũng không thấy nước mắt hay xác chết đâu cả, thì thôi, cứ xem như happy.

X

Viết : Jun 11,90 Sep 25,90

Sửa : Dec 06,96-Oct 14,97



NGUYỄN NAM AN

hình như

Chắc ngọn cải làn chắc thịt chắc cá
không phải em nấu nên lạ dạ ta
nửa đêm lâm râm bụng la thức dậy
thức dậy ngó trần phòng đớn đau a
Rất xa rất xa một đời yên lặng
mà gần mà gần em mắt trên vai
không mắt của ai hôm này xa vắng
tôi nhớ tiếng cười em nhớ tôi ai?
Nửa đêm tháng giêng tình không trở lại
như nắng ngày xa mưa tối đất trời
chân muốn lên xe chạy về con phố
mà nước lòng cầu bỡ ngỡ nhau thôi
Hình như là em đạp phá trong tôi
một ánh mắt xa một bước chân hồi
em chỉ một thôi mà tôi hai với
lạng quạng chia người tiếng thở dài ơi
Tiếng thở buồn em ngày xưa mưa tới
mặt trời lặng bên môi nhớ rất hồng
tôi giăng chiều lên nằm quên ngày mới
khi sợi tóc người mỏng lối đường ngăn
Có đi có đi ngày không trở lại
mà nỗi buồn thầm móc mãi chân ai
nửa đêm bước ra hiên ngoài ngóng với
một điếu thuốc mồi cháy đỏ buồn mai
Hình như đã lâu em không còn tới
cũng hình như mưa ướt đất ướt trời
tôi về bên sông làm chân cầu cối
quàng thả tay người những sợi rong trôi
Phố đỏ đèn đêm có vàng vàng nuối
lúc tối tối trời em gối vai tôi
xe lăn niềm vui một tay tóc rối
một tay giữa đời vung vít tôi chơi
Qua tháng qua năm qua thời tạm bợ
thênh thang như mây bịnh thở ai ngờ
tiếng ú ớ đêm tiếng mưa ngoài phố
em, chỉ em còn cao thấp ngày tôi

NGUYỄN NAM AN



LỆ HẰNG

CÂU HỎI THIÊN THU



Chiều Chúa nhật Hoàng vừa lái xe vừa cất giọng trầm đọc thơ tình đưa vợ xuống núi thăm phố chợ người Việt cho đỡ nhớ nhà. Mặt tôi hớn hở, mặt Hoàng cũng bớt phần cau có. Luật định rồi... ngày thường Hoàng đi làm cực về nhà có quyền nhăn nhó làm oai với vợ. Tôi xoay ghế bành nhìn ra vườn cho Hoàng mặc sức hậm hực mắng mỏ mấy bụi cây: - tụi bay lộn xộn tao chặt đầu, tụi bay ngoan cố tao dội nước sôi - rồi lặng lẽ kiếm cuốn sách bự chúi mũi vào là xong. Cuối tuần, ngày thiêng liêng của hai đứa, cấm không được trợn mắt, cấm không được càu nhàu, mặt dài mặt nặng. Cứ thế, tám chín năm nay, sống tuốt tận trên núi cheo leo thác ghềnh, cuối tuần với chúng tôi như ngày hội Tết... ăn hàng, mua đồ ăn Việt, rồi lon ton dắt nhau đi thăm bạn để được nói tiếng Việt ngọt lưỡi, nghe tiếng Việt mát gan mát bụng, đỡ bệnh hoạn, tâm thần lôi thôi. Bạn bè toàn những người thân hơn ruột thịt, tha hồ bù khú, tha hồ vung vít... bàn chuyện thiên hạ sự đỡ buồn tủi, đỡ nặng lòng nuôi "Hận Đồ Bàn" và hận nước non.

Ghé thăm người bạn được ăn bánh cuốn Thanh Trì kiểu Úc, được tráng miệng bằng chè táo khô, được ngồi ghế bành xem tin truyền hình... rồi sửng sốt... Diana tử nạn, đường hầm Pont de l'Alma rạng sáng hôm nay, chiếc Merc tráng lệ biến thành khối sắt vụn. Công nương đẹp mang tên Diana bỏ đời ngủ giấc thiên thu. Quốc bấm nút đổi đài lia lịa sợ tin vịt bầu- đài nhà nước, đài tài phiệt trả bill nối đài coi xong thảm thương túi tiền, đài miễn phí xem xong chết ngộp vì quảng cáo... đủ mọi đài, mọi bản tin, tin nóng tin vội tin dài tin ngắn. Thực trăm phần trăm rồi!

No! Ai cũng buột miệng vài tiếng no... trẻ quá sao chết uổng vậy!? Yến Oanh lẩm bẩm hỏi một mình. Quốc đứng sững bên cạnh cũng không trả lời nổi.

Đường về núi, xa lộ ì ầm chỉ thấy xe không thấy người, hết đồng không mông quạnh, rồi đường núi chập chùng. Hoàng bảo lịch sử kể cũng lạ Công Chúa An-Tư "của tôi" trong truyện Nghề Làm Vua và Diana của Anh quốc có một điểm rất giống nhau rồi cũng có những điểm cực kỳ khác nhau. Cả hai An Tư và Diana đều bị guồng máy vương quyền nghiền nát lúc còn xuân xanh phơi phới. Khác một điều An Tư cả lúc sống và khi đã chết được vương triều nhà Trần thương yêu hết mực trong khi đó không thèm nói ra ai cũng biết thừa tin Diana chết thảm ở Paris bay về, dòng họ Windsor hò dô ta khui sâm-banh ăn mừng. Chưa kể có nhiều tờ báo Ả Rập tung tin chính Hoàng Gia đã ra lệnh cho Tòa Đại Sứ Anh ở Paris tìm cách dàn dựng tai nạn để sát hại công chúa Diana. Hoàng gia e ngại sớm muộn gì cô con dâu trưởng cứng đầu sẽ tung nhiều đòn hiểm để trả thù những kẻ đã làm tan nát hạnh phúc của bà. Từ khi bị Nữ Hoàng bức bách phải ly dị chồng tan mộng làm hoàng hậu, hai cuộc tình chính thức gần đây nhất, Diana đều chọn người đạo Hồi, để trả hận hay để răn đe mai sau, ai biết nổi? Hết bác sĩ người Pakistan Hasnat Khan đến Mohamed Al Fayed... mai mốt trở thành mẹ của vua nước Anh ai cấm Diana xây đền thờ Hồi giáo ngay trong Điện Buckingham? Đến lúc đó những Sir, Lord, Lady, Quận Chúa và phe bảo hoàng xum xoe có nước tốc váy chùm mặt chui tọt xuống nhà mồ cho yên chuyện. Chưa hết An Tư ít nhất đã góp phần cản được bước tiến của quân Mông Cổ, tạo điều kiện cho nhà Trần phản công và chiến thắng ngoại xâm. Trong khi cái chết của Diana không khéo kéo luôn vương triều Windsor xuống đáy hồ đầy hoa của dòng họ Spencer phen này không chừng?!

Hàng ngàn năm trước, một nhà thơ Tàu nói người đẹp cũng như tướng tài, không bao giờ chịu để cho thiên hạ thấy đầu mình bạc. Thi sĩ Pháp Ronsard cũng viết... "Hoa hồng, nàng đã sống như hoa hồng. Chỉ một sớm mai thôi." (Et Rose, elle a vécu ce que vivent les roses. L'espace d'un matin). Hàng trăm tờ báo thời trang, có tờ nào quên nổi mục bày vẽ cho các bà các cô nghìn lẻ một phương cách níu kéo chặn bớt sức tàn phá lạnh lùng của thời gian đâu? Năm tháng là kẻ thù đáng sợ nhất của giai nhân. Mỹ nhân nào cũng não nề đánh vật với áo quần, mỹ phẩm. Chưa kể còn phải phơi thân ra cho bác sĩ hút mỡ bơm độn kềm kéo mổ xẻ đau đớn trăm bề, chỉ mong đuổi thời gian đi chơi chỗ khác. Diana hai mươi tuổi khác với Diana ba mươi. Và một bà lão Diana năm bảy mươi chắc còn khác hơn nữa. Diana chưa kịp thua thời gian. Bà chỉ thua cái chết, chính cuộc tử nạn trong chiếc xe bẹp dí, máu

đổ, mặt mày tan nát, ngực lủng, tay chân rơi rụng, đã giúp Diana chiến thắng thần thời gian hung hiểm này. Bà sẽ trẻ mãi không già, sẽ diễm lệ đáng yêu mãi mãi trong tâm tưởng mọi người. Đúng như ước vọng của Diana muốn làm một Princess of Hearts.

Anh Văn ngọng của tôi chỉ đủ đọc báo lá cải. Trong tủ sách riêng của tôi còn cả một chồng báo đăng hàng trăm kiểu hình của mấy ông nhiếp ảnh chuyên nghề nhòm lỗ khóa. Họ từng hí hửng chụp được cảnh công nương dạng chân tập thể dục, cảnh công nương hổn hển chạy bộ, cảnh công nương khốn khổ dơ hai quả tạ trăm cân lên, mím môi hạ hai quả tạ xuống. Thỉnh thoảng tôi vẫn chìa cho Hoàng xem ké, rồi cười... xem này... công nương cũng nhọc nhằn khốn đốn như em vậy... cũng vái một cái dâng tạ lên, cũng xái ba cái hạ tạ xuống: "Mệ lạy mi nhé hung thần thời gian. Xin tha cho mệ đừng tàn phá nhan sắc kiều mị của ta..."

Bây giờ Diana không cần đến những thứ lao động khổ sai lỉnh kỉnh đó nữa. Thời gian đã đầu hàng Diana. Diana đã hóa đá và biết đâu sẽ tiếp tục làm đẹp cuộc đời bằng tranh ảnh phim hình của bà, bằng tượng đá nơi công viên, bằng đài kỷ niệm, bằng tên đường phố, tên bệnh viện... Mai sau qua miệng đời thế gian mỗi lần nói đến một truyện tình buồn của hàng vương giả... người ta sẽ kể... "ở nước Anh ngày xưa có một người đàn bà quyền quý tên Diana Spencer...!"

Có hàng triệu triệu người nữ mơ ước địa vị của Diana. Dòng quí tộc, lấy chồng Đông Cung Thái Tử, may hơn nữa có lẽ nhờ mang tên của nữ thần Diana, the goddess of nature, bà không bị tắc tị hiếm con như mấy công nương Phù Tang, Diana sinh một hơi hai cậu hoàng nam cho dòng Windsor đỡ sợ người nối ngôi là kẻ ngoại tộc ma mãnh lọt vô ăn mảnh. Diana sẽ làm hoàng hậu, mai sau già phom phom bò lên chức mẫu hậu. Đời mấy ai được may mắm hơn Princess of the People.

Trong một bức hình thời còn đi học, Diana trẻ măng, cẳng dài lưng dài mặc áo thun trước ngực có in hàng chữ đầy thách thức "Tôi là một món xa xỉ hiếm người kham nổi" (I'm a luxury few can afford). Dòng Windsor đã chấp nhận lời thách thức đó. Chẳng phải vì Diana xuất chúng siêu phàm hay tuyệt thế giai nhân. Trăm sự vì dòng Windsor đang bắt đầu chìm lặn. Sợ bị thần dân buồn buồn nghỉ chơi, phe bảo hoàng vốn mấy đời cha truyền con nối hưởng bổng lộc của hoàng gia ngập đầu ngập cổ đang nao núng sợ mất dần quyền lợi kinh tế và thế lực chính trị trước trào lưu mới, sợ hoàng gia bị quên lãng họ cũng ngủm theo bèn ra tay phù phép một mặt đánh bóng mấy con rối hoàng gia sáng choang lên, một mặt biến Diana thành nàng lọ lem yêu kiều nhất để thu hút khách du lịch đổ xô vào nước Anh. Thế là hôn lễ

của Diana với Charles trở thành "đám cưới của thế kỷ".

Vương triều Windsor kham nổi Diana nhưng Diana lại không kham nổi nếp sống vương giả toàn những nhân cách cứng đơ, những nghi lễ màu mè giả hình, những tiệc tùng nhàm chán của nghề làm vua kiểu Anh. Phần khác, sau khi làm xong nhiệm vụ nàng dâu trong trắng đẻ ra hai ông hoàng con, một bảo chứng kế vị an toàn cho dòng Windsor, địa vị của Diana bắt đầu lung lay. Viễn cảnh bị biến thành một cung nữ cằn cỗi của thời đại liên hành tinh ngửa cổ kêu gào ơn mưa móc của chồng làm Diana nhiều phen phát điên lên vì hận tức. Charles ngang nhiên trở lại với người tình cũ Camilla. Tình hết trước, nghĩa hết sau. Cuộc chiến gay gắt giữa Charles và Diana bắt đầu bùng nổ. Diana tuyệt vọng vẫy vùng, càng vùng vẫy càng mắc cứng trong cung điện nguy nga của nhà chồng. Ba lần gieo mình tự tử trước mặt Nữ Hoàng. Được cứu sống lại phải gượng cười trang điểm lộng lẫy như hoa ny lông cho thiên hạ chụp hình quay phim, tiếp tục vai trò một con rối đáng yêu để củng cố địa vị hoàng gia, tiếp tục nhấp nháy chói chang như đèn pha nghìn watts. Cuộc chiến tranh cân não bên nặng nghìn cân bên nửa lạng. Gia đình chồng có tất cả Diana chẳng có gì ngoài nụ cười buồn của một kẻ thấy trước mình sẽ thua cuộc. Có lẽ Diana thủa ban đầu ngơ ngác lọt vào hang hùm cũng không bao giờ ý thức được nụ cười khô lệ của nàng là khí giới tuyệt hảo của một người đàn bà cô thế trong cuộc chiến chênh lệch này. Chẳng bao lâu, Diana học được trăm phương nghìn cách để khai thác nụ cười bí ẩn nhẫn chịu đựng của một nàng Mosa Lisa nước Anh trước ống kính. Diana biết cách biến các ký giả đói tin dựt gân thành đồng minh để dành lại thế đứng của mình trước thần dân Anh. Thế đứng của người đàn bà duy nhất dám chống lại một vương quyền đã một thời tự xưng là đế quốc không có mặt trời lặn.

Diana bị hụt cẳng ngã lăn từ thềm cao của một đám cưới không tiền khoáng hậu thành người đàn bà thống khổ cũng vào hàng nhất nhì của thời đại. Bị chồng ruồng bỏ, bị Nữ Hoàng truyền lệnh phải ly dị, bị tước đoạt danh vị Lệnh Bà. Nhưng nói cho cùng nỗi hận của Diana đâu bằng nỗi đau của Jacky Kennedy? Những hoạt động từ thiện của Diana làm sao sánh nổi với một đời tận tụy hy sinh vô vị lợi của Mẹ Bề Trên Teresa? Vẻ mời mọc quyến rũ của Diana còn thua xa nàng Fergie buông thả, và hai công chúa chịu chơi cùng mình của tiểu quốc Monaco. Tại sao Diana nghiễm nhiên trở thành người đàn bà được tivi, truyền thanh, báo chí nói đến nhiều nhất? Tám năm qua, từ ngày đến Úc, không một tháng, một tuần nào tôi không liếc thấy hình ảnh Diana đủ mọi kiểu cọ đứng ngồi chơi dỡn choán đầy các mặt báo... Diana đã lừng danh... nhờ nổi tiếng, và đã nổi tiếng nhờ... lừng danh! Diana

là sản phẩm kỳ diệu của một kỹ nghệ kỳ diệu - kỹ nghệ tạo hình...

Thủa xa xưa con người thỏa mãn ước vọng bằng văn thơ, qua hình ảnh và cuộc đời của Trà Hoa Nữ, của Kiều, của Loan trong Đoạn Tuyệt, của Tố Tâm... Thời đại nầy là hoàng kim của điện ảnh. Những nhân vật của ước mơ cũng phải được điện ảnh hóa. Bao nhiêu người đã khóc vì Love Story, Ghost, Romeo và Juliet... Nhưng tưởng tượng mấy cũng không bằng người thật. Điện ảnh, nhiếp ảnh, truyền hình đã bắt thóp quần chúng bằng cách biến Diana thành một huyền thoại bằng xương và thịt. Diana đã dùng kỹ nghệ tạo hình để chống lại nhà chồng, kỹ nghệ tạo hình cũng triệt để khai thác Diana để móc túi quần chúng. Một đám quần chúng dễ khích động, triền miên đòi được thỏa mãn, đói lý tưởng, đói ước vọng, đói cái mới lạ, đói cơn hào hứng. Và điều lạ lùng nhất đã xảy ra, ngoài dự đoán của mọi người - công trường gạch đá khô khan trước Điện Buckingham, trước lâu đài Kensington đã trở thành biển hoa để gọi hồn người thiếu phụ khả ái vừa bỏ đời ra đi...

Người ta ước tính, khoảng hai tỉ người đã chảy nước mắt tiễn đưa Diana về nơi an nghỉ cuối cùng... trên màn ảnh vô tuyến. Cô dâu trong đám cưới của thế kỷ đã trở thành xác chết trong đám tang thế kỷ. Giữa hai biến cố đó là cuộc đời của một người đàn bà luôn luôn thiếu thốn tình yêu, một người vợ ê chề, một người mẹ, một công nương. Một cuộc đời đã được ống kính khuếch đại tối đa. Phóng viên nhiếp ảnh đã bám sát gót Diana lúc nàng leo lên bậc thềm cao nhất của đời vương giả, phóng viên nhiếp ảnh cũng đã đeo cứng theo bà lúc Diana quằn quại giẫy chết trong chiếc xe mắc bẫy dưới đường hầm sông Seine. Những người hôm nay ngậm ngùi ném những chùm hoa muôn màu lên cỗ tang chậm rãi chạy qua những nẻo đường cổ kính của London, những người khóc theo những hồi chuông báo tử rung lên từng phút từ lâu đài Kensington đến thánh đường St. Peter Westminster có bao giờ ân hận nghĩ rằng chính họ đã dự phần gây nên cái chết thảm thương này?

Quần chúng Tây Phương tự đáy lòng vẫn thèm muốn những món ăn văn học nghệ thuật gần gũi với họ, nhưng ít khi họ có được. Huyền thoại mải mê kể chuện thần ông thần bà, thần Hy Lạp, thần Ý Đại Lợi, thần Ai-Cập, thần Ba-Tư... Thần yêu nhau, thần phản bội nhau, thần giết hại nhau, thần ghen tương vớ vẩn. Chuyện Xena, Hercules trên đài 10 hôm nay là một ví dụ. Hết huyền thoại đến sân khấu. Sân khấu Tây phương tràn ngập những vở tuồng của Shakespeare, vẫn chuyện vua quan với những bi kịch của ông hoàng bà chúa. Những pho tượng quý nhất, những bích họa, những bức tranh nổi tiếng trong các bảo tàng viện, các lâu đài, các cung đình Tây Phương đều hiện thân của thần thánh vua quan... Mãi cho đến Cách Mạng Pháp 1789 người dân đen mới lén lút đi vào văn học nghệ thuật qua Victor

Hugo, Charles Dickens... nhưng họ vẫn khiêm tốn nhập hồn vào những nhân vật mỏng dính phất phơ đây đó trong tiểu thuyết. Đề tài cung đình quyền quý thượng lưu vẫn ăn khách hơn. Cuối cùng khi nhiếp ảnh, điện ảnh và nhất là truyền hình chiến lĩnh kỹ nghệ giải trí, những mảnh đời thường, những con người của bùn lầy nước đọng mới được ném lên sân khấu, ném vào trường quay. Về mặt này, dù có mù lòa mắc bệnh tự tôn nặng cỡ nào, người Tây Phương cũng phải ngã mũ chào thua dân Việt. Từ mấy ngàn năm trước văn học nghệ thuật dân gian của Việt Nam bình đẳng và dân chủ hơn văn học Tây Phương nhiều. Việt Nam có Quan Âm Thị Kính, có Tấm Cám, có Thạch Sanh, có Phạm Công Cúc Hoa, có Kiều, có Chinh Phụ, có Nguyệt Nga Vân Tiên, có hàng ngàn nhân vật người ta có thể gặp đâu đó ngoài đường ngoài chợ chứ không chỉ có Sơn Tinh Thủy Tinh hay Mỵ Châu Trọng Thủy. Người Việt Nam không cần phải chui vào cung đình mới trở thành đối tượng của danh họa thi nhân.

Diana là sản phẩm của tiến trình dân chủ hóa nghệ thuật do nhiếp ảnh, điện ảnh - nhất là truyền hình tạo ra. Những nghệ thuật tạo hình nầy có thừa khả năng tạo nên những cơn sốt thần tượng, những kích ngất nghệ thuật không một nghệ thuật nào trước đây có thể làm nổi. Elvis Presley, The Beatle, Madona, Michael Jackson, Prince, Magic Johnson, Elle, Naomi, Versace... Tất cả đều trở thành những nhân vật hái ra tiền của các đại ma đầu quảng cáo. Quần chúng bỏ những đồng bạc mồ hôi nước mắt ra để mua ảo tưởng, để điên cuồng vỗ tay. Hoan hô, hò hét, rên rỉ tán thưởng, và chẳng cần biết mình đang tán thưởng cái gì! Như con nít ngô nghê nhào vào Mc-Donald hay những gian hàng sơn xanh sơn đỏ bày bán hàng ngàn món đồ chơi điên khùng lạ mắt.

Sau đám tang Diana, biển hoa trước Điện Buckingham và Kensington đã được hốt đi làm phân bón cho những vườn hoa đã bị ngắt trụi... Không hiểu danh tiếng vang lừng của người thiếu phụ bất hạnh nầy sẽ tồn tại trên các tờ báo lá cải, trên các đài truyền hình cho đến mùa hoa sang năm không? Dù sao đi nữa, nhỏ nước mắt thương vay khóc mướn Diana vẫn hơn la rống trước những thần tượng vớ vẩn khác. Bởi ít ra Diana lúc vẫy vùng với nỗi đau hận của phụ tình vẫn còn nhớ đến những người nghèo, những kẻ bất hạnh, tật nguyền. Có người nói bà lao vào hoạt động từ thiện vì bị hoàng gia coi thường, vì cuộc đời nhàm chán của một công nương... Nhưng trong một cung đình xa cách nhố nhăng quay cuồng với tiền bạc danh lợi, Diana vẫn còn những giọt nước mắt khóc cho những số phận khốn khổ hơn số phận của bà. Bức hình đẹp nhất của Diana vẫn là bức hình đăng trong tờ Le Monde chụp ở Pakistan, một nàng Diana ôm chặt cô bé da đen sắp chết vào ngực mình,



ĐẶNG HIỀN

từ quên

Tôi trở lại từ quên
Tội nghiệp gã làm thơ hay nói về kiếp trước
Hồn chia mãi hai nơi
Rất thèm nguyên vẹn

Con đường kéo dài từ Bắc Cali
Thăm nơi em ở
Mùa mưa ngày mưa đồi gió
Lối về lổ chổ đá ong
Điếu thuốc trước hiên
Thắp mù ký ức
Lá mưa, xuôi xuôi hàng mắt nhớ
Chuyến bay vẫn phải khởi hành

Thời gian như trò đùa số mệnh
Ở tuổi chẳng muốn đổi thay
Thậm chí thói quen hay quên mình không còn trẻ
Cũng vậy thôi
Tất cả chỉ là dự tính

Tội nghiệp gã làm thơ
Về trăng về rừng về biển đêm
Môi cứ nhạt nhạt làm sao mùi lá
Lâu lắm
Từ quên...

ĐẶNG HIỀN
(tháng 12/97)

đi mắt và gương mặt lắng đọng đầy xót thương của Diana giây phút đó không thể là nước mắt cá sấu. Diana tự yêu mình và yêu đời đến mức nào vẫn là câu hỏi của thiên thu. Now you belong to heaven, anh the stars spell out your name... like a candle in the wind. Goodbye bông hồng tội nghiệp của nước Anh.

LỆ HẰNG



MA VĂN KHÁNG

BỒ NÔNG Ở BIỂN



Chiều tháng ba như hoa đang nụ, oi bức lạ lùng. Vừa dắt xe vào cổng, Lương đã nhìn thấy mẹ già còm cõi đứng ở giữa sân, quần thâm ống thấp ống cao, tay chống nạnh, mắt đỏ dọc, chân nhẩy tâng tâng, giọng the thé:

- Vâng, chị tốt chị đẹp! Tôi thì tôi chịu chị, tôi hàng chị! Để anh ấy về anh ấy đối đáp với chị. À, anh ấy kia rồi! Ôi anh Lương ơi, anh về mà dạy vợ anh nhá!

Lương chưa hiểu đầu cuối, vừa kịp dừng lại, đã thấy văng ra từ trong bếp cái giọng xong xóc đối đáp quen thuộc của vợ:

- Này, già rồi, đừng có ăn không nói có, đừng để trẻ mỏ nó khinh cho nhé!

- Con nào ăn gian nói dối trời chu đất diệt nó.

- Chỉ được xoen xoét cái mồm!

- Chị bảo ai xoen xoét cái mồm?

- Già rồi thì ăn nói từ tốn chứ cứ sồn sồn thế à!

- Chị ăn nói thế à? Chỉ có chó nó mới sồn sồn thôi, chị hiểu chưa?

Khói nhóm than lò khét nồng từ bếp tuôn ra, quẩn mù mịt trong sân nhỏ. Lương đứng trong đám khói, ngạt thở, chỉ muốn kêu trời. Ai có thể giúp anh đứng ra can ngăn được cuộc đấu khẩu đang độ gay gắt giữa mẹ anh và vợ anh? Và ai có thể phân giải câu chuyện xung đột trong gia đình anh, giữa

mẹ anh và vợ anh, cho rõ ngọn ngành? Nó bắt đầu từ cái gì? Từ chuyện con chó, con mèo, cái bát, cái chổi, từ một câu nói vu vơ, một cử chỉ vô nghĩa, rồi hòn bấc ném đi, hòn chì ném lại, biến hóa lộn lèo, và um ỉm hết cả lên. Nhưng hóa ra chuyện từ đó mà không phải do từ đó. Chúng chỉ là cái cớ, là mồi lửa. Còn hai người đàn bà là hai kho thuốc nổ, hai bể chứa hờn căm. Nghĩa là mối bất hòa thoạt đầu tưởng chỉ là vì những cái li ti. Nghĩa là hai người đàn bà thoạt đầu chỉ là móc máy nhau những chuyện cỏn con từ thời nảo thời nào, nhưng cuối cùng trở thành hai kẻ thù, lăn xả vào nhau, mắng nhiếc nhau không tiếc lời và kết cục bi thảm là Lương phải ngửa ngực ra hứng nhận các ngọn giáo công kích từ hai phía. Lương, con trai bà cụ Ninh, Lương, chồng Thoa, Lương là trọng tài phán xử kiêm thủ phạm gây ra mọi sự khốn khổ cho họ. Lương, có mắt như mù, rước cái con thành đanh đỏ mỏ ấy về làm vợ, rồi đội nó lên đầu! Lương, chỉ day dứt ruột xót nên chỉ biết nghe mẹ đẻ mà ruồng rẫy vợ. Ôi chao!

Lương đứng giữa những lời buộc tội túi bụi, chỉ còn cách là giơ hay tay lên trời kêu đau đớn: "Các người có còn cho tôi sống nữa không, hả trời"!

Nhiều lần như thế nên nhàm. Như hôm nay, đôi bên chỉ hưu chiến khi thằng Thể, con trai Lương, mười hai tuổi, đi đá bóng về, ra cái điều người lớn, bảo bọn trẻ con hàng xóm đứng bu ở trước cổng: "Về đi, các em, có gì đâu mà xem!"

*

Mâm cơm dọn, chỉ có Lương và thằng Thể ngồi hai bên nồi. Đánh tiếng mời, chả ai ra thêm. Lương vào buồng mẹ. Bà cụ rân rấn nước mắt:

- Thôi, hai bố con anh ăn đi! Từ nay tôi không làm thì tôi không ăn, anh ạ.

Lương cắn răng, sang buồng vợ:

- Thôi, ra ăn cơm Thoa. Nhịn nhường cụ một tý đi.

- Tôi không ăn. Từ nay đừng có hòng bảo tôi ăn cùng mâm nhớ!

- Thế là thế nào?

- Anh cứ bênh mẹ anh đi!

Chưa kịp đáp, Lương đã nghe thấy tiếng mẹ từ buồng bên, vỏng vót sang:

- Ừ, nhịn nhường con mẹ khọm già này đi. Này, anh Lương ơi, mẹ chết thì hết, chứ còn vợ chết thì...

Không để bà cụ nói hết câu, vợ Lương đã nằm lăn ra giường, giẫy đành

đạch:

- Ừ, tôi chết đây! Tôi chết ngay cho mẹ con bà sống nhơ ớ ớ!

Lương vội kéo tay vợ. Vợ Lương vốn sắc sảo, gần đây nổi máu liều. Có bận y đã định treo cổ lên xà nhà, cũng chỉ vì uất ức bà cụ rỉa rói việc cho thằng em trai nghiện oặt xà lai mấy trăm bạc để nó tu thân lập nghiệp.

- Thôi thôi nào, Thoa. Đừng chấp cụ. Đừng chấp!

Lương rối rít vỗ về vợ. Rồi như người đóng hai vai vội vã chạy sang bên mẹ, nhăn nhó:

- Mẹ, sao mẹ nỡ ăn nói thế?

Bà cụ trề môi, dài giọng:

- Trăm thằng đàn ông chết vì vợ cả trăm. Công kênh nó lên đầu. Để nó lên bàn thờ ông vải nhà anh mà thờ, anh Lương ạ! Còn con kia, đừng có được chồng yêu mà xỏ chân lỗ mũi nhá!

*

Cuộc sống vốn đã chẳng vui gì. Ở cơ quan, gặp bao điều trái tai, nghịch mắt, cứ nghĩ: thôi, cộng đồng này vốn lỏng lẻo, cho qua đi, hết tám giờ về nhà, coi như là được an ủi. Nhưng gia đình, cộng đồng quy ước bền chặt, chốn nương náu của sự cô đơn cần chia sẻ, hóa ra lại là bãi chiến trường, vùng sa mạc, nơi địa ngục, bãi tha ma! chung một mái nhà, ra đụng vào chạm nhau, mà mặt mày nặng chịch như hai chĩnh nước. Cả hai đều câm lặng. Khiếp quá, thà rằng họ cứ chửi mèo quéo chó, réo tên nhau mà chửi như vặt thịt nhau, có lẽ Lương còn thấy đỡ ngại.

Sớm bửng ngày thứ tư, kể từ hôm hai người to tiếng nặng lời với nhau, Lương vừa thức giấc đã thấy giường bên trống trải và ở buồng ngoài, Thoa đang giục thằng Thể mặc thêm áo khoác:

- Mặc vào, nhanh lên, rồi đi với tao đến xí nghiệp.

- Nhưng chiều hôm nay con còn phải đi học thêm. Con ở nhà.

- Ở nhà với con mẹ khọm già, hả?

Lương vùng ngay dậy, ngó ra buồng ngoài, lập bập:

- Ơ kìa, hai mẹ con, sao lại thế?

Vợ Lương đẩy lưng thằng Thể đang kéo ngược khóa ở chiếc áo bu-dông ra cửa, ngoái cổ lại:

- Ơ cái gì? Anh có mẹ thì anh nuôi, anh lo toan tất.

Lương đứng lặng, cố bình tĩnh, không nổi nóng để giữ cân bằng, thật sáng tỏ để suy ngẫm. Anh nấu ăn sáng, dọn mâm bát rồi mời mẹ dậy, ân cần:

- Mẹ ăn bát mì cho nóng, mẹ!

Bà cụ đã dậy, ngồi thu lu ở góc giường lắc đầu, lạnh nhạt:

- Anh ăn đi. Tôi không ăn!

- Sao mẹ lại không ăn, mẹ?

Lương đặt bát mì xuống mâm, khịt khịt hai lỗ mũi ngạt:

- Nhưng nó là vì cái gì, hả mẹ?

- Vì cái gì thì anh hỏi vợ con anh ý!

Trong Lương như có một cuộc bùng nổ thật dữ dội, thật âm thầm. cai gì đã đẩy cuộc sống đến trạng thái thảm hại này? Vì sao mà hai người đàn bà, dẫu không quan hệ ruột trực tiếp, nhưng đã sống chung với nhau dưới một mái nhà, gắn bó với nhau bằng bao quan hệ thân thiết máu mủ, lại cứ mất mặn mất nhạt, mặt lưng mày vực với nhau, thậm chí nhiều khi hằn học nhau, đối xử với nhau như quân thù, quân hằn vậy?

Cái khuynh hướng đổ tất cả tội lỗi cho sự nghèo khó đã tỏ ra là không thích đáng và quá đơn giản. Vả chăng, ký ức của họ còn đậm đà lắm những hình ảnh đầm ấm, tươi vui trong nghèo khổ, nào đã xa xôi? Nơi ăn chốn ổ chỉ là một túp lều lá. Gia tài lớn nhất là chiếc đài Xiêng-mao bán dẫn. Gạo ăn phiếu, toàn thứ gạo đã hết nhựa, bữa ăn nấu tính từng lẻ gạo. Mâm cơm xanh lét rau. Bà cụ hì hụi nấu ăn trong bếp, Thoa ra ra vào vào, ngọt ngào mẹ mẹ con con. Cái đài đặt trên cái chạn thức ăn, hát véo von. Bà cụ khoe với bà con láng giềng: "Mẹ cháu cứ bắt tôi phải nghe! Mẹ cháu là người có tình nghĩa lắm, các bác ạ". Ôi, cái nghĩa tình trong khốn khó! Một manh vải cũng xẻ chia. Một miếng ăn cũng nhường nhịn. Nó là gừng cay muối mặn. Nhưng, chả lẽ cái tình nghĩa chỉ được nuôi dưỡng bằng môi trường nghèo khổ? Và mức sống lại tỷ lệ nghịch với tình thương yêu? Nghĩa là cứ trở nên giàu có là nhất thiết phải trở thành kẻ ích kỷ, đứa đê tiện? Không! Gia đình Lương không thuộc loại giàu có. Ngoài đồng lương, hai vợ chồng vẫn có thêm được tý chút tiền thưởng năng suất và phụ cấp làm thêm; so với trước, như vậy là đã dư dả. Một đời sống vật chất dư dả, thoải mái, không đến nỗi phải tính toán chi li đến beo thắt, lẽ ra và hoàn toàn có thể trở thành cơ sở để tâm tính con người trở nên cởi mở chan hòa.

Về cá tính, hai người tuy thuộc hai thế hệ, nhưng họ đều là những người được hàng xóm công nhận là đạo đức và biết điều. Trong đánh giá của Lương, mẹ anh, vợ anh không thể là người xấu! Mẹ anh, tuy ở quê lên, nhưng bà cụ là người rất có hiểu biết, có thời đã làm cán bộ phụ nữ xã, được mọi người kính nể vì nhân nghĩa, công bằng. Còn Thoa, khi lấy anh là thợ tiện giỏi. Lên đến bậc thợ tột cùng, Thoa được điều động sang làm cán bộ chuyên trách công đoàn. Công việc bây giờ là xách túi đi họp, bàn bạc các công việc

về sản xuất, phân phối, đời sống với giám đốc, với đoàn viên, được tiếng là sắc sảo, nhưng thấu tình đạt lý. Thoa ứng xử với mọi người như bát nước đầy. Năm kia, trời đổ rét, bà cụ bị thấp khớp hành, liệt tê một bên, phải nằm một chỗ. Nửa năm trời, Thoa săn sóc, nâng giấc, thuốc thang, an ủi cụ, lúc nào cũng nhẹ nhàng, vui vẻ, không một lời phàn nàn. Thoa lại khéo đường nữ công, gia chánh. Nấu ăn rất vừa ý bà cụ. Lại còn biết khâu tay cả yếm và quần chân què cho bà cụ, được bà cụ rất ăn ý.

Hay là mối mâu thuẫn giữa mẹ và vợ Lương nảy sinh từ ngày mẹ anh đã xuất hiện những cơn dở chứng trái nết... Già sinh tật, đất sinh cỏ. Tuổi bẩy mươi gắn liền với những cơn nóng lạnh bất thường. Có những hôm bỗng dưng bà cụ bỏ bữa. Bỏ bữa không phải vì lời cạnh khóe xa xôi của ai. Bỏ bữa chỉ vì bỗng dưng nghĩ ra điều vẩn vơ này nọ rồi ám thị vào mình. Khốn nạn, dưa cà thì có tốn kém gì! Thoa muối cả một vại đầy. Nhưng bà cụ lại muối riêng một lọ con con, giấu ở gầm tủ, đến bữa lọ mọ lấy ra ăn một mình, tội nghiệp như kẻ bị hắt hủi! Thuốc thang nhà Lương đâu có thiếu. Nhưng nhận mấy viên giảm thống người hàng xóm cho, chỉ đáng trăm bạc lẻ, bằng tiền bao diêm, bà cụ ứa nước mắt than: "Xưa nay, vợ Lương có bao giờ nó cho tôi thứ thuốc quý này!" Ôi chao! Bà cụ ở nhà, có con bé thu mua sắt vụn đi qua. Nhìn mặt bà cụ, nó bảo: "Bà sắp có cái hạn to lắm! Đưa tiền cháu đặt cái lễ giải hạn!" Bà cụ móc túi đưa nó ba chục nghìn. Đã mất tiền đưa cho cái đứa con nít nó lừa, đêm nằm lại nước mắt ngắn dài, trách vợ Lương biết mẹ chồng sắp gặp nạn mà ích kỷ, lờ đi, để mặc mẹ chồng chết (!).

*

Không, suy đi ngẫm lại, Lương vẫn cảm thấy mình là một kẻ bất lực. Lương đang ở trong tình thế càng suy nghĩ càng rối bời. Lương chưa tìm được lời giải đáp thỏa đáng. Lương đứng giữa mây khói mịt mùng. Tuy nhiên, Lương vẫn manh nha nhận ra đâu đó hiện đang tồn tại một trạng thái tâm thần, giống như một dòng chảy thầm thì lẩn khuất quanh anh, có khi lộ diện, lại có lúc mất tăm và trong hoang mang sợ hãi chưa bao giờ anh nhìn thấy nó một cách rõ ràng và gọi được tên nó một cách chính xác. Ngay đêm hôm xảy ra chuyện Thoa ép thằng Thể đến xí nghiệp, Lương vừa chợp mắt được một lát, thấy ở giường bên, bà cụ lồm cồm bò dậy, anh liền dậy theo.

- Mẹ ngủ đi chứ. Mới có hơn một giờ thôi mà, mẹ.

Nén hồi hộp, Lương nói hết sức dịu dàng. Bà cụ đã gập xong cái chăn len, ngồi trong bóng tối, như không nghe thấy lời Lương, uể oải ngáp, rồi khép vạt áo:

- Anh Lương này, anh cứ ngủ đi, mặc tôi. Mấy đêm nay tôi chẳng làm sao mà ngủ được.

Nghe được cái ý bất thường tâm sự bà mẹ, Lương rụt rè:

- Mẹ có thấy đau ở chỗ nào không?

- Cám ơn anh có lời hỏi thăm. Tôi không ngủ được không phải vì tôi đã già yếu sắp chết đâu!

- Mẹ!

Lương hỏi thất thanh. Bà cụ khẽ lắc đầu, rất tỉnh táo.

- Anh cứ để tôi nói. Tôi nói rồi tôi có chết tôi cũng thỏa, anh ạ. Là vì hôm rồi tôi vừa đặt mình, vắt tay lên trán thiu thiu ngủ thì bố anh về. Bố anh mặc rách rưới lắm. Bố anh khóc, bảo: "Nhà tôi dột nát lắm rồi, bà ơi". Không hiểu anh có còn nhớ bố anh không!

- Con... con.

- Để tôi nói đã. Tôi nhớ hồi anh sắp cưới vợ. Chính đầu tiên là bố anh. Phải, bố anh can ngăn anh. Bố anh bảo: "Cua thêm càng, nàng thêm môi, là không nên có." Tôi cũng có ý vậy. Nhưng anh tiến bộ hơn bố mẹ. Anh bảo: con lấy vợ chứ có phải bố mẹ lấy vợ đâu! Thôi thì cái đó, tùy. Nhưng, anh có nhớ rằng anh đã hứa với tôi là anh sẽ đi tìm mộ bố anh không? Anh có nhớ không? Bây giờ thấm thoát đã hơn mười năm rồi. Ôi giời, anh bảo anh bận. Vậy anh muốn tôi nhờ cậy ai? Anh ơi, anh có nghe người ta hát không? Nàng dâu bắt chấy cho mẹ chồng bằng trông thấy bồ nông ở biển. Anh có biết bồ nông ở biển là thế nào không? Cái con bồ nông ý...

Từ những lỗ chân lông nhỏ nhất, lại như có cuộc nổ ngầm từ bên trong, mồ hôi thúc ra, nhớp nháp và lạnh buốt khắp người Lương. Lương kinh hoàng, run rẩy. Mẹ anh vừa trải qua một cuộc phân thân. Bà cụ đang tách làm đôi. Một nửa ngồi đây. Một nửa trôi dạt đi đâu đó, rồi hiện về qua tiếng nói xa lắc, thăm thẳm một ánh hồi quang tự kỷ vọng lại.

Ký ức chẳng quên một điều gì. Ở lớp sâu hơn của ý thức, một dòng chảy lặng lẽ vẫn ghi nhận và chuyển tải, truyền lưu tất cả, cả những điều như từ một kiếp khác ở cõi xa xăm gửi lại, và đòi được thực hiện việc tổng kê lần đầu.

Bà cụ còn ghi nhớ hết. Sau việc nhắc anh tìm ngôi mộ bố anh bị thất lạc và xa xôi trách anh nhắc nhở tàn tệ do nguyên nhân nào anh tự khắc biết, bà cụ kể lại chuyện cách đây hơn hai mươi năm vợ anh bị sẩy, bà cụ phải cho vợ anh một đôi hoa tai vì biết rằng "chị ấy vẫn hay day nghiến anh là nhà anh nghèo". Bà cụ bảo vợ anh vẫn thường hay phàn nàn với hàng xóm rằng mình khổ sở, nhưng "chị ấy có biết rằng ngày xưa tôi khổ thế nào không?" Bà cụ nói: hồi anh còn đi bộ đội, anh mới lấy vợ. Vợ anh cho em anh một cái đồng

hồ Liên Xô. Nay, nó đã là liệt sĩ: Vậy, coi như món nợ đó bà cụ mang. Rồi bà cụ tìm cách trả, chứ bà cụ không ăn hỏng của ai cái gì bao giờ...

Chao ôi, Lương đã hoàn toàn nhập vào cái dòng ký ức mịt mùng, phản ánh tính chất đa tạp, quái đản của đời sống tâm linh. Ở đây lý trí phân minh và vô hiệu lực. Và anh hiểu: trong bà cụ mẹ anh cũng như trong con người nói chung, vẫn đang tồn tại một bản năng sống nữa, một bản năng âm thầm và mãnh liệt. Chúng truyền đi từ thế hệ này sang thế hệ khác, không phụ thuộc vào hoàn cảnh cụ thể. Cũng như sự hèn nhát, lòng hảo tâm, tình yêu mến, nỗi đau đớn, niềm căm giận, thói đố kỵ, ghen ghét, tính ích kỷ thâm căn, khả năng không thể yêu thương kẻ khác ngoài mình, ngoài huyết thống mình... đều có cái mầm nguyên thủy, đều là nghiệp căn trong tăm tối, bền dai như sự sống, vì chính nó đảm bảo cho sự sống an toàn của mỗi cá thể.

Cuộc sống chưa bao giờ là dễ dãi, xét cả tiến trình dài dặc. Ước muốn bao giờ cũng cao hơn trạng thái hiện thực. Và sự sinh tồn, tâm lý tự vệ thường trực của sinh vật là nhân tố quan trọng để duy trì những tập tính tối tăm. Đời sống do vậy là một kết cấu của cả cái tốt và cái xấu, cái thiện lẫn cái ác. Chính Lương đã từng và vẫn còn là nạn nhân khốn khổ của những thói xấu thế tục. Anh đã bị chèn ép, phỉ báng, vùi dập. Và căn nguyên của những hành vi ấy, ai cũng nhận ra, nhưng lại không dám nói ra. Quan hệ giữa người và người, giữa dì ghẻ và con chồng, giữa mẹ chồng và nàng dâu lâu nay nó là vậy, nó đã được chế định và trở thành nỗi ẩn ức sâu xa, cải biến nó là cả một cuộc nhọc nhằn.

Lạnh cả người vì những thầm nghĩ ấy, Lương vẫn cố điềm tĩnh. Tìm cách ứng xử hợp lý nhất để bà cụ nguôi ngoai lúc này là rất cần thiết. Nghĩ vậy, Lương lễ độ đáp lời mẹ:

- Mẹ ạ, việc tìm mộ bố con không được như lời hứa, lỗi thuộc về con. Tất nhiên cũng có hoàn cảnh. Mẹ tính xem, con đi Liên Xô học bốn năm. Trở về, đi mặt trận phía Nam hai năm. Hòa bình rồi lại đi biệt phái năm năm ở Tây Nguyên. Nhưng, cái chính là con cứ nghĩ cải táng xong là được. Thôi, trong tháng này con sẽ lo xong việc này. Mẹ bằng lòng chưa? Còn những việc khác đã qua rồi, mẹ nói làm gì nữa, hả mẹ. Hoặc giả...

Thật không ngờ, Lương chưa dứt lời, bà cụ chồm lên, nghiến răng kèn kẹt:

- Sao anh lại nói thế! Anh định bịt miệng tôi, hả? Anh định bóp hầu bóp cổ tôi thì anh nói đi! Anh có biết rằng bao nhiêu năm nay tôi đã phải nhịn anh chị như nhịn cơm sống không?

Lương mím chặt môi, lúc này anh phải tự nhủ mình: phải im, phải nhịn nhường mẹ!

*

Chủ nhật ấy, ngày rằm, lại mới truy lĩnh lương, Lương đưa tất cho Thoa, bảo vợ làm bữa cỗ thắp hương ông cụ, cậu em, nhân tiện quy tụ lại gia đình, tạo niềm cảm thông. Chuyện xung đột qua được mươi ngày, xem chừng nhạt. Thoa cũng lại là người có tài bếp núc, nên cầm tiền vui vẻ đi chợ.

Bếp khói un, rộn ràng tiếng xào nấu. Cỗ cúng đủ món, đặt lên bàn thờ. Bà cụ sửa soạn sống áo, trịnh trọng thắp hương khấn vái vong linh người đã khuất. Hương tỏa thơm nức thiêng liêng, cảm động.

Hương tàn, vàng hóa xong, Lương hạ mâm cơm cúng đặt xuống bộ phản trải chiếc chiếu cạp điều mới, mặt cói sáng bóng, ôm chai rượu, rung đùi, cất tiếng vang vang: "Thể đâu rồi? Mời bà, mời mẹ Thể nào!"

Vợ Lương đang múc miến ở dưới bếp, mặt đỏ rờn. Thằng Thể vừa ở trong buồng ló mặt ra. Lương vẫy tay:

- Thể, lấy cho bố cái cối xay hạt tiêu. Ở trên cái giá sách ấy. Rồi vào mời bà ra uống rượu với bố cháu. Xong, xuống bếp bưng nồi miến lên giúp mẹ.

- Tôi bưng lấy, tôi không khiến!

Dưới bếp hắt lên tiếng nói náo nức của Thoa. Thằng Thể cầm cái cối xay hạt tiêu đứng thập thò ở cửa buồng chưa kịp cất tiếng mời thì bà cụ đã cởi xong chiếc áo dài, quay ra:

- Anh chị cứ ăn đi, không phải mời mọc gì tôi cả.

Lương thấy hơi lo lo, chống tay đứng dậy, cố làm ra vẻ bình thường:

- Bà ra ăn luôn cho nóng, bà.

- Tôi không dám!

Lương run run:

- Mẹ làm sao thế?

- Cơm vào dạ, vạ vào thân. Ngộ nhỡ có thuốc độc thì tôi chết à, anh!

Choang! Tiếng kêu trời của Lương chìm trong tiếng bát miến trên tay Thoa buột rơi ở giữa sân. Thoa, mặt đỏ hực, hai ống tay áo xắn quá khuỷu, nhẩy vào nhà:

- Thể! Mày bưng mâm cơm đổ ngay hết xuống cống rãnh sau bếp cho tao!

Lương giơ tay ngăn giữ, hoảng hốt, quát to hai tiếng: "Mẹ Thể?"

Bà cụ từ trong buồng đi ra, đặt vòng khăn vừa quấn lên đầu, nhìn vợ Lương cắn chặt hai hàm răng:

- Này, nhà chị thâm môi kia! Chị là họ nhà tôm, hả? Chị tưởng chị là

chủ trong cái nhà này, chị muốn làm gì thì làm, hả!

Vợ Lương đỏ văng mặt, quát:

- Bà im ngay đi!

- Này, mày bắt bà im mồm bao nhiêu năm nay rồi! Đã đến nước này thì bà phải làm cho ra nhẽ.

Bà cụ nghiến răng, quay sang con trai, mếu xệch miệng:

- Ôi con ơi! nhục nhã thân lắm, con ơi.

Vợ Lương dậm chân, xỉa tay về phía bà cụ:

- Này, đừng có nỏ mồm vu oan giá họa nhớ, mụ già kia!

Bà cụ gạt tay Lương, nhẩy chồm chồm:

- Mày đã nói thế thì bà không còn gì để nể mày nữa! Mày đem xác về cái nhà này, hỏi rằng mày có cái gì nào? Mày có ba bò chín trâu, ruộng cả ao sâu gì mà mày ngồi mát ăn bát vàng nào!

Vợ Lương chống tay lên háng, bĩu mỏ, ngạo mạn:

- Ừ, thì cứ cho là như thế thì bây giờ cụ muốn gì tôi!

- Tao muốn vạch mặt mày. Mày là quân mèo đàng chó điếm. Mày là quân cơm hàng cháo chợ!

- Cụ mà nói nữa là tôi không có để cụ yên đâu.

- Tao theo dõi hết. Úi giời! Phúc đức bà Tú Đễ là mày. Mày bao dong hạt cải, rộng rải trộn kim. "Mẹ ơi, cái đài con bật rồi đấy, mẹ để dưới bếp nghe cho vui". Thôi đừng đãi bôi nữa quân bòn gio đãi trấu kia! Tao còn lạy mày ăn lấp mày lấp miệng. Mày còn đem của cải nhà này về bù chi bù chít cho họ hàng, tông ti nhà mày.

- Này, tôi cấm cụ được động đến họ hàng, bố mẹ tôi đấy.

- Mày để tiền riêng.

Xô Lương sang một bên, vợ Lương sấn lên, rít chói tai:

- Làm sao mà mụ biết? Mụ lục tủ à? Mụ định ăn cắp à? Đồ ăn cắp?

Bà cụ xổ khăn, mặt tái nhợt, hổn hển:

- Ừ, tao ăn cắp đấy. Tao lấy lại tiền của con tao. Anh Lương, anh cứ để nó đánh tôi. Con này nó chẳng phải tay vừa đâu. Anh có biết không? Anh vừa đi Liên Xô được một tháng. Này, con thâm môi kia, tao ngậm miệng đau đớn bao nhiêu năm rồi, hôm nay thì tao phải nói. Mày, mày là con đàn bà ngứa nghề, chồng mày mới ra khỏi nhà, mày đã...

Vợ Lương thét một tiếng to, uất quá, mắt trợn ngược trắng trợn. Chuyện này không phải bây giờ bà cụ mới nói. Và mọi chuyện đều đã rõ ràng. Người đàn ông hay đến thăm Thoa khi Lương vừa đi nước ngoài là anh họ Thoa, người lưu lạc từ năm đói Ất Dậu, từ một nông trường cao su Nam Bộ ra tìm quê: Có sự thân mật chứ không có chuyện ngoại tình.

Lương giữ tay bà cụ, đau đớn, mắt ứa lệ.

- Bà ơi, bà đừng nói nữa. Bà lẫn hết rồi.

Không ngờ, như được thể, vợ Lương lại dấn lên, thốc tháo:

- Cứ để mụ ấy nói. Mẹ chồng, trồng cây ngược mà! Nói hết đi! Con này không cần thanh minh. Con này nhận hết. Con này dẫn trai về. Con này đánh đĩ. Con này môi thâm, ngu si hưởng thái bình. Con này định đầu độc mụ. Ừ, định đầu độc đấy. Cái loại người độc ác như thế không chết đi thì sống làm gì!

Lương buông tay bà cụ, hộc lên một tiếng, ngoắt lại phía vợ.

- Thoa! Tôi không ngờ cô có thể ăn nói nhẫn tâm như thế. Đồ độc ác! Cô phải biết rằng cụ lúc này là người dở tính dở nết!

Thoa thỏng tay, nhếch mắt:

- Ừ, thì tôi độc ác đấy! Còn anh, anh không thể chung chiêng được nữa đâu. Bây giờ, cho anh chọn. Anh ở đây với mẹ anh thì tôi đi. Tôi ra bờ sông, tôi cắm cái lều lá chuối, tôi ở. Dở tính à! Còn lâu nhé. Chết được thì đây đốt pháo ăn mừng. Răng còn đủ, còn sin sít thế kia, còn ăn khỏe lắm, chưa chết được đâu!

Đã tưởng bà cụ tuổi già sức yếu, lại đã kiệt lực trong cuộc đấu khẩu, nên Lương chỉ còn chú ý can ngăn cơn giận của vợ. Không ngờ, Thoa vừa dứt lời, mẹ anh đã gạt anh ra một bên, tiến thẳng tới trước mặt Thoa, uất khí tím bầm cả hai mắt:

- Bà chưa chết đâu! Bà còn sống lâu để xem mày giở những trò gì nữa! Cái con mặt sứa gan lim kia, mày cút ra khỏi cái nhà này đi! Cút ngay đi!

Hai người đàn bà nhào thẳng vào nhau. Hai cái bản năng xung thiên xoắn lấy nhau, rít lên những tiếng thú dữ cắn xé nhau.

*

Lương đã tách được hai người đàn bà ra khỏi nhau. Với anh lúc này họ chỉ là hai người đàn bà. Họ chỉ đơn thuần là hai người đàn bà, hai cơn bão, hai cái bản năng kinh thiên thù nghịch nhau, ở ngoài mối liên hệ với anh.

Bà cụ được gỡ ra khỏi cuộc xung xát, dắt vào buồng từ lúc chập tối. Chừng như đã xả hết cơn giận dữ, đã tiêu pha hết chút năng lượng cuối cùng, nên lát sau khi trời tối thui, bà cụ đã nằm thiêm thiếp. Ba căn buồng, tất cả đều tối thui. Thoa, sau hồi khóc rấm rít, đang mở va-li, mở tủ, xếp sắp đồ đoàn tư trang, toan tính một điều gì hệ trọng. Thằng Thể bỏ đi sang nhà hàng xóm sau khi thu dọn mâm cỗ chưa hề động đũa đang tanh bành trên phản. Trời phụ họa, đêm nay điện bị cúp. Không có ánh đèn. Tất cả đều tối thui.

Khoảng chín giờ đêm, Lương đang ngồi trong bóng tối, bỗng nghe thấy tiếng dép lê lẹt xẹt trong buồng bà cụ. Nghĩ: có lẽ bà cụ dậy uống nước, Lương vội lục túi tìm cái bật lửa.

Cái bật lửa đã hết xăng, lâu không dùng, chỉ tóe những chùm tia vàng chóe quanh Lương, Nhấp nhoáng cái hình khối kỳ dị của các đồ vật. Anh lò dò bước ra sân, chập choạng trong ánh lửa lóe trên tay. Bỗng anh sững lại. Ở chỗ máy nước vừa có tiếng chân ai trượt dài và một tiếng huỵch hẫng nhẹ.

Xoẹt! Lương bật mạnh bánh xe máy lửa và chạy lại phía máy nước. "Bà" anh thất thanh. Mẹ anh đã nằm ngửa mặt trên đất, hai chiếc guốc mộng văng dưới rãnh. "Trời ơi, sao mẹ không gọi con?" Anh rên rỉ, cúi xuống bế bà cụ lên.

"Thoa ơi! Thể ơi!" Anh cất tiếng gọi và đặt bà cụ xuống giường. Không có tiếng đáp. Nhưng, ở buồng nơi Thoa đang ngồi có tiếng diêm xòe, rồi dâng lên từ từ một vầng hồng rồi tỏa rộng, bắt đầu từ mảng trần trên cao. Cuối cùng, chiếc giường bà cụ đang nằm rờ rỡ dưới ánh sáng vặn hết cỡ của ngọn đèn tọa đăng đặt trên chiếc tủ ly sau Lương.

Lương cúi xuống, đặt chân mẹ duỗi thẳng, phủ lên bụng cụ một chiếc chăn đơn. Cảm giác sợ hãi hoàn toàn chế ngự anh. Tựa như, hàng bao nhiêu năm nay giờ anh mới tận mắt nhìn thấy mẹ anh. Nhưng, chả lẽ cái thân hình chỉ còn da bọc xương, tái nhợt, đang thiêm thiếp đi về đâu đó kia là mẹ anh? Đã tiêu tan hết rồi gần như toàn bộ sinh lực vào những đau đớn dằn vặt và cơn hùng hổ hận thù, giờ đây những lóng xương chắp nối một cách hờ hững, thành hình một đứa trẻ, chỉ là chút di thể tàn của mẹ anh, chỉ là ánh va vật chất một linh hồn yếu đuối, đau khổ và tội lỗi, quằn quại trong sự chi phối của bản năng. Nhớ đến câu thành ngữ nói về điềm gở của cái ngã: trẻ trong nhà, già ngoài sân, anh càng kinh sợ và hốt hoảng.

Thấy một hơi tay người để lại một cảm giác chạm nhẹ ở lưng, Lương quay lại. Trong lòng bàn tay vừa xòe của Thoa có một hộp dầu xoa đã mở nắp. Mặt Thoa lặng phắc, trống rỗng và hốc hác đến kỳ lạ. Khốn khổ! Con người luôn biến hình là thế ư?

Cầm hộp dầu, Lương nhận ra, Thoa cũng vừa cúi xuống cùng anh trên hình hài bà cụ. Cúi xuống nữa, cả anh và Thoa cùng giật bắn mình khi nhìn thấy một dòng máu tươi vừa trào lên miệng, tràn ra mép bà cụ. Lương kêu một tiếng, thất thần ôm đầu, chạy bổ ra sân. Thế vào chỗ Lương, Thoa cúi xuống rút khăn tay chùi vết máu vừa rớt ở mép bà cụ. Ngồi hẳn xuống lề giường, Thoa để ngón trỏ xoay mấy vòng trên mặt lớp dầu xoa, rồi ngoay ngoáy xoay tròn vào hai bên thái dương bà cụ. Thoáng cái, chị đã lật sấp được bà cụ, kéo áo cụ lên và quệt một lớp dầu theo dọc sống lưng cụ.

Thằng Thể đã về, đứng im lặng bên cạnh giường xem mẹ đánh gió chải cảm cho bà và có ý chờ sai bảo. Nó nhìn mặt mẹ nó. Mặt mẹ nó mưng mưng. Có cái gì đó đang xáo trộn dữ dội nhưng không thật rõ ràng trong cảm xúc của mẹ nó. Chiều nay, nó chứng kiến từ đầu đến cuối cuộc sung xát quyết liệt giữa bà nó và mẹ nó. Thật tình nó không biết tỏ thái độ thế nào. Nó chỉ buồn vì nghĩ: Làm sao lại đến nông nỗi thế? Và sau cuộc cấn xé này, tất cả sẽ tan tành, tội nghiệp!

- Bà có làm sao không mẹ?

Lát sau, Thể rụt rè hỏi. Thoa mím miệng, rồi không đáp, kéo áo bà cụ, đặt bà cụ trở lại tư thế cũ, thình lình bước xuống đất, nhìn quanh ngơ ngác - cái ngơ ngác của kẻ mất hồn, thất thoát hết trí khôn và ngọng líu:

- Bố đâu?

Thằng Thể lạnh run, nhìn mẹ:

- Mẹ bảo gì? Bố đi gọi điện, mời bác sĩ.

- Ra gọi xích-lô, đưa bà đi bệnh viện!

Nói vừa hết câu, môi mẹ Thể đã vội bậm chặt lại, tím bầm. Chị cố giữ cơn bấn loạn trào lên từ lồng ngực sôi gào.

*

Chiều hôm sau, thằng Thể đi học về vừa lúc Lương từ bệnh viện về đến nhà. Lương ôm cái túi đựng quần áo của mẹ đi vào bếp. Thằng Thể cất cặp sách, ra sân. Nó nghe thấy tiếng nấc của mẹ ở trong bếp.

- Bố, mẹ... Bà...

Thể không hỏi được hết câu. Nhìn mẹ gục mặt trên cái bàn ăn, tóc xõa rối bời và đôi vai rung bần bật, thỉnh thoảng lưng ngực lại có một cơn gió thất dữ dội. Thể biết thế là hết! Bà đã mất. Đây là cuộc chia tay vĩnh viễn đầu tiên với một người ruột thịt của Thể. Cái chết sẽ chấm dứt tất cả.

Cả những nỗi buồn phiền, cơn đau đớn, niềm căm giận. Chẳng còn gì nữa, sau cái chết. Nhưng sao cái chết của bà lại thảm thiết thế!

Lương đứng ở cửa bếp. Nước mắt tự rỉ ra ở đuôi mắt. Thể hiểu là bố nó đau đớn lắm. Xưa nay, ông là người rất có bản lĩnh, biết chế ngự, luôn chủ động hiệu chỉnh ngoại cảnh để tạo lập một cuộc sống như ý. Nó biết cả sự bất lực và nỗi thống khổ nhân thế của Lương khi Lương ôm mặt, ngửa lên trời, nức nở:

- Bà ơi! mẹ ơi!

MA VĂN KHÁNG



ĐINH CƯỜNG

lui cui, tình bạn

Ông Khánh Trường mấy chữ hỏi tôi
thơ thẩm gì không
cho hợp lưu
cuối năm
trời trở lạnh bao giờ
vẫn lui cui
giữa rừng hoang tịch
thẩn thơ
theo vạt nắng vàng mơ
tay lạnh
vụng về theo nét cọ
hiện hình
những vết xước, gai đâm
nhớ bạn
bao lần thôi bỏ rượu
bao lần
vào bệnh viện nằm mơ...
đời nghiêng
thoáng chút sầu thiên cổ
lá nhẹ nhàng rơi
trong hư không
biển sóng
đừng xô tôi ngả vội
mà xô tôi
ngả giữa tim người*

Trường ơi khỏi bệnh
Sơn khỏi bệnh
Cali sao lại nhớ Sàigòn
mai vẫn sương mù
trên lối cũ
mình ta
theo ngọn gió hoang vu...

ĐINH CƯỜNG
Virginia X.97

---

* ca khúc "Sáng về đâu" TCS/



HỒ MINH DŨNG

MỘT MÌNH EM, ĐẾN GIỮA ĐỜI



Những ngày sau tia chớp trời đánh vào Khiêm Cung Ký ở Vạn Niên Lăng, tôi dành hầu hết thì giờ cho việc sáng tác một truyện dài. Dự định ban đầu của tôi là đưa thật nhiều hình ảnh của người tôi đang yêu vào trong từng trang sách. Tôi coi văn chương như một lời cầu hôn. Ở Huế, thời trai trẻ của tôi, có rất nhiều người viết văn, làm thơ, nhưng họ coi đó như một trò tiêu khiển, một đam mê hay là vì một điều gì khác(?)... Tôi không phải thế, nhất quyết dấn thân, bình tĩnh tận dụng chút thiên khiếu của mình để mưu cầu hạnh phúc riêng và thiết lập cho được một cuộc sống hơn người, cho dù có ảo tưởng, vì xét ra, tôi không còn cách nào khác hơn.

Đó là những ngày đời rất đẹp. Nếu có quyền lực nào bắt tôi phải xa giấy bút, chắc chắn tôi sẽ chống lại bằng bất cứ giá nào.

Muốn thêm tư liệu để viết một tác phẩm mà tôi nghĩ có thể thành công, trước hết mình cần phải xông xáo đến những môi trường sống có nhiều khúc mắc, có thể gọi là sóng gió.

Tập danh sách của những hội viên hội "Cơ May" có sẵn trong tay, gợi cho tôi nhiều phương án. Tôi phải đi đến từng người để khai thác sự việc. Dĩ nhiên, tôi cũng tiên liệu những tình huống xấu có thể xẩy ra, không phải ai cũng rộng lượng, dễ dãi. Rất có thể gặp sự chống đối, ngờ vực, có khi bị tổn thương danh dự bởi những người coi thường hay hồ nghi văn chương chữ

nghĩa.

Cuối cùng tôi đã thành công, nghĩa là đi tới đâu, những nhân vật có tên tuổi trong xã hội bất ổn nầy đều tiếp đãi ân cần, có người còn thết đãi một bữa ăn ngon không thua tiệc, có người dẫn tôi ra xem một khu vườn và tự tay hái và trao cho tôi nhiều cành hoa tươi. Có người còn dùng lời hoa mỹ dài dòng để khích lệ, mong tôi đừng bỏ cuộc.

Trong những người ấy, tôi phải kể tới Hoàng Qùy.

Ai cũng biết Hoàng Qùy là chồng của Khôi Nguyên.

Khi cưới được người đẹp nổi tiếng nhất xứ Huế, Hoàng Qùy tưởng mình đã ngự trị được mãi trên tháp ngà vinh hoa. Không ngờ, chẳng bao lâu chàng lại là một trong những người đầu tiên hăng hái gia nhập vào hội *Cơ May Cho Những Người Bị Thiệt*, gọi tắt là *Cơ May*.

Tôi tìm gặp chàng một chiều đầu thu.

Mùa thu ở Huế như chỉ dồn tất cả cái úa tàn về hai bờ sông Hương.

Đôi bờ sông Hương là hai thế giới mịt mờ, lơ đãng và xa lạ khi mùa thu về.

Từ những rặng núi trơ trọi ở đầu nguồn cho đến những lùm bụi dưới kia đều chứa chất một dấu hiệu bất toàn. Huế tiêu điều không phải mùa thu mà vì một dòng sông đi kèm theo với những gì mùa thu có. Cả hai thứ ấy cùng chen chúc vào nhau làm cho người ta liên tưởng đến sự tàn úa.

Sau khi tôi tự giới thiệu, Hoàng Qùy bắt tay tôi:

"Nghe danh anh đã lâu, nay mới được diện kiến, thật may."

Cô gái có mặt, ngồi bên cạnh, chen vào:

"Tôi rất thích những chuyện ngắn của anh đăng trong Tập San Tương Tư Cỏ Lá của Thi Văn Đoàn Thượng Tứ, nhất là truyện Phượng Còn Lâu Mới Phai."

Tôi hòa nhập ngay trong khung cảnh nầy, không ngờ một cô gái lạ, trẻ, đẹp ăn bận rất tân thời lại ngưỡng mộ mình, cho dù cô ấy nói không thật lòng, tôi vẫn thấy vui, nên gật đầu cám ơn nghiêm chỉnh. Cô gái tiếp:

"Còn thơ anh thì tôi không thích, nhất là bài *Theo Chân Huyền Trân* đăng trong Giai Phẩm *Mây Về Núi.* Ngay cái đề thôi nghe đã chán, chưa nói đến ngôn từ, ý tưởng, vừa sáo, cũ, không có một ý nào mới. Nếu ngoài đời Huyền Trân về Chiêm Quốc bằng đường biển thì sao trong thơ, anh không cho nàng đi bằng một con đường khác, cheo leo giữa rừng núi hoang vu chẳng hạn, có hay hơn và đúng hơn không... Nói thật, anh đừng buồn. Thơ không phải là văn, văn độc giả có thể bao dung bỏ qua cho một vài câu hay một vài chữ vụng về, còn thơ không được điều may đó. Trước hết là anh thiếu niềm tin vào tâm hồn của chính anh, tôi chưa dám nói đến một điều gì khác,

làm cho thơ không còn là thơ. Có bao giờ anh nghĩ đến mình sẽ không làm thơ nữa thì hơn không?"

Một câu nói như thế đáng lẽ ra tôi phải tự ái, tìm cách chống đỡ, nhưng đối với cô gái có một nhan sắc cực kỳ lạ lùng nầy, tự nhiên tôi phản ứng xuôi chiều:

"Được một người đọc văn đã là vui bằng, được phê bình lại càng vui hơn. Cám ơn sự quan tâm của cô. Cũng sẽ có ngày tôi không làm thơ nữa, nếu xét thấy không đủ mức cần thiết."

Hoàng Quỳ nhanh nhẩu như để hòa giải:

"Xin lỗi, quên giới thiệu. Đây là Lê Lai Hương, nhà thơ, kiêm nhà phê bình văn học. Còn đây, như em đã biết, anh Bạch Kim, một ngôi sao mới xuất hiện trên bầu trời văn học xứ Huế."

"Không dám, anh Hoàng Quỳ có hơi quá lời khi giới thiệu tôi. Anh không nghe cô Lai Hương vừa mới chê tôi tận gốc rễ đó sao?"

Bằng một cười cũng rất lạ lùng, cô gái nói:

"Anh cứ yên tâm, chẳng có gì che dấu được dưới ánh mặt trời. À anh Bạch Kim nầy, có lần nào anh đọc tác phẩm của em chưa?"

Sau câu nói là một tia nhìn trong suốt mà từ đó làm cho người đối diện phải sửng sốt. Tôi choáng ngợp khá lâu, mới nói được một câu, xét ra cũng có chút ý nhị:

"Tuy chưa hân hạnh được đọc, nhưng như thế còn hơn." "Vì sao thế anh?"

"Không đọc thì tôi có thể cầm bút được, và không biết mình quá thua kém người ta."

Cũng nụ cười ấy, Lai Hương thắp thêm một ánh mắt trìu mến:

"Khi nhìn bầu trời rực rỡ thì trở về nhìn căn hầm tăm tối của mình, thảm hại quá phải không anh?"

"Phải."

Lâu sau, tôi hỏi:

"Cô Lai Hương thường đăng tác phẩm của mình ở đâu?"

"Không ở đâu hết."

"Thế thì tôi không đọc, không phải là lỗi của tôi chứ. Nay lại là lỗi của cô, người nói không thực với tôi."

Lúc nầy nụ cười của cô gái mới dứt hẳn trên môi. Đôi môi ấy khi ở trong trạng thái bình thường đã là một nỗi buồn:

"Xin lỗi anh Bạch Kim, đó chỉ là một cách nói để tìm hiểu anh thêm, để xem những người cầm bút có thể thông cảm nhau được không. Còn tôi chẳng bao giờ đăng báo. Làm rồi để đó, lâu lâu đem ra đọc, không có sự phản

chiếu nào hoàn thiện hơn là chính lòng mình trong trạng thái bình yên."

Hoàng Qùy góp ý:

"Một người đàn bà lập dị là một tai họa. Một nhà văn, nhà thơ, nhà phê bình văn học lập dị là một đại họa. Kẻ thiên tài hiểu lấy để tự kềm chế được trước những huyễn thuật vu vơ. Họ ít khi nhầm lẫn và để lại phía sau xa tít những nỗi đau và hứng lấy phía trước rất xa những linh cảm của cõi đời, cõi lòng..."

Lai Hương cố cử động tấm thân thanh thoát để cho ánh nắng chiều qua cửa sổ chiếu vào mái tóc chia từng vũng sáng tối một cách não nùng. Nàng nói, như không nói với ai:

"Cuộc đời đối với riêng em, chưa bao giờ và không bao giờ nhân danh bất cứ một điều gì để cầm bút. Còn văn thơ em, vẫn không hề chùn bước trước bất cứ một ám ảnh nào, trên đời. Em thừa hưởng thiên nhiên, đúng hơn là Tạo Hóa, sự bộc bạch ngời sáng của mãnh lực con tim. Phận gái em, tự nó đã xuôi dòng. Trên dòng, nó lại tách ra để xuôi theo một lối không phải lối thoát. Trong văn học, em không muốn ăn khớp với bất cứ những cái mộng tương ứng nào. Thôi, không dài dòng nữa, em xin đọc cho hai anh nghe bài thơ nhé."

Lai Hương nhìn nhanh ra bên ngoài cửa sổ như tiếp nhận thêm sinh khí, cất tiếng ngâm:

chẳng lẽ, đời nầy, không có ai ngoài tA
sinh ra một mình, độc nhất, thì không biết buồn
chợ bán đủ thứ, biết mua gì
kim chỉ đâu vá được nỗi lòng rách
trăm năm chẳng biết sống để làm chi.
chẳng lẽ, lòng ta, chỉ có một cuộc đời
vài ba thước đất đâu phải con đường
đi lại nhiều lần thành người không bóng
bóng hình nhân nào thay bóng mình.

Dĩ nhiên là cả tôi và Hoàng Qùy đều khen hay.

Buổi chiều, sau những câu thơ ấy bỗng sương xuống.

Chúng tôi không nhìn thấy nhưng biết những dãy núi trên kia đã bị bóng tối che lấp. Như trên đã nói, mùa thu có thêm dòng sông Hương thì Huế buồn thêm, cũng muốn nói thêm Huế khi hoàng hôn xuống thì dòng sông ấy không còn nữa, nó nhẹ nhàng chuyển mình thành một tảng cỏ màu xanh biếc. Nếu có một đốm lửa trên ấy thì tất cả đều sáng lên như người đi

trong sa mạc gặp ảo ảnh một đám mây. Huế chẳng bao giờ quên trong lòng người nhờ những buổi hoàng hôn đột ngột, trữ tình như thế.

Đáng lý buổi thảo luận văn thơ đến đây chấm dứt. Nhưng Lai Hương lại tiếp:

"Hai anh nhận xét thế nào về bài thơ vừa nghe?"

Tôi cố trì hoãn, nhường cho Hoàng Qùy nói:

"Nếu bài thơ nầy đọc trong khung cảnh mùa xuân hay mùa hạ thì hay hơn. Tiếc rằng nay đang ở giữa thu, mà trời đất chung quanh đã có những vần thơ tuyệt đối rồi."

Phản ứng với một câu nói như thế đối với tác giả là:

"Anh Bạch Kim, đã từng làm thơ, nghĩ thế nào thì tôi không biết, nhưng anh Qùy "phê"â như thế là không hiểu chi thơ, có khi không hiểu chi cả tấm lòng người làm thơ. Không ai phủ nhận được rằng, khi cầm bút ngồi trước trang giấy trắng, người nghệ sĩ luôn cảm thấy mình đang nhận lãnh một sứ mệnh. Y như sứ mệnh người chiến sĩ ngoài trận mạc. Mực với máu, nghĩ cho cùng, chẳng khác gì nhau, một trạng thái tồn tại và thăng hoa tùy thuộc vào vật chứa của tâm hồn, cả hai đều vô hình, vô sắc. Bọn nghệ sĩ thì khác xa. Vẫn thấy mình lặn hụp trong dòng đời, khi nhờ sóng đẩy lên, sợ chết, cố bơi vào bờ thì thân mình đã trần trụi, ướt đẫm, đó là chưa kể biết bao nhiêu kẻ đã bị chết chìm, đem thân mình hòa tan vào bùn bụi. Anh Bạch Kim đã từng gối đầu lên thơ văn, em nói như vậy có quá đáng không?"

Tôi thấy cái ý nghĩ đó lớn lao quá, thật ra, tôi làm thơ để cho vui, hay làm vì một thôi thúc nào khác tầm thường hơn, nên biết dung hòa:

"Đó là những người sống chết với nghiệp thơ văn. Còn tôi chưa hân hạnh được thế, chưa hiểu hết những lời cô vừa lý giải. Xét cho cùng thơ văn của người khác, khó mà nhận định nổi."

Lai Hương cười xòa:

"Nếu quả thật lòng anh như lời anh nói ra, thì anh còn đáng trách hơn anh Hoàng Qùy nhiều. Nằm trong chăn mà không biết chăn có rận hay không là tối nguy. Một đằng mù tịt về thơ thì có thể chấp nhận được. Một đằng đã từng làm thơ sao mà bạc bẽo thế. Không nhập cuộc nghĩa là đứng bên lề, mà đứng bên lề, lãnh vực nào cũng thế, đều là hành động có ẩn ý để cho đời mình và đời nhiều người khác rước thêm những điều phức tạp, phiền toái. Nếu không muốn nói là thiếu tình người."

Nhờ nụ cười vô tư của Lai Hương sau câu nói ấy, tôi yên tâm lái câu chuyện sang đề tài tôi cần khi đến đây:

"Tuy anh Hoàng Qùy không làm thơ nhưng đời anh là một bài thơ hay, tôi muốn nói đến một người vừa may mắn, vừa bất hạnh trên trường tình. Cả

hai ấy đã làm cho đời người thêm nhiều ý nghĩa, nếu coi nó là một mãnh lực, một sức đẩy."

Câu nói nầy của tôi có lẽ làm cho Hoàng Qùy phải bâng khuâng. Và câu trả lời sau đây của anh tôi cho là thật lòng :

"Cuộc tình duyên của tôi với Nguyên Khôi quả là một đề tài để thiên hạ bàn tán. Ngay từ bây giờ tôi vẫn còn tự hỏi, không hiểu tại sao búa rìu dư luận lại dồn một phía để đốn ngã một cây. Cảm giác như là họ vui mừng khi chúng tôi xa nhau. Nếu tâm ác hơn, tôi nghĩ rằng chúng tôi xa nhau là niềm vui cho nhiều người, là một điệu hát hay trong gánh hát đang diễn xuất một tuồng tích cho họ ngồi xem thỏa thích chính gian giữa ngôi nhà êm ấm, hạnh phúc của họ. Khi tôi cưới Khôi Nguyên đã gây ra sự rạn nứt trầm trọng cho cả một thành phố và khi chúng tôi xa nhau, là một chất keo hàn gắn nhanh chóng những vết thương đó. Được vua ban cho một khu đất làm thái ấp vừa rộng vừa tốt, cày cấy được cả hai mùa làm của riêng, kẻ công hầu bá tước hoan hỉ mở tiệc chiêu đãi linh đình. Tôi cũng thế, cưới được một người đẹp, là tu nhân tích đức của ông cha mấy đời. Khi xa nàng tôi mới thấy mình bị một điều gì từa tựa như diễm phúc hơn trong cái đã có và đã có rồi mất. Ai cũng cho tôi khi mất nàng là nỗi đau. Không phải thế, tôi chưa hề là kẻ ở hẹp mất-ruộng-cố-giữ-lấy-bờ. Nghĩa là gắng tìm cho tôi một sự hồi tưởng lạc thú. Chỉ có thế, không có gì khác. Con người sống với kỷ niệm hay với ký ức của mình có khi còn yên ổn hơn thực tại. Người đời, có thể hiểu được tôi khi tôi còn nàng, mà không hiểu được tôi khi mất nàng. Tôi không muốn nói ra hết cho ai những gì tôi có được sau khi mất một người vợ đẹp. Kể cả Lai Hương đây đã đến chia sẻ với tôi trong những ngày mà nàng tưởng rằng tôi đã hụt hẫng. Tấm lòng nàng tôi đã tôn thờ. Và cả anh, trong một nhiệm vụ đặc biệt của văn chương nghệ thuật nầy"

Lai Hương một thoáng nhìn tôi, rồi nói:

"Nếu có một người độc nhất vô nhị trên trần thế nầy không hề phân biệt giữa còn và mất thì người ấy là anh Hoàng Qùy. Chúng tôi xin bái phục anh. Thôi, chúng ta cũng không nên làm phiền anh ấy nữa."

Sợ tôi chưa hiểu hết, Hoàng Qùy thêm:

"Cám ơn anh Bạch Kim, trên cương vị nhà văn đi tìm vàng thau, đã đến với tôi, rất tiếc tôi không cung cấp được gì cái gọi là chất liệu cho một tác phẩm. Còn trên cương vị nhà báo thì tôi có thể nói với anh: trước, trong và sau khi Khôi Nguyên, trong đời tôi, là một biến cố. Biến cố nầy hiển nhiên cho tôi một vinh quang không thể tìm thấy lại một lần thứ hai. Một vinh quang khác, thuộc về nàng, từ phía tôi nhận thức, nàng cũng đang vui mừng vì đã có một thời làm vợ tôi và khi xa tôi khác với xa theo nghĩa thông tường.

Không phải người đàn bà nào cũng có tâm hồn như nàng. Khi nhận tôi làm chồng cũng như khi hết nhận tôi làm chồng, nàng đã đổ một bóng núi tỏa ngập xuống giữa đời chung, không phải riêng tôi, riêng ai. Bóng càng bao la núi phải cao và trụ vững trên vùng đất thánh. Một người đàn bà đẹp, tự nó đứng lên trên tất cả cái tầm thường kh uôn thước. Anh dù lăn lộn trên ngõ ngách văn học nhiều, nhưng chưa có vợ, thì anh không thể nào biết được những gì sẽ xẩy ra cho một người có vợ. Khi người đàn ông và đàn bà đến với nhau không còn một khoảng cách (không gian) nào nữa thì một khoảng cách (tâm hồn) khác ắt phải xuất hiện. Mọi sự đã khác hết rồi. Tôi dùng chữ khác để anh dễ tưởng tượng thêm. Đàn ông đến với tình vợ chồng tôi nói tình vợ chồng, không phải tình yêu- bằng một con đường khác, tình yêu đến bằng một con đường khác. Khi người đàn ông bỏ cuộc tình đó thì quay về một con đường khác nữa. Còn người đàn bà khi bỏ cuộc tình, quay về ngay trên lối mòn mà trước đây họ đi đến. Như thế, một phần nào cho chúng ta phái nam- biết lòng họ chập chùng, chằng chéo biết bao. Khôi Nguyên là một người đàn bà đẹp khó tìm thấy trên đời, tôi chỉ là người thử nghiệm khả năng tìm kiếm c ủa mình xem hiệu quả thế nào. Sau nầy, chúng tôi ngồi lại tìm ra nguyên nhân vì sao thành được vợ chồng, thì tôi mù tịt, còn nàng thì lấp lửng, mập mờ nhưng vẫn cố tránh đổ cho số phận. Đến khi sắp viết văn bản ly hôn, thì cả hai, bất chợt có một ý niệm chính xác về cuộc tình duyên, tôi coi như một vận hội, trong đó bước rủi may, lẽ thịnh suy ngoài tầm tay, nhưng nàng thì dửng dưng trước mọi chuyện, trở về ngay trên con đường ngày xưa đã đến với tôi. Cho đến giờ phút nầy, tôi vẫn quý nàng, trân trọng một người đàn bà mà tôi không thể tìm đâu ra trên đời nầy, cũng như nhan sắc ấy không tìm đâu ra trên đời nầy (điều nầy tôi cố lập lại nhiều lần). Và một điều cuối, tôi có thể nói với anh, chẳng có ai, chẳng còn ai, tôi yêu hơn yêu nàng trên đời nầy."

Sau câu ấy, Hoàng Qùy thở ra nhẹ nhõm, như trút được gánh nặng. Nếu quả như thế, thì tôi coi như mình đã làm được một việc từ thiện.

Người chăm chú nghe Hoàng Qùy nói hơn tôi là Lai Hương.

Tôi nhìn cô như để nhờ cô nên nói gì thêm với Hoàng Qùy. Nhưng cô lại nhìn tôi. Rốt cuộc cả hai chúng tôi không nói gì nữa, cho đến lúc xa.

*

Trong vòng hai tuần lễ tôi đã đi gần hết những nơi cần đến để thu thập tư liệu cho việc sáng tạo.

Trong hành trình nầy, bất ngờ hình ảnh Lai Hương đi theo bên tôi

trong một vị thế rất khắng khít. Thoạt đầu là ý nghĩa của chín câu thơ trôi theo tôi như dòng chuyển động của một sợi dây thòng xuống vực thẳm mà tôi là người duy nhất đang có dưới đó. Tiếp đến, là chuỗi đam mê cực kỳ tàn ác, đã đi quá cái đà mà triết học định nghĩa là nổi bậc, bá chủ hay độc tôn, nghĩa là nó đã làm lu mờ mọi khuynh hướng khác rồi. Vì sao?

Khi cưu mang một chuyện dài, tôi có ý định đưa Vân Anh người tôi đang yêu- làm nhân vật chính. Điều nầy không phải dễ dàng, vì tôi phải xin phép nàng. Là một cô gái chưa yêu ai lần nào và còn đang tuổi học trò chưa tỉnh táo trong tình yêu, tôi phải đem hết mọi lý lẽ để cho nàng hiểu rằng văn chương thường tựa vào một hào quang nào đó mà hư cấu thêm, Vân Anh hỏi: "Cốt truyện có gì lâm ly bi đát không, anh?" Tôi nói: "Có". Chỉ một chữ ấy thôi, đã làm cho khuôn mặt nàng đang tươi sáng bỗng úa héo: Nàng hỏi tiếp: "Có gì bất hạnh không?". Tôi thật lòng: "Có". Sau một hồi suy nghĩ Vân Anh nói nhỏ: "Lâm ly, bi đát, bất hạnh em đều không ngán, em chỉ sợ nhất là chia lìa." Nói xong, nàng nghiêng người, nhìn thẳng vào phía có bức tường, để che dấu cảm xúc.

Tôi cho lúc đó nàng đang khóc. Đó là dòng lệ tinh khiết của tình yêu đầu.

Nay thì rõ ràng trong tâm hồn tôi đã thay đổi, tôi muốn nói hình ảnh Lai Hương đã chế ngự tôi ở một mức độ khủng khiếp, hình ảnh cô gái đó cứ lẩn quẩn gây cho tôi nhiều tưởng tượng tự phát, phấn chấn và nhanh chóng hòa nhập vào một thế giới vượt ra ngoài thực tại. Người mà trước đây chưa đầy một tháng, tôi lấy sông núi ra thề nguyền, đã nằm im một đống không đủ sức cựa quậy trong xó ghềnh thác hiểm hóc của ký ức tôi, nhường lại toàn bộ cho một cô gái mới quen lần đầu, một cô gái tôi biết đã thành đàn bà, và yêu nhiều người trước tôi, trong ấy có tự nguyện băng bó vết thương lòng cho một người bị vợ bỏ, như Hoàng Quý đã bộc bạch. Cả những câu thơ ấy cũng không hay xét về phương diện nghệ thuật, nếu không có nụ cười hay ánh mắt của người làm ra nó tô điểm thêm.

Khi truất phế người yêu cũ để một thần tượng mới lên ngôi (dùng theo như ngôn ngữ văn chương cổ điển) tôi không hề đau đớn gì. Nỗi tuyệt vọng của Vân Anh, nếu có, tôi tìm đủ mọi cớ để biện minh cho mình và lẩn lánh một cách tinh vi không dính dấp vào. Tôi cố bình tâm, đầy tự tin, nắm chặt vào sợi dây thừng mượt mà không ngừng giống lên hồi chuông báo hiệu hừng đông đã lên. Điều mà người đời thường nói là lương tâm cắn rứt tôi có. Hơn thế nữa, tôi đủ sức làm một hàng rào cản vô hình kiên cố để cho hình ảnh Vân Anh không thể lọt qua được một khe hở nào vào tâm hồn tôi. Đó là sự thay hình đổi dạng, hơi giống như ngộ biến tòng quyền!

Một chiều, tôi đang ngồi sửa lại bản thảo thì Lai Hương đến. Nàng đi xích lô và bảo người tài chờ ở gốc cây sầu đông bên đường, trước nhà tôi.

Mẹ tôi có chào nàng rồi lặng lẽ xuống nhà bếp. Bộ dạng của mẹ tôi có vẻ bất bình.

Lai Hương mang cho tôi một tập thơ chép tay kèm theo một bó hồng nhung. Bìa tập thơ giấy vàng hoa văn trắng là những búp sen chưa nở hết thường vẽ trong chùa miếu. Vẻ đẹp của hoa hồng và bìa sách nhờ những tia nhìn và khoảng da trắng nõn ở cổ và một khoảng ngực của nàng mà ửng lên.

Nàng nói:

"Em đến để xem cơ ngơi của anh. Cơ ngơi văn học thôi. Có đường đột không?"

Tôi trả lời liền:

"Không sao, hân hạnh cho tôi là đàng khác. Còn cơ ngơi, cô thấy đấy, chẳng có gì."

Nhìn quanh một lượt tủ sách của tôi, mấy tấm tranh thủy mạc và bức tượng khắc đẽo bằng gỗ vàng tâm. Nàng hỏi:

"Tượng ai đây, anh?"

"Trang Tử."

"À, cái ông ưa hóa bướm đây à, em nghe ông ta lấy yếm thế dạy người, cho rằng trời đất không có chi lớn, không có chi nhỏ, sang hèn cũng vậy, sống chết như nhau, khi ngủ dùng đạo thuật đi rong chơi ngoài ngàn dặm, sao nét mặt vui vẻ, thơ ngây quá vậy? Hay là người điêu khắc tay nghề kém, không lột hết cái thần của người ta?"

Tôi nói:

"Cô đã nhầm rồi, suốt cả đời ông ấy có bao giờ buồn đâu. Cái quạt để quạt cho cỏ chóng khô trên mồ hay cái búa bửa quan tài cũng chỉ là mảnh phù chú để nối dài thêm hai cánh bướm. Yếm thế chỉ là phương thuật để gặp hồ điệp mộng đó mà."

"Nhưng dù sao chúng ta đều phải thán phục cái giá trị của những huyền thoại bao quanh đời ông ấy. Rõ ràng là đời nầy chẳng có chi buồn mà cũng chẳng có chi vui. Con người dĩ nhiên là phải trụ giữa hai vị trí ấy, dù bất ổn. Riêng em thường núp (chứ không phải trụ) ở đầu mút nầy hay mút kia để tránh sự thảm khốc khi Con Tạo xoay vần. Anh hâm mộ ông nầy lắm phải không?"

"Không, tôi thờ ông là thờ tấm lòng, suốt đời ông chưa bao giờ biết giận ai. Khổng Tử còn tiếng bấc tiếng chì với vua nước Lỗ khi đắm mê tửu sắc, hai chữ nhân nghĩa của Á Thánh Mạnh Tử còn lu mờ bởi những oán hận thiên hạ bất xứng bao quanh. Trang Tử không có thế. Cả mấy ngàn năm vạn

vật còn nhớ đến hai chữ "than ôi" của ông. Người đời thường thì đặt hai chữ ấy trước câu nói, ông đặt sau."

Lai Hương nói nhỏ lại:

"Em đến thăm anh, cốt là xin lỗi anh và rút lại lời nói hôm trước, hôm đó luôn miệng nói ra, mấy ngày sau nghĩ lại ân hận liền, là khuyên anh không nên làm thơ nữa. Đó là một lời khuyên thiếu ý tứ, thậm chí là kỳ cục, vô trách nhiệm. Mong anh cứ coi như em, lúc đó, bị ma đưa lối quỷ dẫn đường thôi nhé."

Câu nói trước đây làm tôi để lòng tới, bây giờ không phải câu đính chính ấy mà chính là sự hiện diện của một người có quá nhiều sắc đẹp, làm cho tôi vui:

"Đúng ra phải ân hận mấy phút hay mấy giờ sau, sao để đến mấy ngày, chậm quá chăng. Nếu cô không rút lại, có nghĩa là bên bờ sông vắng teo nầy mất đi một người làm thơ, hay đúng hơn là nữ thi sĩ nhà ta thiếu một người đồng hành, dù lê bước, khập khiễng hay trụt lại đằng sau?"

"Có thể đúng vậy. Suy tư anh được như thế thì dám viết truyện dài là phải. Thế anh dự định bao lâu mới hoàn tất?" "Làm sao biết được, tùy theo nguồn thúc đẩy chứ."

Cũng một nụ cười tinh anh như hồi mới gặp ở nhà Hoàng Qùy, và câu nói sau đây cũng chen giữa nụ cười ấy:

"Sao anh không coi em xuất đầu lộ diện đến đây với hảo ý như là một động cơ?"

Tôi cảm động không tìm ra câu trả lời. Lai Hương tiếp:

"Có thể là khi có em bên cạnh, ngoài đời hay trong trí tưởng, anh trở thành một người viết văn đàng hoàng, tận tụy. Em coi những tác phẩm xưa kia của anh không có tầm cỡ vì thiếu..."

Lai Hương không nói nữa, đưa đôi mắt thăm thẳm nhìn tôi. Sau lưng tôi, dường như có bức vách vô hình để tôi tựa vào cho khỏi té ngửa, mà lo ngại thay chỗ dựa ấy càng lúc càng trụt lở. Trước khi nói hay khi hết nói, lúc nào Lai Hương cũng nhìn ra không gian bên ngoài, như ở đó giúp cho ý tưởng nàng thêm hào nhoáng, phô trương. Không gian Huế, bất cứ ở đâu, cũng đều bát ngát. Khung cảnh thu qua đã lâu mà mùa đông chưa về càng bát ngát thêm.

Nhìn vào nhan sắc nầy, người thiếu tự tin (như tôi) rất nẩy sinh ra nhiều ý nghĩ hoang mang. Ở một dạng người khác, có thể cảm thấy đó là một nguy cơ, sự phồn thịnh giả tạo, một chiếc bẫy, một pháp trường, một vực thẳm. Tất cả mọi hấp dẫn đó đều có tính toán, có chủ đích của bàn tay vô hình. Chiếc bẫy nầy giăng ra không khác chút nào loài hoa ăn thịt giữa rừng.

Cả hai đều sặc sỡ và đầy hương thơm và quyến rũ. Việc làm nầy của Thượng Đế thì ai cũng có thể hiểu.

Sự suy nghĩ của tôi thầm kín như thế cũng bị Lai Hương phát giác:

"Anh vẫn bận tâm với một "nhân vật" quá ư đặc thù như em phải không?"

"Có, nhưng không bận tâm mà quan tâm."

"Phải lắm anh à, một người nghệ sĩ rất cần những đức tính như thế, không có gì đáng bận tâm hết. Mà nên quan tâm, không chỉ em thôi, mà nhiều người, nhiều cảnh ngộ. Phải đích thị là người đầu đội trời, chân đạp đất. Có đầu, có đuôi. Nhà và đời của người cầm bút cửa phải mở toang. Cột kèo chống nó phải đẽo gọt nhẵn, to và cao. Tấm chiếu lòng phải trải rộng ra, mời mọi sinh vật vào cùng ngồi, không có rìa chiếu, không có lầm vôi, than, không có giới hạn. Đó là chốn cuối cùng để cùng nhau quây quần tế trời."

"Vì sao phải đa đoan thế?" Tôi hỏi.

"Nếu anh không chịu hiểu thì em sẽ giải thích vào một dịp khác thuận tiện hơn, như đi chơi với nhau một chuyến chẳng hạn. Nên lắm anh Bạch Kim ạ, em cam đoan đi với một cô gái đẹp có hạng như em, anh chẳng lỗ điều gì đâu, nếu không muốn nói là lời nhiều thứ, nhiều lắm. Em tin tưởng chuyện dài của anh sắp chào đời, không phải là dị tật, còi cọt hay thiếu sức sống, thiếu sự chịu đựng giông bão đời. Em có thể làm một người vú nuôi nó, ngay từ bây giờ. Anh thừa biết thiên chức cao quý của mẫu nhũ rồi chứ."

Không đủ sức diễn đạt được, tôi chỉ nói cám ơn. Chúng tôi nói chuyện với nhau một hồi rồi Lai Hương về.

Ra đến gốc cây soan, nàng dừng lại, đưa tay vẫy tôi đang đứng thẫn thờ dưới mái hiên. Trời sương bụi giăng bốn phía. Nàng lặng yên như một điểm sáng bị dồn vào chân trời.

Còn lại một mình, cũng tựa lưng vào bức vách vô hình sấp sập kia, tôi bâng khuâng nhớ tới nàng. Trong đời tôi, giờ phút nầy đây, tưởng chừng như không có nàng, không thể sống nổi. Nàng là ai và từ đâu đến. Từ đâu đến và ra đi bằng con đường nào? Xét lại những lời của nàng nói ra, tôi không nắm vững một điều gì, cơ hồ như viễn vông, như bông lông, đùa cợt, không có chủ đích hay có chủ đích đánh phá một cái gì đó trong sự nghiệp mà tôi vẫn tự phụ sẽ có ngày thành công chăng?

Mẹ tôi xuất hiện kịp thời bằng một cái bỉm môi chua cay:

"Không ngờ ngày nay con quan hệ với một hạng người như thế?"

Tôi ngạc nhiên:

"Như thế là thế nào, thưa mẹ?"

"Con không thấy người ta ăn mặc và nói năng đó sao, còn bệ rạc hơn cả đám phường chèo."

"Ấy, chưa chi mẹ đã nặng lời với người ta rồi. Cô ấy ăn mặc, nói năng của cô ấy có gì là quá đáng đâu."

Mẹ tôi nghiêm nghị:

"Mẹ nghe rất rõ những điều cô ta nói với con. Con giả vờ hay vô tình không hiểu ra đó thôi. Ngay cái cách ăn mặc hở hang của cô ta đã là khinh thường con và cả người sinh ra con nữa. Có phải là muốn để lung lạc con không nào?"

"Lung lạc à, con là con trai đâu phải con gái, mà lại một thằng con trai nghèo, sự nghiệp chẳng có gì. Mẹ làm như con là công tử không bằng. Nhưng con có hứa hẹn gì đâu. Mẹ có biết rằng con đang đau khổ không?"

"Đau khổ à, cái đó tùy con gánh lấy. Mẹ chỉ mong con hiểu rằng, tâm lý đàn bà, con gái đâu có đơn giản như con tưởng. Có một giai đoạn nào đó, một thôi thúc cấp bách nào đó, người ta cần một người nhẹ dạ như con để làm thảm lót đường cho họ đi. Con thân tình với người ta không sợ Vân Anh nó buồn sao. Mẹ chỉ muốn, ngoài nó ra, con không được nhị tâm với ai, nghe chưa?"

Nói xong câu ấy đôi mắt mẹ tôi đỏ hoe, chạy nhanh xuống bếp.

Xưa nay, mẹ tôi ít nói, nhưng nói cái gì ra cũng đúng cả. Mẹ tôi có một trực giác rất nhạy và nhận xét tinh tường mọi việc xẩy ra chung quanh. Tôi vẫn đặt hết niềm tin vào người mẹ hiền từ và nhân hậu, nhưng đối với Lai Hương thì không. Không phải mẹ tôi sai, mà chính là tôi đang ở vào thời kỳ dầu sôi lửa bỏng, không biết làm sao quên nàng được. Hình ảnh nàng ở vào một thời kỳ ám ảnh tôi không rời, mà ý chí bị tình cảm dồn ém vào một xó lạnh lùng không lối ra. Không hề có cuộc xung đột giữa ý chí và tình cảm, nên tôi cho ý chí mình đã đến hồi thất táng. Nghĩa là tôi không nghe lời ai, kể cả người sinh ra tôi. Hình ảnh Lai Hương ám ảnh tôi như một tảng đá ngàn cân đeo cổ.

*

Tôi sung sướng nhận lời đi chơi với Lai Hương. Chúng tôi về Cầu Ngói Thanh Toàn.

Tôi và nàng đi bộ rất tình tứ trên con đê từ Lang Xá Cồn về Thanh Thủy Chánh. Cả một vùng trời ánh lên từng đợt óng ánh vờn quanh nàng và chiếu rọi qua châu thân tôi như một thư sinh vừa đậu trạng nguyên ngày vinh quy bái tổ, nàng đi sát bên tôi như một công chúa lộng lẫy con vua đang

tại vị. Vừa đi nàng vừa cất tiếng hát, không biết thơ nàng hay ca dao.

Cũng một cánh đồng ruộng mênh mông ấy, nếu như tôi và Vân Anh hay một cô gái nào khác đi qua, thì chắc không có gì xẩy ra, không có gì đáng nói.

Cánh đồng nước trắng xóa bỗng trở nên xanh rờn một màu cỏ non ngun ngút bạt ngàn. Tôi chẳng ao ước gì hơn, trên cánh đồng cỏ mượt mà ấy có thêm bọn mục đồng thơ ngây, một tay đưa lên vẫy chúng tôi, tay còn lại nâng niu sợi dây mà đầu mút bay lượn những cánh diều. Cánh diều bay lên, không phải từ tay người mà từ đầu mút những ngọn cỏ thơm. Những ngọn cỏ sắc hơn gươm làm rướm máu lòng người.

Cầu Ngói Thanh Toàn nơi chúng tôi đến, đang trên đà chuyển động biến dạng từ sự tồn tại đến tan nát. Cái thời vàng son không còn nữa, tìm đâu ra một vị vua vui vẻ cởi áo hoàng bào vắt lên lan can gỗ thô, ngồi ăn cơm đạm bạc chung với những nông dân chân bùn tay lấm. Đôi đũa vua gắp những miếng dưa cà, rau sam, rau dền vót từ một gốc tre già đầy gai bên vệ đường. Dưới mái ngói cầu kia, vua quan và thần dân sum vầy bên nhau, cùng ngồi bệt trên sàn gỗ tạp để bàn việc nước. Họ nghe trên mái ngói ống tráng men rêu phong đã phủ mờ kia, từng giọt cam lồ rơi xuống thánh thót. Và đâu đây, bay lượn không ngừng hương hồn mười hai vị tộc trưởng từ đất Thanh Hóa xa xôi lếch thếch đi theo chúa Nguyễn Hoàng về khai phá làng nầy. Và lời cầu tự của một Thị Đạo năm xưa vẫn còn vang vọng trên những đọt dừa không trái. Đây không phải là chiếc bè quý để lướt t rên những lau sậy êm ái sang bên kia phía có mặt trời mọc, cũng không phải chiếc lầu son để ngồi hưởng thanh gió mát, mà là một mái hiên ủ dột để cho kẻ tha phương cầu thực có chỗ dừng chân khi lỡ bước. Chúng tôi đến đó, một buổi chiều sang đông.

Khi Lai Hương đặt bàn chân ngà ngọc lên cầu thì hoa bèo dưới sông bắt đầu nở rộ. Một vầng thái dương ngoài kia vùng Xuân Hòa bỗng biến thành một mảnh trăng long lanh. Nàng reo lên:

"Ơ kìa, anh ơi! Bên kia, xanh ngát một rừng thông. Ánh trăng đổ về phía ấy rồi. Thông chứ không phải là dương liễu. Ta phân biệt không sai, nhờ trái thông to hơn."

"Có thật là phấn thông màu vàng và thơm ngát không?" Câu hỏi của ai đó trong khoảng không, không phải tôi.

Và cũng có tiếng ai đó, không phải chúng tôi, đáp lại từ xa xôi:

"Mầm phấn và hương nguyền ơi, biết đến bao giờ phai?
Lòng đã xiêu dạt về phương trời ấy,

Đoạn trường ai có qua cầu mới hay"

Bỗng dưới chân cầu, xuất hiện ngược dòng nước, một chiếc thuyền tam bản lao tới rất nhanh. Người đàn bà đứng cheo leo trước mui thuyền cất tiếng gọi tôi:

"Con ơi! Về đi..."

Bất đắc dĩ, tôi phải nhìn xuống. Người đó chính là mẹ tôi. Tôi hoảng hốt, chạy nhanh về phía pháo đài bỏ hoang để trốn. Tiếng mẹ tôi còn đuổi theo:

"Về đi, Vân Anh chết rồi. Ngoài con ra, không ai để tang cho nó..."

Tôi định cao giọng trả lời: "Mẹ về đi thì đúng hơn, con không can dự vào." Nhưng thuyền đã lao về phía cánh đồng ngập nước, nơi có đàn ngỗng trời vừa cất cánh.

Tôi lại đâm đầu chạy nữa thì Lai Hương đuổi kịp, cầm tay tôi kéo chạy ngược về bên kia chân cầu.

Nơi ấy vô số căn nhà bị chiến tranh tàn phá chỉ còn lại những bức tường lở lói. Hai chúng tôi đi mãi trên hoang tàn đổ nát, mà trong lòng không hề có một cảm giác thương xót hay đau đớn gì.

Đầy tự hào, nàng nói:

"Đàn ông rất dễ lừa, nhưng một cú lừa ngoạn mục như em, xưa nay hiếm, nếu không muốn nói chẳng ai làm được. Em đã lừa được anh. Và anh mừng rỡ chấp nhận cú lừa nầy như một ân huệ hiếm có, phải không?"

Tôi gật đầu cùng với những cơn mưa đổ xuống. Những giọt mưa sáng như những thanh gươm cắm xuống mặt đất.

"Về cầu đụt mưa thôi."

Tôi tha thiết van vỉ nàng. Nhưng nàng níu tay tôi ngồi xuống:

"Không, không đi đâu hết nữa. Em sẽ che mưa cho anh, bằng vạc áo của con nhà hoàng phái, phẳng phiu và êm ái còn hơn những chiếc lá sen kết lại. Sen đẹp không phải nhờ hoa mà nhờ lá."

Tôi núp mưa trong lòng nàng như một đứa con núp trong lòng mẹ.

Chưa bao giờ trong đời tôi có một chỗ trú thân an toàn như thế.

Hơi thở nàng thơm mùi hoa cỏ trái mùa mọc buồn bã bên con hói sắp khô.

Và khi có tôi trong lòng, mỹ nhân tự cổ như danh tướng ấy, bỗng dâng trở thành một mệnh phụ phu nhân quần là áo lượt, toàn bằng một loại tơ tằm mới dệt vàng óng. Tôi bồi hồi, lo lắng tìm lại những gì lộ bày trên cơ thể nàng đã làm cho tôi hoang mang nhiều ngày trước đây, nhưng tuyệt nhiên không tìm ra. Lúc có tôi trong lòng, nàng đã biến thành một pho tượng lạnh

lùng. Tôi la lên, như cầu cứu:

"Lòng em không đủ che mưa. Về cầu thôi. Khi chết, ta không muốn gối đầu lên những gì đã chết rồi."

Vẫn giữ thái độ tự tin, nàng nhỏ nhẹ:

"Người yêu, đừng lãng mạn. Gạch đá nầy đổ nát chứ không phải chết. Chẳng mấy chốc, khi có tình yêu, nó biến thành một thảm nhung xanh rờn. Cái gì trong đổ nát đều nghìn vàng."

Tôi lại la lên, lần nầy cổ đã khàn:

"Không chấp nhận cú lừa nầy, không coi nó như một ân huệ đâu. Chúng ta là những người cầm bút cả mà. Hãy lừa nhau trên trang giấy trắng. Chỗ nầy không phải trang giấy trắng."

Và tôi đã tỉnh thức dậy sau tiếng la thất thanh mê sảng ấy. Nếu tôi không thức trước thì mẹ tôi cũng đánh thức tôi dậy thôi, vì mẹ tôi đã đứng bên cạnh không biết từ lúc nào.

Giấc hồ điệp không buồn, không vui mà có lẽ suốt đời tôi chẳng bao giờ quên. Tia chớp sáng lóe ngoài trời. Lòng tôi không phải bia đá, nên tia chớp vụt tắt.

Chính giấc mộng nầy làm cho tôi nghĩ đến nghĩ đến Lai Hương nhiều hơn. Có những lúc vì một sự thôi thúc bất chợt nào đó, tôi lại đem hình ảnh Vân Anh ra so sánh với Lai Hương. Và để cho tâm hồn mình được thanh thản, khỏi vướng bận một điều gì, tôi tạm đặt tình cảm hai người ngang nhau. Đó là những ngày tôi vì ôm đồm quá nhiều mơ ước mà trở thành người đi lửng lơ trên chiếc cầu treo, kết bằng tơ trời rất đổi mong manh, bên dưới là vực không đáy.

Mầu nhiệm thay, trong giấc mộng, tôi nghĩ đến một điều, mà lúc tỉnh tôi chưa nghĩ tới là, cho rằng mình đem một người đẹp lý tưởng về một nơi dành cho riêng tôi. Cho dù nàng không phải là của riêng tôi. Nàng yêu tôi là để cho tôi có cơ hội thành nhà văn. Điều nầy, không riêng gì tôi mà mẹ tôi, Vân Anh và cả thiên hạ bây giờ và ngàn sau đều tri ân nàng.

HỒ MINH DŨNG

Atlanta, 1.1998



NGUYỄN MẠNH TRINH

chủ nhật nhớ bài thơ hớt tóc nguyễn bắc sơn

"Về đâu cũng là về đâu đó
Đâu cũng đìu hiu đất Hán Hồ"
Dỡn mặt! ta đâu còn trẻ nhỏ
Chịu đành lưu lạc giữa hư vô

Buổi sáng chủ nhật đi cắt tóc
Hảo hán nghênh ngang mấy vỉa đường
Thế giới bỗng dưng thành rất chật
Mịt mù thiên địa cuộc tang thương

Về đâu thì cũng về đâu đó
Đứng ngẩn nhìn trời giữa phố đông
Cơn gió chớm thu sầu tấc cỏ
Không Kinh Kha mà nhớ bến sông

Bàn cờ thân thế kẻ xúm xít
Đẩm tốt qua sông mộng xé giời
Có đứa ngồm ngoàm với rượu thịt
Đất với trời? mấy nẻo xa khơi

Về đâu thì cũng về đâu đó
Buồn miệng thở khào một tiếng khan
Gương tráng thủy tóc râu bụi đỏ
Nhớ dường ai đôi mắt xa xăm

Tha hồ vỗ ngực mấy hảo hán
Cuối tuần cũng nhẹ gánh đôi vai
Văn chương ào ạt như mưa hạn
Mấy thuở chim bằng được giỡn mây

Về đâu thì cũng về đâu đó
Lái xe ra biển dõi trời cao
Ta bà thế thái mấy chuyện nhỏ
Mộng lớn đành thôi một vẫy chào

Ở đây nắng với mưa cũng lạ
Người với ngợm có lúc giống nhau
Thơ với thẩn và thực với giả
Điên cái đầu thăm thẳm nỗi đau

Về đâu thì cũng về đâu đó
Anh kiệt cũng suông giấc ngủ vùi
Sông Mường Mán có còn trăng tỏ
Bãi cát lầm sao gió chẳng vui?

Sáng chủ nhật tóc râu nhẫn nhụi
Sao tưởng mình râu tóc dài nguyên
Tháng ngày chưa biết cơn may rủi
Một nỗi buồn lén lút cất riêng

Về đâu thì cũng về đâu đó
Mời với nhau chén tiễn trường đình
Dù yếu rượu uống là mặt đỏ
Nhưng đành thôi, mệnh số lênh đênh

"Hớt tóc cạo râu là chuyện nhỏ
Ba ngàn thế giới cũng chưa to"
Cười mỉm, thằng cha này lý sự
Làm thinh, giấc bướm cứ nằm co.

Về đâu thì cũng về đâu đó
Tóc bạc mà trời đất bao la
Đợi rằm đến một vầng trăng tỏ
Chép lại bài thơ nhớ nước nhà...

NGUYỄN MẠNH TRINH
tháng 10, 1997



NGUYỄN MAI NINH

BIỂN, ĐÊM TRĂNG



Du leo lên khỏi con dốc thì trời vừa ửng nắng. Nàng không muốn ngừng lại dù đã thấm mệt, hơi thở ngắt quãng, nhưng có tiếng chuông xe đạp lẻng kẻng đằng sau. Du vừa xốc cái túi vải đeo lưng cho ngay ngắn vừa tạt vội vào đám cỏ khô cao đến đầu gối, rồi bàn tay che nắng, nàng nheo mắt nhìn. Người đàn bà mặc áo đầm xanh đạp xe đi tới, cái giỏ mây phía sau đầy hoa cúc trắng. Du thấy bà ta có vẻ quen quen. Một giây, nàng nhận ra ngay người đàn bà ở bên kia đồi thông thường xuống biển tắm mỗi chiều. Như thấy Du một mình, bà nhướng mắt ngạc nhiên nhưng chẳng hỏi gì, đề nghị chở nàng đến cuối con dốc. Không chủ định, Du lắc đầu cám ơn. Chiếc xe đạp cùng giỏ cúc thoáng chốc đã mất hút. Thay vì tiếp tục con đường đổ xuống bến xe về thành phố, nàng lững thững rẽ vào một lối đi nhỏ. Hai bên nhấp nhô những đụn cát, và dưới kia, xa hơn, là biển. Đây đó từng lùm sậy vươn cao, có đám tươi xanh, đám đã vàng. Tất cả có vẻ hớn hở sau đêm mưa vừa qua.

Mới đêm hôm qua thôi ư?

Không, đã như từ nhiều ngày tháng trước...

Khi hắn ngừng xe, tôi dang chân nhảy xuống, vừa mở cái nón mô tô,

một luồng gió mát nặng mùi biển thốc vào mặt và tóc. Hắn chỉ cho tôi căn nhà mái ngói dựng sát một bờ đá, tường quệt từng mảng sơn vàng sơn xám. Điều đầu tiên khiến tôi chú ý là căn nhà có hai máng xối dài chạy dọc suốt theo mái, dẫn vào hai thùng phi to đựng nước, thật giống hệt quê tôi. Trước nhà là một khoảng sân đất trộn lẫn gạch đá cùng cỏ dại. Một đống lon bia và vỏ chai rỗng, đủ loại, ôm quanh gốc cây ngô đồng sừng sững giữa sân. Dưới tàn cây to là chiếc bàn dài ngổn ngang ly đĩa cùng dao muỗng, vài ba cái ghế dựa vào gốc cây hay vất lưng chừng trong sân. Tôi quay mặt về hướng gió, những bụi cây, cao lẫn thấp, lan tận tới biển phía dưới xa. Trên một màu nước xám, những gợn sóng trắng lăng quăng dài mút mắt.

Xe chưa dựng xong, đã có hai bóng người từ trong nhà đi ra. Một cô gái mặt mày tròn trịa đưa tay chào. Người kia là cô nhỏ tóc dài tôi đã gặp ở bệnh viện. Cô ta định chạy ra, nhận thấy tôi liền đứng lại ngay dơ nơi ngưỡng cửa. Tôi ôm cái túi vật dụng đi theo gã thanh niên vào trong. Căn nhà hóa ra chia làm ba gian nối liền nhau, gian này qua gian kia, bằng hai khung cửa trống lốc không có cánh. Khoang giữa chen chúc bốn cái giường, áo quần rơi vãi lung tung trên đó. Hắn dẫn tôi vào căn ngoài cùng. Biển thấp thoáng qua khung cửa được che bằng miếng kính rạn nứt. Tôi đặt túi xách xuống chiếc giường sắt kê sát bờ tường đối diện rồi ra đứng cạnh cái bàn gần đấy, trong khi hắn loay hoay thu dọn dăm ba thứ linh tinh trên đó. Chẳng hiểu nghĩ gì, bỗng nhiên hắn nói:

- Cô đừng để ý đến tụi nó.

Tôi bật cười nhỏ:

- Anh dụ tôi đến xem dân bụi đời lấy kinh nghiệm, lại bảo đừng để ý!

Hắn cũng cười theo, hồn nhiên:

- Ừ nhỉ, tôi quên, nhưng này, muốn khách quan, đừng quá nhạy cảm!

Họ có năm người, ngoài hai cô gái và hắn ra còn có hai gã con trai khác cùng cỡ tuổi. Một tên là anh con bé tóc dài, tên còn lại già hơn chút phụ trách bếp núc, buổi tối, tên này chui vào ngủ trong cái xe chở hàng đậu ở hồi nhà. Gian trong cùng là nơi nấu nướng và phòng vệ sinh. Mọi thứ tiện nghi hơn mức tối thiểu chẳng là bao, nhưng tự nhiên tôi không lấy gì lo lắng lắm. Cả bọn ngồi ăn nơi bàn dưới gốc cây. Mỗi người tự động bầy và dọn lấy phần của mình. Thường gã đầu bếp khuân ra một cái nồi hay chảo đựng một món độc nhất. Hình thức bề ngoài bị đơn giản tối đa, nhưng phải công nhận, hắn nấu ăn không tệ. Trong bữa cơm, họ nói cười, chửi thề, châm chọc ồ ạt. Đôi khi tôi không hiểu hết mấy câu rặt tiếng lóng, đưa mắt nhìn gã con trai, nhưng hắn thản nhiên mặc kệ. Hình như hắn cố tình để tôi tự chèo chống. Biết đâu hắn chẳng đang cười thầm trước bộ mặt ngô nghê của tôi? Ý nghĩ

ấy khiến tôi đâm bực mình, ngồi thẳng người dậy. Hắn ném cái nhìn, rồi quay đi nơi khác. Sau bữa ăn, ha ái rửa đĩa bát chỗ hai thùng phi. Đó là nước mưa dùng cho mọi nhu cầu. Tôi đã thấy cái giếng cạnh chỗ đậu xe nhưng có tấm tôn đậy kín, sợi giây thừng kéo nước đứt một đầu đong đưa.

Suốt đêm đầu tiên tôi trằn trọc trên cái giường nệm mềm xèo, quay qua trở lại là những thanh sắt rên kèn kẹt. Bên kia bức tường có tiếng ngáy to khủng khiếp, to đến nỗi mà tôi nghe một trong hai cô gái chửi thề rồi càu nhàu: - phải bóp mũi, chặn miệng nó mới được! Tôi mệt mỏi thiếp đi lúc gần sáng, tỉnh giấc, nắng rực rỡ đã hắt vào tới tận giường. Bước ra sân, tên đầu bếp to con đang phì phèo điếu thuốc dưới gốc cây. Hình như bọn họ đi đâu hết, chỉ còn tôi với hắn. Tôi cầm khăn và bàn chải đánh răng đến chỗ phi nước, ngập ngừng trước màu xanh nhờ nhờ, một lớp váng phủ trên mặt lặng lờ. Tên kia ngồi xa theo dõi. Biết thế, tôi thục mạnh cái ca nhựa rồi xối ào lên mặt nhưng vụng về làm bắn tung tóe vào người. Chiều hôm ấy, mãi chạng vạng tối họ mới về. Thằng anh và con bé tóc ngắn trên chiếc cam nhông ọc ạch, gã con trai chở cô tóc dài ào ào mô tô phía trước, đậu xịch trong sân. Cả năm xúm lại khiêng mấy gói bố nặng vào chỗ nhà kho lợp tôn ở góc sân, cũng kề bờ đá. Trong đó, sáng tò mò nhìn vào, tôi thấy cái máy phát điện chỉ chạy vào buổi tối từ nhập nhoạng cho tới khoảng nửa đêm. Ngoài ra, hình như là một xưởng làm việc nhỏ, dọc theo tường là những đòn gỗ dài, ở giữa có chiếc bàn rộng với kìm kéo, cuộn chỉ, đinh găm. Và trong góc, cái máy khâu kỳ lạ. Một thứ mùi xông lên khó chịu. Sau này tôi biết, mấy đòn gỗ dùng để phơi những tấm da họ đem về trong các bao bố.

Trong hơn một tuần tôi ở đó, sáng nào họ cũng đi đâu chẳng biết. Ngay cả tên nấu ăn thường đạp xe xuống con đường mòn. Thường chỉ buổi chiều họ mới ở nhà. Ba người đàn ông lọc da, vẽ, cắt, khâu. Tiếng búa đập, tiếng máy khâu xè xè lạch xạch. Họ làm đồ da: xách tay, thắt lưng...Còn hai cô nhỏ hoàn toàn nhàn rỗi, bữa nào gió không quá lớn, suốt buổi, ngồi ở bàn sát phạt nhau trên những lá bài, hát hỏng chửi thề, có lúc gần như gây gổ. Rồi hứng lên cười re ré, ngặt nghẽo sau một câu chuyện tục. Con nhỏ tóc dài có giọng cười chói tai và không dứt. Nhiều khi gã con trai trong nhà kho phải hét vọng ra: câm miệng! Con nhỏ cũng còn cố rét lên một tràng rồi mới ngừng hẳn. Chưa từng thấy rõ ràng, nhưng tôi biết cô ta lụy ma túy qua những thay đổi bất chợt trên khí sắc và trong cử chỉ. Cả gã con trai cũng lắm lần gật gà gật gưỡng, cặp mắt lờ đờ. Con nhỏ tròn dễ thân thiện hơn, sau vài ba ngày đầu, một buổi trưa ngoài sân nắng, nó ngồi ở thềm cửa một mình, tay xóc xóc bộ bài. Thấy tôi, nó hàm răng vàng ố thuốc lá. Trời hâm hấp nóng. Tôi đứng dưới bóng cây luồn tay vào trong áo, hong hong cho khỏi

dính da. Căn nhà mái ngói trần trụi không lớp che chắn nào khác, nên nắng thì nóng hôi hổi, gió lên là lạnh căm căm. Chẳng hiểu khi mưa bọn họ làm sao? Con bé cất tiếng: - cô nực hả, đi tắm đi. Tôi gật đầu, ngoắt tay rủ nó đi cùng. Nó nhỏm dậy OK, chạy liền xuống bãi. Tôi trở vào mặc vội áo tắm rồi bươn bả rượt theo.

Khu này bãi vắng ngắt, thường chiều về mới có vài người từ khu nhà phía bên kia đồi thông cách cả hơn cây số xuống đây. Cát chẳng mịn, nhiều vỏ sò nhưng lẫn một thứ mica óng ánh thật đẹp. Gần mặt nước, rong rêu từng nhánh quấn quít vương vãi khắp nơi. Được cái bãi ngắn, ngay sau là những chòm cây, vừa kim tước chi nở hoa vàng cho đến cây đuôi chồn, cỏ gai, lau sậy. Tất cả mọc trên cát, trên những mõm đá nhấp nhô chen lẫn với những đụn cát lơn bơn, làm thành chỗ ẩn hữu hiệu cho người từ nước chui lên trong những ngày có gió. Con bé tới nơi, tuột hết quần áo chạy ào vào nước. Tôi ngẩn người nhìn làn da đậm nắng hồng hào khắp thân thể nó. Cô nhỏ quay lại cười, vẫy gọi. Chao ơi, nó rừng rực sức sống! Quơ hai ba vòng tôi thấm lạnh, chạy lên nhào vào giữa hai đồi cát nhỏ, thanh thản nhìn mấy con chim biển vục xuống, chòi lên trên mặt nước. Con bé vừa tiếp tục lặn ngụp vừa cười hùng hục một mình. Lát sau hắn chạy lên cạnh tôi, không thèm mặc lại quần áo, nằm dài ra rồi tướng giọng há gì đó tôi không quen. Hát chán, nó ngồi dậy, trồi ra ngoài nắng ngồi cắn móng tay. Nếu tôi lao xao cảm xúc trước thân thể mơn mởn hồng quân của nó thì những ngón tay đang chấm mút giữa hai hàm răng lại làm tôi ngao ngán. Chúng thô, vuông, và móng mòn vào tới thịt. Chực nhớ tới mục đích mình đến đây, tôi gợi chuyện. Con bé tình thật kể hết, từ bà mẹ chắc hiện còn ở miền bắc với người dượng ghẻ luôn nhìn cô ta bằng cặp mắt hay háy từ khi cô nhỏ bắt đầu có ngực, cho tới quãng đời bỏ nhà đi lêu lổng khắp nơi. Cuối cùng, được gã con trai cứu thoát khi suýt bị cảnh sát tóm đi vì xét thấy trong người một gói cần sa. Con bé tự nhiên thề với tôi là nó chưa bao giờ đụng vào thứ ấy, mà chỉ đứng bán cho mấy tên đầu đảng. Tôi không tiện hỏi về mấy người còn lại, ngay cả về gã thanh niên. Vả chăng con bé rất vô tư, hình như ngoài chuyện đánh bài và làm tình với anh con tóc dài thì nó không cần biết thêm điều gì nữa cả.

Chẳng hiểu vì sao, thật ít khi tôi gặp gã con trai một mình. Thường, sáng, hắn đi đâu không biết, chiều, hắn hì hục làm da. Ở bữa ăn hắn ít nói. Cuối ngày, con bé tóc dài trèo lên phía sau mô tô, rồi hai đứa phóng đi. Trước đó, có khi hắn tạt qua cửa sổ, ném về phía tôi đang ngồi viết ở bàn một câu:

- Đừng thức khuya, cô bệnh, ngủ sớm đi.

Lại có lần hắn hỏi nhưng không đợi trả lời:

- Đã chán đây chưa?

Quá nửa đêm, họ rà xe về. Thằng anh và hai con bé lè nhè, chửi đổng luôn miệng. Tôi biết chắc bọn họ khá say, nhưng hiếm khi nghe gã con trai lên tiếng. Sau đó, hắn và cô bồ bao giờ cũng chạy xuống bãi tắm, trong khi hai người kia hoặc dỡn cợt hút thuốc ngoài sân hay kéo nhau vào giường quần thảo. Lát sau, từ bãi cát chồi lên tiếng cười rất tỉnh ngủ của con bé tóc dài, rồi tiếng nước xối ào ào dưới hai ống máng.

Tôi quen dần với gió biển, lắm lúc chợt nhìn hai bàn tay, mấy ngón hồng hào. Bọn bạch huyết cầu hẳn đang bị trấn áp thảm hại trong cơ thể. Tôi cũng khá quen với cách sống vừa hoang sơ, vương vãi, nhưng lại tiềm ẩn một thứ trật tự nào đó, với lời ăn tiếng nói thô tục nhưng lắm khi chân chất lạ kỳ của năm người này, còn bật cười theo nữa chứ! Ghi nhớ, góp nhặt nhiều ý nghĩ, nhưng thật tình tôi thường tự hỏi, liệu tôi viết được gì về chúng hay không? Nhiều khi tôi muốn tìm gã con trai trò chuyện, hình ảnh hắn dịu dàng bên giường bà mẹ ở bệnh viện hôm nào vẫn còn là một ám ảnh không nguôi. Nhưng khi hắn có mặt trên khu biển này thì hoặc với hai người đàn ông kia khâu da, đục cất, ngoài ra, con bé lúc nào cũng xoắn xít bên cạnh. Tuy thế, tôi nhận ra hắn là loại người thích một mình. Lắm lúc hắn khoát tay, đá chân hất con bé tách ra. Con nhỏ lườm lườm có chút sợ hãi, nhưng chẳng bao lâu đã xáp lại gần. Và nếu vô tình thấy tôi vào lúc ấy là tự nhiên cô ta hếch cằm, mắt long lên khiêu.

Cách đây hai ba ngày, sau bữa cơm chiều, một bọn ở đâu ào đến. Mấy chiếc xe gắn máy rồ tới tung bụi mù trên con đường đất. Cả trai lẫn gái gần một chục. Thế là bọn họ lại bày ra, đồ ăn thức uống, bia và những thứ rượu rẻ tiền. Thằng anh khuân cái máy hát ra giữa sân, mấy cô gái lắc lư trước nhất. Uống đã, hút đã, bọn con trai nhập vào, cả lũ cuồng lên dưới ngọn đèn treo lơ lửng đầu cành cây. Gã thanh niên thấm rượu, từ bỏ lớp vỏ lầm lì hằng ngày, cũng nói cười hò hét. Bỗng dưng như nhớ ra, hắn chạy vào kéo tôi nhập cuộc. Đôi mắt hắn long lanh niềm vui, lần đầu tiên tôi nhận thấy.

Tuy thế, vừa quá nửa đêm, gã con trai đã ra lệnh giải tán dù không khí đang nóng nhộn vô cùng. Thật ngạc nhiên, bốn người ở đây lẫn bọn khách không một lời phản đối, tự động lên xe lao xuống dưới đồi. Đêm hoàn toàn yên tĩnh bất ngờ. Tôi vào giường lăn đùng ra ngủ. Nhưng chẳng bao lâu chợt tỉnh giấc, khuôn trăng tròn vành vạnh trên trời, chung quanh có trăm ngàn ngôi sao hộ tống. Xa hơn, một đám mây xẫm đen nhưng có đường viền ánh lên một màu vàng sáng rực rỡ. Tôi lạ lùng bước khỏi giường, đêm đã khuya. Chực nhớ tới đoạn truyện muốn viết - cậu nhỏ của tôi đã đem được chiếc thuyền ra tới biển khơi, chỗ người cha bị đắm tàu vào một đêm trăng - tôi với chiếc áo khoác, nhẹ bước ra sân, đi xuống biển. Con đường cát đêm nay

hóa trắng. Trong đêm, tiếng sóng rào rạt hơn, kêu gọi hơn và hương đêm nồng mùi rong rêu ngai ngái làm tôi ngây ngất. Đến một chỗ nhìn thấy biển rõ nhất, chọn hòn đá bằng phẳng, kéo cao cổ áo, tôi đứng lại hai tay ủ trong túi, đê mê hít thở. Chợt đâu có tiếng cười khách quen thuộc, trăng chiếu vằng vặc, chẳng cần tìm lâu, tôi thấy ngay giữa hai đồi cát, nơi tôi và con bé tròn nằm phơi hôm nọ, hai thân người quấn quít. Tôi tự bảo nên đi lên, nhưng chân cứ đứng yên tại chỗ. Mặt trăng lùi dần vào đám mây đen, không gian tối đi, một chốc trăng lại ló ra, cứ thế. Sóng biển tự nhiên dồn dập, hay, đó là...hơi thở?

Con bé đã đứng dậy, chạy ào vào nước vốc tưới lên người. Tôi nghĩ, phải trở về trước họ. Nhưng cô nhỏ đã nhặt mớ áo quần, bước theo con đường dốc phía bên kia dẫn thẳng tới nhà kho, trong lúc gã thanh niên vẫn nằm xấp dài im lìm trên cát.

Cô ta đi rồi, một đám mây khác mỏng manh hơn dạt tới, trăng như dịu đi ánh sáng. Chung quanh và chính tôi cũng tĩnh lặng lại. Ngồi xuống mõm đá, tôi suy nghĩ về đoạn kết của cuốn truyện. Chìm trong suy tưởng, tôi suýt không biết hắn đang đi lên, trên con đường trước mặt, thẳng người, lững thững. Gã con trai không thấy tôi, nhưng tôi thấy hắn rõ ràng dưới ánh trăng thật sáng. Tương tự với con bé tròn hôm tắm chung, mắt tôi hút đi vào màu da nâu và thân người cân đối, những bắp thịt rắn rỏi trước mặt. Tôi nhớ tới P. ngày nào, P. cũng cường tráng và đầy nam tính đã làm tôi mềm đi xúc cảm. Nhưng, hơn cả P., gã thanh niên trần trụi dưới mắt tôi kia lừng lững một hấp lực kỳ lạ, và tôi choáng ngợp, bàng hoàng. Cái đầu tóc ngắn hầu như trọc từng làm tôi e ngại trong bữa đầu khi hắn đẩy toang cửa bước vào căn phòng bệnh viện, nay tôi lại thấy, càng làm tăng thêm sức mạnh mẽ của thân hình. Muốn lùi khuất vào sau lùm cây để hắn đừng nhận ra, nhưng hai chân dường như càng lún xuống. Mỗi hắn đến gần hơn, khi nhìn thấy tôi, hắn bối rối đứng lại, hai tay cầm quần áo định khua lên. Nhưng không ngờ hắn điềm tĩnh rất nhanh, tiếp tục bước, trong khi tôi là tượng gỗ, nhìn hắn đi tới, chăm chăm, thẳng thừng. Thế đấy, gã thanh niên đến bên tôi, đứng gần thân cây, lẳng lặng. Hình như hắn lại vừa xuống nước trước khi lên, những hạt nước lóng lánh và cát còn đậu trên da, trên đám lông mềm trước ngực. Trong không khí đêm nhưng tôi cảm thấy mặt hừng hừng nóng. Đấy, lũ hồng huyết cầu đang chiến thắng vinh quang, chẳng cần tôi cổ võ! Tôi muốn nghĩ tới điều gì khác, muốn giữ bình tĩnh, muốn thở đều hòa, cả muốn nói với hắn rằng tôi vừa viết xong trong đầu, đoạn kết. Bởi vì tôi biết, chắc chắn trong lúc này thì hắn sẽ không còn dùng cái giọng châm chọc trước kia để cố tình đả thương tôi. Gió bắt đầu nổi lên, mây kéo về nhiều hơn, trăng bỗng nhiên mềm, ảo.

Hắn mặc áo vào người, nói rất nhẹ:

- Về thôi, lạnh.

Sau đêm trăng, tự nhiên suốt ngày con bé ít nói. Tôi tin, nó không nhìn thấy tôi dưới vầng nguyệt sáng. Nó không đánh bài, chẳng xổ tục như thường lệ, ngồi tư lự trên bệ cửa xi măng. Con bạn đi qua đi lại nhìn nhìn, nhưng chẳng nói năng chi. Đoán biết con bé có gì bất thường, tôi thấy tội. Cái vẻ hùng hổ trâng tráo đã biến đâu, chỉ còn một khuôn mặt ngây thơ buồn bã. Nhưng chiều hôm đó bốn người vẫn chở nhau vào thành phố. Mưa bắt đầu rơi từ lúc họ vừa kéo nhau đi, tôi nằm thao thức lo sợ, đây là trận mưa đầu tiên kể từ hôm đến đây. Tuy biết có tên mập ngủ trong xe hàng, nhưng hình như tôi sẽ yên tâm hơn nếu có mặt gã con trai. Đêm, hai người họ về sớm hơn thường lệ, chưa có tiếng xe của thằng anh và cô bồ. Họ không xuống tắm, chắc vì mưa. Gã con trai lục đục tìm chậu hứng những chỗ mưa dột, nước rơi xuống lộp độp, tôi thấy hắn soi đèn pin bước nhẹ vào phòng tôi xem xét. Ở gian bên cạnh con bé nện gót đi đi lại lại không ngừng. Gã con trai bỗng gắt:

- Đứng lại, con khỉ!

Tiếng chân dừng tức thì. Con nhỏ vụt nói, giọng khàn đục, dằn mạnh:

- Ngươi nói đi, tại sao ngươi không cho ta làm?

- Ta bảo không là không!

- A, sao ngươi bỗng nhiên đạo đức. Lần trước con J. với thằng anh ta thì ngươi bảo nó phá, bây giờ bắt ta giữ. Mà phải, từ ngày bà già chết, ngươi đâm khùng! Bả ám ngươi đó. Hay là con bé kia...

Con nhỏ chưa nói hết câu, tên con trai giận dữ quát:

- Im miệng, tao tống cho một đạp bây giờ.

- Giỏi tống đi, mẹ mày.

Cái tát văng ra, nghe rõ mồn một. Tôi lại nhìn thấy hình ảnh con nhỏ chúi dũi vào tường ở nhà thương.

Tiếng con bé khóc rấm rức đi theo tôi, chập chờn mộng mị cho đến sáng.

Thật chó, tại sao hôm nay ta đau đến thế này! Ta sống với ngươi đã bốn, năm năm, kể từ buổi chiều trong bót cảnh sát, người ngươi rũ ra vì thiếu shit*. Không hiểu mắc mớ chi ta rơi vào cặp mắt xanh buồn buồn của ngươi, để chẳng cần ngươi mở miệng, ta lén lút dòm trước ngó sau, lôi trong xú chiêng dúi cho ngươi chút bột còn lại. Có chất, ngươi ngồi thẳng dậy thật nhanh, mở miệng cười. Sao hàm răng và màu mắt ngươi giống hệt thằng anh ta đang lóng ngóng ngoài cửa bót, tìm cách kéo ta ra. Ta chẳng sợ trời, ta

không sợ đất, từ đó, ta chỉ sợ tròng mắt ngươi long lên mỗi khi ngươi giận dữ. Thằng anh bán trời không văn tự vì thương em gái xót xa, chịu phục tùng ngươi. Nhiều lần hắn chửi ta ngu, nói ngươi chỉ là thứ anh chị hão. Hắn cảnh cáo rằng ngươi sẽ chẳng bao giờ hòa nhập trọn vẹn vào thế giới của bọn ta. Ta bảo với thằng anh, ngươi còn đang lưng chừng giữa biên giới, rồi ra, ta sẽ hoán cải được ngươi.

Nhưng không phải chỉ từ bữa ngươi đá ta nhào vào tường trong nhà thương, trước mặt bà già và con bé văn sĩ kia, ta mới biết mình lầm! Nghĩ cho cùng, ngay từ hôm đầu đem ngươi về căn nhà hoang vu hẻo lánh này thì chính ngươi, chứ chẳng ai khác, đã trở thành chủ nhân của nó. Chính ngươi đã cải hoá bọn ta. Từ một lũ cứ chiều tối lẩn quẩn ở đầu đường góc hẻm quen thuộc, mua bán vàng trắng vàng đen, chơi trò rượt đuổi với bọn cớm, rồi đấu hót trong mấy hộp đêm mù khói. Khi có tiền hút xách thả cửa, lúc đói địa rũ liệt góc nhà như ngươi đã từng. Nay, ngươi bắt thằng anh ta học nghề, bắt tên mập nấu ăn, cạo da, bắt con nhỏ đần và ta trổ tài miệng lưỡi buôn bán mấy mớ đồ da. Cứ ngỡ ngươi tứ cố vô thân, hay ít nhất coi như số không cái gọi là gia đình, xã hội. Hai anh em ta khoái chí bao nhiêu khi ngươi đồng tình xác quyết, không bao giờ cung cấp thêm một sinh vật hai chân nào cho cái đời này, phải để cho cái xã hội thổ tả ngoài kia bị tiêu diệt dần dần. Thế mà bỗng dưng, giờ ngươi trở! Này, ai hiểu ngươi bằng ta. Từ ngày mẹ ngươi chết, cũng từ buổi đem con bé ấy về đây, thì lắm lần ngươi như sắp rơi tòm vào lỗ hổng bên kia. Ta biết nó già hơn ta chứ, có thể hơn cả tuổi ngươi, nhưng ngươi đã nhìn cái dáng gió thổi tốc đi, gầy yếu của nó chưa? Hai con mắt quá to và đen thẫm trên khuôn mặt xanh xao mang vẻ thiên thần quái đản. Nên, đối với ta, nó chỉ là một con bé. Cho rằng ngươi nói, nó đã từng dậy học hay viết lách gì đó, cũng kệ! - Ta có tò mò, muốn đọc xem con bé viết gì, nhưng sợ ngươi, ta không dám. Hình như nó đã kể với ngươi, ta biết, nó còn nhờ ngươi xuống tỉnh mua giấy cọ, màu vẽ, để nó thử vẽ bìa cho cuốn sách. Từ hôm nghe nói, ta chưa thấy nó làm gì, chỉ có ngươi, sau những lúc lăn lộn, buông ta ra, tỉnh lại người, là ngươi nhỏm dậy ngồi tư lự, rồi ngón tay di di vẽ vẽ trên cát.

Có lần, ta hạch hỏi, sao ngươi mang con bé về đây, ngươi buông thõng: - cổ là bạn mẹ ta! Trời, bạn kiểu gì, giữa con bé trí thức và bà già nhà quê thứ mẹ ngươi! Ta biết thừa, mẹ ngươi chết, ngươi mặc cảm, chênh vênh, nên hụp lúp vào trong giọng nói trầm ấm, hai con mắt đen sâu của nó cuốn hút ngươi đi. Nhưng tên cuồng ơi, nói vậy thôi, ta biết chắc, chẳng bao giờ ngươi có thể vượt qua bên kia biên giới. Thế giới con bé đó không có chỗ cho ngươi. Cái

con bé hoại máu xanh nhờn kia làm sao thay được thân xác ta căng hồng trong bọt sóng, phải không? Đừng chối, ồ, xin lỗi, ngươi có thèm chối cãi bao giờ. Ta vẫn cảm thấy rõ rệt thân người ngươi rừng rực trên ta, dưới ta, ấn sâu nền cát ướt. Và này, còn nữa, ngươi làm sao từ bỏ được cái tan biến bềnh bồng ma túy, mà nhờ ta, ngươi mới có hằng ngày. Tất cả đã lận vào từng tế bào li ti trong thân thể ngươi rồi. Quá muộn. Nơi ngã ba đó, dù ngẩn ngơ tiếc rẻ con đường ngợp bóng mát, ngươi vẫn phải dấn thân đi về phía mặt trời bỏng lửa.

Người đàn bà được khênh vào chiếc giường còn lại vài ngày trước khi Du xuất viện. Bà ta xấp xỉ sáu mươi mà già thóp, chỉ nhìn qua Du biết bà đã đi đến chặng cuối cùng. Hai hôm đầu bà thở rất yếu, mê man thiêm thiếp, ngoài bác sĩ và y tá, không còn ai khác đến thăm. Bỗng buổi thứ ba, sau bữa cơm trưa, Du sửa soạn định nằm xuống nhắm mắt một chút thì ngoài hành lang cồm cộp tiếng giầy nện mạnh. Chỉ vài giây, một gã thanh niên xô toang cửa. Du hết hồn nhìn lên, tên con trai ước chừng hai mươi lăm, hai mươi sáu tuổi, đầu cạo gần trọc, tóc mọc lún phún chưa được nửa phân. Hắn mặc chiếc quần đen bó sát, áo blouson da không tay khoác ngoài, để lộ hai cánh tay nổi hằn bắp thịt và vàng màu nắng như gương mặt. Đôi giầy bốt to, đóng đinh sáng loáng hai bên ống, đập vào mắt Du. Hắn ta bước vào cao lớn mạnh bạo, che gần hết cô y tá chạy đến sau lưng, mặt mày hớt hải, đang định lên giọng cự nự. Nhưng tên này quay lại trừng mắt, thế là cô ta sựng đứng không dám nói gì. Du cũng sợ, co cúm dưới . Gã thanh niên tiến tới bên giường bà ta, lặng nhìn, rồi nhẹ nhàng cầm lấy bàn tay nổi đầy gân xanh, ghim ống dẫn truyền nước biển. Người đàn bà vẫn im lìm bây giờ tự nhiên cựa quậy và mở mắt, ngơ ngác thoáng giây, rồi nhận ra hắn, bà mỉm cười, một nụ cười hiền lành sung sướng đến tội nghiệp. Du bị thôi miên vì cảnh tượng. Gã con trai vừa cúi xuống hôn lên trán bà vừa nói: - mẹ. Bà ta không trả lời, nhìn hắn đăm đăm. Một lúc sau mới thều thào:

-Ở nhà, còn đầy sách học của con, hãy về lấy đi. Không, tụi nó bán hết.

-Vất đi, mẹ ạ. Bà ta chặc lưỡi:

-Uổng, biết đâu sau này cần.

hằng con như muốn lảng chuyện, hỏi thăm bệnh tình, rồi bảo: - con đi đây. Trước khi bước ra, bỗng nhiên gã ta quay lại, ném cái nhìn về phiá Du để nàng kịp thấy mắt hắn xanh, sâu, phảng phất ánh người mẹ.

Từ lúc ấy bà ta dần tỉnh, suốt sáng hôm sau tỏ vẻ trông đợi thằng con, cứ tiếng cửa mở là ngóc đầu lên. Mà chẳng hiểu sao, Du thấy hình như mình cũng đợi. Tới chiều, khi nàng giở giấy bút viết được vài dòng, thì gã đến, vẫn gót giầy nện, cử chỉ hùng hổ khi vừa tới, nhưng nhẹ nhàng sau đó. Lần này

hắn ôm theo cho bà mẹ vài cuốn báo, thoáng nhìn, Du biết ngay là loại tạp chí đàn bà lá cải. Nàng thầm nghĩ, thật khùng, bả yếu thế kia, đọc sao được sách báo. Thế nhưng, thằng con kéo cái ghế ngồi gần, chỉ những tấm hình trong đó cho bà ta xem. Lật tới lật lui, sau, hắn chọn một bài về chuyện thay vợ đổi chồng của một cô tài tử xi-nê xem chừng hợp ý bà mẹ, rồi đọc. Đôi khi hắn cố ý pha giọng giống nhân vật, người đàn bà ra vẻ thích thú. Vô tình, Du cũng nghe theo, không thể tiếp tục những gì đang muốn viết. Khi gã con trai đã đi khỏi, người mẹ quay sang, bắt gặp ánh mắt Du, bà hãnh diện:

-Coi bộ vậy, nhưng nó hiền khô cô ạ, nó thương tôi lắm.

Du gật đầu đồng tình. Cử chỉ gã thanh niên càng ngày càng khiến Du ngạc nhiên. Lắm hôm bà mẹ mệt mỏi mê đi, hắn vẫn ngồi lại vuốt mái đầu, chỉ còn vài sợi tóc lơ thơ do hậu quả của sự trị liệu. Bệnh người đàn bà mỗi ngày một nặng, nhưng cứ trưa đến là tỉnh dậy trông ngóng thằng con. Có lần hắn đến trễ, Du đề nghị đọc báo thay hắn cho bà đỡ bồn chồn. Khi gã tới, tỏ vẻ ngạc nhiên nhưng chẳng nói gì. Thấy mấy tờ bản thảo của Du trên giường, hắn đột nhiên hỏi:

-Cô viết gì mà ngày nào cũng viết?

-Tôi viết truyện.

-Văn sĩ chuyên nghiệp?

-Không, tài tử.

-Viết thứ gì, thân phận, tình yêu hay...trinh thám? Du không mấy thích cách hỏi của hắn nhưng gã con trai đang nhìn thẳng vào nàng nên không thể không trả lời:

-Tôi viết truyện cho trẻ con.

-Trẻ con! Tại sao?

Du hơi gắt:

-Tại thích, thế thôi! Nhưng lại nhận ra dường như hắn thành thật, nàng dịu giọng:

-Trước kia tôi dạy học, sau này bệnh, phải nghỉ. Viết, cho có việc làm.

Hắn gật nhẹ. Nàng ngồi, gã đứng, cao sừng sững. Một thoáng, không biết nghĩ gì, hắn đổi giọng:

-Hừ, nhà giáo, kiểu truyện tuổi thơ của cô hẳn là hồn nhiên, êm ấm, thứ tuổi thơ hồng chứ gì. Giỏi lắm nếu có con nít khốn khổ ăn mày thì cuối cùng cũng gặp được tiên, cho có hậu. Toàn trò tưởng tượng!

Du thấy ngay gã con trai đang cố tình châm chọc, dù chẳng hiểu tại sao. Biết hắn đợi nàng phản ứng, Du không trả lời ngay, mãi sau nói thật chậm:

-Sao anh biết truyện tôi là như vậy? Bất cứ viết về chuyện gì cũng không

thể hoàn toàn là tưởng tượng, hư cấu hoặc sao chép. Tất cả phải dựa trên một cái nền, đó là những nhận thức thực tế, là những gì tôi sống hay tiếp cận, nhìn thấy và nghĩ ngợi.

Gã thanh niên khua tay định nói, nhưng cuộc tranh cãi sắp bắt đầu ấy bỗng ngừng gọn. Một người từ ngoài cửa xông vào. Tôi, hắn và bà mẹ cùng quay ra. Một cô gái trẻ tóc cột đuôi ngựa, mặt mày xinh xắn nhưng đanh đá, hai cánh tay cặp nách hai cái mũ mô tô. Thấy hắn, cô ta xấn lại:

-Trời! ngồi đợi ngươi dưới kia ê mông, hoá ra ngươi tán dóc trên này!

Vừa dứt câu, cô ta liếc sang tôi rồi quay về phía người đàn bà đang trố mắt sợ hãi. Đảo qua thấy mấy tờ báo, cô bé nhún vai, hích lên một tiếng:

-Chà, bà già ngỏm tới nơi còn khoái coi chuyện mấy con đào sexy...

Cô ta chưa kịp nói hết, Du đã thấy chân tay gã thanh niên giơ lên thật nhanh, cô nhỏ bị hất chúi vào tường, đầu và hai cái nón mô tô bằng nhựa cứng đâm binh cùng một lượt. Bà mẹ kêu lên thảng thốt. Mấy cô y tá nghe động chạy đến, nhưng chỉ dám đứng ngoài cửa. Cô bé chưa gượng dậy nổi, gã con trai đã xốc nách lôi mạnh ra khỏi phòng. Xong hắn trở vào, vỗ nhẹ vai người mẹ: - đừng sợ!, rồi đi thẳng ra ngoài. Du nhìn theo, trên cổ áo da đen kia hừng hừng một cái gáy đỏ gay.

Ngay hôm sau biến cố, Du được về nhà. Nàng đi, không thể từ giã người đàn bà, từ tối hôm trước người ta phải truyền mọc- phin, bà thường mê đi. Mãi hơn một tuần, Du trở lại tái khám. Vừa ra khỏi thang máy, đầu kia hành lang, người bác sĩ với cô y tá quen thuộc và hình như có cả gã thanh niên, đang hấp tấp đi tới. Tự nhiên chân nàng cũng bước mau về phía họ. Lúc giao nhau, gã con trai nhìn Du như muốn nói câu gì, nhưng rồi lại thôi. Nàng ngoảnh theo, nhận ra điều khác thường, hôm nay hắn mặc bộ đồ jean xanh đã bạc, chân lép xép đôi giầy cũ. Sau, hỏi thăm, Du được biết người đàn bà đã qua đời cách đó hai hôm.

Khám bệnh xong, nàng bước ra cửa bệnh viện thì trời đổ mưa. Cơn giông mùa hạ quật xuống, to hạt, ào ào. Những cây dương cong theo chiều gió, vật vã. Khu bệnh viện nằm trên miền đất cao của thành phố, dân ở đây thường than vãn, gió hút về đó ba trăm sáu mươi lăm ngày một năm. Du đành trú chân dưới hiên che rộng cùng những người khác. Bỗng có tiếng nói quen thuộc sau vai:

-Mưa này không lâu đâu. Bệnh cô khả quan chứ?

Nàng chưa kịp ngoảnh lại, gã thanh niên đã đứng bên cạnh nhìn nàng co ro trong chiếc áo mưa mỏng. Du nói nhỏ:

-Tôi vừa hay tin, chia buồn với anh.

Hắn không trả lời, cũng chẳng nhìn nàng nữa, đôi mắt hướng về những

đường mưa đang đổ thẳng như những sợi cước trong vắt. Từ đó, im lặng.

Rồi mưa cũng ngớt, Du nói:

-Chào anh.

Dợm bước đi, thì hắn ngập ngừng:

-Cô đến chỗ tôi chơi vài ngày không?

Tay đang giương dù, Du gập lại, ngạc nhiên:

-Đến chỗ anh?

Gã con trai gật nhẹ:

-Ừ, tới chỗ bọn tôi. Cô bảo chỉ có thể viết về những gì cô tiếp cận, vậy đến coi chơi, lấy kinh nghiệm. Rồi để thuyết phục, hắn nói thêm: - tôi ở cạnh biển, tốt cho sức khỏe.

Màn sương trắng ngoài khơi đã tan dù nắng trời còn nhẹ. Mặt biển, màu trời rõ rệt hơn. Du ngửng nhìn lên phiá cao ngọn đồi, nơi nàng vừa bỏ đi, cũng là nơi nàng đã thuận lòng đến đó theo lời mời của gã con trai. Một khoảng nhỏ mái nhà thấp thoáng, lưng chừng, sau màn xanh cây cối. Khá xa thế, nhưng Du còn hình dung ra những miếng ngói nâu phủ rêu chồng xếp xô lệch. Vô tình cúi xuống, nàng thẫn thờ, hai bàn tay trắng xanh của mình cũng lệch lạc úp lên nhau. Quanh chỗ ngồi, những chùm bất tử vàng và bìm bìm biển trèo leo trên các mô đá và cát. Du với tay ngắt một cành thủy cúc, màu hồng nhạt làm nàng nao nao nhớ cành hoa hồng cùng cánh chuồn chuồn mong manh trên nền lục thẫm của bức tranh treo trên lò sưởi. Chao ơi tối qua mưa lạnh, gió lọt qua mọi ngõ ngách, mái nhà, Du có cảm tưởng, ngay cả chân tường cũng đầy lỗ hổng. Vừa nhặt nhạnh đồ đạc bỏ vào túi xách nàng vừa thèm ánh lửa bừng lên trên thanh củi đỏ hồng.

Kéo cái túi vứt lăn bên cạnh, tìm chai nước và ba viên thuốc tới giờ phải uống, nàng lôi ra luôn tập giấy má, có hai dòng dợm viết để lại cho gã con trai, nhưng cuối cùng đã dúi cả vào đó. Thật chẳng cần thiết lắm.

Có tiếng máy xe ồ ồ ngoài con đường chính, Du giật thót người, đứng bật dậy. Nhưng không, chỉ là một chiếc xe nào đó chạy lên phía đồi thông. Một con hải âu từ bụi sậy vụt tung cánh, oác lên hai ba tiếng rồi xà ra biển. Ở đây, mưa hay nắng, biển cũng thật buồn. Du đeo túi lên vai, hành trang hình như bỗng nặng. Bến xe cách chừng cây số nữa. Thành phố cũng không xa. Một chỗ để nàng trở về, nhưng đã thêm bao lẩn quẩn loanh quanh như những nhành rong mệt nhoài trên cát, chỉ có thể chờ nước cuốn đi.

NGUYỄN MAI NINH.



TRẦN SA

nói

Nói: không biết gì cả. Không biết gì hết. Điên rồ.
Nói: mù mịt. Biệt. Sai khác. Nói: sự chống đối mọi trật tự
trên môi vô ý nghĩa, bức bách trái tim nổi loạn chảy máu
ra toàn thân, khi thế giới vận dụng hết khả năng để
hãnh diện chế máy. Nói: đi ngược lại xã hội đồng loại.

Nói: cô độc, như đứa trẻ con không người chơi. Nói: mọi cái
chết cũng là sự bỏ đi, chẳng ai thật tình thương tiếc ai,
người không thương tiếc người, không thương tiếc gì.
Từ đáy lòng, người khóc chỉ vì thương tiếc mình

Nói: tình yêu có, may ra, khi còn tuyệt cùng ngây thơ,
khi chưa mọc lên những lông lá, xảo ngữ, quỷ quyệt, cợt,
cầu cạnh, chiếm đoạt, giữ lấy, ác độc, không ý thức.
Nói: chúng ta tham lam ham hố cực kỳ, đào xới đến tận cùng
trái đất, cho khô kiệt, tất cả, luôn linh hồn, tình con người.
Nói: chúng ta tàn nhẫn ích kỷ cực kỳ, tra tấn dập nát
hút hưởng đến tận tủy xương nhau, phá sản mọi cảm xúc.

Nói: tiếp tục nói hoang tưởng, bởi chẳng ai biết đâu là
sự thật, chúng như những chiếc bóng nhảy múa biến dạng
mãi trên vách. Nói: tất cả chúng ta đều nói dối khi lời nói
không đi đôi với hành động và hành động không xuất phát
từ sự dũng cảm của những trái tim rung động. Nói: nói
như những con vẹt trích dẫn đủ loại kinh điển sách
vở tên tuổi đông tây kim cổ. Nói: không tiếng nói riêng.

Nói: những đứa bé sinh ra đời để phải sợ hãi phải chết,
trò chơi vui nhất, những búp bê tuyệt vời không thể mất
của cha mẹ, hãy ngoan ngoãn sống theo ý của cha mẹ
và ý của hết thảy. hãy không lớn, hãy kiềm tìm hạnh phúc,
tìm kiếm giùm giấc mơ của chamẹ. Cha mẹ chẳng biết
chúng nơi đâu, đã không bao giờ có thể đạt thấy.

Nói: chúng ta không tin vào tự do của bất cứ ai, chúng ta biết
tạo mọi hình thức cùm xích, nhân danh tổ quốc, nhân danh
tôn giáo, nhân danh gia đình, nhân danh tình yêu,
nhân danh bạo lực. Nói: chúng ta hèn hạ hèn nhát yếu đuối
như một cá nhân và hung ác vênh vang
như một tập thể. Nói: hãy đoàn kết gây sức mạnh,
và chết như một chiếc đinh ốc gãy.

Nói: chúng ta sống thuận hợp với thiên nhiên, dâm đãng vượt
thú vật, có thể rượt hiếp như gà trống, ấp trứng như gà mái,
gieo rắc vi trùng như gián bọ và sợ hãi như chuột. Sự
khác biệt: chúng ta, Người, là chúa tể mọi loài, thông minh
hơn mọi loài, có quyền giết tất cả, có thể giết lẫn nhau, chúng
ta biết chế tạo đạo đức lẫn luật pháp, theo thời,
để bảo vệ quyền lợi hiến pháp, lên án, tự biện hộ.

Nói: điểm hẹn của người là cái chết, những cái chết bỏ đi,
tống táng như một bản năng tự làm sạch.
Nói: mọi lời nói đều vô dụng. Nói: nói tiếng của gió.

TRÂN SA
12.1997



LÊ LẠC GIAO

KHOẢNG TRỐNG CÒN LẠI



Chốt hai cánh cửa đầu, Bảo chỉ để mở cánh cuối cùng vừa cho một người đi vào xong anh quay lại nói với bạn rằng tuy còn sớm nhưng nhìn cánh cửa mở khách có thể hiểu là quán còn bán hàng. Hiển ngồi xuống chiếc ghế thấp kiểu ghế của các quán cóc trong thành phố nói bâng quơ,"chiều bắt đầu như thế này." Bảo cười tiếp lời,"bắt đầu từ hơn hai mươi năm."

Ngồi với tay lục trong chiếc túi xách treo trên chiếc ghi đông xe, Hiển lấy ra một gói ni lon bảo bạn."Tôi có mua một lạng bê thui, hôm nay chúng ta uống thỏa thích."

Đổ thịt bê thui ửng đỏ ra đĩa, Hiển từ tốn lấy gói thính từ túi áo kaki ra rắc đều lên mặt đĩa trong khi Bảo đong một xị rượu trắng Hốc Môn và hai chiếc ly con trịnh trọng đặt lên bàn.

Tương bắc pha thêm tí bột ngọt trộn lẫn gừng bốc lên mùi thơm quen thuộc một buổi chiều nhàn rỗi của hai người bạn ba tháng gặp nhau một lần và lần nào cũng thế. Không hề thay đổi như mười năm trước lúc hai người còn học đại học.

—Chúng ta hay nói đến hai mươi năm. Thời gian này có liên hệ gì đến chúng ta nhỉ? Bảo hỏi bạn.

Hiển lắc đầu:

—Ông chóng quên thật. Chúng ta làm bạn không hai mươi năm là gì. Còn hơn thế nữa, sắp sang năm thứ hai mươi mốt rồi.

Bảo đưa chiếc ly rượu con cho bạn và ra dấu mời cụng ly.

Rượu bắt đầu vào bằng cái cay đắng xé lưỡi rồi lưu dư vị ngòn ngọt ở cuống họng. Miếng thịt bê thui cũng không kém. Vị ngọt cay mặn của thịt, gừng, tương không những làm thỏa mãn vị giác mà còn réo gọi cái cảm tính có tính quen thuộc tâm lý của hai người bạn cũ khi gặp nhau.

—Lúc này ông còn làm thơ không?

—Có chứ. Tôi mà không làm thơ thì sống làm gì nữa. Nó là đời sống mà đời sống thì khi thế này khi thế khác. Không giống nhau như thơ khi hay khi dở. Khi thấm thía, khi ngậm ngùi và có khi nhạt nhẽo vô vị lắm lúc vô duyên.

Hiển nói xong nâng ly rượu lên uống một hơi rồi đặt xuống bàn sau khi khà một tiếng dài. Bảo nhìn ra cửa thấy buổi chiều xuống qua màu nhạt của ánh sáng. Anh quay lại nói với bạn:

—Chúng ta cứ uống rượu vào buổi chiều. Mỗi lần uống là mỗi lần không thấy gì vui.

—Đó là cái lẩn quẩn thường hằng của cuộc đời. Có cái bắt đầu bằng vui rồi chấm dứt bằng nổi buồn và ngược lại. Tuy nhiên vui buồn cũng thế mà thôi. Lưu ý đến làm gì. Chỉ biết gặp nhau vài tháng một lần là thú vị. Nó chan hòa tất cả tạo thành cái hỗn hợp của cuộc sống. Tôi vừa thu hoạch đợt cà phê đầu tiên nhưng chưa có bán được. Ngày mai tôi phải lên Chợ Lớn khảo giá.

Hiển lúc nào cũng thế. Hay triết lý và lãng mạn. Mấy chục năm rồi không có tí gì thay đổi dù qua bao nhiêu chế độ chính trị ảnh hưởng trực tiếp lên cuộc sống của hắn. Bảo nghĩ đến bạn rồi nghĩ đến mình. Cũng không có gì khác. Hơn chín năm tù tội. Quãng thời gian lúc thấy dài, lúc thấy thoảng qua như một buổi chiều. Bao nhiêu tiếc nuối, ân hận rồi buồn chán trong tâm hồn anh va chạm với cái thực tế xã hội cũng rập khuôn như mình đôi khi anh lại thấy có chút an ủi và tự bảo ai ai cũng như ta.

—Tôi làm cái nhà bằng gỗ dựa lưng vào vách núi. Nền móng nhà là đá tảng. Phía bên phải có con suối nhỏ nước trong vắt chảy róc rách. Đằng sau nhà tôi đào một ao con nuôi cá. Đứng trước sân nhìn xuống thung lũng là một vạt rừng bạt ngàn. Mỗi buổi tối nghe cả tiếng suối reo lẫn tiếng thú rừng gầm thét. Hôm nào ông lên trên tôi chơi một chuyến cho biết.

Hiển nói xong uống cạn ly rượu rồi gắp một miếng mồi cho vào miệng nhai. Bảo trầm ngâm không trả lời nhưng anh biết mình thích thú cái cơ ngơi ấy dù Hiển đã nói đi nói lại nhiều lần. Mỗi lần gặp nhau là cái nhà sàn lưng chừng núi lại có thêm chi tiết. Lần này thêm chiếc ao cá. Có lẽ có cá để thêm

cho đủ cái phong lưu rừng núi. Bảo thầm nghĩ như thế nên anh nói với bạn:

—Khi nào cá trong ao của ông lớn tôi sẽ lên để nướng cá uống với rượu cần.

Một người khách vào mua rượu. Bảo đứng lên đi vào nhà trong đong hai xị rượu thuốc. Lúc đi ra ngoài thì Chân đến cửa. Tựa chiếc xe đạp nặng trĩu vì hai can rượu bốn mươi lít chở phía sau xe hắn lên tiếng:

—Ông Bảo có còn rượu bán không? Có thiếu rượu uống thì nói cho tôi biết. Hiếm hoi khi nào đến đây mà thấy ông ngồi không. Chắc ông sợ đắng miệng phải không?

Chân bắt tay Hiển rồi ngồi xuống chiếc ghế của Bảo tay quơ tờ báo để trên chiếc két nước ngọt quạt lia lịa. Hôm nay vui đây. Bảo nghĩ như thế và ra sau nhà lấy thêm đũa chén ly cho bạn.

Chân uống ly rượu thứ ba thì đĩa bê thui hết sạch. Bảo sang bên kia đường gọi một cái lẩu đuôi bò ở quán cóc nằm ngay chân cầu thang chung cư. Lúc bước trở về thì anh thấy Bùi Giáng đang đứng đái ở giữa đường. Đám con nít bu quanh chỉ trỏ. Đái xong, có vẻ hả hê Bùi Giáng ngất ngưỡng đi về phía chợ Bà Hạt kéo theo sau một đám trẻ con.

Ngồi trong hàng hiên vói đầu nhìn theo Hiển nói:

—Ngày nào ông ta ăn khoai cả vỏ ở đại học Vạn Hạnh làm thơ viết sách. Bây giờ như thế kia không hiểu làm sao là làm sao!

Chân trả lời:

—Không làm sao cả nhưng tôi phục Bùi Giáng sát đất. Hắn đứng ngoài mọi chế độ chính trị. Ngày xưa ăn khoai lang bây giờ ăn khoai mì. Lúc trước là thiền sư hôm nay làm hành giả. Bốn phương là nhà. Thích gì làm nấy, chỗ nào cũng có thể là giường ngủ cầu tiêu. Muốn đái thì đái, muốn ngủ thì ngủ. Lão Bùi Giáng số một trên đời.

Hiển tiếp lời Chân:

—Hôm trước tôi có lên thăm một người bạn làm nghề điêu khắc. Hắn khác người lắm, chỉ tạc tượng những kỳ nhân dị sĩ. Một trong những bức tượng nổi tiếng của hắn là tượng Bùi Giáng các ông ạ. Hắn kể cho tôi nghe là thứ đá mà hắn tạc tượng quái nhân Bùi Giáng hắn xin được của đám phu bốc mộ của lò thiêu Gò Vấp. Cái tảng đá ấy nằm bên dưới cái hòm của một cô gái chết oan. Nghe đâu cô ta tự tử vì tình phụ. Cái khối đá vuông vức sáu tấc vô tình nằm bên dưới chiếc hòm chứ không phải được chôn chung...

Hiển chợt im lặng và đưa tay chỉ ra phía cửa. Bảo nhìn theo thấy Phụng đang dựng chiếc xe gắn máy của hắn trước sân. Bước vào trong cửa hắn nói:

—Hôm nay anh hùng tương ngộ đây. Cứ việc nói chuyện tiếp đi. Tôi đi lấy ghế.

Phụng vào trong nhà lấy chiếc ghế ra thì cái lẩu đuôi bò cũng vừa mang sang. Trong lò than hồng nổ lách tách. Chiếc bàn nhỏ không đủ chỗ cho bốn người, Chân lấy hai chiếc két bia trống chồng lên nhau để trước mặt hắn và nhấc trong chiếc túi xách trước ghi đông xe lấy ra một can rượu thuốc bốn lít đặt lên bàn. Hắn nghiêng chiếc can khéo léo rót ra bốn chiếc ly con và nói:

—Không uống hết, không về nhé các ông. Ông Hiển kể tiếp cái khối đá tạc tượng Bùi Giáng đi.

Bảo ra dấu cho Phụng cụng ly. Mọi người nâng ly rượu thuốc của Chân lên uống. Đặt ly xuống, Hiển quay sang Chân hỏi:

—Thuốc gì đây mà uống vào đắng xuống cổ lại ngọt hở ông thầy thuốc bắc?

—Mật rắn pha với ngũ gia bì thêm chút hà thủ ô cho cường kiện thân thể. Còn cái vị ngọt là thục địa để bổ chân âm. Qua bốn mươi người nào chân âm cũng cạn kiệt cả. Bổ chân âm chính là làm quân bình âm dương và âm dương cân đối chúng ta mới bày binh bố trận một mất một còn được. Yên tâm đi, rượu này chỉ làm riêng cho bạn bè. Ủ và ngâm sáu tháng mới uống được. Không phải là loại dễ tìm đâu!

Chân dứt lời lấy đũa vớt một lá cải xanh trong nồi đang bốc khói thổi lia lịa rồi bỏ vào mồm. Hắn gật gù tỏ vẻ thích thú trong khi Hiển vừa nhúng thêm cải vừa nói:

—Các ông có biết không cái khối đá tạc tượng Bùi Giáng rất đặt biệt. Khi nhà điêu khắc gia của chúng ta hoàn tất. Phải nói là rất sinh động. Tuy tạc theo trí nhớ, nhưng cái khuôn mặt của Bùi Giáng như có thần. Lạ lùng hơn nữa sau khi tạc xong, ba ngày sau cái mũi bằng đá tự dưng ửng đỏ. Y hệt như cái mũi thật của ông ta...

Phụng ngắt lời:

—Ông có thấy tận mắt không hay chỉ nghe nói?

Hiển nghiêm sắc mặt:

—Một trăm phần trăm. Tôi nhìn kỹ nhiều lần cái tượng bán thân ấy. Ban đầu tôi cho là kỹ xảo của hắn. Có thể hắn nhuộm cái mũi cho giống, nhưng tôi đã lấy khăn ướt lau. Thậm chí có hôm không có hắn ở nhà tôi đem bức tượng ngâm vào nước. Vô ích. Khi quan sát kỹ, tôi còn thấy cả những sớ chỉ màu đỏ chìm trong đá như là gân máu trên mũi con người. Cái bức tượng hoàn toàn bằng đá trắng ngoại trừ cái mũi. Từ xa nhìn biết ngay là quái nhân Bùi Giáng. Hôm nào rảnh các ông đi với tôi lên xem cho biết.

Nói xong Hiển cầm ly rượu lên uống một hơi. Thấy mọi người có vẻ trầm ngâm hắn phá lên cười:

—Có thấy thích thú và kỳ lạ không? Tôi nghĩ rằng lão Bùi Giáng không

phải là phàm nhân.

Phụng lắc đầu:

—Mới có dăm ly mà ông đã say rồi. Cái mũi bằng đá của Bùi Giáng màu đỏ chỉ là ngẫu nhiên, ông lại thần bí câu chuyện mà thôi.

Hiển quay sang Bảo nói:

—Ông Phụng không hiểu ý tôi, thời đại này chúng ta không còn là phàm nhân kể chi Bùi Giáng. Chúng ta đứng giữa súc vật và con người. Cá tính biến mất chỉ còn lại bản năng. Làm việc thời này là thỏa mãn bản năng hơn là đấu tranh cho con người nên người. Phía sau chúng ta là quá khứ nơi đó có thể có chút quê hương mà nhiều người trong chúng ta thường lấy ra gặm nhấm rồi tự thỏa mãn. Hiện tại là một hình tròn vô định. Ai nấy quay cuồng như lũ súc vật bị nhốt trong cái lồng vô hình. Có kẻ muốn thoát ra nhưng thực tế không thể nào vượt ra được. Cơm áo hay nhu cầu cá nhân thay thế cho mục tiêu lý tưởng. Cứ như thế sự đấu tranh giữa quá khứ và hiện tại làm cho chúng ta trở thành một Bùi Giáng trong từng phút giây đời người. Mà đời người hôm nay khác hơn chi đời súc vật và không phải chúng ta cũng từng có hành động như Bùi Giáng đôi khi còn hơn thế nữa hay sao?

Bảo gật đầu thừa nhận ý kiến bạn trong khi Chân xua tay:

—Tôi không đồng ý. Ông Hiển chỉ trừu tượng hay siêu hình hóa vấn đề. Tổ tiên, ông bà chúng ta không phải là không trãi qua giai đoạn lịch sử như chúng ta bây giờ nhưng đâu có nghĩa họ phải sống những thời gian không phải là con người. Thái độ sống phản ánh thời đại họ đang sống. Dù Bùi Giáng ỉa đái ngoài đường, hay chúng ta lơ láo trong cái vòng tròn lẩn quẩn nó cũng chỉ phản ánh trung thực hơn thời đại chúng ta sống mà thôi. Lịch sử không dừng lại mà cuồn cuộn đi về phía trước. Chỉ có chúng ta dừng lại và hóa đá. Đời sống chúng ta biến thành thứ đá mặc cho người ta đẽo gọt. Người ta muốn tròn nó tròn, muốn méo nó méo, có cưỡng lại cũng không được. Cần chi cái mũi đá màu đỏ mà nói nó giống Bùi Giáng. Nhìn góc cạnh nào chúng ta cũng được nhận ra là một lũ người nạn nhân của một giai đoạn lịch sử. Cả dân tộc chúng ta cũng đang bị đẽo gọt kia kìa. Chiều hôm nay ngồi uống rượu với nhau chỉ có nghĩa minh chứng cái vòng tròn là sự thật còn nói rằng là con vật người chỉ bi thảm thêm vấn đề mà thôi.

Bảo vớt từng khúc xương đuôi cho từng người. Thỉnh thoảng anh rót rượu và thầm nghĩ mình đang chuốc rượu cho bạn đây. Không ai nói thêm lời nào. Nhìn sang bên kia đường quán lẩu đuôi bò nhộn nhịp ồn ào. Đa số là dân lao động mỗi chiều đều dừng chân lại đấy và tiêu hao sức lực còn lại vào ly rượu miếng mồi. Bên này đường quán rượu của Bảo im ắng và chìm đắm trong một nỗi quạnh hiu dù anh và các bạn cũng đang ăn uống như mọi

người. Nhìn đồng hồ, lúc này đã sáu giờ. Chân ra dấu cho mọi người cụng ly rượu vừa mới rót. Chiếc can bốn lít đã vơi quá nửa. Trong đôi mắt mỗi người đã thấy những tia gân máu màu đỏ và trên khuôn mặt ai nấy đều tái màu vô cảm.

Chợt Hiển cất lời, "Khuyến quân cánh tận nhất bôi tửu". Mọi người lại nâng ly. Phụng uống cạn xong đặt ly xuống đọc tiếp, "Tây xuất Dương quan vô cố nhân". Chân lại tỉ mỉ vừa rót rượu vừa đọc trại câu thơ của Lạc Tân Vương, "Sài thành triêu vũ ấp khinh trần". Bảo cảm thấy lòng mình tê dại đi khi ngồi với bạn mỗi chiều. Quán rượu của anh chỉ hầu rượu cho bạn bè. Là nơi bên ngoài thế giới nhưng lại là chổ tiếp giáp giữa hiện tại và tương lai. Bảo nói:

—Thế các ông có biết tương lai là gì không?

Chân trả lời:

—Những kẻ có cùng chung quá khứ tất tương lai giống nhau. Ông Hiển bảo tương lai phía trước, nhưng tôi nói tương lai chúng ta lại ở phía sau. Thực ra thời đại chúng ta có cái kỳ lạ là quá khứ đằng trước và tương lai ngược lại. Tôi không chơi chữ đâu nhé. Khi muốn nghĩ phải làm gì không ai trong chúng ta không thấy cả cái quá khứ đằng trước là gì. Quá khứ đi trước nên khi tư duy như dòng sông chảy ngược về Tây.

Hiển xen vào:

—Dù chãy về Tây rốt cuộc cũng chuyển dòng về đông mà ra biển ông Chân ạ. Ông có say không và ông có nhớ bài nhạc của thằng Ẩn không."Những giòng sông đã lâu, không ra được biển rộng là những giòng sông lạc loài muộn phiền quanh vách núi như gương không người soi." Hãy quên cái dòng sông phiền não ấy đi là quên cái quá khứ chết tiệt kia đi các ông ạ. Tôi vả quá rồi!

—Làm thế nào mà chối bỏ quá khứ được. Nói nghe qua thì dễ nhưng làm điều đó có nghĩa phủ nhận sự tồn tại của mình. Ai bảo quên được quá khứ là nói dối hay là họ đã chấp nhận khoác lên mình một nhân cách mới, nói đúng hơn là họ viết lại tiểu sử đời mình. Tuy nhiên, quá khứ vẫn là chiếc bóng bên cạnh họ. Người bị vong kiện hoàn toàn quên hết lý lịch bản thân vì một biến cố lớn lao mà thường là chấn thương trí não. Nhưng kẽ vong kiện có thể hồi phục trí nhớ nhờ những ngẫu nhiên hay vô tình bị chấn thương lần nữa. Chúng ta bị những chấn thương trí mạng và lập đi lập lại nhiều lần nhưng không hề vong kiện, ngược lại quá khứ cứ sừng sững trước mặt tra tấn hành hạ dù chúng ta thiết tha được quên!

Bảo nhớ ngay bản nhạc làm Ẩn nổi tiếng, thứ nổi tiếng ngoài ý muốn và anh hiểu sự ví von của bạn. Mỗi người không hơn gì một ốc đảo, không

khác gì vũng nước ao tù và nếu có ai đó muốn vượt ra thì cũng lẩn quẩn bên bờ vách núi không lối thoát. Do đó thực tế thì mọi người bị lưu đày trên chính quê hương mình và quê hương thực sự mà mọi người chọn lựa lại ở tận đâu đâu xa lơ xa lắc.

Một người vào mua rượu cắt ngang dòng suy nghĩ của Bảo. Lúc bước ra cửa anh thấy Ngọc viên công an khu vực đang đi về phía anh. Ngọc mặt thường phục. Bắt tay Ngọc anh hỏi hắn cần gì. Liếc vào trong bàn rượu Ngọc nghiêm sắc mặt nói:

—Lại nhậu phải không? Các anh thừa thì giờ nhỉ?

—Tôi bán rượu và phục vụ khách. Khách này quen nên uống với họ vài ly cho vui. Anh Ngọc có cần chi không? Bảo trả lời và nhắc lại.

—Thứ bảy tuần này nhà tôi có tổ chức thôi nôi cho con. Anh chở cho tôi hai két nước ngọt và hai két bia Sài gòn. Tôi sẽ tính tiền sau. Nhớ là trước thứ bảy nhé.

Nói xong không đợi trả lời Ngọc đi thẳng về phía chợ Bà Hạt. Lúc nào cũng thế, Bảo nghĩ các viên chức cán bộ cộng sản giống nhau. Rất tự nhiên và hàm ý. Anh kể cho các bạn nghe và nói:

—Bia và nước ngọt ở đây chỉ bán cho cán bộ. Người dân đa số không đủ khả năng uống thứ nước giải khát cao cấp này. Họ và chúng ta uống rượu thuốc là đủ thấy cuộc đời mình rồi. Và cứ như vậy quán rượu của tôi thu hẹp dần. Sáu tháng nữa có lẽ quán chỉ còn bán rượu thuốc của ông Chân mà thôi.

Chân cười:

—Tôi đã có nói với ông từ trước. Phải như tôi bán rượu lưu động không sợ ai quấy rầy. Còn rượu tại quán này cứ dăm ngày tôi để riêng một can rượu thuốc bốn lít miễn phí cho bạn bè. Có uống thì uống thứ rượu này, không phải sợ cụt vốn. Khi nào chán ngồi một chỗ thì xuống đường lưu động với tôi. Một xe đạp với hai can bốn mươi lít nếu có mối đi hai chuyến một ngày cũng đủ sống khỏi phải lo nghĩ ông Bảo ạ.

Bảo không nói dùng đủa quơ đáy lẩu vét những cọng cải xanh cuối cùng cho vào chén trong khi Phụng đứng lên sang bên đường gọi thêm một tô thịt và khi hắn trở về trời tối hẳn.

Bảo vào trong nhà bật đèn và mang ra một gói thuốc lá. Mọi người đốt điếu thuốc đầu tiên trong lúc chờ than hồng trở lại. Chân nhìn đồng hồ rồi đứng lên nói:

—Đến giờ tôi phải đi. Giao xong bốn mươi lít rượu là về nhà ngủ một giấc. Sáng mai tiếp tục kéo cày. Hẹn hôm khác uống tiếp.

Đưa tay bắt từng người, đến Bảo thấy bàn tay Chân run run anh nói:

—Có say không, liệu về không được thì Phụng chở về giùm, để hai can

rượu lại đây ngày mai hãy đi giao.

—Không hề gì, mới mười hai ly chưa đến ba xị. Tiêu chuẩn của tôi ba mươi ly mới say. Đạp xe một lúc mồ hôi toát ra là giã rượu ngay. À, ngày mai ông Bảo có rảnh sang quán lẩu đuôi bò bên kia đường hỏi có lấy rượu thuốc thì tôi giao luôn cho tiện.

Nói xong Chân đi ra cửa. Phụng đi theo giúp bạn đẩy xe xuống lề đường trong khi Hiển lắc đầu nói như than:

—Giao rượu bên kia xong rồi về bên này ngồi uống cũng hết vốn liếng như không!

—Chúng ta thực ra đã phá sản từ hơn mười năm nay. Hôm nay ai cũng trắng tay cả. Cái mảnh đất hơn một mẫu cà phê của ông ở Bảo Lộc thực ra nào phải của ông. Cái nhà sàn lưng chừng núi cũng thế. Ông đang làm thuê và trí óc hiện tại của ông cũng là thứ vay mượn. Vốn liếng của chúng ta cạn sạch trong một canh bạc lịch sử. Cái kết quả ấy vượt quá sự ước muốn của chúng ta mà thời đại lại lạnh lùng nhẫn tâm như câu nói của người xưa "thiên địa vô tâm dĩ vạn vật như sô cẩu".

Bảo nói xong đốt một điếu thuốc. Bàn rượu im lặng. Tiếng nước sôi trong lẩu đều đều một âm thanh nhàm chán. Ba người đều nhìn ra cửa hút thuốc. Bên ngoài một vạt tối vắt ngang hai đầu vách nhà và bên kia đường quán nhậu cũng bắt đầu thưa khách. Phụng chợt hỏi:

—Gần đây có chùa phải không? Tôi hình như nghe có tiếng chuông.

—Chùa Từ Nghiêm ở ngả tư Nguyễn Tri Phương Bà Hạt.

Trả lời bạn xong, Bảo nghiêng can rượu rót tiếp vào ba chiếc ly rồi đẩy về phía hai người. Hiển nâng ly uống cạn và lẩm bẩm đọc, "Em đâu biết thế nào là hạnh phúc, hãy trả tôi về địa ngục những ngày xưa." Địa ngục kia kìa. Hắn chỉ tay ra cửa rồi cười đắc ý.

Phụng nhìn theo tay của bạn không thấy gì cả. Hiển lại lè nhè tiếp:

—Khi đọc Kiều đến câu "Biết đâu địa ngục thiên đàng là đâu" tôi tâm đắc vô cùng các ông ạ! Bởi thế nên tôi lại mong được trở về địa ngục ngày xưa vì chỉ có địa ngục ấy tôi mới có cơ hội đánh giá được cái thiên đàng hôm nay chúng ta đang sống khách quan hơn bây giờ.

Bảo lặng thinh nghe bạn nói. Phụng cũng thế. Nếu có Chân chắc nó sẽ đưa ra một lời bình luận. Vì bản tính Chân không thích vòng vo hay sáo rỗng. Hiển tự tay rót thêm ly rượu mới rồi gắp mồi. Những động tác bây giờ trở nên máy móc. Những chiếc vòng ánh sáng chập chờn trước mắt ba người.

Rượu uống vào không còn thấy ngọt hay đắng nữa mà vô vị. Bảo đốt thêm điếu thuốc nhưng không hút. Anh nhìn đóm lửa đỏ thấy heo hút như tự đâu đâu. Đưa điếu thuốc cháy dở cho Hiển anh nói:

—Hút đi rồi giải tán. Có lẽ chúng ta đều say cả rồi. Ngày mai ông còn phải đi Chợ Lớn, Phụng phải về bên kia cầu chữ Y.

Phụng cầm bình rượu đưa lên ánh đèn xem xét. Hắn nói nhỏ:

—Cũng chỉ còn ba ly. Uống xong rồi về.

Ba ly rượu cuối cùng cũng chạy xuống cuống họng dể dãi như một giòng nước lạnh. Hiển thổi phù phù miếng nước lẩu cuối cùng. Phụng khỏe rượu đề nghị chở Hiển về bỏ chiếc xe đạp lại ngày mai hắn sẽ ghé lấy.

Bảo đỡ Hiển lên xe. Anh cẩn thận nâng chân bạn đặt lên bàn đạp. Hiển say thật sự. Hắn ôm Phụng đầu ngoẻo sang một bên, miệng lẩm bẩm, "hãy trả tôi về địa ngục những ngày xưa." Phụng đạp máy xe và từ từ cho xe xuống lòng đường. Bóng hai người khuất ở ngả ba Bảo mới trở vào nhà đóng cửa. Đã hơn mười giờ rưỡi. Anh vào nhà trong đốt một cây nhang trầm cắm lên bàn thờ rồi ngồi xuống ghế sa lông. Mùi hương trầm dịu dàng làm anh như tỉnh rượu. Lúc này anh nghe có tiếng chuông từ chùa vẳng lại. Thật kỳ lạ, tiếng chuông lạc lõng như réo gọi từ đâu trong bóng tối mà cái bóng tối đen này rỗng tuếch vô hình. Bảo ngồi đó im lặng như bức tượng đá mãi đến khi em anh trở về kêu cửa anh mới giật mình tỉnh táo và lên xe đạp về nhà.

Con đư`ờng đi về Cầu Muối đêm se se lạnh. Thành phố và những cơn say như thế này khiến Bảo nhớ lại thân phận của anh cùng bạn bè. Anh lại nhớ đến quá khứ đằng trước và tương lai phía sau như Chân bảo trong bàn rượu. Tương lai của anh và bạn bè là một khoảng trống còn lại đằng sau mỗi người. Nó cũng trĩu nặng không khác chi quá khứ mà mọi người phải ì ạch cưu mang. Dù có bao ước muốn hay vẽ vời, tương lai rỗng trống ấy tự thân mang tính bội phản. Cái phản bội ắt có và đủ như một điều kiện toán học, và nếu đem chứng minh cái kết quả tìm thấy, nó không thực sự mang đến hạnh phúc cho Bảo và bạn bè.

Tương lai và quá khứ bây giờ không còn phân ranh giới rõ rệt mà hòa quyện vào nhau trong môi trường quê hương. Bảo đôi lúc thấy có đủ cả hận thù,thương xót, thất vọng trong quá khứ, khi lại cảm nhận sự độ lượng, buồn rầu, chán nản lúc có chút ý niệm về tương lai. Cứ như vậy như bánh xe xoay vần nghiến trên mặt đường đêm, cái khoảng không còn lại bọc kín anh lại không lối thoát. Chiếc xe đạp lao tới đằng trước nhưng anh vẫn thấy nó đứng yên tại chổ trong khi mọi cố gắng của người lái xe chỉ biểu hiện cái tuyệt vọng nhục nhằn.

Đêm ấy Bảo nằm mơ. Cơn mơ là một giòng thời gian không đầu không cuối, nhưng dù trong giấc ngủ anh vẫn hiểu cơn mơ là quá khứ vì chỉ có quá khứ mới là quê nhà chung cho con người. Trong cái quá khứ ấy có cả lịch sử của dân tộc gắn liền với cội nguồn bản thân anh và bạn bè. Cho nên anh nhìn

thấy rõ cả những con đường hầm anh đào chung quanh trại cải tạo để chống quân xâm lược Trung Quốc mùa xuân năm bảy chín. Mồ hôi anh đổ xuống con giao thông hào ngoằn ngoèo sỏi đá, và anh đã cùng bạn bè đứng đó chua chát chỉ tay lên đồi nơi cây thượng liên ngụy trang dưới gốc cây sấu già hướng về phía trại. Lúc ấy anh thấy quê hương là nghi kỵ và bội phản. Khi tiếng nổ của đại bác inh tai, anh ngồi trong hố cá nhân trên đỉnh đồi reo hò nhìn đạn pháo rót hình trôn ốc đẩy lui hai đại đội xung phong của Trung quốc ở Lạng sơn anh lại thấy quê hương là nỗi kiêu hãnh lớn lao. Rồi con đường Bắc Nam trên tàu Thống Nhất ngày nào đi qua những thôn xóm tiêu điều xơ xác, những em bé ở tuổi đến trường áo rách chân đất lội rừng đốn củi hầm than ở Hàm Tân Thuận Hải thì chua xót biết bao cho một quá khứ vàng son. Bảo lại thấy cha anh trong giòng thời gian nghiệt ngã ấy chỉ tay vào trán anh nói, con phải nhớ, cha đã sống hai năm không phải con người. Người ta không giam cha, không kết án hay giết cha nhưng người ta làm cha có cảm giác mình đang sống trong địa ngục. Trong cái nhà mà cha đổ mồ hôi hơn hai mươi năm xây dựng lúc nào cũng có người. Kẻ cầm bút, người cầm sổ tính toán cộng trừ nhân chia để tìm ra đáp số là cha, một kẻ đúng tiêu chuẩn họ đang cần. Khi lôi cha ra trưng cầu ý kiến trong buổi họp toàn khu phố họ cũng thất vọng khi thấy ngay đến những kẻ cùng khổ nhất ai ai cũng đều bảo, trong lúc mọi người đi ngủ hoặc đi chơi cha phải còng lưng cật lực đổ mồ hôi làm việc thì làm thế nào mà không giàu có được. Không còn cách nào khác cuối cùng họ bàn với nhau, trong buổi tiệc không có trâu bò thì phải giết heo, nếu không có heo thì phải tìm cho ra gà vịt. Con phải nhớ, từ hôm ấy cha của con đã trở thành gà vịt cho cuộc vui đang bắt đầu trở thành chiến dịch. Trong cơn mơ, Bảo thấy mình rưng rưng nước mắt, và quê hương trong anh là nổi hận thù chất chứa không nguôi.

Cuối cùng thì cơn mơ và đời thực không khác chi mấy. Những khát vọng được cơn mơ đốt lên ngọn lửa làm sôi sục cái ý chí tàn lụi ban ngày, và trong cái khoảng không trống rỗng còn lại ấy đã nhận chìm biết bao con người thế hệ bốn mươi như Bảo và đám bạn bè trong một thành phố mà một thời bị lãng quên.

LÊ LẠC GIAO



SƯƠNG MAI

cõi tình

Em đã bay qua biển
Để xích lại gần anh...
Em đã bay qua nuí,
Đến một nơi em gọi: cõi tình

Em đã bay cao hơn mây
Nhìn xuống những vật li ti dưới đất
Nhìn lên bầu trời xanh rộng
Chung quanh em, những chùm mây trắng
Lững lơ như cuộc tình mình...

Em đã bay đến đây
Để về với hiện tại phôi pha
Em đã nhìn lại quá khứ xót xa
Để mơ màng một tương lai không ai ngờ trước

Em đã bay qua vùng mộng ước
Chỉ để xoa đầu anh bằng một bàn tay,
Không là bàn tay đàn bà
Mà là bàn tay đứa trẻ nhỏ, thật thà
Vì em muốn tình yêu
mãi mãi là đóa hoa...

Em đã vì anh,
mà bay qua biển
Em đã vì anh,
mà bay qua núi.

SƯƠNG MAI
10/13/97



TƯỜNG VŨ ANH THY

PHƯƠNG TRỜI THĂM THẲM



Tôi về Sài Gòn giữa mùa thu năm 2013. Đúng 200 năm sau ông Nguyễn Du trở lại Hà Nội, bấy giờ là Thăng Long; và gặp cô Cầm. Cô đã già và nghèo sau những năm thống nhất đất nước.

- Sao anh về đúng năm em vừa hăm mốt? Đúng năm thành phố lấy lại tên Sài Gòn năm xưa?

Tiếng nàng như gió đưa, như mưa bụi rơi rơi trên tóc tôi. Thân thể chúng tôi được chăn ủ kín như hai con kén.

Những cơn mưa tầm tã phập phồng bong bóng Sài Gòn. Đường sá ngập trong màn hơi nước và mùi vôi nồng. Ở Mỹ tôi chưa bao giờ được nhìn thấy bong bóng nước, cũng như chưa từng được ngửi cái mùi nồng nồng ngai ngái lạ lùng của mưa. Tựa tựa như mùi da tóc u uẩn của nàng. Tựa tựa như mùi rạo rực giữa hai bờ ngực săn cao mềm nóng của nàng. Tôi úp mặt vào đấy cùng thở với tiếng tim nàng đập mạnh. Tưởng như ở trên núi, nghe rõ tiếng thì thùng âm vang trong vách đá. Con ong lách mình nhè nhẹ trong nõn hoa. Nàng cong thân như một vòng trăng. Cần cổ vươn dài trắng ngần. Ở đấy cái cằm nàng ngân nga lời hoa nở. Cùng với tiếng mưa to ào ạt đáp xuống thân nàng như con ong đắm đuối trên đài hoa. Cùng với tiếng sấm sét vang dội ngoài không gian, chúng tôi cùng kêu lên trong căn phòng. Chúng tôi là những giòng sông quấn lấy nhau trôi phăng phăng ra cửa biển. Biển. Biền biệt. Âm ì.

Biển sinh ra tôi năm 1990. Lúc đó bố tôi đến bờ biển San Francisco, và cũng gặp một cô Cầm. Người ấy là mẹ tôi, nhưng không bao giờ là vợ của bố tôi. Bởi vì, mẹ tôi kể, họ chỉ ở với nhau có mười ngày; sau đó bố tôi đi biệt tích về Sài Gòn. Hình như vừa làm ăn, vừa làm cách mạng, vì thế tôi lớn lên không có bố. Chỉ có tiếng đàn của mẹ. Và biển. Biền biệt. Âm ì.

Cô Cầm chính thật là ai? Tôi không biết, đã đành. Ông Nguyễn Du cũng không biết. Cả Thăng Long người ta gọi cô là cô Cầm, vì cô thạo Nguyễn Cầm. Nguyễn hay Nguyệt? Mẹ tôi tên thật là Nguyễn Nguyệt Cầm, và giỏi dương cầm. Ở San Francisco, mẹ tôi vừa dạy đàn, vừa chơi đàn trong những buổi trình diễn. Còn cô Cầm vừa dạo đàn vừa hát. Cô còn sáng tác ca khúc phổ vào cây đàn Nguyễn rất riêng biệt của cô. Bấy giờ cô Cầm mới hai mươi mốt tuổi. Nhựa xuân còn thơm ngát trên da. Cô không đẹp nhưng thân hình tuyệt mỹ. Chắc thế!

Tiếng ư hự của nàng là một âm giai ngũ cung được phổ vào cây đàn nguyệt. Tôi muốn ậm ừ như cây đàn bầu, nhưng nàng đã đẩy cánh tay tôi một cách giận dỗi. Nàng quay mình nằm nghiêng ra phía khác. Tôi thấy bớt đi hơi nóng rừng rực trong chăn. Nàng cũng là một người chơi đàn nổi tiếng ở Sài Gòn. Tiếng đàn của nàng hôm ấy có ma lực làm ngưng tiếng tim đập trong tôi đến mười giây đồng hồ. Tôi nhìn sững hai bàn tay nàng. Nuột nà. Và ở dịp gần hơn, tôi thấy rõ được những làn lông óng ả. Y như hai búp măng mạnh tông mướt mượt. Toàn thể con người nàng là mùa xuân. Thốt nhiên tôi bập bẹ: "Xuân Cầm!" Nàng mở to mắt nhìn tôi ngỡ ngàng: "Anh quen Xuân Cầm?" Tôi ấp a ấp úng: Xuân Cầm. À. Tôi quen cái tên nhưng... không quen cái người." Nàng phá lên cười như suối chảy: "Thì ra là một lời tán tỉnh có thưởng." Rồi nàng vênh cằm, "Anh không có dịp quen "cái người" đâu." Cằm nàng, lúc ấy là một mảnh trăng lạnh. Tôi đứng như trời trồng nhìn nàng đi theo ban nhạc đông đến mươi người. Tôi sực nhớ trong tờ chương trình ghi tên nàng là Mộc Cầm. Ở công viên Hồ Chí Minh, nàng trình diễn hai bài Trương Chi, một của Văn Cao, một của Phạm Duy. Hai nhạc sĩ đều đã chết theo với Trương Chi để riêng nàng đang sống. Tôi vội rẽ đám đông vội vã đi tìm nàng. Quả thật, nếu tôi lầm lẫn giữa tên Mộc Cầm với Xuân Cầm thì tội của tôi đáng trách quá! Tôi thành khẩn chỉ muốn xin lỗi nàng. Nhưng rừng người trong công viên làm tôi không còn nhận ra phương hướng. Mộc Cầm hay Xuân Cầm? "*Người đâu gặp gỡ làm chi. Trăm năm biết có duyên gì hay không?*" Tối đó tôi uống rượu một mình trong khách sạn. Ban đêm, Sài Gòn là một người đàn bà đi tắm sông, thơm mùi lá dừa và măng tươi. San Francisco thì là một người đàn bà đi tắm biển, thơm mùi rượu Jack Daniels và muối mặn. Trong mùi rượu Jack Daniels có mùi son phấn, nếu bỏ thêm đá

lạnh càng dậy mùi hơn. Còn Hà Nội? Hà Nội bấy giờ là Thăng Long. Đêm trên hồ Gươm lung linh ánh đèn lồng. Cô Cầm mới hai mươi mốt tuổi. "*Kỳ thời tam thất chính phương niên*". Cô mặc xiêm hồng, ánh đèn lồng càng tăng nét diễm ảo trên mặt trên mắt cô đang nồng rượu hoa đào. Cô là hoa. Cô là rượu. Cô là đêm Thăng Long thơm mùi sen cốm trộn lẫn với mùi tươi của mai rùa. "*Hồng trang yểm ái đào hoa diện. Đà nhan hám thái tối nghi nhân*". Cô Cầm hay uống rượu. Cô càng uống càng đẹp. Cô nói cô cười và hát đều là rượu cả. Mùi rượu trong hơi thở của cô phả vào mặt Nguyễn Du như mời như gọi như trêu như đợi như có như không. Khi ấy Nguyễn Du đã 28 tuổi rồi. Cùng tuổi với bố tôi, và mẹ tôi cũng 21 như cô Cầm. Còn nàng? Tôi thì 23 tuổi. Tôi nghĩ, nàng sẽ vĩnh viễn là tuổi xuân. Xuân Cầm, tôi nói một mình "Tôi nhất quyết tên nàng là Xuân Cầm." Bất chợt tôi lại nhớ San Francisco. Nhớ biển. Biền biệt. Ầm ì.

Mẹ tôi kể, vào năm hăm mốt tuổi thì gặp bố tôi trong một đêm bà trình diễn nhạc Mozart ở San Francisco. Hai người đã uống rượu với nhau suốt mười ngày mười đêm trên khắp thành phố. Rượu làm đỏ cầu Golden Gate, và đỏ những tảng đá ven bờ biển gần Cliffe house. Và chính thật, rượu đã sinh ra tôi. Thế mà tôi không uống được nhiều. Tôi đã bị nàng hạ đo ván ngay hôm sau gặp lại ở mộ thi sĩ. Quả thế, rất tình cờ, khi tôi đến mộ thi sĩ thì nàng đang hành lễ. Tuy run rẩy nhưng tôi vẫn đủ khéo léo không để lộ sự vụng về. Bất ngờ thấy tôi, nàng ngỡ ngàng bối rối. Tôi nói: "Tôi xin lỗi cô". Nàng hỏi:"Anh là gì?" Tôi hiểu ý câu hỏi của nàng nên đáp ngay: "Tôi là bạn của chắt ông Thi Sĩ ở San Francisco. Nhân dịp về Sài Gòn thì ghé lại thăm. Còn cô?" Nàng nói: "Thế ra anh là Việt Kiều." Tôi cãi: "Tôi không phải Việt Kiều. Vì tôi chưa hề ở Việt Nam." Nàng cũng cãi: "Sao anh nói được tiếng Việt?" Rồi bất chợt chúng tôi cùng cười ầm lên trên mộ, bức ảnh Thi Sĩ đã già nhưng vẫn đẹp. Tôi hỏi: "Mộ này là mộ thật hả cô?" Nàng cau mày hỏi lại: "Sao anh lại hỏi thế?" Tôi đáp: "Vì tôi nghĩ, người ta sẽ làm mộ ông Thi Sĩ bên bờ sông Việt Bắc mới phải." Tay nàng đột xuất nắm tay tôi: "Đi. Tôi mời anh đi uống rượu."

Sài Gòn đang có nhiều quán rượu nổi trên sông. Nhưng nàng không cho tôi chọn cũng không cho tôi trả tiền. Lúc ấy tôi bỗng như một làn sóng nhỏ bám lấy làn sóng lớn là nàng. Chúng tôi lướt qua thành phố như những lượn sóng biển. Biển. Biền biệt. Ầm ì.

Tôi chắc cánh tay và bàn tay của cô Cầm cũng đẹp như của nàng. Đêm ấy trên hồ Gươm, cô cầm gẩy đàn Nguyễn Nguyệt. Năm ngón nõn nà. Mười ngón ngà ngọc. Thoắt tiến thoắt lùi và thoắt biến. Cánh áo lơi xuống để lộ cả cánh tay đầy lông tơ mướt mượt. Tiếng đàn của cô bấy giờ như một làn gió

nhẹ, rung khẽ qua rừng thông. Như tiếng chim xưa bay trở về bóng rợp. "*Lịch loạn ngũ thanh tùy thủ biền. Hoãn như lương phong độ tùng lâm. Thanh như chính hạc minh tại âm.*" Nguyễn Du làm thơ về cô như thế. Sau này đến lượt Thúy Kiều. Nhưng cô Cầm có thật. Nguyễn Du kể: "*Lúc trẻ, tôi có về Kinh thăm anh tôi, trọ cạnh hồ Gươm. Gần đấy là dinh cơ nữ nhạc của quân nhà Tây Sơn, tập họp không dưới vài chục cô. Riêng nàng với cây đàn Nguyễn đã nổi nhất đám. Nàng lại biết hát và phổ lời ca, nói năng thích ý. Quan quân đều say mê điên đảo. Chén tạc chén thù, vây quanh nàng không dứt. Tiền lụa thưởng cho nàng tràn đầy mặt đất. Khi ấy tôi ẩn mình trong bóng tối xa xa, nhìn không rõ ràng. Đến khi gặp lại ở nhà anh tôi, mới hay nàng thâm thấp, má bầu bĩnh, trán gồ, mặt gãy. Nhan sắc không đẹp lắm, nhưng nước da trắng, thân hình đầy đặn. Nàng khéo trang điểm phấn son, xiêm y toàn bằng lụa hồng và cánh áo màu xanh nhạt. Xem nàng đầy vẻ phong lưu nhàn nhã. Tính hay uống rượu, nói đùa rất có duyên. Mắt long lanh mơ mộng như chẳng để ý tới ai.*" *Chắc rằng cô có để ý đến Nguyễn Du nên hai người mới quen nhau. Và họ mời nhau uống rượu. Cô Cầm giao ước: "Nếu anh say trước phải làm đền cho em một bài ca." Nguyễn Du chịu liền. Họ uống rượu và yêu nhau như thế hơi lâu hơn thời gian yêu nhau của bố mẹ tôi nhiều. Đâu những hai năm.*

Mẹ tôi kể, mười ngày đêm ở San Francisco bố tôi làm mười bài thơ cho mẹ phổ nhạc. Khi ra đi, ông chỉ có một bộ quần áo. Tất cả, ông gửi lại mẹ tôi. Trong ấy có gần trăm ngàn đôla. Ông bảo: "Ngộ nhỡ anh không về. Em đỡ vất vả nuôi con." Ông biết trước là ông sẽ có tôi. Điều ấy làm tôi rất an ủi. Tôi lớn lên lủi thủi lắm. Nhưng cũng tốt nghiệp đại học San Francisco. Tôi giao ước với mẹ: "Xong đại học, con muốn đi tìm bố!" Mẹ tôi bằng lòng. Chúng tôi có năm sáu tấm ảnh chụp bố tôi hồi ấy. Tôi scan hết vào computer. Và lẩn thẩn theo dõi những đổi thay trên khuôn mặt và thân hình bố tôi. Căn cứ vào tính nết của bố tôi, 23 năm qua, bây giờ computer đã cho tôi một tấm ảnh quen thuộc. Bất cứ lúc nào tôi cũng có thể in ra. Đó là một người đàn ông cao ráo, vừa lãng mạn vừa dấn dỏi. Dĩ nhiên là tôi rất giống ông. Có điều, tóc ông bạc rất sớm. Mới 50 tuổi mà đã trắng như bông. Nhưng hình như ông Nguyễn Du còn bạc sớm hơn thế! Đâu tự những năm mới 30. Ông gặp lại cô Cầm khi xấp xỉ 50. Cô Cầm mới 41 mà già đến nỗi ông không nhận ra. Đôi má bầu bĩnh năm xưa bây giờ hóp lại. Khuôn mặt gẫy của cô trở nên tối tăm. Thân hình đầy đặn đã tóp teo tiều tụy. Cô không còn phấn son. Không còn xiêm lụa. Cô lóp ngóp đi theo ban hát xướng để kiếm chút sinh nhai. Những sự đổi thay ấy, tôi chắc computer của tôi không lường trước được. Mà có ai tưởng được như thế. Mới ngày nào đây cô còn là đệ nhất danh ca thành Thăng Long. Mới ngày nào đây nhựa xuân thơm tràn da thịt. Cô

mặc áo xanh, cô thay xiêm hồng. Miệng cô hoa đơm, mắt cô rượu đổ. Tôi chắc rằng nỗi khổ của Nguyễn Du sẽ ghê gớm lắm. Khổ về nỗi đời, nỗi thời gian trôi lạnh lùng dâu bể, đã đành. Ông còn khổ vì tình riêng trong lòng. Mối ân tình với cô những ngày ấy không trả được nữa. *Trăm năm trong cõi người ta. Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau. Trải qua một cuộc bể dâu. Những điều trông thấy mà đau đớn lòng".* Ông chỉ còn trả gián tiếp trong thơ. Khi viết truyện Kiều. Chứ bấy giờ, 1813, gặp lại cô Cầm trong tiệc rượu thành Thăng Long, ông chết điếng. Còn cô Cầm? Tôi chắc rằng cô không chết điếng. Cô đã quen với cuộc sống nghèo hèn. Tấm áo và trên người cô. Mớ tóc hoa râm phờ phạc trên đầu cô. Đã 20 năm trôi qua cuộc tình cũ kỹ ấy, cô đâu còn mơ ước gì. Chỉ một điều, chỉ một người, làm cô rưng rưng, làm cô rối loạn. Khi xác định được Nguyễn Du, chính là "Cậu Bẩy con quan cố Tham Tụng" thì cô lả đi. Nguyễn Du thì bối rối quá. Cho đến khi cô tỉnh, ông theo cô về thăm nhà. Đó là một gian nhà lá ở ngoại thành Hà Nội. Lối đi đất bùn.

Một lần chớp sáng kéo theo những tiếng nổ ầm trời làm cả nàng và tôi đều giật mình. Tôi choàng sang. Tóc nàng như rừng tối. Nàng gối đầu bên ngực tôi. Mùi Courvoisier trong hơi thở trộn với mùi da, mùi tóc cùng lúc bốc lên ngào ngạt. Bên ngoài mưa dào dạt như tiếng nhạc Mozart. Tôi vuốt khẽ những sợi lông tay của nàng trong chăn. Ở đáy bụng nàng có thiên đường cỏ mọc. Nàng co đùi lên kêu: "Nhột em". Và chúng tôi ôm chặt lấy nhau như muốn biến thành một. Riêng chúng tôi như vẫn còn nguyên ngụm rượu Pháp mớm cho nhau. Tôi nhận ra bằng da ngực mình, đôi vú nàng săn bỏng. Tôi nhận ra bằng đáy bụng mình, đáy bụng nàng co thắt. Chúng tôi lại như những giòng sông quấn lấy nhau trôi phăng phăng ra cửa biển. Biển. Biền biệt. Ầm ì.

Lối đi đất bùn quanh co. Gian nhà lá có một vại nước to đằng trước. Cô cầm chỉ tay cười nói: "Lâu đài Nhị Cầm đây rồi." Nguyễn Du chua xót bảo: "Cái tên hay đấy." Ông phải hơi cuối mới vào được nhà. Tất cả đều rất sơ sài. Nhưng mà sạch sẽ. Tưởng như có mùi hương trầm. Tưởng như có mùi cốm mới. Và thật sự có nhiều mùi cói. Cói từ những chiếc chiếu còn mới tinh xếp thành một khoang. Là lạ, quen quen. Nguyễn Du hít vào một hơi rồi mới hỏi: "Thế ra còn đi buôn chiếu kia à?" Cô Cầm bật cười: "Em không còn là Thị Lộ. Có con gái mình đi bán chiếu như Thị Lộ thì có!" Ông giật mình: "Con gái cô?" Cô Cầm trở giọng buồn buồn: "Anh không ngờ phải không. Em cũng không dám dùng họ Nguyễn cho con. Em dùng họ ngoại. Tên con là Thúy Cầm. Em chả giới thiệu "lâu đài Nhị Cầm" với anh rồi sao?". Nguyễn Du lại chết điếng. Tiếng cô Cầm kể: "Anh về Thái rồi em mới biết

mình có mang. Chín tháng sau thì sinh Thúy Cầm. Đúng rằm tháng tám năm Ất Mão. Lại nghe tin anh đã đi Hà Tĩnh. Em nhờ người thông tin mãi mà vẫn biệt tăm. Thế rồi loạn lạc lưu li. Em đem con về Kinh Bắc. Nấu diêu bông để kiếm ăn. Cũng có người mối lái chắp duyên. Nhưng... lòng em chỉ có... một mình anh." Kể đến đây cô Cầm khóc. Ông Nguyễn Du cũng không dấu nổi nước mắt. Ông nói: "Lỗi tại tôi tất cả." Ông nhớ lại những ngày ấy cùng cô Cầm đàn hát và uống rượu. Nhưng cứ đến chỗ "*Xem trong âu yếm có chiều lả lơi*" thì ông phải dừng lại. Tại cô Cầm cả. Cô đẩy tay ông ra: "Đời còn rộng rãi. Vội gì. Anh không thương em sao?" Cho đến một đêm kia trên con thuyền rượu ở Tây Hồ, cô không còn nói thế! Cả hai cùng đã say lắm. Cây đàn Nguyệt của cô cũng say. Má cô bừng bừng như xác pháo. Cô nằm nghiêng nghiêng tựa khoang thuyền. Áo cô lệch hẳn xuống chiếu. Trái đào tiên lấp ló bóng đèn khuya. Nguyễn Du lắp bắp nói: "Tôi đang biến thành Tôn Hành Giả đây." Cô Cầm cười khanh khách: "Tôn Hành Giả thì đã làm gì được ai?" Nguyễn Du cũng cười nói: "Không làm gì được ai thật. Nhưng ăn trộm được đào tiên." Vừa nói ông vừa sà ngay vào cô Cầm. Cô vẫn cười khanh khách. Nhưng Nguyễn Du không cười. Ông vừa chạm quả đào tiên. Ông không ngờ vú cô đẹp quá! Đầu chóp đỏ như hoa hồng. Cả bầu da trắng nõn. Ông giật bắn người vì cái vẻ mềm mại kinh hồn ông chạm phải. Cô Cầm cũng thôi cười. Đôi mắt thật long lanh tình tứ như rơi cả con ngươi. Ông chưa bao giờ thấy ai đẹp bằng lúc ấy. Cả khoang thuyền như làm bằng mây bay hoa nở. Ông háo hức mở xiêm áo cô Cầm. "*Rành rành sẵn đúc một tòa thiên nhiên.*" Cô Cầm liếc xéo ông một cái rồi quay đi. Ông nhìn thấy cả một lớp lông tơ như tẩm phấn. Bàn tay run run, ông khe khẽ đụng vào má cô Cầm. Má cô nóng bỏng như cốm rang. Nhưng môi cô lại ướt rượt mùi rượu thơm ngan ngát. Ông chạm má vào môi cô. Bàn tay cô không mát mà ấm áp lạ lùng. Bàn tay ấy quấn lấy lưng ông. Luồn xuống người ông. Hệt như hai con rắn trườn lướt khắp châu thân ông. Bỗng chốc ông bủn rủn. Không thể nào điều khiển được thân hình cơ bắp. Ông để mặc ông thình lình dán chặt vào cô Cầm. Cô là biển, là cát, là sóng, là gió, là mây. Chiếc thuyền tình trên đêm hồ Tây tròng trành dữ dội cô bỗng hát líu lo như tiếng sáo cao vút. Ông cũng ậm ừ như tiếng đàn bầu. Ông cảm nhận được ở trong cô là một nguồn nhiệt lượng vô cùng vô tận khiến ông bị kích thích cực độ. Những cơ vòng trong đáy bụng cô co thắt liên hồi làm ông đắm đuối. Ông chết điếng trên người cô. Ông phải nhận, chưa bao giờ ông được nhìn một tấm bụng đẹp nõn nà như thế. Họ nằm yên rất lâu. Rồi ông nói: "Xin cảm ơn em". Cô Cầm bảo: "Em mới là người xin cảm tạ." Hôm ấy ông mới biết cô Cầm còn trong trắng.

Mẹ tôi kể, ngay sau lần uống rượu đầu tiên với bố tôi trên tầng lầu thứ

56, bà đã hiến dâng. Bố tôi nói: "Anh không biết Cầm còn con gái. Xin tha lỗi cho anh." Mẹ tôi khóc: "Không. Tại em tình nguyện. Dù biết anh không ở lại. Tại em cả chứ. Phải không." Bố tôi vò đầu: "Đáng lẽ anh không nên như thế! Thật tình. Nếu biết em còn con gái." Mẹ tôi đột ngột giận dữ: "Thì ra anh không hề yêu tôi. Thôi được. Anh đi ngay đi." Bố tôi hốt hoảng quá gọi rối rít: "Cầm. Cầm. Kìa Cầm."

Chúng tôi cũng uống rượu trên không trung. Tôi không biết là tầng thứ mấy. Nàng có vẻ quen thuộc nơi đây. Trời Sài Gòn về đêm, cao và trong lạ lùng. Tôi thấy được rõ giải ngân hà. Trời với người đều thật thà dễ chịu. Lòng tôi bỗng chốc như một vạt nước trong vắt. In rõ những vì sao. Và nàng hiện ra ở đấy thanh cao mà đằm thắm lạ thường. Tôi ngửi được mùi u hương, như thể nàng từ cây chanh cây bưởi bước ra. Giọng nàng ríu rít sơn ca: "Mời anh. Này, hôm nay không say không về." Tôi vừa kinh ngạc vừa thích thú bởi sự thân mật của nàng. Hai ly rượu vàng quánh như mật ong. Tôi ngửi thấy mùi gỗ xuân. Tôi nói khẽ: "Xin mời cô Mộc Cầm... hay... Xuân Cầm?" Hàm răng trắng lóng lánh của nàng úp mở: "Xuân hay mộc gì thì anh ráng mà tìm lấy một mình." Thế mà tôi lại say lướt khướt không biết mình ở đâu. Chỉ thấy một mầu lung linh huyền ảo của mắt môi vai tóc. Của những ngón tay và xiêm áo nàng. Chỉ nghe tiếng nàng như chim sơn ca. Chỉ ngửi thấy nàng như gỗ mùa xuân. Như chanh như cốm. Cho đến khi về đến khách sạn tôi mới mơ hồ tỉnh lại. Tôi toan ôm thì nàng đã khéo léo lướt đi. Tiếng cười trong suốt của nàng còn vang vọng mãi trong giấc ngủ của tôi. Hôm ấy, tôi đúng là chưa được quen "cái người" nàng. Tôi...

Cô Cầm vẫn còn khóc. Đôi vai gầy của cô như con chim xơ xác đã bay nhiều đoạn đường khó nhọc. Hai cánh tay cô, tuy thế vẫn còn lông mượt. Và đôi mắt cô khi nhìn Nguyễn Du vẫn đăm đắm mối tình đầu. Cô lại kể: "Đến khi thống nhất đất nước, em cố đem con mon men về Thăng Long, mong gặp được anh. Nhưng cảnh cũ điêu tàn, mà tin anh biền biệt. Cung phủ chúa Trịnh không còn, dinh thự Tây Sơn cũng mất. Người cũ kẻ mới đều dớn dác láo liên. Thù cũ nợ mới liên miên bày ra trước mắt. Nửa phần bơ vơ nửa phần khiếp sợ. Em lại giắt con đi. Cứ thế vài năm một bận về Thăng Long. Năm kia năm kìa mới bắt được tin anh đã làm việc với tiên triều. Nghĩ đến phận mình trăm đắng ngàn cay thôi từ nay đành xuôi tay. Chỉ thương cái Thúy Cầm. Càng lớn nó càng giống anh. Em cũng cố xoay cho nó tí chữ tí nghĩa. Ngộ nhỡ mai kia. Nói dại, nó gặp được anh... Không, em chưa cho nó biết gì về anh cả. Chỉ là kể chuyện xưa tích cũ cho nó nghe. Em có người bạn tên Nguyễn Du như thế! Không, hẳng để nguyên cho em nói hết kẻo em lại quên. Dạo này cái gì em cũng làm trước quên sau. Chỉ được mỗi một việc kinh kệ

là tụng đến đâu nhớ đến đấy. Sư cụ bảo em có thiện duyên." Nói đến đây cô Cầm đã thôi khóc. Hình cô đột ngột nhẹ nhàng. Tuy mắt cô vẫn mơ màng nhưng khuôn mặt mười phần tĩnh lặng đến tám.

Nàng với tôi vẫn ôm nhau rất chặt. Nhưng tôi không nghe được tiếng thức của nàng. Hơi nóng của chúng tôi đã dịu đi như đêm tối. Ngoài kia mưa vẫn rơi, lúc to lúc nhỏ. Trong tiếng mưa có lẫn cả tiếng ồn hỗn tạp của thành phố. Tôi bỗng thèm ăn một món quà khuya. Nghe nói Sài Gòn là thiên đường ăn đêm. Tôi thường ăn rất khuya ở San Francisco. Nhất là khu chợ Tầu. Mùa này bắt đầu lạnh và dầy sương. Trước ngày lên đường về Việt Nam, mẹ tôi còn chịu khó la cà với tôi ngoài phố đến ba giờ sáng. Chúng tôi có hạt dẻ nóng trong túi. Ở trên những đỉnh dốc, nhiều khi gió thốc bật tiếng ho. Tôi lo mẹ bị cảm. Nhưng mẹ tôi chỉ xúc động vì nhớ nhung dĩ vãng. Nhất là khi ở bãi biển. Gió theo sóng và sóng theo gió tới tấp vào bờ. Hình như mẹ tôi khóc mà cố ý dấu tôi. Biển đêm thường hoang mang và đe dọa. Vậy mà chúng tôi lại rất yêu biển. Biển. Biền biệt. Ầm ì.

Cô Cầm không những thôi khóc mà bất chợt cô cười khanh khách. Tiếng cười vẫn trong như suối mùa xuân. Nhưng tôi chả tin được. Cô cười là cười khóc đấy. Tiếng cô ngàn ngạt: "Chả là gần đây em hay đến chùa. Tụng vài thời kinh với mấy người hàng xóm. Khi thì cầu siêu, khi thì cầu an. Ở Thăng Long, nhà nào cũng có người chết. Sư cụ bảo giọng em tốt, lại có thành ý. Vậy đặc biệt tâm truyền pháp khí tụng niệm. Em thuê gian nhà lá này đã hai năm. Thỉnh thoảng trong dinh yến tiệc, hay dân gian tế lễ, người ta tìm em đến hát. Cũng được một ít thù tặng. Thúy Cầm thì vừa đi buôn chiếu, vừa học chữ ở chùa. Em không truyền nghề cho nó để tránh nghiệp dư. Có lần nó hỏi: "Cửa Quyền là gì hả mẹ." Chả là mỗi lần em cất tiếng hát, người ta lại xầm xì: "Đó là tiếng hát cửa quyền thời trước." Em gạt đi bảo nó: "Chỉ là điệu hát cũ mà giờ đã không còn hợp thời." Đã hai năm nay, mỗi lần tụng kinh Bát Nhã đến đoạn: "...thị cố không trung vô sắc vô thọ tưởng hành thức vô nhãn nhĩ tỉ thiệt thân ý vô sắc thanh hương vị xúc pháp vô nhãn giới nãi chí vô ý thức giới vô vô minh diệc vô vô minh tận nãi chí vô lão tử diệc vô lão tử tận vô khổ tập diệt đạo vô trí diệc vô đắc dĩ vô sở đắc cố..." thì không hiểu sao em lại... cứ nhớ... đến anh." Ánh sáng chiều trong gian nhà lá chợt bùng lên. Soi rõ vẻ e thẹn của cô Cầm. Cô vẫn có duyên ngầm như hai mươi năm trước. Đôi má hóp của cô, nước mắt đọng lóng lánh như ánh vỏ trai. Cô kéo hai tà áo vá: "Anh cũng không khác trước bao nhiêu. Chỉ có tóc bạc quá. Và bề ngoài đã hết vẻ thư nghèo. Thế anh về từ bao giờ?" Nguyễn Du dịu dàng nhìn cô: "Tôi phụng mệnh đi sứ sang Trung Quốc! Cũng chỉ dừng chân dăm ba ngày ở đây. Khốn khổ. Tôi cũng nhờ người dò tìm tin cô. Chẳng ai

biết cô lưu lạc phương nào. Suốt hai mươi năm qua lúc nào tôi cũng muốn về Thăng Long lắm mà không được. Thật là dun dủi. Nếu không phụng mệnh đi sứ, chắc đến chết tôi cũng không thấy lại Thăng Long. Thăng Long là cô. Tạ ơn trời đất. Nay tôi còn biết có cả Thúy Cầm." Cô Cầm ngân ngấn nước mắt: "Anh đang là mệnh quan triều đình. Còn mẹ con con..." Nguyễn Du khẽ gắt: "Cô đừng nói như thế nữa. Tôi lúc nào cũng là "Cậu Bẩy Du" như những ngày ấy." Ông lần trong áo lấy ra một mảnh ngọc trai.

Trong những kỷ vật bố tôi để lại có một chiếc vòng ngọc thạch. Mẹ tôi đeo mấy chục năm đã không tháo khỏi cổ tay được nữa. Mà bà cũng không muốn tháo ra. Càng đeo, nước ngọc càng sáng bóng tuyệt đẹp. Như thế là tốt. Mẹ tôi kể, bà có tặng lại bố tôi một miếng khánh đá khắc chữ NGUYỄN 2. Bởi vì hai người tình cờ đều họ Nguyễn. Tôi lớn lên mang họ Nguyễn có thể nói cũng là họ của bố tôi. Nhiều lần tôi từng viết chữ Nguyễn bình phương trên bờ biển. Rồi để mặc cho sóng xóa dần đi. Biển. Biền biệt. Ầm ì.

Vào một buổi chiều ở Thăng Long, quãng những năm 1794. Hôm ấy cô Cầm ăn mặc giản dị. Nhưng vẫn hàng lụa. Nước hồ Tây cũng giản dị. Nhưng vẫn kiêu kỳ. Cô ngồi im trong khoang thuyền nhìn mãi đâu đâu. Miệng cô như tủm tỉm cười thầm. Cô nghe được tiếng ho rất khẽ sau một gốc cây. Lòng cô bỗng như sóng. Nôn nóng cho thuyền vào sát bờ. Cậu Bẩy Du đã bất ngờ ở cạnh. Lưỡi cô Cầm đứng thẩn thờ giữa hai hàm răng: "Ái chà! Anh giỏi võ thế kia à? Nhẩy gì mà nhanh và nhẹ như beo. Làm em hết hồn." Nguyễn Du ngồi gần cô khẽ nói: "Đấy là cha nuôi anh truyền lại. Nhưng anh học chưa đến nơi đâu. Đừng cười. Này, hôm nay sao trông có gì bí mật thế!" Mắt cô Cầm rừng rực lửa yêu: "Anh đoán thử xem." Nguyễn Du cầm lấy tay cô. Bàn tay gẩy đàn Nguyễn, ngón dài. Cánh tay dài lông tơ óng ánh. Một vẻ đẹp vừa kiêu sa đài các, vừa đắm đuối nghẹn ngào, và một mùi thơm nửa xa nửa gần như sen và cốm làm ông sắp tan biến. Cô Cầm để yên cho ông giữ tay mình ấp lên cằm lên má. Mắt cô vẫn rừng rực. Lưỡi cô vẫn thẩn thờ. Cả con người cô cũng sắp mờ đi. Thuyền lập lờ trôi theo những cụm mây ở đáy hồ. Những tiếng động lao xao của đường phố bỗng trở thành xa vắng. Gió phe phẩy như mái rùa thơ thẩn bơi trong nước trong. Nhưng nhịp tim của hai người đập thình thịch hơn trống làng. Bỗng chốc cả khoang thuyền tràn ngập tiếng trống. Những ngón tay và những cánh tay. Những môi những má những răng và những tóc. Hơi thở của cô Cầm như khóc thầm. Hơi thở của Nguyễn Du thì dồn dập như lúa chín. Nước xanh vẫn đều đặn lướt vỗ bên mép thuyền. Nắng chiều hồng trên đỉnh ngực cô cầm bây giờ đang rung rinh kỳ ảo. Môi cô như cánh hoa cong nở giữa bình nguyên

tóc rối. Một giòng suối ngọc chẩy róc rách qua núi đồi xuống tận khe lạch xa xăm. Ở đấy có con ong say khướt khắp mình tẩm đẫm nhụy hương. Tiếng cô Cầm chợt thất lạc. Cô níu chặt vai ông rướn mình hô hấp. Trống đập liên hồi. Đê sắp vỡ. Những bắp chân và những cánh tay cuống quít. Cổ cô Cầm như cần cây đàn Nguyễn vút cao. Cô Cầm theo cơn đê vỡ ngập chân trời...

Nguyễn Du để yên cho cô Cầm òa khóc lịm đi mãi. Lòng ông như một bãi đầm lầy bây giờ nước bỗng đã ngập lụt. Họ ôm nhau để mặc cho nước cuốn. Để mặc cho nắng chiều chìm tắt đột ngột. Trong phút chốc toàn thể hồ Tây chìm lỉm vào đêm tối. Trăng tháng Chạp chưa lên. Ánh than hồng trong khoang thuyền mùa đông năm Giáp Dần ấy mãi mãi ở trong ký ức Nguyễn Du. Mà mùa đông năm sau ông đã ở trong tù. Ông kể: "Ở trong tù, tôi chỉ có mảnh ngọc trai này làm bạn. Cô xem. Chữ Cầm đã mòn đi." Cô Cầm dầm dề nước mắt: "Thì ra thế! Thế mà em đã có lần oán trách anh." Cô kéo ở trong ngực ra một mảnh ngọc trai khác có khắc chữ "Du". Cô khóc tiếp: "Anh bỏ lỗi cho em. Thế rồi sao nữa? Anh ở tù? Bao lâu?" Nguyễn Du kể: "Tôi về Thái. Toan tính chuyện xuôi Nam theo đức kim thượng. Xin lỗi cô. Nhà Lê mất sẽ là mất vĩnh viễn. Tôi muốn nói *chậu nước đổ, thế là hết, không vét lại được*. Tôi ở tù vì chuyện xuôi Nam không thành. Nhờ ông anh tôi theo Tây Sơn như cô đã biết, nên tôi được thả. Nhưng một người tù được tha vẫn là người tù. Tôi về Hà Tĩnh sống nơm nớp, chẳng đi đâu được." Nguyễn Du ngừng kể, nhìn khắp nhà một lượt nữa. Đôi mắt ông vừa buồn bã vừa dịu dàng đậu trên vai áo vá của cô Cầm. Cô vẫn thút thít. Hẳn trong lòng cô có bao nhiêu mối ngổn ngang. Bao nhiêu điều muốn nói còn ấp úng dưới thanh quản. Nguyễn Du chậm rãi hỏi: "Bao giờ Thúy Cầm về?" Cô cầm chỉ lắc đầu. Nguyễn Du bảo: "Cô liệu thu xếp. Tôi đi sứ Trung Quốc rồi sẽ rước mẹ con cô. Bây giờ tôi cũng còn nhiều việc triều chính phải thi hành. Thúy Cầm chưa về thì để lần khác tôi gặp nó vậy. Tôi sẽ cố lại đây lần nữa trước khi đi. Nhưng bề gì thì năm sau tôi cũng trở về. Cố gắng đợi nhé." Cô Cầm chỉ gật.

Mẹ tôi kể, lần cuối cùng uống rượu với bố tôi ở San Francisco cả đêm mà không ai say. Bố tôi bảo: "Anh đã nhận công tác này không thể hủy bỏ. Tiếc là anh gặp Cầm quá trễ. Nếu..." Mẹ tôi gạt đi: "Đừng nói đến chữ "nếu". Chuyện của anh, anh cứ lo cho trọn. Em biết em phải làm gì." Bố tôi nói: "Nhưng trước đây mấy tháng anh có thể không nhận công tác này. Việc này có lẽ sẽ gây nguy hiểm cho anh. Anh không chắc về Sài Gòn rồi anh còn liên lạc được với Cầm hay không. Dù sao anh cũng mong mọi sự đừng quá đáng như anh tưởng. Và anh sẽ gặp lại Cầm. Nếu Cầm chờ anh..." Mẹ tôi nói: "Em ghét chữ "nếu"! Anh không phải dặn dò, vì em sẽ... không chờ đợi gì cả."

Tiếng mẹ tôi ngạt đi. Bà khóc lặng lẽ với ly rượu Cognac.

Không hiểu sao hôm ấy, vì say rượu tôi lại mơ thấy đi mò ngọc trai. Tiếng cười trong suốt của nàng vọng lên từ đáy biển. Tôi bơi vào tiếng cười. Hôm sau, tiếng cười ấy vọng ra trong điện thoại. Nàng nói: "lêu lêu". Tôi chữa thẹn: "Tại lần đầu bị phục kích bất ngờ. Giờ có chuẩn bị tôi không sợ tái chiến." Nàng giữ nguyên điệu cười chế diễu: "lêu lêu". Tôi thách: "Không tin thì uống ngay bây giờ." Nàng thôi cười: "Đừng có xí xọn. Này, em gọi để thông tin." Tôi thích chữ "em" nàng dùng: "Ừ. Đánh tin đi." Tiếng nàng rất rõ ràng: "Chiều nay em trình diễn trên thính đường Huỳnh Hoặc. Anh có muốn đi thì sẽ được mời." Tôi reo lên quýnh quáng: "Sao không! Trời ơi mấy giờ rồi?" Tiếng cười của nàng lại có dịp phát tuyến: "Bộ anh không nghe chó sủa gà gáy hả. Người ta đang sửa soạn đi ngủ rồi." Tôi chết sững: "Thật à cô?" Tôi vạch cửa sổ nhìn ra ngoài. Trời nắng chói chang. Tôi tức tối: "Cô là tay tổ nói dối. Mới trưa mà dọa người ta." Tiếng nàng có vẻ giận: "Ai nói dối? này, đừng có làm tàng. Ở đây ai cũng ngủ buổi trưa cả đây! Biết không." Tôi sững sờ: "Ồ. Thì ra là vậy. Xin lỗi. Tôi không biết có lệ ngủ trưa. Lạ nhỉ?" Nàng hòa hoãn: "Không biết thì không có tội. Thôi. Nếu anh thích đi một mình thì bẩy giờ ở thính đường khách sạn Huỳnh Hoặc. Thôi, em cúp." Tôi hốt hoảng: "Khoan. Nếu tôi không thích đi một mình?" Nàng cười: "Thì đón em lúc sáu giờ." Tôi sướng như mở cờ trong bụng.

Tôi đến đón nàng sớm hơn nửa giờ để mời nàng ăn uống. Nhưng nàng nói ngay: "Uống chút chút thì được. Trước khi trình diễn em thường phải nhịn ăn cả buổi. Sợ dơ cuống họng." Khách sạn Huỳnh Hoặc thật là sang trọng. Tối tân không kém bất cứ khách sạn nào ở Mỹ. Tất cả các cửa đều tự động. Không ai cần chìa khóa, dù là chìa bằng thẻ plastic. Hệ thống thu hình nhỏ như mắt ruồi đã nhận đóng và mở khi thấy mặt khách. Tôi chắc lòng mình cũng thế. Nàng đâu có chìa khóa mà trái tim tôi vốn đã mở toang. Tôi gọi rượu. Nàng bảo: "Cho anh thôi." Tôi hỏi: "Sợ thua à?" Nàng đáp: "Còn lâu. Người ta phải trình diễn. Không ăn được. Không uống rượu được." Nàng thật khác với cô Cầm. Cô Cầm có thể uống rượu hết ly này đến ly khác mà vẫn hát vẫn đàn. Nguyễn Du kể: *"Cô cầm uống rượu say có khi nôn mửa nằm lăn cả ra sàn. Bạn bè chê trách cô cũng không để tâm."*

Cô Cầm như biến thành tượng đá. Nắng chiều không đến với cô, mà rọi thành vệt nhỏ trên tấm liếp. Bó chiếu mới cũng nằm yên trong bóng tối lờ mờ. Buổi chiều như có tiếng chuông mõ ngân nga: ... thị chư pháp không tướng bất sinh bất diệt, bất cấu bất tịnh bất tăng bất giảm..." Cô Cầm... khóc. Nước mắt của cô không phải là cơn khóc của hai mươi năm trước trên Hồ Tây. Cô khóc một mình. Nguyễn Du đi rồi. Thúy Cầm chưa về. Lòng cô rối

bời. Cô bỗng khao khát gặp lại con gái mình ngay. Để cô ôm nó. Cô nhìn nó. Vuốt ve nó. Và thấy nó giống Nguyễn Du như thế nào. Đằng đẳng hai mươi năm cô ao ước gặp ngày hôm nay. Thì hôm nay là thế! Nguyễn Du thật đã quên nhà Lê để đi với nhà Nguyễn? Những lời dị nghị về ông cô nghe là sự thật? Sự thật như chính cô thời Tây Sơn. Nhưng cô biết chắc cô hát với Tây Sơn chỉ là để hát. Hát hoài niệm một vương triều. Còn Nguyễn Du? Ông đi với nhà Nguyễn để làm gì? Cô không thể biết được. Vẫn biết *chậu nước đổ thế là hết, không thể vét lại được*. Nhưng có cần vét lại không? hay là múc chậu nước khác? Cô Cầm lau nước mắt bằng những ngón tay. Trời đã sập tối. "Cái Cầm sao về muộn thế! Chiếu lại ế đấy mà." Cô tự hỏi tự đáp và lần mò thắp ngọn đèn dầu. Cô lấy đầy một chậu nước mưa, ngâm tay và úp mặt vào đây! Nước mát làm cô rùng mình tỉnh táo. Cô đổ chậu nước đi. Lấy một chậu nước khác "để cái Cầm về nó rửa mặt." Thế rồi cô òa khóc thành tiếng. Nức nở.

Mẹ tôi kể, nguyên một tháng trời, bố tôi đi rồi, mẹ tôi đều khóc bên ly rượu Cognac. Cho đến khi biết được có tôi trong bụng, bà mới thôi rượu. Và thôi khóc. Mẹ tôi không muốn tôi ra đời dị hình dị dạng hay èo uột khó nuôi, Bà đem tôi ra biển thường xuyên. Tôi lớn lên trong bụng mẹ cùng tiếng dương cầm và tiếng biển. Biển. Biền biệt. Ầm ì...

Trên sân khấu nàng không lộng lẫy. Nhưng tiếng đàn và tiếng hát nàng rực rỡ như trăng rằm. Tôi bơi trong luồng âm ba bao la như biển cả. Tôi nhận ra giọng môi, giọng mũi, giọng lưỡi, và giọng cổ của nàng. Tôi nhận ra làn da tay của các ngón thon thon chạm trên giây đàn. Ma lực của thanh quản và giây tơ đàn bỗng như biến tôi thành bọt bóng mong manh. Cái bọt bóng ấy trôi lăn ra ngoài thính đường. Có lẽ tôi muốn nhìn thấy trăng sao, thấy trời cao để lòng lộng gió. Tôi đang ngầy ngật thì nàng hiện ra. Tôi khẽ nói: "Tôi cám ơn cô đêm nay." Đôi mắt nàng nhìn tôi rất nhẹ nhàng. Tôi nói như thầm thì: "Tôi có cảm giác tôi quỳ gối suốt thời gian cô hát." Nàng mỉm cười: "À. Em hiểu điều anh vừa nói. Bởi vì trong lần trình diễn này em có cảm giác mình đang chết. Đang cùng chết với âm thanh." Chúng tôi đột ngột ôm lấy nhau. Chúng tôi ôm nhau giữa Sài Gòn mắt đều rớm lệ.

*

Trong gian nhà lá ngoại thành Thăng Long; một buổi chiều xuân năm ấy (Quí Dậu 1813) cô Cầm ngồi một mình. Ngoài trời mưa bụi. Dậu găng xanh mướt. Tấm thiệp trên tay còn ướt mực hay nước mắt, của cô hay của Nguyễn Du:

"Gửi Cầm nương,

Tôi không kịp trở lại gặp cô với con gái Thúy Cầm nữa rồi. Vội đi. Vội viết mấy giòng. Của tin còn một chút này. Muộn lắm là tháng năm tháng sáu sang năm (Giáp Tuất) tôi về. Tôi sẽ đến đón mẹ con cô. Chuyện tựa chiêm bao mà rành rành sự thật.

Đôi hàng trân trọng. Xin cô giữ mình.

Bẩy Du

Một chiếc hộp gấm xanh thẫm, đựng mấy tấm vàng, và mảnh ngọc trai có khắc chữ "Cầm". Lẫn trong tiếng mưa rơi là tiếng chuông mõ ngân nga. Cô Cầm nghe rất rõ: "Quán tự tại bồ tá hành thâm bát nhã ba la mật đa thời chiếu kiến. Ngũ uẩn giai không độ nhất thế khổ ách... Xa lợi tử bất đắc dị không không bất dị sắc sắc tức thị không không tức thị sắc thọ tưởng hành thức diệc phục như thị..." Một vạt nắng bất ngờ như nâng cô Cầm lên. Cô có cảm giác mình đang tan theo nắng. Như khói. Như sương.

Nàng kể: "Ông ngoại em là Thi Sĩ. Mình đã gặp ngoài mộ. Cha em, qua lời mẹ là một người có tài và khí khái. Ông bị giết chết trước khi em sinh ra." Tôi đang lắng nghe thì nàng im bặt. Sài Gòn mưa gió bất chợt. Nhưng bất cứ khi nào mở cửa cũng nghe tiếng động triền miên. Tôi khẽ cầm tay nàng. Nàng đang bị dĩ vãng xúc động. Đôi mắt ngân ngấn xa xôi. Chúng tôi nằm yên lặng bên nhau mãi. Không cử động. Không một lời.

Cô Cầm nhìn thấy chính cô bé nhỏ, thơ ngây tung tăng đi vào cung điện nhà Lê. Ở đấy cô học đàn học hát học cười và học viết. Thoáng một cái cô biến thành người nữ danh ca trong đoàn quân binh xa lạ nửa ruộng nửa rừng. Giữa thành phố cổ kính thân quen, một khoảng Hồ Tây chập chờn ảo giác. Thuyền tình dập dình trong mây khói. Rồi mây khói chợt biến thành khói lửa điêu linh. Tóc đen óng ả trở màu phơ bạc xác xơ. Má phấn xưa hóp sạm bất ngờ. Hà Nội phố lạ xa. Đồng hoang ao cạn. Cô ôm con tỵ nạn bốn phương trời. Không thấy bóng người quen. "...tâm vô quái ngại vô quái ngại cố vô hữu khủng bố viễn ly điên đảo mộng tưởng cứu cánh Niết Bàn..." Cô ngồi sau lưng vị sư già. Một vệt nắng vàng rất nhẹ rất vô tình vương trên vai áo nhà sư chợt lung linh kỳ ảo trong mắt cô. Bây giờ cũng là vạt nắng ấy trong gian nhà lá ngoại thành Thăng Long... "Cố tri bát nhã ba la mật đa thị đại thần chú thị đại minh chú thị vô thượng chú thị vô đăng đẳng chú năng trừ nhất thiết khổ chân thật bất hư..." Cô biết nước mắt cô đang ứa ra và chảy lăn trên gò má. Hình như gió khẽ lướt qua khóe mắt mát rượi. Cô Cầm bật kêu thành tiếng: "Sao lòng ta thanh thản thế này." Rồi cô bặm môi. Khuôn mặt cô hồng và tươi tắn. Cô nhẹ nhàng đứng lên. Nhẹ nhàng đến bên cây đàn nguyệt. Đó là cây đàn có lẽ còn lớn tuổi hơn cô nhiều. Cây đàn của mẹ cô thời

con gái được ông ngoại thửa riêng. Nghe nói tấm gỗ ngô đồng; ông ngoại cô đã ngâm tẩm công phu trước khi tìm giao cho người thợ làm đàn cũng đã rất già. Nghe nói người thợ ấy đóng cây đàn ấy là cây cuối đời. Ông ta tỉ mẩn làm những ba tháng mới xong. Và ba tháng sau đó ông qua đời nhẹ nhàng như đi ngủ. Mẹ cô đã đàn cây đàn ấy, điếu ông. Mẹ cô cũng cây đàn ấy điếu ông ngoại. Và cô, khi mẹ chết, cô chỉ đàn vọng, điếu mẹ. Bởi vì khi ấy cô ở Thăng Long, còn mẹ cô đã ở tận Cao Bằng...

Tiếng cây đàn đổ vang làm chúng tôi choàng dậy như đã chìm vào cơn mê. Tôi toan đi dựng lại cây đàn thì nàng níu tay: "Cứ để nó nằm trên sàn cũng được mà". Rồi nàng dụi mũi vào cổ tôi: "Đàn ông cũng là đàn." Tôi bật cười: "Đàn bà cũng là đàn. Người ta gọi là... đúm." Nàng dùng ngón tay trỏ khều má tôi: "Anh sai rồi. Đàn ông mới gọi là... đàn đúm. Còn đàn bà thì gọi là... đàn đáy." Chúng tôi cùng phá lên cười.

Cô Cầm cũng đang cười. Cô cười không thành tiếng. Nụ cười rất bùi ngùi lặng lẽ. Cô so giây rất nhẹ. Tiếng đàn nguyệt lung linh như ánh nắng đọng trên vách liếp. Tiếng nọ gọi tiếng kia. Chẳng bao lâu mà đầy cả gian nhà lá ngoại thành.

Mẹ tôi có lối đánh đàn dồn dập. Tiếng nọ át tiếng kia. Như sóng. Tôi ngồi nghe mẹ tôi đàn bỗng chốc bị tràn ngập. Cả căn nhà như con tầu đi biển. Biển. Biền biệt. Âm ì.

Tôi rất thích cảnh vừa mưa vừa nắng của Sài Gòn. Nắng rất vàng, và mưa rất trắng. Nàng là con gái Sài Gòn có khác. Cái... đàn đáy của nàng nõn như trái bông gòn nở. Lẫn trong đám bông màu mỡ là những hột bông nhỏ như hạt tiêu. Bàn tay tôi phiêu lưu mãi cũng sẽ không bao giờ chán. Da tay cương cứng mãi trong trái bông êm nẫn dị kỳ. Nàng thở như một con cá trên ghe. Hơi thở vẫn thơm mùi Cognac. Chúng tôi lại như những giòng sông quấn lấy nhau trôi phăng phăng ra cửa biển. Biển, biền biệt. Âm ì.

Gọi là đàn nguyệt vì thùng đàn tròn và sáng như trăng rằm. Cô Cầm ôm đàn tựa như người ôm trăng. Cần đàn lẫn vào bóng tối. Bốn giây đàn chập hai như nối nhau để đứt. Như những cánh dơi bay trong ánh trăng, âm thanh thánh thót mỗi lúc một nhiều như lá rụng. Cô Cầm bỗng không còn là người đàn bà già nua cằn cỗi lầm than xấu xí. Cô đã theo tiếng nhạc mà hóa thân cô trở về thời gian hai mươi năm trước ở Giám hồ. Sóng nước lăn tăn cùng với bọt rượu nổi tăm. Gió xuân thổi và tuổi xuân tươi. Lòng cô phất phới như áo lụa. Đàn đến chỗ đằm ấm nhất thì cô phảng phất buồn. Đó là lần đầu tiên và cuối cùng cô Cầm đàn một mình. Một mình đàn hát cho mình mình nghe. Những giọt lệ vô tình đã chẩy dàn trên má.

Mẹ tôi đàn một mình hoài. Tôi bắt gặp bà ngồi lặng trên phím dương

cầm rất nhiều lần. Dáng thon nhỏ. Tấm lưng như một cụm mây...

Tôi khẽ xoa lưng nàng. Bây giờ tôi mới biết cái rạng rỡ nói cười của nàng chỉ là bề ngoài. Nàng rất mau nước mắt. Buồn cũng khóc vui cũng khóc. Có điều tuyệt diệu là những lúc này nàng đẹp vô tả. Tôi chỉ muốn dục: "Khóc đi em. Khóc đi em." Nhưng hình như hiểu ý, nàng bỗng nín, và hỏi: "Sao anh không dỗ khi em khóc?" Tôi bảo: "Anh quen tự do. Vả lại, sao em biết anh không dỗ?" Nàng nói: "Thôi." Tôi hỏi: "Thôi cái gì?" Nàng nói: "À mai mình lên Đà Lạt. Hình cha em, mẹ em đều ở trên đó. Trong chùa."

Giữa mùa xuân năm Giáp Tuất (1814) Nguyễn Du đi sứ về đến Thăng Long. Ông về sớm. Và sớm đi tìm cô Cầm. Tìm gian nhà lá ngoại thành mà cô Cầm gọi đùa là "Lâu đài nhị cầm" ấy. Vẫn lối đi đất bùn quanh co. Vẫn có một vại nước to đằng trước. Nhưng bỗng Nguyễn Du nhận ra gian nhà lá có một vẻ khác. Một vẻ buồn? Một vẻ hoang sơ? Một vẻ ngờ ngợ xa xôi? Ông đứng yên cạnh vại nước. Cái gáo bằng nửa giang to khô khốc. Vậy là ít ra cả ngày chưa có ai múc nước cả. Ông nhìn lên trời. Xuân Thăng Long rất dìu dịu mây xanh. Cánh cửa liếp đóng kín. Ông khẽ giặng tiếng. Nghe ngóng. Nhà không có ai. Mẹ con cô Cầm đều đi vắng? Ông nhìn giậu găng xanh. Ông nhìn đất nâu. Ông nhìn tấm vách làm bằng bùn trộn rơm. Ông nhìn tất cả bằng đôi mắt từ tốn bùi ngùi. Mùi của đất, của bùn, của rơm, của lá, và của mùa xuân quyện lấy nhau.

- Thưa ông đây có phải...

Nguyễn Du giật mình quay lại. Một bà cụ già, lưng đã còng, chống gậy tre đang lẩm dẩm bước tới. Ông chắp tay:

- Dạ xin chào cụ. Chúng tôi muốn hỏi thăm nhà cô Cầm. Cụ là người ở đây ạ?

Bà cụ dừng lại. Khuôn mặt chằng chịt nét nhăn. Thời gian như không còn chỗ nào có thể cứa thêm vào khuôn mặt ấy! Nguyễn Du nhìn bà cụ, đăm đăm chờ đợi. Mí mắt bà lão hình như rất khó nhọc nhướng lên:

- Vâng. Bẩm mời ông cứ vào nhà. Nhà không còn ai. Chúng tôi chờ ông đã lâu lắm.

Giọng bà lão còn rất khỏe. Nguyễn Du nghe rõ trái tim mình đập rất mạnh. Nỗi bất hạnh nào đã xẩy ra cho mẹ con cô Cầm? Ông hồi hộp bước theo bà lão vào nhà.

Chúng tôi đến Đà Lạt bằng xe riêng của nàng. Sương mù mùa xuân quyện với khí núi làm không gian lành lạnh ngai ngái. Tôi nhớ sương mù ở San Francisco. Nhưng mùi Đà Lạt rất riêng biệt, không pha muối như ở San Francisco. Con đường lên chùa ngoằn ngoèo nhỏ. Hoa cỏ mọc chan hòa. Có những đoạn đường dốc và ngoằn ngoèo không kém đường Lombard. Chùa

khuất trong những rặng thông và trắc bách diệp quanh năm xanh thẩm. Đó là ngôi chùa cổ nổi tiếng có nhiều rùa.

Bà lão chậm rãi kể: "Hai mẹ con rời khỏi gian nhà này dễ chừng gần một trăm ngày rồi ông ạ. Tội nghiệp cô Cầm khóc nhiều lắm. Cô ấy có tả tướng mạo ông rất rõ nên vừa gặp tôi đã nhận ra ngay. Cô Cầm nhờ tôi đón chờ ông để giao tận tay ông một vật mà cô ấy rất quí. Ấy là cây đàn nguyệt."

Nguyễn run tay mở bọc vải phủ đàn.

Tôi theo nàng vào chánh điện. Bắt chước nàng thắp hương. Bắt chước nàng lễ Phật. Rồi theo nàng sang điện thờ các hương linh của thập phương tín hữu ký thác vào chùa. Ánh sáng chập chùng cùng mùi hương huyền ảo làm tôi hoang mang.

Một giọt nước mắt không cầm được của Nguyễn Du nhỏ xuống cây đàn nguyệt. Âm vang văng vẳng như chuông ngân. Ông nhìn thấy chiếc túi gấm màu xanh thẩm. Chiếc túi ủ kín một tờ thư:

Khóc lạy Nguyễn lang,

Kiếp này thiếp đành phụ mối ân tình của Nguyễn Lang. Của tin gửi lại cây đàn. Xin Nguyễn lang nhận lấy. Con gái Thúy Cầm, tiện thiếp mạn phép đã gả sang Kinh Bắc. Chốn ấy là chỗ thâm giao. Thiếp tin rằng con gái được chỗ yên thân. Phần tiện thiếp thì gửi mình nơi cửa huyền không. Xin để cho thiếp được toại nguyện. Kiếp sau xin cần cỏ báo đền.

Bái biệt muôn ngàn lạy.

Người gảy đàn ở Thăng Long cũ.

*

Di ảnh mẹ nàng rất đẹp. Vừa hao hao giống nàng, lại hao hao giống mẹ tôi. Nàng bảo: "Hồi trẻ, mẹ em đẹp nổi tiếng. Mẹ vừa đàn hát, vừa biết làm thơ. Em sẽ cho anh xem mấy tập thơ của mẹ." Tôi nói: "Bà thật là một người hoàn hảo." Nàng kéo tay tôi: "Anh lễ mẹ em đi. Rồi sang lễ cha em nữa." Tôi vái di ảnh mẹ nàng. Hình như nàng thì thầm khấn nguyện, tôi không nghe rõ. Một lúc rất lâu, nàng cắm hương lên bàn thờ. Chúng tôi lặng lẽ qua lễ viếng di ảnh cha nàng. Nhìn thấy hình và bài vị của ông, tôi tê cứng mọi giác quan. Rõ ràng, đấy chính là bố tôi. Người mà tôi đang về Việt Nam để tìm.

TVAT (*Mùa thu San Jose*)

Mọi sự trùng tên ở ngoài đời, xin hiểu là vô tình

Tựa đề, những chữ in nghiêng trong truyện đều là thơ của Nguyễn Du (1765 - 1820)



HÀ NGUYÊN DU

dẫn độ ta về tra khảo, đêm

chiều rơi chiều, đêm tâm sự lá
trăng giao tình trên những ngọn cao
chim di buồn nước trời mây lạ
giấc ngủ không tròn, canh cánh đau

đêm của ai mà xây ước hẹn
em của ta em biết chăng là...
một bóng hằng đêm ta về muộn
hồn dật dờ theo những tiếng ca

tiếng ca như xoáy mòn tâm thức
của một thời theo bước lãng du
của gót quân hành say thế trận
dấu son ngày ấy chẳng mờ lu

như dấu son mình khi mới gặp
đã ấn sâu vào trong trái tim
chất men thiên lý tình ngây ngất
dẫn độ thơ về tra khảo, đêm

đêm của ta cần thêm nhẫn nhục
em nào hay ta quá quên mình
nên nhánh sông buồn chưa đến biển
nên hoàng hôn giữ lại bình minh

HÀ NGUYÊN DU



PHAN NHIÊN HẠO

KHÔNG KÍNH



Buổi sáng sau khi xếp xong valise chuẩn bị rời nhà người chú họ ở Toronto. Nhân mới nhận ra kính của Nhân đã bị gãy tự lúc nào. Nhân cố gắng nhưng không thể nhớ ra vì sao kính Nhân lại bị bẹp dí trên giường như vậy, một chiếc gọng gãy rời ra trong khi gọng phía bên kia gập xuống nằm song song với mặt kính. Có thể Nhân đã ngồi lên kính mà không biết, hay Nhân đã vô ý ném chiếc giỏ xách nặng đè lên kính lúc xếp đồ? Người chú họ buộc gọng kính gãy lại cho Nhân bằng một sợi dây đồng nhỏ rút ra từ một dây điện thoại, nhưng Nhân biết không thể nào mang một chiếc kính băng bó như vậy ra đường được. Nhân đi theo người chú họ lên tiệm nail của ông để ông sẽ chở Nhân ra trạm xe bus về lại New York chiều nay. Tiệm nằm xa trung tâm Toronto, Nhân kéo chiếc valise theo người chú lên hai chuyến xe bus, hai lần metro mới đến nơi. Tiệm ế ẩm và Nhân nằm ở dưới basement chờ giờ đi để khỏi thấy khuôn mặt chán chường của người Chú. Chú Nhân vừa mới bốn mươi nhưng tóc đã bạc quá nửa. Hai mươi năm sống ở Canada, ông đi làm technician cho một hãng chế tạo dược phẩm, bị laid off, thử thời vận bằng cách mở tiệm nail. Nhưng cũng như tất cả những người đàn ông trong dòng họ Nhân, ông không phải sinh ra để làm ăn. Những người đàn ông hay suy nghĩ, tinh tế và phần nào thích yên phận. Nhân nằm nhìn lên những dây điện và ống nước chằng chịt trên trần basement, nghĩ đến hai mươi năm sống ở xứ người của chú họ Nhân. Nhà cửa, xe cộ, vợ con, bằng cấp, mọi thứ mà người tị nạn nào cũng cố gắng đạt đến trong vài

năm đầu, để rồi sau đó chỉ là những ngày đều đặn lo lắng bị thất nghiệp, cố giữ cho con cái không hư hỏng và vợ đừng dở chứng ỏng ẹo. Vợ của chú họ Nhân không phải là một người dễ dãi, cô ta không vui vẻ gì chuyện tuột dốc đi làm nail của chú Nhân, nhất là kiểu nail ế ẩm như vậy. Và chú Nhân là một người hay suy nghĩ, mỗi sáng đi hai chuyến xe bus, hai lần metro đến tiệm, tóc bạc và thở dài. Nhân hình dung đến mùa đông ngập tuyết Canada và hình ảnh người chú mảnh khảnh đứng đón xe bus bên đường, người còng xuống dưới mớ đồ lạnh. Thành phố này yên tĩnh và có lẽ không phồn thịnh bằng Los Angeles, nhưng những buổi sáng quá sạch và lần đầu tiên Nhân nghĩ đến chuyện lấy một người vợ giản dị để sống qua những buổi sáng mùa đông ở một nơi vắng vẻ. Một thành phố nhỏ miền Bắc nào đó. Vợ Nhân phải là một người dễ dãi nhưng làm ra tiền, và Nhân sẽ không phải đi hai lần xe bus, hai chuyến metro mỗi sáng như chú Nhân. Vợ Nhân phải biết ngưỡng mộ hai bằng đại học văn chương của Nhân, một từ Sài Gòn, một từ UCLA mà Nhân treo trên tường, dù cô ta không hiểu biết gì về văn chương và bằng cấp của Nhân chẳng giúp Nhân kiếm được bao nhiêu tiền. Nhân nằm nghĩ lan man dưới basement và Nhân muốn cho tay vào trong quần nhưng thấy không tiện.

Nhân về đến New York lúc 7 giờ sáng nhưng phải đợi đến 5 giờ chiều mới có chuyến bay về lại Los Angeles. Trạm xe bus Port Authority là một nơi bận rộn và điên khùng nhất mà Nhân từng thấy. Nhân không muốn ngồi ở đó cho đến chiều. Nhân bỏ valise vào trong locker, chỉ giữ lại một backpack rồi đi ra, dọc theo 42 Street, đến một công viên nhỏ sau lưng thư viện công cộng New York chỗ giáp với Fifth Avenue. New York bận rộn nhưng vẫn luôn có những người nhàn tản, những người ngồi ăn sáng và hút thuốc trong công viên, ăn mặc lịch sự. Và Nhân thấy ở New York người ta hút thuốc nhiều hơn ở miền Nam California. Rồi Nhân đi ra cửa trước của thư viện trên Fifth Avenue nhưng thư viện phải đến mười giờ mới mở cửa. Nhân ngồi trên một băng ghế đá ở về phía bên trái mặt trước thư viện, quan sát những con ruồi mùa hè khổng lồ của New York đi lại oai vệ trên mặt ghế Nhân đang ngồi. Mọi cái ở New York đều nhất và chắc chắn nếu có một cuộc triển lãm ruồi thì ruồi của New York cũng phải chiếm giải nhất về vóc dáng. Những con ruồi to gần bằng hai phần ba con gián cư luẩn quẩn gần chỗ Nhân. Nhân cởi một chiếc giày cầm tay, giữ hờ cách mặt ghế đá vài inches rồi đập xuống liên tiếp mấy cái nhưng không trúng con nào. Một vài người ngồi cạnh đó nhìn Nhân hững hờ. Nhân mang giày vô lại. Trên Fifth Avenue những chiếc taxi màu vàng đặc thù của New York lạng lách tài tình giữa dòng xe cộ dày

đặc, bóp còi inh ỏi. Người đi bộ nhộn nhạo như bọt gas trên miệng một chai nước soda vừa mở nắp. Không có kính, Nhân thấy mọi vật lờ mờ, mọi người không có ai đẹp xấu gì với Nhân. Rồi Nhân leo hết những bậc thềm thư viện lên đến chỗ cao nhất, trong một góc vòm lõm vào sát chiếc cửa màu đen của thư viện còn đóng kín, nằm xuống, buộc backpack vào cổ, ngủ một giấc. Khi tỉnh dậy, thư viện vẫn chưa mở cửa và Nhân cũng thôi ý định vào trú trong đó cho đến chiều. Nhân đi dọc Fifth Avenue lên hướng Central Park và vì không đeo kính, để cho mắt đỡ nhức, Nhân chỉ nhìn xuống. Những viên đá lót đường hình lục giác màu xám thẫm, đều đặn dưới chân, và Nhân nghĩ nếu kẻ nào đó đủ kiên nhẫn đếm hết những viên đá trong khi bước đi như vậy thì đối với Nhân, kẻ đó đã là một thiên tài. Nhân thèm muốn có được sự kiên nhẫn của những con kiến đôi khi.

Nhân đi bộ dọc mạn phía tây của Central Park cho đến khi gặp Guggenheim Museum. Không có kính, Nhân phải dí sát mũi vào tranh để xem. Nhân cứ bước dọc theo những bức tường cuốn trôn ốc của viện bảo tàng, mắt dán vào tường như một kẻ đi ngửi tranh chứ không phải xem. Nhưng gặp những bức tranh khổ lớn. Nhân cũng phải lùi ra. Khi đó tất cả những đường nét, màu sắc trong tranh như chảy loãng ra, nhòe nhoẹt trước mắt Nhân. Lần đầu tiên thế giới hiện ra một cách rất vật lý đúng như Nhân vẫn thường nghĩ. Một thế giới lờ mờ, lo lắng, luôn phỏng chừng. Khoảng ba giờ chiều Nhân đi bộ về lại Port Authority Terminal để lấy valise và xe bus ra sân bay JFK. Phía trước Nhân, một thiếu phụ trẻ mặc váy hoa màu nhạt, áo thun dài tay bó sát người, mang giày vải. Chưa bao giờ Nhân thấy một người đàn bà có dáng đi tự tin và duyên dáng như vậy. Chân cô ta dài, hông nhỏ và mông uyển chuyển, quần lót màu đen ẩn hiện theo bước chân sau lớp vải nhạt của váy ngoài. Nhân đi sát lưng cô ta nhưng cô ta không một lần ngoái lại. Khi về gần tới trạm xe bus, Nhân ghé vào tiệm phim sex, đổi một dollar lấy bốn token màu đồng, đi vào căn phòng nhỏ, đóng cửa lại rồi bỏ hết mấy token vào khe máy. Màn ảnh hiện lên một người phụ nữ với cặp vú vĩ đại đang tự xoa nắn cửa mình cô ta. Nhân nhìn xuống chân, cẩn thận tránh những đám tinh dịch của những kẻ vào trước còn nhễu nhão trên nền nhà.

PHAN NHIÊN HẠO



NGUYỄN MẠNH TRINH

NÓI CHUYỆN VỚI DU TỬ LÊ, TRONG VÀ NGOÀI MỘT CUỐN SÁCH MỚI XUẤT BẢN



Du Tử Lê có lẽ là một trong những người cầm bút sắt son với nghệ thuật bền lâu nhất. Ở với văn chương mấy chục năm, chắc có nhiều điều để nói đến bằng bút mực, có phải? Do đó, trước đây, đã có Du Tử Lê: tác Giả và Tác Phẩm, tập 1, bây giờ lại có tập 2, ra đời, để làm rõ nét hơn chân diện mục của một người làm thơ, mà thi ca đã trở thành chất liệu để nuôi sống cuộc đời.

Nói chuyện với Du Tử Lê, về một cuốn sách mới, chuyện đó đã thành bình thường, bởi, mỗi năm, ông đều có ít nhất hai, ba cuốn sách trình làng. Nhưng, nói về một cuốn sách mới, như loại Tác Giả & Tác Phẩm *kể trên, thì có nhiều điều thích thú được khám phá. Thí dụ, những người viết đã mang đối chiếu đời sống thực và đời sống văn chương, để tìm thấy những điểm tương đồng, cũng như những điều trái ngược. Thơ, không phải là những dúm ngôn ngữ vô hồn, mà chúng có đời sống riêng, có máu huyết xương tủy riêng. Thơ, là những mối tình, của một người luôn đi tìm kiếm, để tìm cho được một tuyệt đối, mà chắc chắn ở trần gian này không thể có, không thể đạt được. Thơ, cũng là căn bệnh Thyroid:* Tại sao tay anh lạnh? Tại sao thân anh rung? Tại sao môi anh nóng? Tại sao chân không vững? Tại sao và tại sao?... *Thơ, cũng là những kỷ*

niệm, từ ngôi trường Hàng Vôi, Hà Nội, đến ngôi trường Chu Văn An sau di cư, và cũng là những ngày tháng lưu lạc ở xứ người. Tóm lại, thơ là người, có những điều hòa nhịp, đ ể, hình thành một đời sống rất nghệ sĩ, nhưng cũng rất lạc lõng trong xã hội bây giờ.

Một buổi tối, chúng tôi nói chuyện với nhau về một cuốn sách mới còn thơm mùi mực. Mặc dù, tôi là một trong những người có bài viết trong tác phẩm này, nhưng, với tôi, vẫn còn có những điều muốn biết thêm, và chắc độc giả cũng có sự chờ đợi ấy. Mời độc giả theo dõi buổi nói chuyện giữa tôi và thi sĩ Du Tử Lê dưới đây.

-- *Du Tử Lê: Tác Giả và Tác Phẩm, là cuốn sách như thế nào? anh đã thực hiện ra sao để hình thành nó? Du Tử Lê*

-- Là cuốn sách mang tên tôi, do nhiều người viết hoặc vẽ. Gần đây, tôi có dịp gặp gỡ khá nhiều anh chị em cũ, mới. Họ muốn tôi tái bản cuốn Du Tử Lê: Tác Giả và Tác Phẩm, tập 1, vì bài viết của các anh Nguyên Sa, Khánh Trường và Lê Vương Ngọc... Tôi nẩy sinh ý nghĩ tại sao không in cuốn mới mà lại in cuốn cũ làm chi. Sau đó, một số anh chị em ấy giúp tôi hình thành nó. Đơn giản vậy thôi.

--*Anh có thấy một điều gì ngại ngần khi công bố những mẩu đời tư riêng của mình, và Anh có nghĩ, là một khuôn mặt của đám đông thì phải chấp nhận chuyện bị nhìn ngắm, phán xét và phê bình?*

-- Ngần ngại chứ. Tuy nhiên, nếu phải chọn lựa giữa những cái xấu xa, hư hỏng gần, thật với con người, đời sống hàng ngày của tôi, và những lời đồn đãi một cách quá đáng thì tôi chọn cái thứ nhất. Thêm nữa, tôi cũng cần có sách mới...

-- *Anh có nghĩ in một loạt bài viết về mình như thế, là một công việc không khiêm tốn?*

-- Chưa bao giờ hai chữ khiêm tốn được đặt ra với tôi. Ở đâu, dù trước vài người hay vài trăm người, tôi vẫn nhận rằng, nếu tôi có chút tên tuổi nào đó, hoàn toàn do đám đông. Tôi vẫn nghĩ, chúng ta sẽ không có Nguyễn Du, Đoàn Thị Điểm, Hồ Xuân Hương, Tú Xương, hay gần hơn, Nhất Linh, Văn Cao, Mai Thảo, Nguyên Sa..., nếu quần chúng không yêu mến những người này. Cách khác, cái tôi có hôm nay, là những gì mà nhiều người đem cho. Tự tôi, mình ên, chẳng là gì cả.

-- Mình nhìn mình chắc chắn không bằng người khác nhìn mình, có phải? Vậy, anh có suy nghĩ nào về những nhận xét, mà những người cầm bút đại diện cho đám đông, qua những bài viết in trong hai cuốn Du Tử Lê Tác Giả Và Tác Phẩm, tập 1 và 2? Thí dụ như thi sĩ Nguyên Sa đã viết về anh: bạn tôi bằng nửa con cò/ vác trên lưng cái đền thơ con voi...?

-- Chính vì thường xuyên chẳng thấy mình đâu cả, nên tôi mới đi tìm mình qua những bài nói chuyện, nhận định của người khác. Riêng bài thơ của anh Nguyên Sa, nhiều người thích, trong số, có anh Mai Thảo. Tôi đăng lại nơi tập 2, theo yêu cầu của một số người muốn sưu tập nó.

-- Còn bài Đời Tình Du Tử Lê của Lê Vương Ngọc thì sao? Những chi tiết trong bài viết đó, xác đáng không? Những người tình, bằng xương, bằng thịt ở đời hiện thực với người tình trong thi ca là một? Hay đôi khi không?

-- Rất xác thực. Phần không xác thực, nếu có, ở nơi ông ta đã lược bỏ những xác thực khác. Phần hai của câu hỏi, xin đưa ra một thí dụ cho dễ... Thí dụ về... nước chẳng hạn. Ai cũng biết khi nước được chưng cất tới một độ nóng nào đó, sẽ biến thành hơi. Có lẽ vì thế mà thơ của tôi hay nói tới... mây!?!

-- Tôi không hài lòng lắm về câu trả lời có tính cách...vòng tròn này. Tôi có một câu hỏi khác, cũng liên quan tới một bài viết của tác giả Lê Vương Ngọc. Tác giả này mô tả anh là người có nhiều nữ tính. Riêng tôi, giao du với anh gần hai chục năm, tôi thấy điều đó, cần phải xét lại. Phần riêng anh, thì sao?

-- Từ tấm bé, có ba điều tôi hằng sợ hãi. Đó là sự to tiếng, phụ nữ và, sâu...rọm. Bây giờ, già rồi tôi vẫn còn co rúm người lại, mỗi khi bị phụ nữ xăm xoi, nhìn ngắm... Mặc dù, nếu chẳng còn được ai nhìn nhỏ tới nữa, thì tôi sẽ tủi thân vô cùng.

-- Tôi sợ anh bắt đầu mâu thuẫn đấy. Tôi nhớ trong thơ anh, có rất nhiều... sâu, côn trùng, luôn cả giun, dế. Chẳng hạn câu như con sâu nhỏ bò qua giấc mùi, mà có người đã hỏi tôi nghĩa là gì?

-- Đó chỉ là một dạng khác của sự...sợ hãi thâm căn. Những người sợ ma, khi phải đi một mình trong đêm vắng, họ thường cố tình gây những tiếng động lớn, hoặc nói lầm bầm, hoặc hét to: "Không sợ! Không sợ đâu...!" Tôi cũng vậy.

-- (...) Vậy người nữ, ma và sâu...rọm trong thơ của anh là...một?

-- Tôi đâu ngu đến nỗi để mình rơi vào cái bẫy xập này.

-- *(...) Trở lại với cuốn sách mới, Bùi Bảo Trúc nhấn mạnh đến sự bất hạnh của đời sống anh, thể hiện trong thi ca. Phải chăng vì thế mà cõi thơ của anh phong phú?*

-- Giá không bất hạnh hoặc bất hạnh in ít thôi, thì vẫn tốt hơn.

-- *Họa sĩ, nhà thơ Tạ Ty cho rằng thơ và nhạc không thể song hành. Ngôn ngữ thơ và nhạc hoàn toàn khác biệt. Phổ nhạc vào thơ, chỉ giết hại bài thơ. Ý kiến anh ra sao?*

-- Ngoài Họa sĩ Tạ Ty, tôi biết một người nữa, GS Nguyễn Đức Tâm. Ở Chicago, năm ngoái, khi Hội Cộng Đồng Người Việt Illinois, tổ chức buổi "Chiều Thơ, Nhạc Du Tử Lê," anh Tâm cũng nhấn mạnh tới sự kiện một số nhạc sĩ đã chôn sống thơ. Trong số đó, có tôi, ít nhất, một bài. Anh Tâm đã rất công phu khi đi tìm cho được nguyên bản một bài thơ cũ của tôi, đọc lên, để so sánh với bản nhạc phổ từ bài thơ ấy... Cá nhân tôi thấy, nếu người nhạc sĩ đạt được trên 50% hồn tính một bài thơ, thì đã là một góp phần đáng kể, để đẩy bài thơ vào cánh rừng thính giác. Ta đừng quên vế thứ hai của thơ là hát. Bởi thế ngôn ngữ của chúng ta mới có hai chữ thi-ca.

-- *Bây giờ, bước vào phần hơi nhức đầu một chút. Tôi muốn nói tới dấu gạch chéo / slash của máy điện toán, mà anh đem xử dụng trong thơ, văn. Điều nào đưa anh tới sự ứng dụng này?*

-- Vì không có nhiều thì giờ, tôi xin trả lời hết sức vắn tắt: Tôi muốn chân thật hóa câu nói: người đọc là tác giả thứ hai. Muốn thế, ta phải có ký hiệu để minh thị cho người đọc biết rằng một chữ (nhóm chữ) nào đó, người đọc có quyền thay đổi vị trí, sắp xếp lại cấu trúc của nó, theo ý họ. Sự hoán vị này, mặt khác, còn mở ra một khoảng không gian cho mạch thơ hay văn. Các anh Cung Trầm Tưởng và Phan Tấn Hải cũng đã đề cập tới khía cạnh này. Và, hơn nữa, tôi muốn cho thấy, nhà thơ, nhà văn không phải là thượng đế. Điều y viết xuống chẳng phải là điều không thể thay đổi. Sự góp phần, tham gia của người đọc, cho thấy tính tập thể, tính nhân loại.

-- *Trong cuốn Du Tử Lê: Tác Giả và Tác Phẩm, tập 2, Khánh Trường viết, đại ý, cách gì thì Du Tử Lê cũng vẫn chỉ là một người bơ vơ nơi xứ người. Điều ấy có đúng với anh?*

-- Tôi sợ chính vì bạn tôi quá bơ vơ, nên lôi kéo bằng hữu vào cuộc bơ bơ cho bớt phần bơ vơ chưa biết chừng! NMT: Cũng trong bài viết kia,

Khánh Trường có nhắc lại một câu nói của nhà văn Mai Thảo, cho rằng người cầm bút có một loại tiền tệ riêng. Và Du Tử Lê rất giầu có loại tiền này...

-- Chỉ tiếc loại tiền đó không hàng quán nào chịu nhận. Vì thế ông Khánh Trường mới mô tả tôi là người "luôn luôn ở tư thế... chờ bạn gọi đi ăn..."

-- Trở lại một lần nữa với Bùi Bảo Trúc. Anh có đồng ý với quan điểm của họ Bùi khi nói đại ý sự nghiệp thi ca Du Tử Lê, nằm nơi nỗ lực cách tân thể lục bát? Riêng tôi lại thấy những bài thơ bảy chữ, tám chữ..., đã làm cho thơ Du Tử Lê đi xa hơn, bay rộng, cao hơn, như một nhà phê bình khác đã nhận định. Cá nhân anh, anh tâm đắc thể loại nào?

-- Lục bát, tôi ví như người nữ, với tất cả đặc tính dịu dàng, ẻo lả. Trong khi những thể thơ khác, như năm chữ, bảy chữ, tự do..., vạm vỡ, nhiều nam tính. Tôi muốn thêm chút khỏe mạnh cho lục bát, đằm, dịu cho các thể thơ khác... Lóc bỏ bất cứ phần nào trong hai phần này, tôi thành bán nam, bán nữ mất.

-- Thơ có ngôn ngữ, ý tưởng, vần diệu, đề tài,... Theo anh điều gì cốt tủy nhất để thành thơ, mà không phải vè, hoặc khập khễnh, bí hiểm?

-- Có hai điều tôi muốn nói về vấn đề này. Thứ nhất, tôi hằng quan niệm yếu tính căn bản của thơ là văn phạm. Tôi muốn nói văn phạm thơ. Nhưng muốn hiểu thế nào là văn phạm của thơ, trước nhất phải hiểu văn phạm bình thường, văn phạm nói chung, là gì cái đã. Xin lỗi anh, tôi không tin tưởng lắm nơi mức độ học hiểu về văn phạm của một số người cầm bút, kể cả những người đã nổi tiếng. Công việc viết lách của chúng ta thường khởi đi từ cái gọi là thiên khiếu hay thiên bẩm... Viết nhiều, viết lâu đương nhiên có kinh nghiệm. Điều này, cũng tốt thôi, nếu đừng lớn tiếng chê bai quá nặng lời. Thứ nhì, tôi thấy thời nào, chúng ta cũng có một số người nhầm lẫn giữa nỗ lực cách tân và lập dị... Có lẽ tôi nên dừng câu trả lời ở đây. Nói thêm e đụng chạm, điều suốt đời tôi cố tránh.

– Anh gần gũi với giới trẻ, thường có những buổi nói chuyện về thơ ở các đại học có nhiều tuổi trẻ Việt. Vậy anh có nhận xét gì về họ? Lạc quan, bi quan?

-- Xuyên qua những câu hỏi họ đặt ra cho tôi, tôi có thể trả lời ngay rằng lạc quan. Rất lạc quan. Khi những người trẻ kia đã quan tâm tới một vấn đề gì thì sự hiểu biết của họ sâu, chắc hơn ta tưởng nhiều lắm.

-- Bác sĩ Nguyễn Xuân Quang và Nhà văn Trương Anh Thụy đề cập tới bệnh hoạn của anh, qua lăng kính tâm, sinh lý. Theo anh có phải đó là một cách nhìn về thơ tương đối mới mẻ?

-- Trong quá khứ, ông Trương Tửu dưới bút hiệu Nguyễn Bách Khoa từng dùng phân tâm học để nghiên cứu về truyện Kiều... Bác sĩ Nguyễn Xuân Quang có thể là người đầu tiên áp dụng những chẩn đoán bệnh hoạn vào một bài thơ. Tôi muốn nhấn mạnh hai chữ có thể...

-- Có người nhờ hỏi: Sẽ cho anh thành triệu phú, nhưng phải bỏ làm thơ. Anh chọn đường nào?

-- Bộ ngu sao mà không chọn làm triệu phú. Mà ai vậy anh Trinh?

-- Rất nhiều người cho rằng: để đánh giá đúng mức tác phẩm của một tác giả, ngoài việc đọc sáng tác của họ, còn cần phải tìm hiểu những phần sâu kín nhất của tác giả và tác phẩm ấy, qua những điều người khác viết về họ. Anh nghĩ sao về nhận định này?

-- Nhận định đó, theo tôi, khá chính xác. Chính vì vậy mà chúng ta có rất nhiều cuốn sách viết về Victor Hugo, về André Malraux, về Hemingway, về Pasternak...

-- Anh còn điều gì muốn nói thêm với độc giả?

-- Tội nghiệp họ bị chúng ta "tra tấn" nẫy giờ! Nên có nói lời cảm ơn lúc này, thì, cũng chỉ là lời đầu môi chót lưỡi mà thôi.

NGUYỄN MẠNH TRINH, *ghi thuật.*



THẬN NHIÊN

đêm bích câu

Tặng những người đã gặp ở Bích Câu

Những chân đêm vọp bẻ
thê thiết Bích Câu
bợt bạt hành lang đường khuya lơ lắc
miên man tiếng hát buồn
đẩy xô - kéo lê linh hồn

Những tua rượu xoay quanh
xoay quanh
Gió - buốt mặt. Ngả bàn té ngửa
xốn xang gáo nước xối cầu
dội lên vệt máu bầm giữa trán
lỡ muộn rồi về theo cuốc xe đơn

Giã biệt giã biệt
hãy hiện diện như chính mình vong thân
thét xuống mặt sông đen
cơn buồn ngún cháy

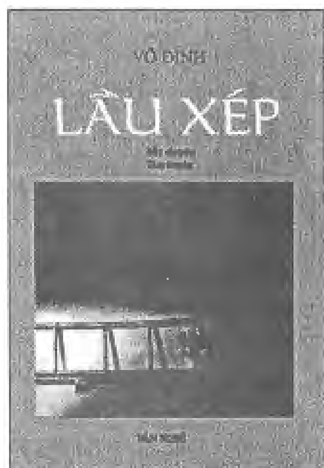
Thôi về đi...
con rắn mù chắn ngang giấc ngủ
ly trà đá cạn rồi
lấy gì chữa cháy ngày mai.

Sàigòn 3/97
THẬN NHIÊN



HỒ TRƯỜNG AN

NHỮNG CÁI RẼ NGOẶC TRONG QUYỂN "LẦU XÉP" CỦA VÕ ĐÌNH



Vào trung tuần tháng 12 dương lịch, họa gia kiêm nhà văn Võ Đình có gửi cho tôi tập văn xuôi *Lầu Xép* do Văn Nghệ xuất bản.

Ở đây tác giả bảo rằng văn phẩm gồm bảy chuyện, tám truyện. Anh dựa theo quan niệm của quí ông Lê văn Đức và Lê Ngọc Trụ trong Việt Nam Tự Điển, bảo rằng *truyện* là sự tích đã qua viết lại có lớp có lang mạch lạc hoặc tưởng tượng viết ra. Và cũng theo hai ông họ Lê thì *chuyện* là việc nói ra. Còn theo hội Khai Trí thì *chuyện* là những sự trong khi bàn bạc cùng nhau như: nói chuyện, câu chuyện.

Trong quyển *Lầu Xép*, ở phần 7 *chuyện* gồm có: *Chuyện Vẽ Tranh, Chuyện Giữ Sách, Chuyện Cây Bàng, Chuyện Sư Mẫu Bông Giấy, Chuyện Anh Tư, Chuyện Cây Đào, Lại Chuyện Cây Bàng*. Ở phần 8 *truyện* gồm có: *Xứ Mây Mù, Anne, Người Chạy Bộ, Lầu Xép, Vợ Chồng Người Đào Vàng, Phòng Sau, Hoặc*, và *Cò*.

Tôi vừa khi nhận quyển Sách, coi liền một lèo cho tới chấm dứt ở cuối truyện *Cò*. Tôi vừa thích thú, vừa bực mình, tự nghĩ: "Anh Võ Đình này... lắm chuyện, lại có cái tinh thần của ông Descartes một cách đáng ghét! Tại sao anh ưa phân loại, xếp từng loại theo hệ thống rồi dán cho mỗi hệ thống một cái nhãn hiệu hoài như vậy? Một kẻ tín đồ của ông Descartes mà ta

thường gọi là một *esprit cartésien* trong rất nhiều trường hợp đã biến sự vật thuộc về tâm linh, thuộc về thần trí sáng tạo trở thành khô cứng". Với tôi, *chuyện* hay *truyện* trong *Lầu Xép* đều là những tác phẩm nghệ thuật, đã làm nổ tung cái không khí buồn nản triền miên của dòng văn chương hiện thực và tân hiện thực ở hải ngoại, để văn chương có một sinh khí mới.

Ý là ở *chuyện* kể, tác giả đôi lúc làm cho tôi cảm thấy nó thăng hoa, vượt cả "truyện" để biến thành bài thơ bằng văn xuôi. Thôi thì, mặc kệ cho tác giả dán nhãn, phân loại các bài viết của anh. Tôi thưởng thức theo cái cảm nhận, cái rung cảm, cái trực giác của tôi. Cảm nhận có tuyệt vời hay không, rung cảm có đậm đà hay không, trực giác có sâu sắc, có thù thắng hay không thì tôi không chắc. Song tôi vẫn thấy ở tác giả cái nhìn thật tinh vi, cái rung cảm đối với cái đẹp thật bén nhạy và ngòi bút của anh không chịu dừng lại ở lối viết phong tục, hiện thực, tân hiện thực, luận đề mà các tác giả ở hải ngoại quen sử dụng. Anh có tham vọng đi xa hơn.

Ở những bài văn mà anh cho rằng "chuyện", chúng ta thấy ngay anh vờ vĩnh kể chuyện, chớ không thật lòng kể chuyện. Nếu kể chuyện thì lựa những vấn đề đơn giản, hồn nhiên đi sát đời sống hơn. Nhưng ở hai "chuyện" như *Chuyện Vẽ Tranh* và *Chuyện Sư Mẫu Bông Giấy* anh lại bàn về hội họa với cái nhận xét thật sắc bén, có thể thuyết phục được một số độc giả, nhưng lại không hồn nhiên, mất đi cái duyên dáng tươi tắn. Kể chuyện tào lao thì hấp dẫn hơn, kể chuyện con cà con kê thì thân mật hơn. Võ Đình không có cái tài kể chuyện vì anh đâu có thích chuyện tào lao, chuyện cà kê. Chuyện kể của anh đều được sắp đặt theo một bố cục mạch lạc. Riêng phần "Tái Bút" ở *Chuyện Giữ Sách*" không phải là do tác giả nhớ đâu nói đó mà là do chủ ý của tác giả muốn đập mạnh vào cảm quan, vào ấn tượng độc giả.

Nói thế, bạn đọc đừng cho rằng người điểm sách khó tánh. Theo tôi, nếu nhìn 7 "chuyện" của Võ Đình qua lăng kính của loại tùy bút, thì đây là bảy bài tùy bút đẹp. Võ Đình lầm rằng tưởng mình có thể kể chuyện được. Anh đâu có cái duyên dáng kể chuyện của người miền Nam như Vương Hồng Sển, Huỳnh Minh (viết về địa phương chí), và gần đây là Hứa Hoành. Cái sâu sắc của chuyện kể của anh, câu văn bén ngót của anh đã đẩy anh lọt ra ngoài đám bình dân mộc mạc.

Nói chung, những *Chuyện Giữ Sách, Chuyện Cây Đào, Chuyện Anh Tư, Lại Chuyện Cây Bàng* đều là những chuyện đẹp về tình người. Đôi lúc, độc giả bàng hoàng theo bút trình của tác giả. Tác giả giả vờ kể chuyện một cách thờ ơ, bằng một lối hành văn nguội lạnh. Nhưng coi chừng đó, nhất là ở *Lại Chuyện Cây Bàng*, độc giả mủi lòng hồi nào không hay.

Ở *Cò*, tôi không hiểu đây là "chuyện" hay "truyện". Nó rất ngắn (3

trang). Tác giả kể một cặp vợ chồng nhìn con cò ở góc phải chỗ hai đại lộ giáp nhau. Cả hai hỏi đáp bằng những câu vơ vẩn, thương hại phất phơ. Mấy hôm sau, họ lại thấy một con chim nhỏ chết ở một địa danh khác. Vẫn là những câu đối đáp vơ vẩn của cặp vợ chồng. Ở *Cò*, tôi tin chắc ít có ai hiểu tác giả muốn nói gì, gửi một thông điệp gì cho độc giả, cho thế nhân. Nhưng tôi chắc tâm hồn người đọc bị một luồng gió mỏng nhẹ man mác thổi qua để thấm dần vào cái lạnh se sắt.

Võ Đình thường thường không chủ trương viết để độc giả hiểu cái cốt truyện cùng ý nghĩa của các ẩn dụ (parabole) của truyện. Cái lối viết của anh rất độc đáo, lọt ra khỏi khuôn khổ lối viết của người đi trước anh và người cùng thời với anh. Anh viết cốt để gây cảm giác và gây ấn tượng cho người đọc. Thường là những cảm giác bàng hoàng. Và sắc đậm hơn nữa, có nhiều chuyện gây một thoáng xây xẩm khá dai dẳng. Chẳng hạn ở *Phòng Sau* mà anh đề tặng TTLH (Trần thị Lai Hồng có phải?) Truyện về một người đàn bà và một con rùa. Con rùa gác đầu lên gối nhỏ; người đàn bà kê mông lên một gối nhỏ khác. Rồi người đàn bà ngồi quay lưng lại với cửa sổ. Rồi con rùa bò đi chui vào sóng biển đen thui. Đoạn kế là "một o chưa già" bán bánh mì nóng, đi ngang chùa đặt ổ bánh trên cấp cổng tam quan. Đoạn kế, người đàn bà đi theo vết bò của rùa, cởi trần, cởi truồng bước vào lòng biển. Đoạn kết sau Tết, lưng con rùa đá lớn ở sân chùa trên hữu ngạn sông Đông Ba nứt đường dài, nước thối chảy rỉ ra. Sư cụ, tuy đói rã ruột, vẫn làm lễ cầu nguyện, nước thối vẫn chảy. Sư cụ kiệt sức vì nhịn đói, bất tỉnh. Con rùa đá bể làm hai, bên trong trống rỗng và khô queo.

Đấy! Cái ẩn dụ của câu truyện chỉ có tác giả và người được đề tặng truyện *Phòng Sau* này hiểu mà thôi. Ẩn dụ tối tăm, độc giả cứ tha hồ tạo cho mình một ẩn dụ riêng khi đọc xong truyện ấy. Nhưng ai cũng phải công nhận Võ Đình đã cầm một con dao lá liễu lúc đầu lấy cán xoa nhẹ lên ấn tượng độc giả, sau đó anh chém một vết rất ngọt, vết chém thật sâu vào ấn tượng.

Ở *Lầu Xép*, Võ Đình đã không chịu để yên cho độc giả thưởng thức truyện của anh. Một căn lầu xép bỏ hoang, những tiếng động quái dị làm người chủ nhân nổi tánh tò mò. Ông cầm đèn bấm soi căn lầu xép ấy thấy một vật đen dài 15 phân tây cựa quậy, xê dịch đều đặn và chậm rãi, sau cùng biến mất. Rồi đằng sau đó, ông khám phá ra cái áo lót đàn bà vào thuở cuộc Nam Bắc phân tranh (la querre de Sécession) trên đất nước Hoa Kỳ. Lầu xép này là nơi chứa vật dụng phế thải thì cái áo lót kia là di tích của một quá khứ xa xăm gởi cho độc giả nghĩ tới người đàn bà đã mặc nó, và họ có thể tưởng tượng biết bao vấn sự chung quanh người đàn bà đã mặc nó. Sau đó, đêm đêm ông chủ nhà lại vẫn nghe tiếng động quái dị không ngớt. Nhưng

rồi ít hôm sau, gặp lúc trời mưa, người chủ nhân thấy con rắn xuất hiện, ý chừng để đi tắm mưa. Con rắn là một thực thể hiện tại làm ta nghĩ tới tiếng động quái dị trong đêm. Nó làm ta rùng mình khi nhớ tới vật di động dài 15 phân tây mà chủ nhân thấy hôm trước. Người dọc như bị dòng nước lạnh cóng như băng dội trên lưng.

Võ Đình không bao giờ để độc giả đọc văn chương mình bằng cách mua vui cũng được một vài trống canh đâu. Anh bắt họ phải bần thần suy nghĩ. Anh đưa ra một vài vấn sự, một vài sự việc để độc giả phải bàng hoàng, ray rứt, bất an, để rồi tự tra vấn, liên tưởng. Anh vày vò tâm não người đọc để họ bám riết theo từng tình tiết của "truyện" và "chuyện" anh. Đến lúc "chuyện" hay "truyện" chấm dứt, anh vẫn không buông thả họ, cấm họ không được quên tác phẩm của anh. Anh lại bắt họ suy nghĩ, tra vấn, liên tưởng thêm nữa.

Ở *Hoặc*, Võ Đình kể chuyện một người đàn ông dị ứng với đám đông ở ngoài xã hội, dị ứng với đồ đạc ở trong ngôi nhà của mình. Ông ta cần một căn phòng trống vì ông ta tin rằng nó sẽ làm lắng xuống những cơn sóng cứ mãi thôi thúc trong lòng ông ta.

Nghi, người đàn ông dị ứng với cái ngổn ngang của cuộc sống kia, thật ra không dị ứng với hình bóng một người đàn bà đẹp mà ông ta đã gặp thoáng qua hồi mười năm trước, hình bóng nó đã từng ám ảnh ông ta không ngớt. Và chính ở căn phòng trống này, ông ta đã gặp lại nàng.

Đọc dứt truyện này, bút gia có một ý nghĩ: căn phòng trống dành cho người lánh cái hoạt náo ở cuộc đời thì tâm và cảnh (tức là căn phòng) vốn tương ứng nhau. Cảnh có trống lặng, có rỗng rang thì tâm dần dà trống lặng rỗng rang theo. Đây là lúc từ trong đáy sâu của tiềm thức, những kỷ niệm vùi chôn thoát chốc hiện lên trên mặt phẳng của ý thức. Độc giả nào nghĩ rằng hồn ma bóng quế của người đàn bà hiện về căn phòng trống kia thì vẫn thú vị như thường. Những ai đó đã biết qua Duy Thức Học của nhà Phật, nghĩ rằng ở con người có cái thức thứ tám, tức là cõi A-lợi-gia-thức và cũng là kho tàng tồn trữ những kỷ niệm. Hình bóng, vấn sự của từng kỷ niệm xảy đến chúng ta, rồi năm tháng chất chồng, kỷ niệm như bị vùi dưới lớp tro của lãng quên. Nhưng nó không hề mất, nó vẫn sống mãi trong cái tầng thức ấy, có cơ duyên thích hợp là chúng chiếu sáng lên tấm màn ký ức chúng ta.

Hiểu như vậy, chúng ta có lẽ cũng thú vị không kém chuyện người đẹp Liêu Trai từ cõi âm hiện về căn phòng. Tác giả Võ Đình sẽ cho các bạn tùy theo óc tưởng tượng, theo cuộc bút trình của Bồ Tùng Linh, hoặc tùy theo nhận xét căn cứ trên "Duy Thức Học" mà nhìn người đẹp ấy. Cái nhìn nào cũng làm phong phú tâm hồn và kiến thức người đọc cả.

Cũng thế, ở *Xứ Mây Mù*, giữa sa mù dày đặc, cô bé Betty có một trí thông minh thô thiển, có bầu tâm cảnh mờ mờ nhân ảnh. Cảnh và tâm vốn mù mịt như nhau nên sự tương ứng chắc chắn là phải xẩy ra. Cô bé Betty đã đi qua nhà ông Nam (người Việt), đã thấy một cái lều con cất dưới chân cái ụ đất mà cô cho là nấm mộ cao. Cô đã thấy ông Nam ôm một người đàn bà đồng chủng của ông, thướt tha trong chiếc áo trắng mỏng. Và rồi người đẹp dần dà biến rã theo sương mù. Và khi trời hanh nắng, khi đi qua nhà ông Nam, cô lại thấy người đàn bà ấy choàng áo mầu hoa hồng - cẩu-mộc, thấp thoáng ở cánh cửa sau nhà. Người đàn bà đó là một bóng ma, một huyễn ảnh, một con người có thật thoắt hiện thoắt biến trong sương, lúc chường lúc ẩn sau cánh cửa... Dù là gì gì đi nữa, độc giả cứ tha hồ dệt trăm huyền thoại và chính ở chỗ dệt huyền thoại đó, họ cảm thấy cái đẹp huyền ảo của truyện và cái lung linh kỳ diệu trong cuộc sống.

Võ Đình không cho độc giả có óc thưởng ngoạn dễ dàng thỏa mãn ở những chuyện có kết cuộc minh bạch, đâu ra đó đâu. Anh muốn làm khó độc giả chăng? Xin thưa, anh dễ dãi đó chứ! Anh cho họ tự do tùy theo cảm hứng, kiến thức để tưởng tượng cái kết cục của "truyện" hay "chuyện" của anh.

Cũng vậy, ở truyện *Anne*, anh vẽ một cảnh gia đình gồm ông bố già thủ cựu khó tính, cô con gái lớn tên Anne góa bụa nhưng thuộc hạng trí thức, cô con gái út xấu xí ngớ ngẩn lúc nào cũng bám theo cha. Khi vào truyện thì ông bố đã chín mươi ngoài, bà Anne bẩy mươi, cô em út Arlette chỉ nhỏ hơn chị hai tuổi. Trong cuộc sống về chiều, bà Anne nhớ tới cái chết vì tai nạn của chồng, nhớ tới người tình đầu hào hoa trí thức của mình, tên là Pierre T. Rồi bà nhận được thư người tình đầu, rồi cuộc điện đàm của đương sự. Sau hết, bà bằng lòng đến nhà ga rước ông ta và đưa ông ta về nhà. Giữa hai người, mối tình đơn phương của bà đã theo tháng năm mà chết đi, nhưng còn có tấm phó bản bức ảnh của Matisse mà năm xưa Pierre T. đã chọn cho bà mua. Tấm tranh đó sáng rực lên như một đóa hoa vĩ đại.

Câu chuyện đến đây có thể chấm dứt để gây ngậm ngùi cho độc giả. Nhưng không đâu, Võ Đình lại bằng ngòi bút đưa bà Anne lái xe về nhà lúc trời nhá nhem, bắt gặp bố mình đi lủi thủi một mình rồi đứng lại chờ đợi Arlette bước vào căn bếp. Ở đoạn cuối, anh hạ mấy giòng tàn nhẫn như những vết roi quất vào tâm não người đọc:

Trời sắp tối. Phía sau mái nhà đen ngòm, trời còn vương vất một màu chì thê thiết. Trời ơi! Hai con mắt tôi (tôi tức là bà Anne) *nóng hổi. Chỉ ông cụ chín mươi bốn tuổi này mới thật tình biết nghệ thuật là cái gì, và tình yêu là cái gì. Và chỉ có cô em bất hạnh của tôi, bà già què quặt, ngớ ngẩn, xấu xí kia, mới thật là kẻ vô tội trên đời này.*

Bước sang qua *Người Chạy Bộ*, Võ Đình cũng tạo những đoạn kết kỳ quặc và gây tê điếng cho người đọc như thế. Một người đàn ông trung niên đã từng sống theo mệnh nước nổi trôi, sau cùng được với vợ con định cư ở Hoa Kỳ. Không hẳn vì vấn đề có lợi cho sức khỏe mà y ta chạy bộ. Y ta chạy vì muốn thấy lại một người đàn bà đẹp mà y ta gọi là Kiều. Cuộc sống đều đặn bên cạnh người vợ đứng tuổi, mập mạp xồ xề làm y ta thấy rõ cái hiện tại thảm đạm vì tuổi tác đè nặng mình. Y tá cứ chạy bộ để một ngày kia y ta thấy một đám mây có hình dáng người đàn bà đẹp khỏa thân đầu ngã về Nam, hướng biển, chân duỗi về Bắc. Và trong cuộc chạy bộ y ta nhớ lại vào tuổi hoa niên y ta cùng người chú ghé qua nhà cô tình nương của chú, tên Sao. Cái quần lót của cô Sao, tiếng rên rỉ lúc làm tình của cô ta với người chú làm cho y ta biết cái trào dâng của nhục cảm, cái nhạy cảm của thể xác một cậu trai tân. Và cũng trong các cuộc chạy bộ, y ta nhớ đến một người đàn bà mà y đã gặp trên các chuyến xe lửa đi về từ nhà đến sở làm. Lần chót, nàng xuống ở trạm có chồng con nàng đón đợi. Nàng có ngước mắt lên nhìn y ta, cái nhìn giống như cái nhìn của con nai bị trúng đạn, đang hấp hối trong cuộc săn mà hồi còn trẻ y đã tham dự với lũ bạn.

Như vậy, bóng mây là ảo ảnh đẹp nhưng ở xa, không thể để cho y ta với tới, và nó tan biến trong thoáng chốc. Cô Sao là một hình ảnh của thần tượng nhục cảm đã thuộc về quá khứ, nhưng vẫn là mối ám ảnh bám riết ký ức đương sự. Kiều là thần tượng tình yêu đơn phương của đương sự, và cũng như đám mây, cũng như cô Sao, là những cái mà đương sự không thể nắm bắt được, rốt cuộc cũng chỉ là ảo ảnh. Sao là ảo ảnh của quá khứ. Kiều là ảo ảnh của hiện tại để rồi thành ảo ảnh của quá khứ. Duy có điều là y ta có thể sờ được cái quần lót của cô Sao, ngửi được mùi nước hoa của cô Kiều. Đây là một câu chuyện buồn vì tác giả vẽ nên những vòng đua lao tới những ước vọng không thành, những giấc mơ chỉ hoài hoài là những giấc mơ. Ở đoạn chót, y ta vẫn ở trong toa xe lửa. Kiều thì được chồng con đón đợi để chui vào chiếc *station wagon*. Nếu tác giả chấm dứt ở đây thì đã trải dài một cảm giác mơ màng phiêu diễu cho người đọc. Nhưng mà không, anh cứa mạnh vào tâm não độc giả một cái ám ảnh dằng dặc, ray rứt khôn siết:

Một tay bế thằng bé, tay kia còn vịn vành trên cửa xe, nàng quay mặt lại, đúng về hướng toa xe lửa có tôi. Tôi đã từng thấy cái ngước mắt ấy. Lâu lắm rồi, hồi còn là một sĩ quan trẻ măng, theo bạn bè đi săn.

Sau phát súng, chúng tôi rầm rầm chạy tới trước, dao sắc lăm lăm trong tay. Con vật trúng đạn, máu chảy xối xả, nhưng chưa chết. Thấy người, hai chân sau của nó dẫy dụa mấy cái, thật yếu ớt. Rồi nằm im. Tôi cúi xuống. Và con nai lớn, vàng óng, với vài đốm bạc ở sườn, lặng lẽ ngước mắt lên.

Sang qua truyện *Vợ Chồng Người Đào Vàng*, Võ Đình cũng không cho câu chuyện lâu lưu theo một dòng xuôi thoải mái. Anh giống như một nhạc sĩ không cho dòng nhạc xuôi theo chiều tiết điệu melodie thông thường, mà lại tạo những chỗ rẽ ngoặc làm thính giả bẽ bàng, hụt hẫng. Đó là cặp vợ chồng già Hank và Mary. Cả cuộc đời, ông Hank chấp nhận ở nơi miền hoang sơn thường có loại sư tử núi lai vãng đe dọa mạng sống con người. Ông ra sức đào mỏ vàng. Tới chừng tìm được cục vàng, nhưng ông không bán để làm giàu, mà chỉ đặt ở bệ cửa để ngắm. Sau khi ông qua đời, bà Mary cũng không chịu cho cháu ngoại mình bán cục vàng và thề rằng hễ ngày nào bà còn sống thì cục vàng còn nằm ở bệ cửa sổ.

Ông Hank tượng trưng cho mẫu người không ham giàu sang, chỉ cốt thỏa mãn óc khám phá, óc tìm tòi. Ông đào vàng là vì óc ấy, không phải vì tham lợi. Đó là mẫu người để làm lớn mạnh đất nước, cũng như lớp người khai hoang khẩn đất... Bà Mary tượng trưng cho những người đàn bà biết chiêm ngưỡng cái hào khí của chồng. Cục vàng ở bệ cửa sổ đối với bà không còn là cục vàng nữa mà là một kỷ niệm thiêng liêng, một bảo vật đã thắp sáng cái chí khí của chồng.

Nếu tác giả cho bà Mary bán cục vàng để làm giàu thì kết cuộc từ thông thường trở thành tầm thường. Tác giả bẻ quặt chiều xuôi của kết quả qua hướng khác. Ở trường hợp này, anh không cấu véo vào tâm não, vào ấn tượng độc giả nữa.

*

Võ Đình là người đã bước vào tuổi hưu, nhưng thần trí sáng tạo anh không chịu dậm chân tại chỗ. Anh theo tinh thần ông Hank, cứ tìm tòi khám phá trong lãnh vực văn chương. Anh muốn chọc thủng một màn đen để đón nhận một tia sáng nào đó trong lúc không khí văn chương ở hải ngoại từ bấy lâu nay vẫn u trầm và ngột ngạt. Đọc văn anh, nhất là ở thể "chuyện", chúng ta đừng rã rời chán nản vội. Chỉ cần để tâm trí lún sâu một chút vào lãnh vực duy cảm, ta mới bắt gặp cái tinh thần canh tân không ngừng nghỉ của anh, dù ta không rõ cái ngụ ngôn, cái ẩn dụ trong văn chương của anh đi nữa.

Có lẽ đọc văn Võ Đình, ta *cần cảm hơn là hiểu* mới có thể gần gũi với anh hơn.

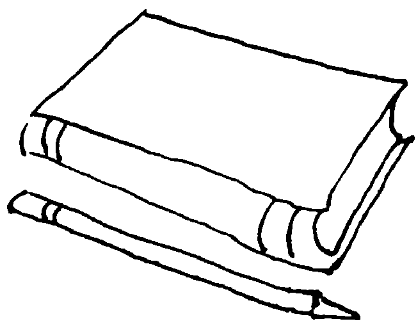
Cổ Nguyệt Đường, ngày 31/12/97

HỒ TRƯỜNG AN



KIM THI

NGÀY... THÁNG...



Lolita, cô bé vô thừa nhận

Đó là tên một cô bé mới 12 tuổi, tình nhân của một người đàn ông 45 tuổi, giáo viên dạy môn văn tại một trường trung học, nơi Lolita đang theo học. Khi cuốn tiểu thuyết vừa chào đời, một làn sóng phản đối mạnh mẽ nổ ra trong giới văn học, không phải vì sự chênh lệch tuổi tác của hai nhân vật chính (những mối tình trống bói kiểu này đầy rẫy trong văn chương cổ kim của mọi chủng tộc) mà vì tính chất vô luân của câu chuyện. Humbert - tên người giáo viên - yêu điên cuồng cô bé học trò Lolita. Để được gần gũi cô bé, tuy chỉ mới bước vào lứa tuổi "thích ô mai" nhưng ngoại hình đã mang cái vóc dáng "dày dày sẵn đúc một tòa thiên nhiên" của các nàng Kiều tân thời, Humbert đã cưới mẹ của cô ta làm vợ. Từ đó, ông ta ngày đêm cầu mong bà vợ "quỉ tha ma bắt" này sớm biến khỏi trần gian, cho rãnh nợ. Ngày kia, bà ta "biến" thật, trong một tai nạn xe cộ. Thế là hai con thiêu thân từ lâu "tình trong như đã, mặt ngoài còn e" được "giải thoát". Họ cùng đưa nhau lang thang khắp nước, vừa để ngấu nghiến cho thỏa thuê cái trái táo mà Adam và Eva đã từng chia nhau xơi vào thời trên cõi trần gian bụi bặm này chỉ có họ là hai chủng loại người duy nhất, vừa để tránh dư luận lên án.

Câu chuyện đương hồi cụp lạc bỗng bị tác giả đẩy tất cả vào bi kịch:

Lolita gặp Quilty, một chàng trai rất mực hào hoa, và nhất là tuổi rất trẻ (nên có lẽ... tài cũng rất cao). Thế là họ phải lòng nhau. Thế là chuyện phải đến đã đến: Lolita bỏ Humbert, khăn gói quả mướp theo Quilty (hợp lý như một cộng một bằng hai, và hợp tình như thịt chó phải xơi với lá mơ). Nhưng nếu câu chuyện chấm dứt ở đây thì... xoàng quá, và "vô đạo đức quá". Nhà văn Viadimir Nabakov bèn thu xếp để ba năm sau Humbert tìm gặp cặp uyên ương này, ông ta giết Quilty, rồi phải ngồi tù. Lolita sau đó cũng qua đời trong một ca sinh nở khó khăn. Màn hạ. "Ác giả ác báo". Bài học Quốc Văn Giáo Khoa Thư rất chi phù hợp với luân lý Đông phương.

Thế mà Lolita vẫn bị từ chối đưa ra trình chiếu cho công chúng.

Một cuộc tranh luận khá sôi nổi trên báo chí đã nổ ra, ở Pháp và Mỹ. Người ta đặt câu hỏi: phải chăng cuốn phim có nhiều cảnh sex? Điều này xem ra vô lý. Nếu so với những màn cụp lạc và bạo lực của đa số phim ảnh Mỹ, kể cả Pháp (điển hình, The Love, một tác phẩm của nhà văn Pháp Duras chuyển thành phim. Hầu hết mọi diễn biến của câu chuyện đều diễn ra trên gường với hai diễn viên chính rất lười... mặc quần áo) thì Lolita chỉ đáng... xách dép. Cuối cùng, một lập luận nửa diễu cợt nửa nghiêm trang của tuần báo EDJ (Pháp) là có vẻ hữu lý nhất: Lolita có biểu hiện tình dục không đứng đắn (sexually incorrect).

Nhưng thế nào là "biểu hiện tình dục không đứng đắn"?

Năm 1996, tổng thống Clinton ký đạo luật bảo vệ trẻ em chống lại phim ảnh khiêu dâm. Mới đây, một số thượng nghị sĩ kết tội Hollywood đã sản xuất nhiều cuốn phim đề cao bạo lực, tình dục và phi luân lý. Ra vậy, một anh sồn sồn 45 tuổi trời, lại đi nhăng nhít cụp lạc với một em bé chỉ mới 12 thì hẳn nhiên luân lý với đạo đức nhất định phải đi chỗ khác chơi. Nhất là các "em bé" của nước Mỹ hùng cường này lại hết sức tò mò, thích bắt chước người lớn, và người lớn (Mỹ) nổi tiếng "ngây thơ", "cả tin", cũng lại rất dễ bị phương tiện truyền thông gây ảnh hưởng. Nếu Lolita được trình chiếu công khai, biết đâu trên cái đất nước vốn đã rối tung bởi hàng nghìn, hàng triệu những chuyện trăng hoa động trời (ví dụ cô giáo 35 tuổi chồng con đề huề quyết rũ và ân ái với cậu học trò chỉ mới 13). Cho nên, "không nên nối giáo cho giặc", Lolita bị đẩy ra khỏi vòng trật tự xã hội kể cũng... hữu lý.

Nhưng nhìn vấn đề như thế là chỉ nhìn xuôi. Hãy thử nhìn ngược xem sao. Này nhé, hàng ngày, trên nhiều mặt báo, và cả trên truyền thanh truyền

hình, chúng ta thường được mời đọc, mời xem những chuyện "người thật việc thật" mà tính chất phi luân, bạo tàn, dâm đãng, khát máu, bệnh hoạn còn vượt xa tiểu thuyết hư cấu của các nhà văn. Cảnh giết người chặt ra từng khúc nhỏ, bỏ tủ lạnh... ăn dần. Cảnh mẹ ném con vào microwave, bấm nút nướng như nướng bánh mì. Cảnh con gái lang chạ với bố ghẻ, lừa mẹ ruột nhốt vào buồng tối, bỏ đói cho đến chết. Và phim XXX, sách báo khiêu dâm trưng bày ê hề trong mọi Liquor, dù được cảnh cáo cấm bán cho trẻ em vị thành niên, song để tìm đọc và tìm xem, tất nhiên đối với bọn "trẻ em" này chỉ như trò dùng thúng úp voi... Nghĩa là, nếu chỉ lấy "người thật việc thật" ra làm... gương, thì nước Mỹ rất thừa thải những "tấm gương" như thế, lại được phổ biến không hạn chế, bằng mọi phương tiện thông tin hiện hiện đại và nhanh chóng nhất. Vậy, mức độ ảnh hưởng chắc chắn phải lớn gấp nhiều chục lần hơn một câu chuyện phim mà tác giả cũng như đạo diễn đã cẩn thận cho "chết tiệt" tất cả ở phần kết, theo đúng tiêu chuẩn luân lý, thì không có lý do gì để bị tẩy chay.

Trừ phi, vâng, trừ phi, cuốn phim được quay tại Mỹ, do hệ thống kinh doanh của tài phiệt Mỹ sản xuất và phát hành. Nói cách khác, nếu cuốn phim chỉ xoàng xoàng không đáng kể, có nhập vào đất nước này cũng chỉ được trình chiếu ở đôi ba rạp nhỏ, thì chẳng ai thèm bỏ công tranh cải với cấm đoán. Đằng này, nàng Lolita tân thời với cái background ầm ỉ của 32 năm trước, cộng thêm những màn cụp lạc tuy chỉ được xếp hạng R, vẫn có rất nhiều triển vọng hốt bạc triệu. Như vậy đâu có được. Phim ảnh Mỹ phải độc quyền vô địch, trong mọi lĩnh vực, nhất là lĩnh vực hái ra tiền. Đất nước này là xứ sở của tư bản. "Miệng người sang có gan có thép", tục ngữ hẳn không sai. Có anh giết một lúc hai mạng người, chứng cớ rành rành, nhờ tiền, trở thành vô tội. Có chị xuất thân lầu xanh, "vành ngoài bảy chữ vành trong tám nghề", nhờ thời vận tiền dư của để, thế là một sớm một chiều chị hóa thân thành mệnh phụ tài cao đức trọng, tiết sạch giá trong như giấy báo *Hợp Lưu* chưa in chữ. Thế thì nàng Lolita xem ra cũng chẳng phải thuộc nòi "hư thân mất nết" quá lắm (thiếu gì các nàng *siêu sao* khác của Mỹ từ đời tư đến nhân vật thủ diễn bê bối gấp mười), nhưng rất có thể Lolita sẽ cổm đi nhiều tờ giấy xanh. Chơi vậy là chơi trội. Trong giới giang hồ, kẻ nào chơi trội sẽ bị loại khỏi vòng chơi. Vậy, nhân danh "đạo đức", chúng tôi không phát hành phim của quí vị. Làm gì nhau?

Từ đó suy ra, trong xã hội Mỹ, cái gì cũng có thể cân đo đong đếm bằng cán cân lợi nhuận, kể cả món hàng đạo đức.

Titanic

Lại chuyện phim ảnh.

Nửa tháng nay, cuốn phim *Titanic* của đạo diễn James Cameron dẫn đầu doanh thu hoạch trên khắp nước Mỹ, báo chí cũng đề cập với nhiều cảm tình. Giới phê bình tiên đoán Titania sẽ chiếm ít nhất tám giải Oscar năm nay.

Ngay từ tháng năm 1986, lúc khởi sự thực hiện, người ta đã nói đến phí khoản khổng lồ sẽ phải chi cho cuốn phim. Nhưng không ai có thể ngờ, kể cả đạo diễn và công ty Paramount, phí khoản này, cho đến lúc cuốn phim hoàn tất, đã lên đến 200 triệu dollars, chưa tính chi phí phát hành, tiếp thị (gần 200 triệu nữa).

Nếu dùng lịch sử điện ảnh thế làm thước đo, thì Titanic là cuốn phim có kinh phí đứng hàng thứ nhì, sau bộ phim dài *Chiến Tranh & Hòa Bình* của Liên Xô, 400 triệu Mỹ Kim, tính theo thời giá bây giờ.

Chuyện thật: Titanic là tên một chiếc tàu có trọng tải 46 nghìn tấn, sang trọng và lớn nhất vào giữa thập niên 20, đã được hạ thủy để thực hiện chuyến hải hành đầu tiên từ Anh quốc sang New York. Nửa đêm ngày 14 tháng Tư năm 1912, tàu đụng phải một băng sơn ngoài khơi Newfoundland. Hai giờ 40 phút sau đó tàu chìm. Trong số 2,200 hành khách, trên 1,500 người thiệt mạng - trong đó có nhà triệu phú Mỹ nổi tiếng Jacob Astor, Benjamin Guggenheim, và Isodor Straus.

Nguyên nhân chính của vụ đắm tàu khủng khiếp này là do sự bất cẩn của những tài công. Mặc dù có các thông báo khẩn cấp có băng sơn qua máy vô tuyến, tàu Titanic vẫn gia tăng tốc độ, với hy vọng đến cảng New York sớm để quảng cáo thành tích. Đêm đó nó chạy trong vùng biển băng giá với vận tốc trên 22.5 hải lý (47.7km/giờ)

Tàu California là chiếc tàu duy nhất đang ở gần Titanic, nhưng nó không tới cứu dù thấy những hỏa châu phóng lên báo hiệu SOS, vì chuyên viên phụ trách máy vô tuyến của tàu California lúc đó đang "off duty" và đang ngủ.

Năm 1985 một toán chuyên viên người Mỹ và Pháp đã tìm thấy xác tàu Titania nhờ dùng những kỹ thuật tối tân thu hình dưới đáy biển.

Qua những thước phim tài liệu của toán chuyên viên trên, đạo diễn James Cameron nẩy ý định thực hiện một cuốn phim, dùng câu chuyện thật

này làm nền.

Chuyện phim: Một mối tình thuộc loại cũ rích, giữa một thiếu nữ thuộc giai cấp thượng lưu với một chàng nghệ sĩ lãng tử "chuyên ngủ gầm cầu". Chàng lãng tử đánh bạc và đoạt được tấm vé du lịch hạng bét từ Anh quốc sang New York trên tàu Titanic. Thiếu nữ là hôn thê của một chàng triệu phủ. Cặp vợ chồng sắp cưới này tuy môn đăng hộ đối nhưng không được thuận buồm xuôi gió lắm. Chàng triệu phú có vẻ tự mãn, bề trên, anh ta thường chứng tỏ uy quyền của mình với vị hôn thê, vốn, là một thiếu nữ đa cảm và có tư tưởng phóng khoáng. Trong một phút bức xúc (có lẽ do xung đột với chàng triệu phú), thiếu nữ định nhảy xuống biển quyên sinh. Chàng lãng tử tình cờ trông thấy, dùng ba tấc lưỡi khuyến dụ, giúp nàng từ bỏ ý định. Họ quen nhau, rồi yêu nhau, bất chấp giai cấp chênh lệch, bất chấp tai tiếng, bất chấp cả vị hôn phu nhiều quyền năng, sẵn sàng dùng mọi thủ đoạn để sở hữu nàng và trừng phạt gã lãng tử thích chơi trèo. Thế rồi, như bất cứ câu chuyện tình tay ba nào của phim ảnh, khán giả sẽ thấy đủ mọi trò yêu đương nồng nàn, đan lồng với những màn ghen tuông, trả thù căng thẳng, thót tim. Hấp dẫn hơn, mọi hỉ nộ ái ố đó diễn ra giữa một bối cảnh cực kỳ hỗn loạn, vì tàu Titanic vừa đụng phải băng sơn và đang chìm.

Hai phần ba cuốn phim mô tả cảnh tàu chìm. Phần lớn những cảnh này đã ngốn của Paramount mất hai trăm triệu Mỹ kim. Công bình nhận xét, cuốn phim dàn dựng vĩ đại thật, đạo diễn James Cameron xứng đáng là bậc thầy của những cảnh kỳ vĩ ngoạn mục nhất. Trong dĩ vãng ông cũng đã từng nổi tiếng với hai *phim Terminator 2* và *True Lies*, tràn ngập những pha action tân ky hấp dẫn, đã giúp hãng phim mang về những món lời khổng lồ. Mà không tân ky ngoạn mục sao được, nếu ta biết, để có được những thước phim ưng ý, Cameron vung thẳng tay, vải tiền như vải đậu. Trong một bài báo đăng trên tạp chí *Intertainment,* nữ ký giả Paula Parisi kể lại: *Cameron chỉ vào màn ảnh đang chiếu cảnh hai tài tử chính, Kate Winslet và Leonardo Di Caprio, đang lội trong phòng ăn ngập nước biển của tàu Titanic. Ông nói với tôi: hãy nhìn cho kỹ, vì cô là người cuối cùng được xem cảnh này". Rồi ông nhấn một cái nút trên máy ráp phim, thế là đoạn phim dài một phút kia biến mất. Cameron nói: "Khúc cắt bỏ ấy giá một triệu đô la đấy"*

Một triệu đô la cho một đoạn phim dài một phút, chỉ để... cắt bỏ.

Đúng là xài tiền như... Mỹ.

Nhưng nếu định mức giá trị nghệ thuật của một cuốn phim dựa trên những màn action ngoạn mục, cùng kinh phí khổng lồ e nhiều phần sai. *Titanic*, hay *Terminator 2*, hay *True Lies* là những cuốn phim vĩ đại về mặt

kỹ thuật dàn dựng, đúng, không ai có thể chối cãi. Tuy nhiên bảo rằng đó lá những cuốn phim "để đời" thì nên xét lại . Kim Thi đã xem vài phim của đạo diễn Trung Quốc Trương Nghệ Mưu, Kim Thi nghĩ kinh phí sử dụng cho những cuốn phim này có lẽ không vượt qua con số vài ba chục nghìn đô la. Ví dụ phim "Những Chiếc Lồng Đèn Đỏ". Chuyện xảy ra, từ đầu đến cuối, trong "gia trang" một phú hộ, với những tranh chấp vợ lớn vợ bé, với thân phận đồ vật của người đàn bà trong xã hội phong kiến, mà sức nặng của nền văn hóa phương Đông đầy tính chất kỳ thị, chà đạp nữ quyền đã đè trên thân phận họ, từ nghìn xưa đến bay giờ, biến họ thành những con thú tật nguyền, với tất cả mọi nhỏ nhen, ti tiện, độc ác thiếu hẳn tính người. Cuốn phim không có lửa cháy, không có nước ngập, không có súng nổ, càng không có cắt cổ mổ bụng máu me đầm đìa, thế mà ấn tượng nó để lại trong ta dài lâu & mãnh liệt.

Ngược lại, hơn ba tiếng đồng hồi hộp theo dõi mọi diễn biến xảy ra trên chiếc tài đang chìm Titanic, tôi thích thú lắm. Nhưng cảm giác thích thú này tan nhanh. Từ lúc đứng dậy khỏi chiếc ghế bọc nệm êm ái, ra khỏi rạp, lên xe, đến lúc về tới nhà, đoạn đường chỉ trên dưới hai mươi phút, thế mà ấn tượng cuốn phim tạo ra gần như đã nhạt nhòa.

Người ta đã nói nhiều đến kỹ nghệ phim ảnh của Hollywood. Hầu hết đều đồng ý đó là một đế quốc giàu có vô địch. Họ có thể làm bất cứ cái gì họ muốn. Kim Thi cũng nghĩ vậy. Duy có điều, đã nói đến đế quốc này thì phải nói đến kinh doanh, đến lợi nhuận. Họ sẵn sàng chi ra vài trăm triệu cho một cuốn phim, nhưng với điều kiện sẽ thu về một lợi nhuận tương đương, hay nhiều hơn, càng tốt. Để làm được điều ấy, thì thành phẩm phải đủ sức cuốn hút mọi loại khán giả, nhất là loại khán giả dễ tính, lười suy nghĩ, xem phim, không ngoài mục đích đi tìm vài ba tiếng đồng hồ giải trí, xong, về nhà, lăn quay ra ngủ, để sáng mai có sức đến sở tiếp tục cày bừa.

Đó là lý do, dù Hollywood có thừa tiền, thừa nhân tài, từ đạo diễn, người viết kịch bản đến tài tử tuyệt hảo, họ vẫn cò khuynh hướng làm những cuốn phim nặng tính chất giải trí hơn là đầu tư tiền của trí tuệ vào các tác phẩm điện ảnh có chiều sâu tư tưởng. Mệt óc, lợi nhuận lại không bao nhiêu.

Vĩnh biệt Mai Thảo

Bảy giờ sáng nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng gọi điện thoại báo tin: *Anh*

Mai Thảo đã từ trần! Kim Thi hỏi nhanh: *Bao giờ, ở đâu, ai đưa tin?* Nguyễn Xuân Hoàng nói: *Bệnh viện báo cho ông Khánh* (em trai của anh Mai Thảo), *ông Khánh báo cho Đỗ Ngọc Yến, anh Yến gọi cho tôi, bây giờ tôi gọi cho bạn.* Chắc chứ? Kim Thi hỏi lại. *Chắc, bạn đến tôi ngay, hai đứa cùng vào bệnh viện.*

Kim Thi thay vội quần áo, ra xe. Thành phố vẫn còn ngái ngủ. Sương mù lãng đãng. Lạnh.

Điều anh em văn nghệ tại quận Cam (và có lẽ ở khắp nơi) tuy không nói ra nhưng vẫn âm thầm chờ đợi đã đến. Mai Thảo từ trần, Mai Thảo ra đi, Mai Thảo, từ nay, vĩnh viễn vắng bóng trên đường phố Bolsa, trong những hàng quán, trên những bàn nhậu. Mai Thảo ra đi. Kim Thi lắng nghe lòng mình, để rồi kinh ngạc nhận ra: không một gợn nhỏ xúc động.

Những ngày sau đó, cùng các anh chị em văn nghệ sĩ khác hiện cư ngụ quanh vùng quận Cam, Kim Thi tham gia một tổ chức nho nhỏ vừa được thành lập để lo việc tang ma. Trong suốt thời gian này Kim Thi vẫn cảm thấy tâm hồn bình lặng, và mọi sinh hoạt hàng ngày vẫn quay đều, như chưa từng xảy ra một biến cố nhỏ nào.Vẫn mỗi sáng thức dậy trước sáu giờ, làm vệ sinh, vận thêm quần áo ấm, ra đường, đi bộ. Vẫn, trên đường đi, ghé một quán cà phê Mỹ, ném lên mặt quầy hai đồng, đổi lấy một ly cà phê và vài cái donut, rồi tiếp tục lộ trình đã vạch, vừa đi vừa nhấm nháp ly cà phê nóng và mấy cái donut, vừa loay hoay với những đề tài, những mảng màu sẽ phải thể hiện lên mặt bố cho ngày hôm nay, hay ngày mai, ngày mốt, vì hạn kỳ nộp tranh cho một triển lãm tập thể sắp kết thúc. Vẫn, sau đó, ngồi vào bàn, trước màn ảnh computer, check email, trả lời những cái cần trả lời, viết cho người này vài dòng, người kia đôi trang. Vẫn, đứng trưa, ra xe đến bưu điện, mang theo thư từ và những tờ báo sẽ gửi vừa đóng gói tối qua, cho độc giả mới, cho những tờ đã bị bưu điện ném vào hư vô... Làm xong tất cả công việc phải làm, phần ngày còn lại, Kim Thi đến nhà quàng, thực thi bổn phận anh chị em trong ban tổ chức tang lễ đã giao: thay mặt gia đình, thân nhân người quá cố tiếp đón, hướng dẫn các văn nghệ sĩ từ khắp nơi về phúng viếng.

Vẫn không một xúc động nhỏ.

Thế rồi, như một cơn gió độc, Kim Thi đột ngột choáng váng, và rơi nhanh vào trạng thái hụt hẫng, khi, phút cuối cùng, Kim Thi đứng cạnh miệng huyệt, nâng ly rượu do Bùi Bảo Trúc trao, uống một ngụm nhỏ, nửa còn lại vải xuống nắp áo quan. Trạng thái choáng váng và cảm giác hụt hẫng này tăng dần, tăng dần,... Cho đến khi đêm về, trên giường ngủ, trong bóng tối nhập nhoạng vây quanh, cùng tiếng tích tắc đều nhịp của chiếc đồng hồ để bàn, Kim Thi cảm thấy tâm hồn dâng ngập, đầy ứ một nỗi buồn, buốt,

nhức. Kim Thi hình dung hình ảnh người bạn vong niên ấy, nằm trong bốn vách áo quan, giữa bóng tối lạnh lẽo của lòng đất. Kim Thi hình dung tiếp, ngày mai, ngày mốt, xác thân kia sẽ biến dạng, sẽ rữa mục, sẽ chỉ còn lại vài lóng xương khô và một nhúm đất sẫm màu... Lòng Kim Thi quặn thắt, mắt Kim Thi cay xè. Lần đầu tiên từ lúc Mai Thảo từ trần, Kim Thi nhận ra sự mất mát không cách nào bù đắp được, và Kim Thi cũng dần hiểu ra tại sao trong những ngày đầu Kim Thi không xúc động. Bởi lẽ, thời gian chờ đợi phút lâm chung của Mai Thảo kéo quá dài, mọi chuẩn bị tinh thần đã đầy và đã quen, nên anh ra đi, sau nhiều tháng lẽ ra đã ra đi, không còn gây được một cú "sốc" mạnh.

Anh Mai Thảo. Còn ai biết rõ tính tình của nhau bằng anh em chúng ta? Dù trong những lúc kiệt quệ nhất từ thể xác đến tâm hồn, anh vẫn cố đứng thẳng. Còn nhớ nhiều đêm, trong khuya khoắc, anh không ngủ được, một mình loay hoay với bóng tối và những ly rượu, có lúc say quá, hoặc yếu quá, anh té ngã, đầu va vào tường, vào ghế bàn, vào tủ sách, tóe máu. Sáng ra nhìn thấy máu loang lổ trên ngực áo, Kim Thi hỏi, anh cười hom hem, ra điều không có gì đáng nói: "Tôi vấp cái bàn ấy mà..." . Còn nhớ nhiều đêm khác, hai ba giờ sáng, trong giấc ngủ chập chờn nửa mê nửa tỉnh, anh hét lớn, tiếng hét vang khắp chung cư, Kim Thi vội chạy xuống, ngồi với anh, và hàng giờ như thế trôi qua trong im vắng. Chúng ta đã không nói với nhau một lời nào, nhưng cảm nhận rất rõ ý nghĩ của nhau. Kim Thi hiểu, anh đang cô đơn, niềm cô đơn cực cùng, đến không chịu nổi, phải hét lớn thành tiếng, cho hả. Và rất nhiều lần khác nữa, khuya khoắc, từ hàng quán trở về, anh đứng không vững trên đôi chân gầy guộc, phải chống tay vào vách tường lần vào phòng, Kim Thi đi bên cạnh, nhưng không giúp anh, không dìu anh, bởi Kim Thi biết, anh sẽ gạt phắt, và gắt: "Tôi đi được, việc gì phải dìu với dắt..."

Bởi hiểu rất rõ cá tính của anh, nên từ hồi anh còn sinh tiền đến lúc đã ra đi, Kim Thi vẫn cư xử với anh như đã từng cư xử: không bao giờ tỏ lộ cái ủy mỵ mà anh vốn ghét, và thường diễu là của "bọn đàn bà mau nước mắt".

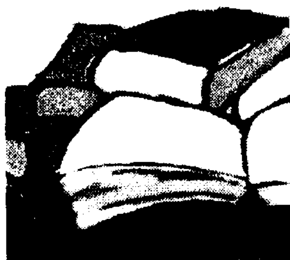
Nhưng, ba hôm rồi sau buổi chiều đưa anh ra nghĩa trang, Kim Thi cứ thấy lòng chùng nặng mỗi khi đêm về, và mắt cứ cay xè mỗi lần nhớ đến anh. Sẽ chẳng bao giờ nữa còn có cơ hội giúp anh mở nắp những chai rượu nâu óng chất men cay nồng. Sẽ chẳng bao giờ nữa cùng anh lang thang đến những tiểu bang xa, những quốc gia bên ngoài nước Mỹ và những bàn nhậu đông vui bạn bè tứ xứ. Nhất là chẳng bao giờ nữa, nghe anh trách cứ bằng giọng thân tình: "Cái thằng này, bắng nhắng nhỉ..."

KIM THI



NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI



PARIS XUÂN 96, Nguyên Vũ, nhà xuất bản Văn Hóa. Giá 15MK. Địa chỉ nhà xuất bản: HOÀNG ĐỖ, 2606 Main St. # 112 Houston, TX 77002. USA. Phone/Fax: (713) 528-2606.

Là tác giả của trên 20 tác phẩm, trải dài hơn 3 thập niên, từ quê nhà (miền Nam VN trước 1975) đến hải ngoại.

Trước kia, độc giả biết đến Nguyên Vũ như một tiểu thuyết gia. Sau này, qua bút hiệu Chính Đạo, nhiều nghiên cứu sử học của ông đã được xuất bản.

Cuốn *Paris 96* là những suy tư của một ngòi bút về nhiều vấn đề liên quan đến các nhân vật, những biến cố chính trị... Tuy chất liệu để dựng thành tác phẩm khá khô khan đối với một số độc giả: đó là các chứng từ sử học, nhưng nhờ lối văn "tâm bút", tác giả tạo được không khí thân gần. Vì thế, ông đã thành công khi muốn chuyển tải những suy nghĩ của mình đến độc giả.

TRĂNG ƠI, THƠ ẤU MÃI, tập truyện Nguyễn Chí Kham. Bìa Nguyễn Đồng-Nguyễn Thị Hợp. Tân Thư xuất bản 1998. Giá 10MK. Ngoài Mỹ thêm 2MK cước phí. Liên lạc: P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA.

Nguyễn Chí Kham xuất hiện trên văn đàn miền Nam VN cùng thời với Hoàng Ngọc Tuấn, Ngụy Ngữ, Hồ Minh Dũng, Trần Hoài Thư, Mường Mán, Lâm Chương, Hà Thúc Sinh... Vài năm trước, ông sang Mỹ theo diện

HO, độc giả lại có dịp gặp gỡ Nguyễn Chí Kham qua một số sáng tác đăng trong vài tạp chí văn chương hải ngoại.

Trăng Ơi, Thơ Ấu Mãi là tác phẩm đầu tay được xuất bản của ông, gồm nhiều truyện ngắn chọn lọc suốt quãng đường sáng tác mấy mươi năm ấy. Văn chương Nguyễn Chí kham chừng mực, thâm trầm, không tạo cho người đọc những cú "sốc" mạnh, nhưng có khả năng tích tụ âm ỉ.

ĐƯỜNG MÂY TRÊN ĐẤT HOA, Hòa thượng Hư Vân. Thích Hằng Đạt và Nguyên Phong phóng tác. Bìa Khánh Trường. Văn Nghệ tái bản 1998. Giá 13MK. Ngoài Mỹ thêm 2MK. Liên lạc; Văn Nghệ, P.O.Box 2301, Westminster, CA 92683. USA.

Cuộc đời tu tập và hành đạo trải dài trên một trăm năm của Hòa thượng Hư Vân không những là một bản đồ chỉ dẫn cho những người muốn tu tập, mà còn là một bức tranh sống động tả rõ tình trạng Phật Giáo tại Trung Hoa vào cuối thế kỷ thứ 19.

Một cuốn sách nên đọc.

THƯ VỀ BLOOMINGTON ILLINOIS, truyện Lê Tất Điều. Bìa Khánh Trường. Văn Nghệ xuất bản 1998. Giá 11MK. Ngoài Mỹ thêm 2MK.

Nổi tiếng hơn 3 thập niên qua với tư cách một nhà văn, nhà thơ (qua bút hiệu Cao Tần) và nhà báo.

Thư Về Bloomington, Illinois là một truyện vừa, được viết dưới dạng những lá thư của tác giả gửi cho James Keeran, một nhà báo người Mỹ. Nhân vật này có thực, là biên tập viên của nhật báo *The Daily Pantagraph* trên hai mươi năm trước, thuở tác giả vừa chân ướt chân ráo nhập cư vào đất Mỹ.

Bằng văn phong điêu luyện, hấp dẫn, tác giả - qua những lá thư - đã vẽ lại hình ảnh một người tị nạn Việt Nam, cùng những suy tư của anh ta về nhiều vấn đề liên quan đến cuộc chiến tranh đã qua, về vai trò của người Mỹ trong cộc chiến tranh ấy, về quốc gia/cộng sản, về bước đường hội nhập, về thuyền nhân, về những khác biệt văn hóa, tôn giáo, tập quán... giữa Đông và Tây.

DÒNG THAMES THÌ THẦM, phiếm luận của Vĩnh Phúc. Bìa Khánh Trường. Văn Nghệ xuất bản, Giá 12MK. Ngoài Mỹ thêm 2MK.

Tập hợp và chọn lọc những lá "Thư Luân Đôn" tác giả viết hàng tháng cho báo *Phụ Nữ Diễn Đàn* trong thời gian từ 1990 đến 1996. Theo tác giả, những phiếm luận dưới dạng thư tín này có mục đích kể lại cho độc giả bốn phương nghe các sinh hoạt ở mọi lĩnh vực, được gạn lọc, soi ngắm qua một

nhãn quan bén nhạy và một kiến thức sâu rộng, cốt vẽ lại càng trung thực càng tốt, diện mạo tiêu biểu của vương triều Anh, vốn nổi tiếng bảo thủ, nhất là những chuyện thuộc loại "thâm cung bí sử".

Dí dỏm, thông minh, nhiều nhận xét sắc bén.

LẠC LỐI VỀ, tiểu thuyết Heinrich Boll, bản dịch Huỳnh Phan Anh. Tranh bìa Faul Klee, trình bày Lữ Quỳnh. Văn Nghệ (thành phố Hồ Chí Minh) xuất bản. Giá 17.000$VN.

Đây là mảnh đời khốn khổ của một con người, phải xa vợ con vì sinh kế, cùng ký ức hải hùng mà chiến tranh đã khắc đậm lên cân não. Anh ta làm việc cực nhọc hàng ngày kiếm tiền gửi về nuôi vợ con, và hàng đêm lang thang trong các công viên hẻo lánh, các khoảng đất trống, các bãi tha ma, các quán rượu, để say với những nỗi buồn và nói chuyện với người chết...

Heinrich Boll được đánh giá như là một nhà văn quan trọng bậc nhất sau đệ nhị thế chiến. Bằng ngòi bút chân thực đầy tính nhân văn, ông vẽ lại tâm hồn cùng cuộc sống của con người trong thế giới hoang tàn của chiến tranh. Đó là những con người biết yêu thương và phản kháng, biết can đảm nhìn thẳng vào sự thật để vượt qua.

Một tác phẩm hay.

MUỘN MÀNG & DƯ ÂM, hai tập thơ của Hàn Trúc. Bìa, phụ bản Phạm Cơ. Giá Bấc xuất bản. Không ghi giá bán. Liên lạc: 6 Haif Acre drive., Farmington, CT 06032.

BỤI, thơ Nguyễn Duy, nhà xuất bản Hội Nhà Văn Việt Nam.

Tác phẩm thứ 17 của một nhà thơ nổi tiếng. Tập thơ chia làm hai phần.

Phần 1: **Giữa đám đông**, gồm những bài thơ được sáng tác trong những chuyến đi Âu châu, Mỹ châu, cùng nhiều địa danh và bằng hữu mới cũ.

Phần 2: **Một mình**, gồm những bài thơ được làm rải rác trong nhiều năm, về đủ mọi đề tài; tình yêu, quê hương, nhân sinh quan...

Thơ Nguyễn Duy không cầu kỳ, thỉnh thoảng lóe sáng những tia nhìn tinh nghịch, dí dỏm.

CHỚP BIỂN, thơ Bùi Giáng. Bìa chân dung Bùi Giáng thời trẻ. Gia đình Bùi Vịnh xuất bản: Liên lạc: Bùi Vịnh, 1055 Dewcrest Dr., Anaheim, CA 92808. Giá 20MK kể cả cước phí.

Dây là tập thơ thứ tư của Bùi Giáng được in tại hải ngoại, sau mấy mươi tác phẩm gồm đủ thể loại, làm nên tên tuổi một thi sĩ được (bị) đáng

giá là "cổ quái" nhất của văn học Việt Nam trong nửa thế kỷ qua.

Vẫn thể lục bát làm chính, vẫn bằng một ngôn ngữ rất riêng, không lẫn với bất cứ thi nhân đông tây kim cổ nào, tập thơ ngót hai trăm bài, bổ sung cho "bài thơ dài" bất tận mang tên Bùi Giáng.

VIỆT NAM, NHỮNG SỰ KIỆN LỊCH SỬ TRONG THẾ KỶ 20, Cửu Long Lê Trọng Văn. Mẹ Việt Nam xuất bản. Giá 16MK. Liên lạc: Mr Le, P.O.Box 710091, San Diego, CA 92171. USA

Cuốn sách "tập trung một số bài viết có liên quan đến lịch sử Việt Nam cận đại" do tác giả Lê Trọng Văn trích chọn.

THƠ KHOA HỮU, bìa Khánh Trường, Văn Học xuất bản. Giá 10MK. Ngoài Mỹ thêm 2MK. Liên lạc: Tạp chí Văn Học. P.O.Box 1359 Garden Grove, CA 82842. USA.

Tập thơ được xuất bản do bảo trợ tài chánh của các tạp chí Văn Học, Văn, Hợp Lưu và các văn hữu Nguyễn Đình Khánh, Nguyễn Mạnh Trinh, Phạm Quốc Bảo, Lê Tín Hương, Nguyễn Ý Thuần, Khánh Trường, Phùng Nguyễn, Huy Văn, Cao Xuân Huy, Đặng Hiền, Bùi Bích Hà, Nguyễn Đức Quang, Bùi Vĩnh Phúc, Nguyễn Xuân Hoàng, Mai Kim Ngọc, Nguyễn Mộng Giác.

Trong lời tựa, nhà văn Nguyễn Mộng Giác viết: "Những vần thơ cất lên từ thân phận nghiệt ngã (...), những vần thơ mà anh đã vắt kiệt sự sống (...) thì tất nhiên sức thu hút của thơ Khoa Hữu phải mãnh liệt. Anh không cần, mà cũng không có thì giờ để tìm cách đổi mới câu cú, chữ viết. Anh cũng không đặt lên vai thơ những gánh nặng trần thế. Nếu xét hình thức, thơ Khoa Hữu cổ điển: không khí thơ biên tái bàng bạc ở nhiều bài, chất dân gian lục bát ở nhiều bài khác. Nhưng trong những lúc người khác vay mượn thơ cổ điển và dân gian như một thứ dây leo ký sinh, thì Khoa Hữu đưa hình thức cũ lên một cung bậc mới, nuôi sống nó bằng chính chất liệu phong phú và tài ba của mình..."

MỞ CỬA TỬ SINH, trường ca Trần Nghi Hoàng. Bìa Trần Nghi Âu Cơ. Profee Publicatins ấn hành 1997. Giá 16MK, ngoài Mỹ thêm 2MK. Liên lạc: Trần Nghi Hoàng, P.O.Box 1882, San Jose, CA 95109. USA.

Là tác giả của nhiều thi tập. Là chủ nhiệm kiêm chủ bút tạp chí Văn Uyển (cùng với Trần Thị Bông Giấy).

Tác giả cho rằng "làm thơ tất nhiên là gia nhập một cuộc chơi. Và là một cuộc chơi lớn. Một cuộc chơi thách thức định mệnh, thách thức tử sinh,

thách thức chính mình."

CON THÚ VẬT, tiểu thuyết, nguyên tác của Guy des Cars, bản dịch Nguyễn Mạnh Khiết, bìa: tranh Trương Thị Thịnh, trình bày: Huỳnh Mộng Điệp. Trí Đức và Nguyễn Bá Trạc xuất bản. Giá 16MK. Ngoài Mỹ thêm 2MK. Tổng phát hành Văn Nghệ.

Chuyện một con người sinh ra đã bị mù, câm và điếc, sống cuộc đời của một "con thú", đắm chìm trong ngục tù tăm tối. Nhưng nhờ vào trí thông minh hiếm có, hắn vượt nghịch cảnh, trở thành một nhân vật nổi tiếng.

Con "con thú" kia cũng giống như tất cả mọi con người khác, nghĩa là cũng biết thương yêu, ghen tuông, giận dữ, thù hận... Một án mạng đã xảy ra, nhiều người cho rằng để bảo vệ tình yêu, hắn là thủ phạm. Nhưng kết luận ấy có chính xác không? Tác giả sẽ trả lời câu hỏi này, qua ba trăm sách với thật nhiều tình tiết rất ... tiểu thuyết.

Một cuốn sách giải trí hấp dẫn.

CĂN NHÀ , truyện dài Nguyễn Sao Mai, bìa Nguyên Khai, Sóng Văn xuất bản. Giá 20 Mỹ Kim. Liên lạc: Sóng Văn, P.O.Box 832464, Miami, Florida, 33283. USA.

Sách dày 456 trang. Trong lời tựa, tác giả viết "đây không phải là một câu chuyện tình, cũng không phải chỉ là một tiểu thuyết xã hội. Đây là câu chuyện của những người không có một chỗ trong xã hội, và trong chính trái tim của con người, một mặt, không thể chống chọi với thực tại nghiệt ngã, một mặt khác, tuyệt vọng trước những tình cảm của con người đôi khi vốn không thực đã để lộ bản chất của nó trong một xã hội mà những tồi tệ diễn ra y như không bao giờ có sự ngừng dứt..."

Cuốn sách viết xong tháng 6 năm 1972, dự định xuất bản trước 1975, nhưng vì thời cuộc đổi thay, đến nay mới có dịp ra mắt độc giả

HOÀNG ĐẠO, NHÀ BÁO, NHÀ VĂN, biên khảo của Vu Gia, nhà xuất bản Văn Hóa, Hà Nội. Giá 33 nghìn đồng Việt Nam.

Đây là cuốn thứ tư trong bộ sách (trọn bộ 4 cuốn) về Tự Lực Văn Đoàn.

Ba cuốn đã xuất bản là: 1)Khái Hưng, Nhà Tiểu Thuyết; 2) Thạch Lam, Thân Thế Và Sự Nghiệp; 3) Nhất Linh Trong Tiến Trình Hiện Đại Hóa Văn Học.

Vu Gia cho rằng "Hoàng Đạo viết không nhiều so với những người cùng văn đoàn, nhưng hầu như đều có cái để đọc, để suy gẫm. Bây giờ, đọc lại những chồng báo cũ, đọc lại những *Trước vành móng ngựa, Mười điều tâm*

niệm, Bùn lầy nước đọng, ta có thể nhận ra một Hoàng Đạo nhà báo, nhà bút chiến (...); nhà trào phúng (...); nhà tiểu thuyết luận đề".

Hoàng Đạo tên thật là Nguyễn Tường Tư, em ruột của Nhất Linh, anh ruột Thạch Lam. Cả ba đều là các cột trụ quan trọng của Tự Lực Văn Đoàn.

Với phương pháp nghiên cứu cẩn trọng, công trình biên khảo của Vu Gia là một tài liệu giá trị, góp phần khôi phục lại diện mạo và chỗ đứng quan trọng của Tự Lực Văn Đoàn trong tiến trình phát triển của văn học Việt Nam tiền bán thế kỷ 20.

NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU



VỚI VĂN HỮU VÀ BẠN ĐỌC



THƯ VĂN HỮU VÀ BẠN ĐỌC

... một mất mát lớn

Dù biết anh Mai Thảo có thể ra đi bất cứ lúc nào, thì cũng thực xúc động khi nghe tin; Anh Mai Thảo ra đi là một mất mát lớn cho tất cả anh em văn nghệ. Như thế nào thì anh cũng là một biểu tượng cho nhữngngười cầm bút có phong thái, có nhân cách, trải qua tất cả mà vẫn không bao giờ bẻ cong ngòi bút của mình cho thế lực nào. Về phần cá nhân, chuyến đi thăm nước Mỹ cách đây hai năm như thế đã trở thành một chia tay và giả biệt với anh Mai Thảo. ...

TQ (Australia)

Từ hôm tin anh Mai Thảo từ trần chính thức loan truyền, hầu như ngày nào tòa soạn Hợp Lưu cũng nhận được điện thư, điện thoại của văn hữu, độc giả cùng các cơ quan truyền thanh, truyền hình Việt Namtại hải ngoại gửi về để hỏi thêm chi tiết và chia buồn.

Thay mặt gian đình nhà văn Mai Thảo, tòa soạn Hợp Lưu chân thành cảm ơn sự quan tâm của tất cả.

Vì vấn đề tế nhị tôn giáo

Trong số báo *Hợp Lưu* 34, tôi thấy có bài *Tâm Bệnh* của tác giả Ngô Nhựt Tân. Trong bài này tác giả đem chuyện hai ông sư ra bêu rếu. Cho dù có thật chăng nữa thì vì vấn đề tề nhị tôn giáo, tòa soạn không nên đăng.

Viết bài đăng báo báng nhạo sư sải, việc này thật đáng trách, càng đáng trách hơn khi tác giả đem kinh Phật ra chế riễu, thật là phạm thượng và coi tập thể Phật Giáo chẳng ra gì (Trang 210: "Đấm tức thị không, không tức thị đấm")

Khi *Hợp Lưu* đang bài này thì cũng phải có tinh thần trách nhiệm...

Mong tòa soạn lưu ý hơn về những bài viết sau này để đại đa số độc giả là những Phật tử khỏi phải bực mình.

Thành thật cảm ơn ông.

PHẠM N. KH.
Santa Clara (Cali)

Những năm gần đây, sau cuốn *Bước Qua Ngưỡng Cửa Hy Vọng* của Giáo Hoàng Gioan Phao Lồ II, cả trong lẫn ngoài nước nổ ra nhiều cuộc tranh luận, có lúc rất gay gắt, trái với tinh thần từ bi,bác ái và phá chấp của Thiên Chúa Giáo lẫn Phật Giáo. Gần hơn, sau khi cuốn *Việt Nam Giáo Sử* của linh mục Phan Phát Huồn phát hành, tòa soạn nhận được nhiều thư và bài viết của các Phật tử, yêu cầu *Hợp Lưu* nêu lên sự bất mãn của họ, vì *"linh mục Phan Phát Huồn đã xúc phạm nặng nề đến Phật giáo cùng các danh nhân lịch sử dân tộc Việt Nam"*. Như ông, tòa soạn nhận thấy tôn giáo là một vấn đề vô cùng tế nhị, thuộc lĩnh vực Đức Tin. Mà đã nói đến Đức Tin thì không thể dùng luận lý để phân tích, lý giải. Vì thế tòa soạn đã giữ thái độ khách quan, tách mình ra ngoài vòng tranh chấp chắc chắn sẽ chẳng bao giờ có được điểm đồng qui kia.

Riêng truyện ngắn *Tâm Bệnh* là một sáng tác văn học, có tính cách hư cấu. Trong lịnh sử văn học thế giới tự cổ chí kim, đã và đang có vô số những truyện ngắn, truyện dài xây dựng nhân vật truyện dựa trên những hình ảnh các ông cha, các nhà sự mà từ hành vi đến tim óc đều trái hẳn với nếp nghĩ của chúng ta. Nhưng đ ộc giả không ai xem những sáng tác này có tính cách phỉ báng tôn giáo. Ngay cả trong kho tàng ca dạo tục ngữ Việt Nam, chúng ta nào có xa lạ gì với những câu những đoạn trêu chọc bêu rếu nặng nề các vị tu hành.

Tuy nhiên, tôn trọng ý kiến độc giả, tòa soạn đã gửi bản sao lá thư đến tác giả Ngô Nhực Tân. Và đã được ông trả lời sau đây:

Trước, cảm ơn ông đã bỏ thời giờ đọc câu chuyện *Tâm Bệnh* đăng trong *Hợp Lưu* số 34. Sau, xin ghi nhận những ý kiến của ông về nội dung bài viết.

Tôi nghĩ, khi nhìn tựa đề *Tâm Bệnh*, đọc giả có thể đoán được phần nào hành vi của nhân vật truyện. Khi đã mang tâm bệnh, con người có thể làm bất cứ điều gì rất là không bình thường. Câu chuyện tôi viết, mang tính hư cấu, không phải chuyện thật. Mà trong hư cấu, cái gì lại chẳng có thể xảy ra? Bổn phận của người viết là phải dàn dựng câu chuyện, sao cho *nói dốc* mà đọc giả *tưởng như thật*. Có lẽ vì thế, ông đã hiểu lầm tôi dùng câu chuyện để bêu rêu, báng nhạo những tu sĩ Phật giáo.

Để hiểu nhau hơn, từ đó, hy vọng sẽ cảm thông nhau hơn, tôi muốn ông biết sơ về quá khứ của tôi.

Năm mười một tuổi, không phải bị gia đình bắt buộc, tôi đã tình nguyện vào chùa, trở thành một chú tiểu, sau hơn hai năm sinh hoạt với gia đình Phật tử. Tập thể tu sĩ, như ông biết, cũng kẻ tốt người xấu. Nhất là sau cuộc chính biến 1963, thế đứng của Phật giáo đối với chính quyền, rất mạnh. Tăng đoàn, trong tỉnh lỵ mà tôi đã sống chung, ngoài thiểu số tu hành chân chánh, đã bị trà trộn, lợi dụng bởi số đông thành phần trốn tránh trách nhiệm quân dịch. Sự hiểu biết này càng đúng hơn khi, sau năm 1975, những thành phần ấy đều trở về đời, vài người còn quay lại mắng chưởi đánh đập các vị tu sĩ bạn hiện còn ở lại, hay nhẫn tâm hơn, làm chỉ điểm cho chính quyền Cộng Sản, bắt bớ các đồng tu ngày trước. Chùa tôi ở có cả thảy bảy chú điệu. Chúng tôi, vì bé người sức yếu, nên bị các chú ác tăng lớn hiếp đáp tận tình. Trong đám điệu để chỏm, tôi hoang nhất, vì thế bị đòn nhiều nhất. Đêm đêm, tôi phải khoác áo par-dessus, đội nón, ra phố, để mua cho các chú lớn bánh mì thịt hay cá mò i hộp. Khủng khiếp nhất, chúng tôi lại còn là nạn nhân của những sexual abuse từ những người cùng phái tính. Có lần một ác tăng mò trúng tôi, hôm sau tôi la toáng, cốt cho mọi người trong chùa biết. Buồn thay, tiếng trống mồm báo động ấy rơi vào hư không u tịch. Thầy giám thị trường Bồ Đề, đàn anh của những chú trốn lính, cứ mở miệng ra là chửi Thiệu Kỳ sang sảng, tìm cớ, đập cho tôi một trận nên thân. Và thường vào dịp cuối tháng, đúng kỳ kiểm thảo, tôi, một chú điệu còn để chỏm, bị đem ra đấu tố trước tăng đoàn, chẳng khác nào đang sống trong chế độ Cộng Sản, mà tôi thường nghe thuật lại. Những lúc như thế, tôi còn nhớ rõ, tôi đã khóc rất nức nở, lấy vạt áo nhật bình màu lam nhạt chùi nước mắt, miệng xin lỗi nhận tội, mặc dù tội gì, đến nay tôi vẫn chưa hiểu được. May thay cho cuộc đời tu học của tôi, vị thầy mà tôi theo xuất gia, vì là tuyên úy Phật Giáo, đã mang tôi ra khỏi tăng đoàn khắc nghiệt ấy, theo thầy đi tỉnh khác tu học. Nhưng rồi, nỗi bất hạnh khác lại đến, thầy bỏ tôi đi lấy vợ. Từ vùng đất đỏ xa xôi Ban Mê Thuộc, tôi được các đạo hữu thương tình, mua vé xe đò và cho ít tiền dằn túi, một mình lê gót về lại nguyên quán. Năm ấy tôi tròn mười ba

tuổi. Mẹ tôi vào chùa công quả sau khi tôi đi tu. (Cho đến hôm nay bà vẫn còn ở chùa chay tịnh, hầu cận chư tăng). Nhờ vậy, tôi được một vị giảng sư cao tăng nhận làm đệ tử. Thầy gửi tôi tu học tại Phật học viện Hải Đức, Nha Trang. Tại đó, tôi được thọ giới sa di trong một giới đàn lớn. Năm 17 tuổi, tôi bỏ viện ra đi, không tu nữa. Lúc miền Nam mất, tôi là một sĩ quan cấp úy trong đơn vị Liên Đoàn 81 Biệt Cách nhảy dù.

Bất chấp cuộc sống thăng trầm trong cuộc đời tu sĩ, tôi vẫn một mực tin kính đạo Phật. Ngày nay, tuổi tứ tuần, mỗi tuần hai lần, tối, tôi lên chùa kinh kệ, bòn chút công đức, thắp vài nén hương, đem câu kinh sưởi ấm chánh điện, vì hiện tại chùa chưa có vị tăng sĩ nào về làm trú trì.

Ông Khôi ạ, cái gì cũng có hai mặt của nó. Trong HL số 36, khi viết về chủ đề thanh và tục trong văn chương, tôi có đề cập đến thanh/tục, đẹp/xấu, hay/dở chỉ là những khái niệm tương đối và là hai mặt của một vấn đề. Đã có Vĩnh Hảo nói đến cái đẹp nhẹ nhàng của đời sống tăng lữ, tôi không nghĩ, nói đến cái xấu của đời sống ấy là dư thừa. Trong thời mạt pháp này, chúng ta, những Phật tử, phải có bổn phận bảo vệ, duy trì chánh pháp. Nhưng, chúng ta có nên vì thành ngữ trọng Phật kính tăng, bao che cho các phần tử lợi dụng chiếc áo cà sa, núp dưới bóng chùa làm điều phi pháp?...

NGÔ NHỰT TÂN

HỢP LƯU TRẢ LỜI VĂN HỮU & ĐỘC GIẢ

Ông T.Đ. Th (Cali): Như hầu hết mọi năm, HL số Xuân thường bán hết tại các nhà sách, tuy nhiên các chủ nhân những nhà sách này không order thêm, nên chúng tôi không biết để "châm" thêm. Gửi đến ông HL Xuân Mậu Dần, nhận được, xin ông thanh toán cho chúng tôi bằng check hoặc morney order.

Bà H.T.Ng (Houston): Sở dĩ chúng tôi hạ giá bán dài hạn là vì thời gian sau này độc giả tăng, HL đã quân bình chi thu, thậm chí có thể hạ giá bán mà vẫn không gây thiệt hại cho ngân sách. Chúng tôi làm báo không cốt lấy lời, chỉ mong thủ huề và đưa báo đến tay độc giả càng nhiều càng tốt. Rất mong sẽ đến một lúc nào đó, ấn bản tăng cao gấp đôi, gấp ba, chắn chắc giá bán HL ngoài thị trường sẽ xuống thấp thêm nữa.

Cô S.H. (SF): Chúng tôi đã gửi, lần thứ 2.

Địa chỉ của cô có vấn đề gì chăng? Nếu lần này cô vẫn không nhận được, thật tình chúng tôi không biết phải giải quyết cách nào.

HỢP LƯU

PHÂN ƯU

Rất đau buồn trước hung tin

Nhà văn MAI THẢO

Tên thật NGUYỄN ĐĂNG QÚY

Pháp danh MINH TÂM

đã từ trần vào lúc 3 giờ sáng ngày 10 tháng Giêng năm 1998
Nhằm ngày 12 tháng 12 năm Đinh Sửu
tại Orange County, California, Hoa Kỳ, hưởng thọ 71 tuổi.
Chúng tôi chân thành chia buồn với gia đình nhà văn Mai Thảo. Cầu mong linh hồn ông sớn về cõi Phật.

Kiều Chinh, Thái Thanh, Phạm Duy, Tạ Tỵ, Thái Tuấn, Doãn Quốc Sỹ, Nhật Tiến, Võ Phiến, Nguyên Sa, Nghiêm Xuân Hồng, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Mộng Giác, Châu Văn Thọ, Đỗ Qúy Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hoàng Khởi Phong, Võ Đình, Trần Thị Lai Hồng, Nguyễn Văn Sâm, Đặng Phùng Quân, Nguyễn Đồng, Nguyễn Thị Hợp, Nguyên Khai, Hồ Thành Đức, Thế Uyên, Võ Thắng Tiết, Trương Đình Nho, Trương Đình Luân, Lê Thứ, Đỗ Hữu Tài, Lê Bi, Nguyễn Hương, Kỳ Hùng, Cao Xuân Huy, Đặng Hiền, Nguyễn Nam An, Bùi Vĩnh Phúc, Trần Diệu Hằng, Đào Trung Đạo, Ann Phong, Đoàn Duy Hiệp, Du Tử Lê, Cao Bá Minh, Nguyễn Trọng Khôi, Nguyễn Tuấn Khanh (Rừng), Huy Tưởng, Nguyễn Tôn Nhan, Hoàng Ngọc Tuấn, Nguyễn Duy, Hoàng Ngọc Hiến, Trương Vũ, Trần Vũ, Lê Tất Luyện, Thụy Khuê, Trần Thanh Hiệp, Tô Thùy Yên, Thanh Tâm Tuyền, Ngọc Dũng, Duy Thanh, Cao Tiêu, Cung Tiến, Bùi Bảo Trúc, Lê Thiệp, Trần Long Hồ, Lê Thị Thấm Vân, Phạm Việt Cường, Nguyễn Hữu Liêm, Nguyễn Thành Út, Nguyễn Đức Quang, Trần Dạ Từ, Nhã Ca, Phó Ngọc Văn, Lucie, Viên Linh, Phan Tấn Hải, Nguyễn Mạnh Trinh, Lê Ngọc Ngoạn, Nguyễn Dũng Tiến, Nguyễn Thị Hoàng Bắc , Nguyễn Thị Thanh Bình, Phan Ni Tấn, Hoàng Xuân Sơn, Hồ Đình Nghiêm, Trân Sa, Quỳnh Như, Đỗ Kh., Lưu Nguyễn, Trang Châu, Phan Nhật Nam, Ngu Yên, Duy Trác, Lê Nhựt Thăng, Cao Đông Khánh, Trần Trúc Giang, Lê Giang Trần, Vô Thường, Thường Quán, Nguyễn Hưng Quốc, Nguyễn Ý Thuần, Phan Thị Trọng Tuyến, Nguyễn Thị

Ngọc Nhung, Nguyễn Thị Ngọc Lan, Vũ Huy Quang, Trần Duy Đức, Phạm Công Thiện, Thượng tọa Mãn Giác, Thượng tọa Pháp Châu, Thượng tọa Viên Lý, Nguyễn Xuân Nghĩa, Quỳnh Giao, Vũ Quang Ninh, Ngọc Hoài Phương, Trầm Phục Khắc, Nguyễn Hoàng Nam, Khế Iêm, Trần Mộng Tú, Lê Đình Điểu, Phạm Xuân Đài, Đỗ Vẫn Trọn, Nguyễn Bá Trạc, Nguyễn Thành Đông, Trần Thiện Hiệp, Ngô Thế Vinh, Nguyễn Văn Hưng, Quỳnh Hương, Hùng Vũ, Lê Thọ Giáo, Nguyễn Phúc Vĩnh Khiêm, Nguyên Vũ, Triều Hoa Đại, Hồ Minh Dũng, Luân Hoán, Thân Trọng Mẫn, Chân Phương, Kiệt Tấn, Tường Vũ Anh Thy, Hồ Trường An, Sỹ Trung, Sĩ Liêm, Vũ Quỳnh Hương, Lê Thị Huệ, Ngô Tịnh Yên, Phạm Quốc Bảo, Vũ Thùy Hạnh, Bùi Bích Hà, Bùi Hồng Sĩ, Ngô Vương Toại, Lý Kiến Trúc, Tống Hoằng, Nguyễn Thiện Cơ, Vi Khuê, Trịnh Y Thư, Huệ Thu, Bùi Ngọc Tô, Nguyễn Tiến, Trịnh Gia Mỹ, Tuấn Huy, Trầm Tử Thiêng, Khánh Ly, Nguyễn Hoàng Đoan, Carol Kim, Nhật Hạ, Kim Anh, Trần Thị Diễm Phúc, Đào Trường Phúc, Nguyễn Thị Vinh, Dương Kiền, Đinh Phụng Tiến, Thảo Trường, Nguyễn Sỹ Tế, Như Phong, Giang Hữu Tuyên, Đinh Cường, Lâm Triết, Chơn Thuần, Nguyễn Cao Kỳ, Trần Văn Ân, Ngô Bảo, Nguyễn Bảo Trị, Phan Quốc Sơn, Minh Đức Hoài Trinh, Lưu Hy Lạc, Cẩm Hằng, Lâm Tường Dũ, Nghiêu Đề, Lê Trọng Nguyễn, Thái Tú Hạp, Ái Cầm, Ngoạn Văn Đào, Lâm Quang, Nguyễn Văn Cảnh, Nguyễn Ngọc Minh, Huỳnh Hữu Cửu, Phạm Nhuận, Nguyễn Hiền, Võ Thị Vui, Phạm Gia Cổn, Đông Duy, Tuyết Sĩ, Lưu Hồng Sơn, Tuyết, Ngọc Anh, Lệ Hằng, Hoàng Văn Giàu, Nguyễn Đình Toàn, Nguyễn Thị Long An, Trương Anh Thụy, Lê Uyên Phương, Nhật Ngân, Duy Lam, Trần Quảng Nam, Phạm Long, Nguyễn Hữu Công, Hoàng Mai Đạt, Thủy, Hồ Ông, Phạm Ngũ Yên, Lê Lạc Giao, Trần Thị Diệu Tâm, Thượng Văn, Tưởng Năng Tiến, Pha n Mỹ Sương, Long Ân, Phạm Trọng Phúc, Nguyễn Đức Lập, Định Nguyên, Duy Sinh, Trần Hồng Châu, Song Thao, Hà Thượng Nhân, Diễm Châu, Nguyễn Đăng Thường, Lê Thánh Thư, Nhật Ngân, Tống Hoằng, Hà Tường Cát, Huỳnh Hữu Ủy, Quyên Di, Vi Vi Võ Hùng Kiệt, Trần Văn Nam, Ngô Vương Toại, Khánh Trường.





P.O.Box 277 - Garden Grove, CA 92842. USA
Tel: (714) 537-5229 - Email: tchl@aol.com

PHIẾU MUA DÀI HẠN HOẶC TÁI HẠN
(Subscription or Renew form)

Họ Tên / Full name xin viết chữ in (please print)

Địa chỉ / Address

Điện thoại / Phone) Điện thư / Email

Tôi đặt mua HỢP LƯU / I would like HOP LUU delivered to me:

☐ Một năm / One year. ☐ Hai năm / Two years
Bắt đầu từ số / Starting from issue #: ____________

Mỹ & Gia Nã Đại (US & Canada):
Một năm / One Year:
• Hạng tư / Four class: ☐ US$40.00. Hạng nhất / First class: ☐ US$50.00
Hai năm / Two years:
• Hạng tư / Four class: ☐ US$78.00. Hạng nhất / First class: ☐ US$96.00

Âu châu (Europe):
Một năm / One year:
• Đường thủy / Surface: ☐ US$50.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$70.00
Hai năm / Two years:
• Đường thủy / Surface: ☐ US$96.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$136.00

Úc, Á châu (Australia & Asia):
Một năm / One year:
• Đường thủy / Surface: ☐ US$50.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$80.00
Hai năm / Two years:
• Đường thủy / Surface: ☐ US$96.00. Máy bay / Airmail: ☐ US$156.00

Trả bằng ngân phiếu (*Mỹ*), money order (*Gia Nã Đại, Âu, Úc, Á châu*) để HOP LUU / Check (*US*), money order (*Canada, Europe, Asia & Australia*), in US funds, pay to HOP LUU

Thay đổi địa chỉ, xin cho biết trước và gửi kèm nhãn gửi báo cũ / Please let us know in advance when you change address & attach your old label.

Ghi chú / Note: Số báo đầu tiên và cuối cùng in trên nhãn gửi báo / The first and the last subscribed issues are printed on the label

ART EXHIBITION

Still life

Khanh Truong

 39 Giá 8MK